

Số: 489/QĐ - TCHQ

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt, ban hành Đề án Liêm chính Hải quan
giai đoạn 2019-2020**

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 65/2015/QĐ-TTg ngày 17/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 448/QĐ-TTg ngày 25/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 2020;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng và Vụ trưởng Vụ Thanh tra - Kiểm tra Tổng cục Hải quan,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt, ban hành kèm theo Quyết định này Đề án Liêm chính Hải quan giai đoạn 2019-2020.

Điều 2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Tổng cục Hải quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, lập kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện các nội dung liên quan thuộc phần “ Các giải pháp cụ thể về Liêm chính Hải quan cần thực hiện trong giai đoạn 2019- 2020” trình Lãnh đạo Tổng cục trước 30/4/2019.


Điều 3. Trường hợp có những giải pháp chưa xây dựng kế hoạch để triển khai thực hiện đúng thời hạn tại Điều 2 nêu trên thì phải báo cáo Lãnh đạo Tổng cục phụ trách và nêu rõ thời gian thực hiện.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *HUM*

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài chính (để b/c);
- Lãnh đạo Tổng cục Hải quan;
- Lưu: VT, TTr (03b).

TỔNG CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Văn Cần

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN



ĐỀ ÁN
LIÊM CHÍNH HẢI QUAN
GIAI ĐOẠN 2019- 2020

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 489/QĐ-TCHQ ngày 15/3/2019
của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan)*

Hà Nội, tháng 01 năm 2019

Phần I

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết xây dựng đề án

Liên chính là một trong những vấn đề chủ yếu luôn được các cơ quan công quyền quan tâm, chú trọng tới. Liên chính hải quan lần đầu tiên được đưa vào chương trình nghị sự của Tổ chức Hải quan thế giới (WCO) vào đầu những năm 1990 và đến năm 1993 thì WCO thông qua Tuyên bố Arusha với những nội dung trọng tâm đề cập đến những nỗ lực của WCO trong việc tăng cường liên chính và chống tham nhũng. Từ đó đến nay, WCO cũng như các cơ quan Hải quan trên thế giới, dù ở các trình độ phát triển khác nhau đều hết sức coi trọng việc xây dựng và duy trì mức liên chính cao trong các hoạt động hải quan. Điều này đóng vai trò hết sức quan trọng nhằm tăng tính cạnh tranh trong thu hút thương mại và đầu tư quốc tế, tạo hình ảnh tốt đẹp về cơ quan hải quan, về đất nước nơi mà giới doanh nghiệp, đầu tư, khách du lịch hướng tới. Trong điều kiện hội nhập và toàn cầu hóa ngày càng mạnh mẽ, cơ hội sẽ chỉ đến với những nước có chính sách cởi mở, thuận lợi, điều kiện kinh doanh minh bạch, có thể dự đoán được và quan trọng nhất là có môi trường lành mạnh, tính minh bạch và liên chính cao, do vậy sẽ giảm được các chi phí hậu cần, hành chính cho doanh nghiệp, giúp tăng hiệu quả kinh doanh.

Đối với Việt Nam nói chung, Ngành Hải quan nói riêng, vấn đề nâng cao tính liên chính và chống tham nhũng luôn được các vị lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Lãnh đạo Bộ Tài chính và Ngành Hải quan quan tâm và triển khai áp dụng nhiều biện pháp khác nhau. Tuy nhiên, từ thực tiễn cuộc sống có thể thấy rằng, mặc dù đã có nhiều cố gắng, nỗ lực, đạt nhiều kết quả tích cực, song về tổng thể có thể thấy rằng, cuộc chiến chống tham nhũng tiếp tục xây dựng và duy trì mức độ liên chính cao trong các cơ quan công quyền, trong đó có Ngành Hải quan vẫn còn có nhiều bất cập, hạn chế, hiệu quả đạt được chưa như mong muốn. Vì vậy, việc nghiên cứu tìm ra các giải pháp hiệu quả để đấu tranh chống tham nhũng, nâng cao liên chính hải quan vẫn luôn là một đề án nóng, cấp thiết, là một nhiệm vụ dài lâu. Việc nghiên cứu đòi hỏi có sự tập trung đầu tư nguồn lực, triển khai thực hiện có hiệu quả các biện pháp chống tham nhũng, xác định rõ những việc liên quan đến chống tham nhũng và nâng cao đạo đức hải quan, trao đổi và chia sẻ thông tin về kinh nghiệm thực tiễn trong phòng chống tham nhũng, các giải pháp để nâng cao liên chính hải quan đề ra vừa phải mang tính thực tiễn cao phù hợp với điều kiện phát triển của đất nước, đồng thời phải tiếp cận được với những thông lệ và cam kết quốc tế về hải quan, đặc biệt khi Việt Nam đã là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và quan trọng nhất là hoạch định được các kế hoạch chiến lược và đề ra quyết sách đúng đắn trong phòng chống tham nhũng, nâng cao đạo đức và liên chính hải quan. Phòng chống tham nhũng, xây dựng một đội ngũ cán bộ công chức chuyên nghiệp, hoạt động minh bạch với tính liên chính cao không còn là một sự lựa chọn nữa mà đã trở thành yêu cầu bắt buộc để Ngành Hải quan trở thành một



ngành trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu quả, triển khai thành công chương trình hiện đại hóa hải quan. Ý thức được tầm quan trọng của việc phòng chống tham nhũng, tăng cường liêm chính, Lãnh đạo Tổng cục Hải quan đã giao nhiệm vụ "*Nghiên cứu xây dựng đề án nhằm nâng cao hiệu quả liêm chính hải quan ở Việt Nam*" nhằm đề ra và áp dụng thành công các giải pháp đảm bảo tính hiệu lực, tính minh bạch trong thủ tục hành chính, nâng cao tính trong sạch và hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ, công chức hải quan cũng như toàn hệ thống hải quan.

2. Tình hình nghiên cứu

Trong công tác quản lý Nhà nước về hải quan, Ngành Hải quan có trách nhiệm kiểm tra, giám sát hàng hóa, phương tiện vận tải, phòng và chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, tổ chức thực hiện pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Do yêu cầu nhiệm vụ và đặc thù công việc, cán bộ công chức hải quan luôn tiếp xúc với tiền hàng, với các doanh nghiệp, phải xử lý các vụ buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển hàng cấm,... Vì vậy, vấn đề liêm chính hải quan luôn được Hải quan các nước nói chung, Hải quan Việt Nam nói riêng rất quan tâm và chú trọng thực hiện.

Hải quan Việt Nam thời gian trước cũng đã có một số đề án khoa học nghiên cứu về các lĩnh vực hoạt động nghiệp vụ hải quan, về tổ chức bộ máy, về đào tạo cán bộ, về liêm chính hải quan. Tuy nhiên, qua hơn 10 năm với nhiều sự biến động của đất nước và của ngành cần phải có một đề án nghiên cứu khoa học tiến hành hệ thống hóa, phân tích sâu các nội dung của liêm chính hải quan, nghiên cứu một cách tổng thể về tình hình thực hiện liêm chính trong Ngành Hải quan, các yếu tố tác động và chi phối đến liêm chính hải quan, để từ đó kiến nghị các giải pháp mang tính thiết thực, hữu hiệu nhằm nâng cao đạo đức liêm chính Hải quan ở Việt Nam, nhất là trong bối cảnh hội nhập quốc tế diễn ra mạnh mẽ và Hải quan Việt Nam đang thực hiện cải cách và hiện đại hóa.

Tổ chức Hải quan thế giới cũng như Hải quan các nước cả phát triển và đang phát triển đều rất quan tâm đến việc xây dựng liêm chính hải quan, thể hiện từ việc xây dựng chiến lược liêm chính hải quan, triển khai nhiều hoạt động, sáng kiến nhằm nâng cao tính liêm chính trong việc thực thi các hoạt động hải quan, góp phần nâng cao tính minh bạch, tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu, nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động hải quan, thúc đẩy nền kinh tế quốc gia phát triển, đồng thời góp phần tăng trưởng thương mại thế giới nói chung và đã thực hiện đạt được nhiều kết quả. Vì vậy, Hải quan Việt Nam cần nghiên cứu kinh nghiệm của các nước để vận dụng vào điều kiện hoạt động thực tế của ngành.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về liêm chính hải quan thông qua các nội dung và yếu tố hình thành và tác động đến tính liêm chính của mỗi cán bộ công chức Hải quan, cũng như mỗi bộ phận, đơn vị, tổ chức Ngành Hải quan.

Phạm vi nghiên cứu chủ yếu đề cập, phân tích các hoạt động diễn ra trong Ngành Hải quan Việt Nam, tuy nhiên có sự gắn kết nhất định tới hoạt động của các bộ, ngành liên quan, của các đối tác có quan hệ với hải quan như doanh nghiệp, khách du lịch.....

4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu:

4.1. Hệ thống hóa và phân tích các nội dung cơ bản của Tuyên bố Arusha và Tuyên bố Arusha sửa đổi về liên chính hải quan của Tổ chức hải quan thế giới. Các biện pháp, giải pháp mới được đưa ra về liên chính hải quan.

4.2. Phân tích và đánh giá thực trạng thực hiện liên chính trong từng lĩnh vực công tác cụ thể của hải quan thế giới.

4.3. Tìm hiểu kinh nghiệm xây dựng liên chính hải quan của WCO và Hải quan một số nước trên thế giới, phân tích và đề xuất các nội dung có thể học hỏi và áp dụng cho Hải quan Việt Nam.

4.4. Đề xuất một số giải pháp nâng cao liên chính hải quan ở Việt Nam và kiến nghị một số vấn đề xây dựng và triển khai áp dụng thực hiện kế hoạch liên chính hải quan.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu:

Cơ sở lý luận của đề án: chủ trương của Đảng và Nhà nước, của Bộ Tài chính về chống tham nhũng, thực hiện cải cách hành chính; Chỉ đạo của lãnh đạo Ngành Hải quan về đẩy mạnh liên chính hải quan; nhu cầu chính đáng, khách quan và thực tế của các đối tượng khách hàng có quan hệ với cơ quan hải quan, yêu cầu, đòi hỏi của xã hội đối với lực lượng hải quan trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

Đề án sử dụng phương pháp nghiên cứu duy vật biện chứng và duy vật lịch sử; tổng hợp, phân tích, đối chiếu các vấn đề hiện tại với nội dung nghiên cứu, có kết hợp với phương pháp khảo sát, thống kê, phân tích số liệu minh chứng. Việc kết hợp các phương pháp cho phép nhìn nhận vấn đề một cách toàn diện khách quan, biện chứng các mối quan hệ qua lại, gắn bó, tác động với nhau trong những hoàn cảnh, điều kiện cụ thể nhất định.

6. Những điểm mới của đề án:

Trong bất kỳ thời gian nào, đối với bất kỳ cơ quan quản lý nhà nước nào thì yêu cầu đặt ra cũng là hoạt động minh bạch, có hiệu quả, mang lại lợi ích, kinh tế, xã hội cho đất nước, đề án nghiên cứu các giải pháp nâng cao liên chính hải quan sẽ đáp ứng được nhu cầu đó, vừa tạo môi trường làm việc lành mạnh, nâng cao đạo đức nghề nghiệp hải quan, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về Hải quan, vừa góp phần giảm chi phí cho doanh nghiệp, ngăn chặn tiêu cực, tham nhũng, buôn lậu và gian lận thương mại, tạo môi trường kinh doanh bình đẳng cho các doanh nghiệp.

Là đề án tổng hợp có sự kế tiếp đề cập toàn diện về vấn đề chống tham nhũng nâng cao liên chính hải quan, trong đó chú trọng đến yếu tố nguồn nhân

lực và sự chuyển biến từ nhận thức, tư duy đến hành động của cán bộ, công chức hải quan. Đề án không chỉ đề cập đến tính liêm chính của mỗi cá nhân, mà còn đề cập và phân tích tính liêm chính và những yếu tố để đảm bảo tính liêm chính trong mỗi tổ chức, đơn vị hải quan.

Đề án phân tích những yêu cầu cần có của các vấn đề liêm chính cơ bản từ đó đề xuất những nội dung kế hoạch thực hiện cụ thể để triển khai các giải pháp thực hiện trong Ngành Hải quan cho hiện tại và thời gian sau này.

7. Ý nghĩa của đề án:

7.1. Ý nghĩa khoa học: Đề án có ý nghĩa khoa học là đề ra được những giải pháp mang tính khả thi trên cơ sở phân tích thực trạng việc thực hiện liêm chính hải quan, các giải pháp đề ra xuất phát từ nhu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ hải quan, đổi mới phương thức làm việc, gắn việc thực thi nhiệm vụ của ngành với việc quan tâm đến nhu cầu chính đáng của các đối tượng có liên quan, nâng cao chất lượng phục vụ của hải quan trước yêu cầu tình hình mới, các giải pháp đề ra vừa bám sát vào thực tiễn, vừa tính đến xu hướng phát triển của Ngành Hải quan.

7.2. Ý nghĩa kinh tế: Đề án được nghiên cứu đạt kết quả sẽ mang lại hiệu quả kinh tế là hoạt động của Ngành Hải quan sẽ có hiệu quả hơn, đội ngũ cán bộ công chức hải quan làm việc sẽ văn minh và chuyên nghiệp hơn, hoạt động hải quan sẽ được minh bạch, công khai, rõ ràng, đi vào thực tiễn cuộc sống, đáp ứng được sự mong đợi của Chính phủ, doanh nghiệp và của toàn xã hội. Trên cơ sở đó sẽ đẩy mạnh được hoạt động XNK, thu hút đầu tư nước ngoài và du khách quốc tế đến Việt Nam, nâng cao tính cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam trên toàn thế giới.

7.3. Ý nghĩa xã hội: Đề án có hiệu quả xã hội là các giải pháp của đề án sẽ được áp dụng vào thực tiễn, tạo ra nhiều chuyển biến không chỉ đối với hoạt động của Ngành Hải quan, mà sẽ có ảnh hưởng tích cực đến một số ngành khác có liên quan.

Sau khi đề án nghiên cứu được Lãnh đạo Tổng cục Hải quan phê duyệt, các kết quả nghiên cứu sẽ được triển khai ứng dụng ngay vào hoạt động thực tiễn của Ngành Hải quan, đặc biệt trong Ngành Hải quan về công tác quản lý, chỉ đạo điều hành công việc có hiệu quả, nâng cao vị thế và uy tín của ngành, đáp ứng kỳ vọng của Chính phủ và Xã hội.

8. Bố cục của đề án:

Phần I: mở đầu

Phần II: Nội dung cụ thể:

Chương I- Tổng quan liêm chính hải quan.

Chương II- Tình hình thực hiện liêm chính hải quan ở Việt Nam.

Phần III: Mục tiêu, định hướng và giải pháp thúc đẩy nâng cao liêm chính Hải quan ở Việt Nam, cụ thể:

Chương I- Mục tiêu, định hướng

Chương II- Giải pháp toàn diện để thực hiện liên chính hải quan đến năm 2020 và những năm tiếp theo.

Chương III: Các giải pháp cụ thể về liên chính hải quan cần thực hiện trong giai đoạn 2019- 2020.

Phần II NỘI DUNG CỤ THỂ

Chương I.

TỔNG QUAN LIÊN CHÍNH HẢI QUAN; KINH NGHIỆM QUỐC TẾ TRONG THỰC THI LIÊN CHÍNH HẢI QUAN

I. QUAN ĐIỂM CỦA WCO VỀ LIÊN CHÍNH HẢI QUAN

Liên chính là điều kiện tiên quyết, là tiền đề để cơ quan hải quan thực thi chức năng, nhiệm vụ của mình. Liên chính là cơ sở để xây dựng lòng tin cho doanh nghiệp, người dân, công chúng đối với cơ quan hải quan và các cơ quan khác của Chính phủ.

Theo WCO, liên chính là “một tập hợp các quan điểm, thái độ tích cực nhằm thúc đẩy các hoạt động nghề nghiệp và các hành vi ứng xử phù hợp với luân thường đạo lý và mang tính trung thực”. Do vậy, liên chính hải quan là một nhiệm vụ bao trùm được duy trì và đảm bảo thực thi trong các lĩnh vực công tác, hoạt động của Hải quan.

II. TUYÊN BỐ VỀ LIÊN CHÍNH HẢI QUAN

1. Tuyên bố Arusha của Tổ chức Hải quan thế giới năm 1993 về tính liên chính hải quan thế giới

Liên chính hải quan là một trong những chủ đề quan trọng, được WCO đề cập và nhấn mạnh tại các diễn đàn của Tổ chức từ cuối những năm 1980 của thế kỷ trước. Năm 1993, WCO đưa ra tuyên bố Arusha về liên chính hải quan, trong đó nhấn mạnh việc WCO khuyến khích Hải quan các nước thành viên tuân thủ các quy tắc ảnh hưởng tới liên chính để làm căn cứ thực thi các hoạt động hải quan một cách hiệu quả. Nội dung cụ thể của Tuyên bố gồm:

(1) Giảm thiểu các quy định hành chính:

Các luật, quy định về hải quan, các hướng dẫn hành chính và các thủ tục hải quan cần rõ ràng, hài hòa, đơn giản hóa và chính xác. Hải quan các nước thành viên cần thực hiện các chuẩn mực quốc tế được công nhận như Hiệp định về mô tả và mã hàng hóa, Hiệp định trị giá GATT, Hiệp định về sở hữu trí tuệ, Công ước Kyoto, Công ước Istanbul/Công ước về số ATA. Các chế độ thuế nhập khẩu, thuế VAT và thuế suất cần được hài hòa, số lượng các mức thuế cần được hạn chế. Cần phải có một số trường hợp miễn thuế theo các chuẩn mực nếu có thể, bãi bỏ những hàng rào thuế quan không cần thiết.



Các quy định hành chính về thương mại cần được giảm xuống mức tối thiểu như sửa đổi hay điều chỉnh hệ thống và quy trình thủ tục hiện hành cho phù hợp hơn với thực tiễn, bãi bỏ các bước không cần thiết hay trùng lặp trong quy trình thủ tục, giảm thiểu các ngoại lệ theo các quy tắc chuẩn mực. Bãi bỏ các quy định, hệ thống hoặc quy trình dễ dẫn đến tham nhũng, lạm quyền, tự quyền hoặc không có tinh thần trách nhiệm của nhân viên.

(2) Tính minh bạch:

Các doanh nghiệp, đối tác có quan hệ với hải quan và công chúng nói chung mong muốn có một mức độ chắc chắn cao khi làm việc với cơ quan Hải quan. Cơ sở hoặc các tiêu chí mà theo đó nhân viên hải quan đưa ra quyết định cần được xác định rõ ràng và công khai, quyết định đưa ra phải phù hợp với quy định của pháp luật và đúng lúc.

Thủ tục hải quan cần đơn giản, phù hợp và dễ thực hiện. Các luật, quy định, thủ tục và hướng dẫn cần được công khai, có thể truy cập dễ dàng và được áp dụng một cách ổn định. Khi quyền tự quyết định của một nhân viên Hải quan được áp dụng, các lý do, cơ sở để thực hiện quyền đó cần được ghi chép và lưu lại để có thể xem xét về sau này khi cần thiết. Các chuẩn mực dịch vụ do cơ quan Hải quan cung cấp cần được xây dựng, triển khai và công bố công khai để các khách hàng được biết.

Cần có một quy trình khiếu nại đối với các quyết định của Hải quan, với khả năng có thể yêu cầu sự phân xử độc lập tại cấp cuối cùng. Quy trình này có thể dựa trên Công ước Kyoto và có thể được điều chỉnh để giảm thiểu việc đưa ra quyết định một cách tùy tiện. Cơ chế khiếu nại cần đơn giản và dễ thực hiện, nhưng không quá dễ dàng để giải quyết những khiếu nại nhỏ nhất, đồng thời cần có cơ chế kiểm tra và xem xét khiếu nại cả trong nội bộ cơ quan Hải quan.

(3) Tự động hóa:

Tự động hóa là một công cụ hữu ích và quan trọng trong phòng, chống tham nhũng. Tự động hóa cần được lãnh đạo các cơ quan Hải quan quan tâm và ưu tiên nguồn lực để phát triển công khai. Hệ thống tự động hóa có thể cải thiện tính hiệu lực và hiệu quả cho hoạt động hải quan, giúp cho việc đưa ra kết quả giải quyết với một mức độ chính xác và thống nhất mà hệ thống thủ công không bao giờ có được.

Tự động hóa sẽ góp phần giảm, tiến tới hủy bỏ những cơ hội cho tham nhũng bằng cách loại bỏ dần những cơ hội tạo ra sự tiếp xúc trực tiếp giữa nhân viên hải quan và khách hàng và giảm bớt quyền tự quyết định của nhân viên hải quan. Một môi trường làm việc mà ở đó tin học hóa không cao, không hiệu quả sẽ dễ dàng nảy sinh tiêu cực, tham nhũng. Vì vậy, các cơ quan Hải quan cần sử dụng tối đa công nghệ thông tin để hỗ trợ phân tích rủi ro, lập hồ sơ và lựa chọn hàng hóa nhập khẩu để kiểm tra: giảm mức độ kiểm tra thực tế hàng hóa, cải thiện việc thu thập dữ liệu phục vụ cho các yêu cầu về quản lý hải quan.

Các cơ quan Hải quan cần lưu ý đặc biệt khi thiết kế các hệ thống tin học phục vụ quy trình thủ tục hải quan nhằm đảm bảo rằng những phần, khâu công việc dễ bị sơ hở, lợi dụng trong hệ thống thủ công không được tái tạo trong hệ thống tự động, nhấn mạnh sự cần thiết duy trì hệ thống tự động dựa trên chứng từ giấy cùng với các bản sao, yêu cầu hệ thống in ra các mẫu chứng từ cần có chữ ký.

(4) Luân chuyển, sắp xếp và kiểm tra nhân viên:

Nhằm giảm thiểu các cơ hội dẫn đến hành vi phạm pháp, các nhà lãnh đạo, quản lý Hải quan cần sử dụng các biện pháp như phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận, thực hiện luân chuyển nhân viên và kiểm tra ngẫu nhiên các nhân viên hải quan và trong một số trường hợp cụ thể cần thường xuyên sắp xếp lại vị trí của các nhân viên. Điều quan trọng là phải tạo ra sự cân bằng hợp lý để nhân viên có đủ thời gian phát triển kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, các kỹ năng và hiểu biết đáp ứng yêu cầu của khách hàng, cũng như đảm bảo rằng họ không phát triển những mối quan hệ không phù hợp với quy định của pháp luật, của Ngành Hải quan.

Cần theo dõi, xem xét để giảm bớt những cơ hội mà một nhân viên có thể nắm giữ trong thời gian dài đối với những vị trí dễ có vấn đề, dễ có rủi ro. Do vậy, cần xác định những vị trí nhạy cảm cao và cần hạn chế mức thời gian đảm nhận. Ngoài ra, cũng cần hạn chế các trường hợp ngoại lệ nhằm đảm bảo kế hoạch luân chuyển, điều động, bàn giao công việc và chuyển giao các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Cần xây dựng được cơ chế xác định và luân chuyển nhân viên đang nắm giữ những vị trí dễ có vấn đề trong thời gian dài. Việc ra các quyết định điều chuyển nhân viên hải quan ở vị trí dễ có vấn đề cần dựa trên những tiêu chí khách quan và cơ sở đưa ra quyết định cần được ghi chép lại để xem xét và tham khảo về sau. Việc sắp xếp lại cần được hạn chế để đảm bảo rằng nhiều nhân viên có thể hoàn thành được một số nhiệm vụ được giao.

Khi luân chuyển hoặc điều chuyển nhân viên, cần chú ý rằng họ được coi là những cá nhân chứ không phải là một nhóm, để họ không thể tạo ra những mối liên hệ và kết cấu không phù hợp. Các công việc cần được xem xét và điều chỉnh lại để đảm bảo rằng cá nhân các nhân viên không thể thực hiện được công việc mà không tham khảo đến, hoặc trao đổi với các nhân viên khác.

Các quyết định hành chính, quyết định kiểm tra, thanh tra, kiểm toán và các quyết định tương tự cần được rà soát thường xuyên và thực hiện độc lập, khách quan.

(5) Trách nhiệm quản lý/giải trình:

Các nhà lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở có trách nhiệm phát hiện những kẽ hở trong phương pháp làm việc và tính liêm chính của nhân viên, và thực hiện các bước khắc phục những kẽ hở này. Đồng thời, cần xác định rõ trách nhiệm quản lý và trách nhiệm giải trình về tính liêm chính và ngăn chặn tham nhũng xảy ra

trong đơn vị. Tất cả mọi người đều phải chấp nhận một mức độ trách nhiệm phù hợp với vị trí làm việc và chức trách được giao.

Các nhà lãnh đạo, quản lý cần phải làm việc với nhân viên Hải quan để rà soát lại hệ thống, quy trình thủ tục hải quan và tiến hành kiểm tra để xác định các khâu công việc, các vị trí có khả năng dễ xảy ra tham nhũng. Lãnh đạo các cấp phải luôn có cư xử đúng mực, không chỉ dừng ở mức độ không có tham nhũng, mà phải được coi là không có bất kỳ việc làm, hành vi nào trái với các chuẩn mực đã được đề ra, các cư xử của tất cả mọi người cần phải tuân theo đúng tinh thần của luật ứng xử.

(6) Kiểm toán:

Kiểm toán nội bộ và bên ngoài rất quan trọng. Kiểm toán nội bộ là một công cụ đặc biệt hiệu quả đảm bảo cho các thủ tục hải quan phù hợp và được thực hiện chính xác. Công tác kiểm toán nội bộ cần được đảm nhiệm bởi một đơn vị thanh tra trong cơ quan chịu trách nhiệm tiến hành điều tra tất cả các trường hợp nghi vấn có hành vi vi phạm. Các chương trình kiểm tra như kiểm tra nội bộ, kiểm tra ngẫu nhiên, kiểm tra tại chỗ là những biện pháp chống tham nhũng hiệu quả. Những biện pháp này cần được hỗ trợ bởi các phương pháp kiểm toán nội bộ và bên ngoài.

Các lực lượng đặc biệt cần được thành lập để tiến hành kiểm tra tại chỗ và kiểm tra bất ngờ tại những khu vực trọng điểm. Việc này cần được tiến hành thường xuyên để ngăn chặn hữu hiệu các hành vi tham nhũng xảy ra. Tất cả những lý do dẫn đến hành vi sai trái mà nhân viên hải quan phạm phải cần được điều tra. Tùy thuộc vào các lý do, mức độ vụ việc cụ thể mà có thể chuyển giao quyền điều tra cho những cơ quan điều tra độc lập khác.

Nhân viên đảm nhận công việc điều tra nội bộ cần được lựa chọn tốt và được đào tạo phù hợp. Trong một số trường hợp, khi cần thiết, những nhân viên này cần được bảo vệ tốt để tránh được các áp lực và sức ép từ các phía.

Cần khuyến khích nhân viên Hải quan, khách hàng, doanh nghiệp và các thành viên trong công chúng cung cấp thông tin về tham nhũng, về các hành vi phạm pháp và không đúng nguyên tắc quy định. Khi những thông tin có liên quan được cung cấp, cần tiến hành điều tra kỹ lưỡng và giữ bí mật tên của những người cung cấp thông tin để đảm bảo an toàn cho họ.

Nhân viên Hải quan có thể báo cáo về các dấu hiệu, hành vi tham nhũng mà không nhất thiết phải báo cáo với người quản lý, chỉ đạo trực tiếp của mình. Do vậy, cần khuyến khích các nhân viên báo cáo trực tiếp với một cấp độc lập khi thấy có vấn đề không phù hợp với quy chuẩn.

(7) Văn hóa và đạo đức tổ chức:

Công tác quản lý của người lãnh đạo cần làm cho nhân viên trong đơn vị hiểu được lòng tự trọng và sự trung thành của họ trong công việc, hiểu rõ tinh thần tập thể và mong muốn cùng hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau giữa mọi người trong đơn vị nhằm giảm bớt khả năng dẫn đến tham nhũng.



Tham nhũng thường xảy ra trong những tổ chức, đơn vị mà ở đó đạo đức hay tinh thần tập thể thấp và khi nhân viên không thật sự tự hào về cơ quan hải quan của mình. Tương tự như vậy, tham nhũng cũng thường xảy ra trong những tổ chức, đơn vị mà ở đó có sự bao che, xúi giục hay thậm chí cố vũ cho các việc làm, hành vi không phù hợp với quy định của pháp luật và các quy định về ứng xử nghề nghiệp và đạo lý. Để giải quyết vấn đề này, cần có sự tham gia của nhân viên ở tất cả các cấp trong Ngành Hải quan vào việc phân tích vấn đề, tìm ra các giải pháp và đưa các giải pháp đó vào thực hiện. Có thể thành lập các Tổ để kiểm tra những lĩnh vực có rủi ro cao trong Ngành Hải quan. Song điều quan trọng là cần có sự thay đổi trong văn hóa ứng xử của tổ chức, vì nếu không có sự thay đổi thì sẽ không thể có sự cải thiện tình hình thực sự, ngay cả khi các nhân viên tham nhũng đã bị phát hiện, xử lý kỷ luật hoặc miễn nhiệm. Các cách cư xử cũ sẽ dần xuất hiện lại với những đối tác khác nhau.

(8) Tuyển dụng và lựa chọn:

Quy trình tuyển dụng và đề bạt nhân viên Hải quan cần khách quan và tránh được những tác động can thiệp từ bên ngoài. Cần có các tiêu chí để xác định những ứng viên có, và có thể có khả năng duy trì một chuẩn mực cao về đạo đức cá nhân. Các quy trình hành chính gắn với việc tuyển chọn và bổ nhiệm cần phải công bằng, khách quan và dựa trên thành tích thực tế đạt được.

Việc lựa chọn các nhân viên cần dựa trên phẩm chất đạo đức, trình độ học vấn/và hoặc kiến thức nghề nghiệp như tính trung thực, độ tin cậy, mức độ tín nhiệm, tư cách cá nhân... Việc tuyển dụng hoặc bổ nhiệm cần có sự tham gia của một thành viên độc lập được lựa chọn từ bên ngoài bộ phận đang có cá nhân người được xem xét.

Việc tuyển chọn cho những vị trí quan trọng cần phải xem xét kỹ lưỡng thông qua kiểm tra hồ sơ làm việc, hồ sơ của cảnh sát, các thông tin tham khảo và những người sử dụng lao động trước đây của người tham gia tuyển chọn đó. Trong một số trường hợp cần khuyến khích các ứng viên đã có quá trình làm việc ở các cơ quan khác của Chính phủ, đó là những người đã được biết đến về sự trung thực, tin cậy và độ am hiểu chuyên môn nhất định.

(9) Luật ứng xử:

Nhân viên hải quan cần có một luật ứng xử, trong đó họ sẽ được giải thích đầy đủ về các tác động của nó. Cần có những biện pháp có hiệu lực về kỷ luật, trong đó có cả khả năng miễn nhiệm để nhân viên hải quan hiểu và nắm rõ trong khi thực thi nhiệm vụ.

Việc xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện luật ứng xử là một phần quan trọng của bất kỳ chương trình liêm chính nào đối với cơ quan Hải quan. Luật phải đề ra một cách rõ ràng và thực tiễn các chuẩn mực ứng xử của nhân viên Hải quan. Luật cần bao gồm những điểm sau: trách nhiệm cá nhân đối với vấn đề liêm chính và ngăn chặn tham nhũng; tuân thủ luật pháp; quan hệ với khách hàng và công chúng; nhận quà tặng; phần thưởng, sự ưu đãi và tài trợ khác; tránh những mâu thuẫn về lợi ích; ứng xử trong vấn đề tiền bạc; bảo mật

và sử dụng các thông tin chính thức; sử dụng tài sản và các dịch vụ công; việc nhân viên mua các tài sản nhà nước; môi trường làm việc.

Khi ban hành luật ứng xử cần đưa ra tính hiệu lực và các chế tài để thấy rằng bất kỳ hành vi tham nhũng nào cũng đều không thể được chấp nhận và sẽ bị xử lý theo quy định như xử phạt, hạ cấp, bãi nhiệm, sa thải, kể cả truy tố trước pháp luật. Luật ứng xử cần bao gồm một hệ thống xử lý tương ứng với mức nghiêm trọng của vi phạm và mang tính răn đe thật sự để nhân viên Hải quan không dấn dáp vào hành vi tham nhũng nữa.

(10) Phát triển nghiệp vụ:

Nhân viên Hải quan cần được đào tạo đầy đủ về chuyên môn nghề nghiệp, trong đó bao gồm cả các vấn đề đạo đức và tính liêm chính. Giáo dục và đào tạo, cả chính thức và không chính thức đều có vai trò quan trọng trong đấu tranh chống tham nhũng.

Cơ quan, tổ chức cần giúp nhân viên phát triển kiến thức nghiệp vụ thích ứng với công việc được giao, hỗ trợ tăng thêm hiểu biết về kỹ thuật nghiệp vụ và triển vọng phát triển nghề nghiệp, duy trì và tăng cường các mối quan hệ, cư xử đúng mực. Khi cơ quan Hải quan có một luật ứng xử chính thức, công tác đào tạo nên tập trung vào các chuẩn mực ứng xử cần thiết của toàn thể nhân viên và các cơ chế báo cáo kịp thời những hành vi vi phạm luật này. Đào tạo có thể hỗ trợ nâng cao ý thức chia sẻ trách nhiệm đối với vấn đề liên quan đến thực thi liêm chính. Tất cả các hoạt động đào tạo cần phản ánh những vấn đề đang diễn ra và không được để nhân viên coi là khác hoàn toàn với những gì đang xảy ra trong thực tế công việc.

(11) Trả lương hợp lý:

Mức lương của nhân viên hải quan phải đảm bảo để họ có một mức sống tương xứng, và trong một số trường hợp bao gồm cả những phúc lợi xã hội như được đảm bảo chăm sóc sức khỏe và mua sắm đồ đạc thiết yếu trong nhà, và một số khoản tiền khuyến khích khác.

Các yêu cầu về điều kiện làm việc và mức lương phù hợp, tương xứng với công việc là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với việc duy trì và phát triển một môi trường văn hóa mang tính liêm chính cao. Tuy nhiên, cũng phải thừa nhận rằng ngay cả mức lương cao cũng không hẳn loại trừ hoàn toàn hay làm nản chí các hành vi tham nhũng, mà mức độ tiền lương tương xứng sẽ đảm bảo các nhân viên không có ý định chấp nhận bù thêm các khoản hoa hồng bất hợp pháp vào thu nhập của họ, không dễ dàng từ bỏ các vị trí làm việc mà họ được cơ quan chính phủ trả lương.

Khi xây dựng các chiến lược về liêm chính, cần lưu ý rằng sẽ không thể tiêu diệt được tham nhũng nếu các mức lương không đủ để cho phép nhân viên duy trì một mức sống đầy đủ. Trong một số trường hợp, khi thật sự gặp khó khăn để tăng mức lương, thì cần chú ý xem xét các khoản phúc lợi xã hội khác như dịch vụ chăm sóc sức khỏe, dịch vụ nhà ở và các khoản tiền thưởng. Nếu

Chính phủ không tăng được lương thì cần có những điều kiện, chế độ đãi ngộ khác thu hút, hấp dẫn cán bộ nhân viên hải quan làm việc liêm chính.

Hệ thống thưởng nên được thực hiện để ghi nhận và khen thưởng các cá nhân có hành vi cư xử đúng mực, góp phần tăng tính liêm chính của tổ chức. Ví dụ, khi đánh giá, xem xét các thành tích, cơ quan, tổ chức cần nêu cao những tấm gương mẫu mực và khuyến khích việc phát hiện các vấn đề phát sinh, khó khăn vướng mắc trong quy trình và thủ tục hiện hành. Ngoài thưởng bằng vật chất, cần có các hình thức khuyến khích tinh thần như được đi du lịch, được tham dự các khóa đào tạo nâng cao, được bình chọn, tuyên dương và ca ngợi trong ngành, trong công chúng.

Các nhân viên đang có những vấn đề nghiêm trọng, khó khăn trong cuộc sống thường dễ bị ảnh hưởng bởi sự cám dỗ của tham nhũng, vì vậy, lãnh đạo đơn vị cần quan tâm chú ý đến việc phát hiện và hướng dẫn họ có những cư xử đúng mực. Các nhân viên này có thể và nên nhận được những lời khuyên bảo và giám sát chặt chẽ của mọi người. Trong một số trường hợp cần thiết, họ nên được chuyển khỏi những vị trí làm việc, những công việc có độ rủi ro cao.

(12) Quan hệ với tổ chức khai thuế và các ngành công nghiệp:

Cơ quan Hải quan cần tăng cường và tạo nên một môi quan hệ minh bạch với các tổ chức khai thuế hải quan và các thành phần kinh tế khác trong cộng đồng kinh doanh. Do đó, cần thiết có các Ủy ban liên lạc trong vấn đề này.

Tham nhũng là một vấn đề vừa có liên quan đến các yếu tố bên trong, vừa có liên quan đến các yếu tố bên ngoài. Vì vậy, làm việc với khu vực tư nhân, với các nhóm khách hàng có vai trò quan trọng trong việc phát triển và thực hiện kế hoạch hành động liêm chính hải quan. Đồng thời cần xem xét đến việc thành lập ủy ban liên lạc với các nhóm khách hàng chủ yếu khác nhau.

Việc xây dựng các chuẩn mực hoặc hiến chương về dịch vụ có thể đưa ra một bước khởi đầu có hiệu quả và có thể đưa ra những phương tiện giám sát việc tuân thủ kế hoạch hành động liêm chính. Cơ quan Hải quan cũng có thể thông qua những ủy ban như thế để thông báo rõ ràng các chuẩn mực ứng xử và các mong đợi từ phía khách hàng của mình, cũng như các hình thức xử lý nghiêm khắc sẽ được áp dụng khi phát hiện ra các mức độ hối lộ, hành vi tiêu cực cố ý.

Khách hàng, công chúng và các bên thứ ba như ngân hàng và các tổ chức thương mại cũng có thể cung cấp các thông tin có giá trị về những khâu công việc dễ bị ảnh hưởng, tác động bởi tham nhũng. Việc cung cấp những thông tin như vậy có thể được khuyến khích với việc đưa ra các đảm bảo giữ bí mật, thiết lập các đường dây nóng, khuyến khích các nhân viên và công dân báo cáo về các thủ đoạn tham nhũng. Đương nhiên, nếu có những thông tin được cung cấp thì chúng cần được kiểm tra kỹ lưỡng, và nếu được chứng minh, thì sẽ bị xử lý thích đáng theo quy định của pháp luật.



Các phân thưởng và hình phạt có liên quan đến tham nhũng, tiêu cực cần phải phù hợp để các nhóm khách hàng không tham gia vào vụ việc đó nữa. Các hình phạt cần được xác định để tương ứng với tính nghiêm trọng của vi phạm, nhưng cần phải có tính răn đe thực sự. Trong một số trường hợp, cần thu hồi giấy phép của một tổ chức khai thuê hoặc doanh nghiệp có vi phạm nghiêm trọng và thông báo rộng rãi trên phương tiện thông tin đại chúng

2. Tuyên bố Arusha 2001 sửa đổi của WCO.

Kể từ khi Tuyên bố Arusha về liêm chính hải quan của WCO được thông qua và triển khai thực hiện từ năm 1993, WCO cũng đã triển khai Chiến lược và một số chương trình liêm chính thông qua Nhóm làm việc về liêm chính, và hiện nay là Tiểu ban liêm chính. Tại kỳ họp tháng 6/2001, Hội đồng WCO đã quyết định xem xét lại nội dung của Tuyên bố Arusha để xác định xem Tuyên bố đó có còn đáp ứng nhu cầu của các nước thành viên hay không. Căn cứ vào chủ trương của Hội đồng, Ban Thư ký đã tiến hành cuộc xem xét tổng thể bản Tuyên bố và lưu ý đến những kết quả thu được trong bản khảo sát liêm chính năm 2000, xem xét tài liệu liên quan và các ý kiến bàn luận của Tiểu ban liêm chính.

Sau khi xem xét, Ban Thư ký đã đưa ra kết luận là nhìn chung nội dung của Tuyên bố Arusha phù hợp với các phương pháp tiếp cận hiện nay đối với việc chống lại tham nhũng trong các cơ quan công quyền nói chung, và trong các cơ quan hải quan nói riêng. Tuy nhiên, vẫn cần xem xét để tăng cường hơn nữa nội dung của Tuyên bố trong một số lĩnh vực. Ủy ban Chính sách của WCO đã tán thành bản Tuyên bố sửa đổi do Ban Thư ký đệ trình tại kỳ họp thứ 101/102 năm 2003 Hội đồng WCO đã thông qua Tuyên bố Arusha sửa đổi.

Vậy sự khác nhau giữa Tuyên bố Arusha sửa đổi và Tuyên bố Arusha là gì? Nội dung nói chung của Tuyên bố Arusha sửa đổi 2003 là phù hợp với Tuyên bố Arusha 1993. Tuy nhiên, Tuyên bố Arusha sửa đổi:

i) Đưa ra bản nội dung toàn diện, rõ ràng hơn bằng cách đặt tiêu đề cho mỗi một yếu tố trong bản Tuyên bố, có đoạn mô tả tóm tắt và một số điểm làm rõ hơn nội dung yếu tố đó;

ii) Cấu trúc của Tuyên bố được thay đổi để phù hợp với một số yếu tố chính, bằng cách hợp nhất nội dung của một vài yếu tố thành một số tiêu đề rộng hơn;

iii) Từ các bài học rút ra qua hơn mười năm thông qua Tuyên bố Arusha, nội dung của Tuyên bố Arusha sửa đổi được củng cố mạnh hơn ở một số lĩnh vực bằng cách nhấn mạnh sự cần thiết đối với tầm quan trọng của các cam kết chính trị lâu dài, mối quan hệ đối tác chiến lược với khu vực tư nhân, trong đó bao gồm cả cơ chế tư vấn, trách nhiệm chính trong việc ngăn chặn tham nhũng phải là của các nhà lãnh đạo quản lý hải quan và đề cao tầm quan trọng của hệ thống thủ tục hải quan để loại bỏ các cơ hội tham nhũng.

Tuyên bố Arusha sửa đổi với 10 yếu tố nội dung cung cấp thực tiễn tốt nhất để thực hiện chiến lược liêm chính trong môi trường hoạt động của hải quan.

Mười nội dung đó là: sự lãnh đạo và cam kết của lãnh đạo; khuôn khổ pháp lý; tính minh bạch; tự động hóa; cải cách và hiện đại hóa; kiểm toán và điều tra; quy tắc ứng xử; quản lý nguồn nhân lực; văn hóa tổ chức và tinh thần; và mối quan hệ với khu vực tư nhân. Cụ thể:

(1) Lãnh đạo và cam kết

Trách nhiệm hàng đầu chống tham nhũng tùy thuộc vào người đứng đầu cơ quan Hải quan và đội ngũ lãnh đạo cao cấp. Nhu cầu về mức độ liêm chính cao phải được nhấn mạnh và cam kết chống tham nhũng phải được duy trì trong một thời gian dài hạn. Các nhà quản lý và giám sát hải quan cần thực hiện vai trò lãnh đạo mạnh mẽ và chấp nhận mức độ trách nhiệm và phải giải trình một cách phù hợp nhằm duy trì mức độ liêm chính cao nhất trong tất cả các lĩnh vực hoạt động hải quan. Lãnh đạo Hải quan cần thể hiện sự tập trung cao độ và chắc chắn đối với vấn đề liêm chính và phải được xem là tấm gương theo đúng cả nội dung và tinh thần của Luật ứng xử.

(2) Khuôn khổ pháp lý

Luật Hải quan, các quy định, hướng dẫn và thủ tục hành chính cần phải hài hòa và đơn giản hóa tới mức cao nhất có thể được để các thủ tục hải quan có thể tiến hành mà không có trở ngại quá mức nào. Quá trình này bao gồm việc thông qua các Công ước, văn kiện quốc tế khác và chấp nhận các chuẩn mực. Các thực tiễn hải quan cần phải được rà soát và xây dựng lại để loại bỏ tẻ quan liêu và giảm những việc sao chụp không cần thiết. Thuế suất cần được xây dựng ở mức vừa phải có thể và việc miễn thuế theo các quy tắc chuẩn mực phải ở mức tối thiểu. Các hệ thống và thủ tục phải phù hợp với Công ước quốc tế về đơn giản hóa và hài hòa hóa thủ tục hải quan (Công ước Kyoto sửa đổi).

(3) Tính minh bạch

Các khách hàng của Hải quan hoàn toàn mong đợi vào độ chắc chắn và khả năng dự báo ở mức độ cao khi giao dịch với Hải quan. Luật Hải quan, các quy định, các thủ tục và hướng dẫn hành chính cần phải được công khai, dễ tiếp cận và áp dụng một cách thống nhất và nhất quán. Cần xác định rõ cơ sở mà dựa vào đó các quyết định được đưa ra. Thiết lập cơ chế để các khách hàng có thể khiếu nại hay đề nghị xem xét lại các quyết định hành chính của Hải quan. Cần xây dựng Hiến chương phục vụ khách hàng hoặc các chuẩn mực phục vụ trong đó chỉ rõ mức độ phục vụ mà khách hàng mong đợi từ Hải quan.

(4) Tự động hóa

Tự động hóa hay tin học hóa các chức năng của Hải quan có thể nâng cao tính hiệu lực và hiệu quả, và loại bỏ nhiều cơ hội dẫn tới tham nhũng. Tự động hóa cũng có thể tăng mức độ giải trình và cung cấp dấu hiệu bằng chứng cho việc kiểm tra và xem xét sau này các quyết định hành chính và việc làm của nhân viên. Ở những nơi có thể, hệ thống tự động hóa cần phải được xây dựng theo cách thức giảm đến mức tối thiểu cơ hội cho việc làm không phù hợp của



nhân viên, mối quan hệ trực tiếp giữa nhân viên hải quan và khách hàng, việc làm thủ tục và chuyển tiền trực tiếp.

(5) Cải cách và hiện đại hóa hoạt động hải quan

Tham nhũng điển hình xảy ra trong những bối cảnh nơi mà ở đó hoạt động lỗi thời và không hiệu quả, nơi mà các khách hàng có động cơ trốn tránh những thủ tục chậm chễ và phiền toái bằng cách đưa ra những khoản hối lộ và phí đề hưởng thuận lợi. Các cơ quan hải quan cần cải cách và hiện đại hóa các hệ thống và thủ tục của mình nhằm loại bỏ bất kỳ lợi thế nào có thể có được qua việc phá vỡ các yêu cầu chính thức. Các sáng kiến cải cách và hiện đại hóa như vậy cần mang tính toàn diện, tổng hợp và tập trung vào mọi mặt hoạt động hải quan. Công ước Kyoto sửa đổi cung cấp những điều khoản tham chiếu tốt cho những sáng kiến đó.

(6) Kiểm toán và điều tra

Ngăn chặn và kiểm soát tham nhũng trong hải quan có thể được hỗ trợ bởi việc thực hiện hàng loạt các cơ chế kiểm soát và giám sát thích hợp như các chương trình kiểm tra nội bộ, kiểm toán bên trong và bên ngoài, hệ thống điều tra và khởi tố. Các hệ thống như vậy cần duy trì mức cân bằng phù hợp giữa các chiến lược mang tính tích cực, khuyến khích mức độ liêm chính cao với các chiến lược mang tính hà khắc hơn nhằm xác định phạm vi ảnh hưởng của tham nhũng và thi hành kỷ luật hoặc truy tố những người có liên quan. Công chức Hải quan, khách hàng và công chúng nói chung cần được khuyến khích báo cáo tham nhũng, các hành động trái đạo đức và bất hợp pháp và khi thông tin như vậy được cung cấp nó cần được điều tra sớm một cách kỹ lưỡng và cần bảo vệ các nguồn tin. Ở nơi mà việc điều tra phức tạp và ở phạm vi rộng, hoặc ở cơ quan mà tham nhũng lan rộng cần có sự tham gia của các cơ quan độc lập chống tham nhũng.

(7) Quy tắc ứng xử

Một nhân tố chủ yếu của bất kỳ chương trình liêm chính có hiệu quả là việc xây dựng, ban hành và chấp nhận một Quy tắc ứng xử tổng hợp, trong đó chỉ rõ hành vi mong đợi ở tất cả nhân viên hải quan theo những thuật ngữ mang tính thực tiễn và rõ ràng. Những hình phạt đối với việc không tuân thủ cần được nêu trong quy tắc, xác định mức độ nghiêm trọng của việc vi phạm và được hỗ trợ bởi các quy định pháp lý và hành chính.

(8) Quản lý nguồn nhân lực

Việc thực hiện các chính sách và quy trình quản lý nguồn nhân lực tốt đóng vai trò chính trong cuộc chiến chống tham nhũng trong Hải quan. Các thực tiễn quản lý nguồn nhân lực được coi là hữu ích trong việc kiểm soát và loại bỏ tham nhũng trong Hải quan gồm: i) Trả lương, các khoản thù lao và điều kiện khác đủ để đảm bảo công chức có thể duy trì mức sống, ii) Tuyển dụng và giữ chân những người có và luôn duy trì được chuẩn mực cao về liêm chính; iii) Đảm bảo các thủ tục lựa chọn và phát triển cán bộ không bị tác động bởi thành kiến, thiên



vị và dựa trên nguyên tắc công trạng; iv) Đảm bảo rằng các quyết định bố trí, luân chuyển, sắp xếp lại cán bộ được đưa ra trên cơ sở nhu cầu để loại bỏ các cơ hội công chức giữ các vị trí nhạy cảm trong thời gian dài; v) Cung cấp các chương trình đào tạo và phát triển nghề nghiệp đủ cho nhân viên hải quan kể từ khi được tuyển dụng và trong quá trình nghề nghiệp để họ luôn được tăng cường và duy trì chuẩn mực cao về nghề nghiệp và đạo đức; vi) Áp dụng hệ thống quản lý và đánh giá phù hợp nhằm củng cố những thực tiễn tốt nhất và thúc đẩy mức độ liêm chính cao của các cá nhân và tổ chức.

(9) Văn hóa tổ chức và tinh thần

Tham nhũng thường hay xảy ra nhất tại tổ chức mà ở đó tinh thần hay tinh thần đồng đội thấp và nơi mà cán bộ hải quan không có niềm tự hào vào danh tiếng của cơ quan. Các nhân viên hải quan thường hay hành động với mức liêm chính khi tinh thần cao, nơi thực tiễn quản lý nguồn nhân lực thân thiện và nơi có các cơ hội phát triển nghề nghiệp và tiến bộ. Nhân viên ở tất cả các cấp cần tích cực tham gia vào chương trình chống tham nhũng và được khuyến khích chấp nhận mức độ trách nhiệm phù hợp đối với liêm chính trong cơ quan.

(10) Môi liên hệ với thành phần tư nhân

Các cơ quan Hải quan cần phải tăng cường các mối quan hệ cởi mở, minh bạch và có hiệu quả với thành phần tư nhân. Các nhóm khách hàng cần được khuyến khích chấp nhận một mức độ trách nhiệm và khả năng phù hợp đối với vấn đề, xác định và thực hiện các giải pháp mang tính thực tiễn. Việc thiết lập Biên bản ghi nhớ giữa Hải quan và các doanh nghiệp có thể hữu ích trong vấn đề này. Tương tự như vậy, việc triển khai Quy tắc ứng xử đối với thành phần tư nhân, trong đó đề rõ các chuẩn mực hành vi ứng xử nghề nghiệp là có lợi. Các hình phạt đối với việc tham gia vào hành vi tham nhũng phải đủ để ngăn chặn các nhóm khách hàng không trả tiền hối lộ hoặc phí tào thuận lợi để được hưởng các ưu đãi thiên vị hơn.

3. Kinh nghiệm thực thi liêm chính hải quan của WCO và Hải quan một số nước

a) Kinh nghiệm thực thi liêm chính hải quan của WCO

Tiểu ban Liên chính hải quan của WCO (ISC) thực thi nhiệm vụ theo định hướng chung của Hội đồng WCO và Ủy ban Chính sách, với sự hỗ trợ hành chính của Ban Thư ký WCO. ISC có nhiệm vụ hướng dẫn các hoạt động của WCO trong lĩnh vực liêm chính. Tham gia ISC có đại diện của tất cả các khu vực Hải quan của WCO, của các tổ chức hay cơ quan từ thành phần tư nhân và các tổ chức quốc tế có quan tâm đến vấn đề liêm chính. Việc cử người tham gia và các cuộc họp của ISC phải là những nhà quản lý cấp cao, chịu trách nhiệm trong việc xây dựng chính sách, phát triển chiến lược trong cơ quan, tổ chức của mình.

Mục đích của ISC là hoạt động như đầu mối chính trong việc thiết kế, triển khai, thực hiện và đánh giá Kế hoạch hành động liêm chính của WCO và các

công cụ có liên quan đến liên chính; tư vấn cho Hội đồng, thông qua Ủy ban chính sách về những sự phù hợp của các Chiến lược của WCO với sự cần thiết quan trọng của việc thúc đẩy liên chính và đảm bảo thực hiện có hiệu quả Tuyên bố Arusha sửa đổi; Tạo các diễn đàn trao đổi các ý kiến, kinh nghiệm và thực tiễn tốt nhất giữa các Hải quan thành viên; Đảm bảo sự phối hợp có hiệu quả và thúc đẩy các hoạt động thực thi liên chính với các thành phần tư nhân và tổ chức quốc tế khác; Đảm bảo gắn kết các nguyên tắc liên chính vào trong tất cả các chương trình trợ giúp kỹ thuật và đào tạo...

Do đặc thù của hoạt động hải quan nên lĩnh vực này rất dễ bị ảnh hưởng bởi các hình thức tham nhũng - từ hối lộ vặt cho đến gian lận ở quy mô lớn. Kể từ sau Tuyên bố Arusha năm 1993 (được điều chỉnh vào năm 2003), WCO đã xây dựng nhiều công cụ nhằm giúp Hải quan các nước thành viên xác định hoặc giám sát các rủi ro về tham nhũng cũng như xây dựng các chiến lược chống tham nhũng.

Ngoài ra, WCO cũng triển khai nhiều hoạt động theo yêu cầu của Hải quan các nước thành viên. Chẳng hạn như các hoạt động đánh giá mức độ liên chính, giới thiệu và hướng dẫn các hệ thống đo lường hiệu quả công việc, hỗ trợ rà soát quy tắc ứng xử, chiến lược liên chính, kế hoạch đào tạo hoặc xác định các nguy cơ rủi ro về tham nhũng. Hiện nay, để chống tham nhũng một cách hiệu quả đòi hỏi các Cơ quan Hải quan phải tập trung bằng hành động tổng thể dựa trên một cách tiếp cận vấn đề mới để xử lý các vấn đề về liên chính.

Kết quả phân tích của các chuyên gia WCO đang hỗ trợ Hải quan của 26 nước thành viên WCO trong 05 năm qua cho thấy, để nâng cao hiệu quả chống tham nhũng và nâng cao mức độ liên chính, Hải quan các nước cần tập trung vào các vấn đề sau:

(1) Tự động hóa: Mặc dù hiện Hải quan các nước thành viên WCO đều đã xây dựng các hệ thống thông quan tự động nhưng phần lớn đều chưa hoàn chỉnh. Một số công việc vẫn được thực hiện dưới dạng thủ công, văn bản giấy vẫn được lưu hành do công nghệ chưa cho phép thực hiện dưới dạng điện tử 100%. Điều này cản trở quá trình tự động hóa và làm gia tăng sự tiếp xúc trực tiếp giữa cán bộ hải quan và doanh nghiệp. Mặt khác, yếu tố tiêu cực còn thể hiện ở chỗ những khâu thông quan không được ghi lại trên hệ thống thì thường không thể xác thực hoặc đo lường trong trường hợp có các dự án đo lường hiệu quả công việc. Thậm chí tại một số cơ quan hải quan còn diễn ra tình trạng hai hệ thống thông quan tự động cùng song song tồn tại, gây khó khăn cho việc giám sát hoặc không thể phân tích được hiệu quả. Điều này dẫn đến các vấn đề an ninh cũng như liên chính trong công tác hải quan.

(2) Đo lường hiệu suất: Kết quả nghiên cứu của WCO cho thấy, sau khi tiến hành các nhiệm vụ hỗ trợ đo lường hiệu suất, hành vi của một số cán bộ thay đổi nhanh chóng, bất thường khi hệ thống phân cấp đưa ra các biện pháp để ngăn chặn một số hành vi xấu được xác định. Tuy nhiên, để thực hiện phương pháp tiếp cận này một cách thường xuyên cần phải xem xét và đánh giá tình

hình một cách liên tục để xác định các vấn đề và theo dõi các chỉ số trên thực tế, coi đây như một biện pháp kiểm soát hành vi của những cá nhân muốn lợi dụng phương pháp này để phục vụ cho các mục đích xấu (tham khảo kinh nghiệm của Hải quan Cameroon). Ngoài ra, việc phân tích dữ liệu có thể được sử dụng để kiểm tra các dịch vụ và đảm bảo kiểm toán nội bộ, cho phép phân tích các hành vi và các thủ tục.

(3) **Thủ tục:** Kết quả khảo sát của WCO tại biên giới đất liền hoặc đường biển cho thấy, vì lý do xã hội, một số nhiệm vụ lỗi thời vẫn được các cơ quan hải quan duy trì để không phải cắt giảm công việc (các quan chức thực hiện các nhiệm vụ này không phải lúc nào cũng có khả năng thực hiện được những nhiệm vụ khác). Do vậy, sự đa dạng của hoạt động kiểm soát biên giới có thể giúp tạo ra cơ hội cho tham nhũng.

(4) **Cơ chế thổi còi:** Hầu hết các cơ quan hải quan đều áp dụng cơ chế cho phép các quan chức và khách hàng báo cáo hành vi tham nhũng. Tuy nhiên, lo sợ bị trả thù và thiếu sự bảo vệ (pháp lý) đã khiến cơ chế thổi còi không được thực thi triệt để ngay cả trong trường hợp người báo cáo hành vi tham nhũng được bảo vệ dưới hình thức giấu tên.

(5) **Lương:** Tăng lương không nhất thiết là sự đảm bảo tuân thủ về liêm chính, trừ khi chúng được kèm theo các biện pháp cải cách khác. Tuy nhiên, việc cung cấp điều kiện làm việc có thể chấp nhận được thúc đẩy hành vi đạo đức và không đặt nhân viên trong tình huống cực kỳ bấp bênh là rất quan trọng.

(6) **Tuyển dụng:** Hồ sơ nghề nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, tránh bị can thiệp chính trị. Tuyển dụng phải dựa trên các bài kiểm tra về liêm chính.

b) Kinh nghiệm thực thi liêm chính hải quan của một số nước trên thế giới

b1) Kinh nghiệm của Pháp

Bộ Luật ngày 06/12/2013 của Chính phủ Pháp về chống lậu thuế và tội phạm kinh tế tài chính có tác động lớn đến việc thực thi công vụ của công chức, qua đó nâng cao tính liêm chính của công chức trong các cơ quan chính phủ, bao gồm cả Hải quan. Những nét mới của bộ luật này là: (1) tạo cơ chế cho công chúng vạch trần những vi phạm của quan chức; (2) tăng cường các biện pháp điều tra và khởi tố những vi phạm. Cụ thể:

- Công chúng, công luận được coi là một đối tượng tham gia chính giúp nâng cao chất lượng thực thi công vụ của công chức. Sự tham gia được thể hiện thông qua vai trò của các hiệp hội chống tham nhũng với tư cách là người thổi còi, phát hiện tham nhũng. Luật mới của Pháp cho phép các hiệp hội chống tham nhũng đưa ra các yêu cầu bồi thường đối với các thiệt hại gây ra bởi các hành vi vi phạm của công chức (ví dụ: hành vi nhận hối lộ, vòi vĩnh, lợi dụng chức vụ quyền hạn, ưu tiên trái quy định, tham ô, biển thủ v.v.).



- Tăng cường các biện pháp điều tra, khởi tố những hành vi vi phạm của công chức. Theo luật mới, mức phạt dành cho công chức vi phạm được tăng lên đáng kể. Chẳng hạn, đối với hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn, mức phạt tiền tăng từ 75,000 euro lên 500,000 euro và có thể tăng thêm gấp đôi tùy theo mức độ nghiêm trọng của hành vi vi phạm; mức phạt đối với hành vi nhận hối lộ, biển thủ công quỹ, tài sản công tăng từ 150,000 euro lên 1 triệu euro và có thể tăng lên gấp đôi tùy theo mức độ vi phạm; mức phạt đối với hành vi ưu tiên trái quy định cũng tăng từ 30,000 euro lên 200,000 euro và lên gấp đôi tùy theo tính chất vi phạm... Ngoài ra, mức phạt tù đối với các hành vi này vẫn được giữ nguyên, từ 1-10 năm tù tùy theo mức độ vi phạm.

b2) Kinh nghiệm của Bolivia

Để nâng cao liêm chính, Cơ quan Hải quan quốc gia Bolivia đã tăng cường hợp tác với khối tư nhân trong việc ngăn chặn tham nhũng, đặc biệt là trong lĩnh vực chuỗi cung ứng thương mại nước ngoài.

Năm 2006, Cơ quan Hải quan quốc gia Bolivia đã thành lập Đơn vị chống tham nhũng với nhiệm vụ trọng tâm là giám sát, báo cáo cho người đứng đầu Ngành Hải quan các vấn đề liên quan đến tham nhũng phát sinh trong công tác hải quan. Đến năm 2009, nội dung chống tham nhũng trong công tác hải quan đã được Hải quan Bolivia xây dựng thành chính sách mang tên “Chính sách quốc gia về minh bạch và chống tham nhũng” với mục tiêu chính là tạo các công cụ giúp ngăn chặn, điều tra và xử lý các hành vi tham nhũng trong khi vẫn đảm bảo được tính minh bạch và quyền truy cập thông tin hải quan. Chính sách này được xây dựng trên 04 trụ cột chính là: (1) Tăng cường sự tham gia của người dân; (2) Tăng cường mức độ minh bạch trong quản lý công vụ và quyền truy cập thông tin; (3) Các biện pháp loại bỏ tham nhũng; (4) Các cơ chế xây dựng thể chế và phối hợp.

b3) Kinh nghiệm của Australia

Cơ quan Hải quan và bảo vệ biên giới Australia (ACBPS) đã phối hợp với Cao ủy về thực thi luật liêm chính (ACLEI), cảnh sát liên bang Australia tiến hành nghiên cứu và xây dựng báo cáo về hành vi tham nhũng của cán bộ hải quan Australia tại sân bay Sydney giai đoạn giữa năm 2013. Trên cơ sở đó đúc kết thực tiễn, kinh nghiệm để triển khai công tác đảm bảo liêm chính, ngăn chặn tham nhũng trong công tác công vụ của lực lượng hải quan-bảo vệ biên giới nước này.

Nghiên cứu và báo cáo đã đi sâu một cách có hệ thống quá trình xảy ra vi phạm, thủ đoạn đánh lạc hướng và vô hiệu hóa các hệ thống giám sát, công nghệ thông tin v.v. tại sân bay của một số cán bộ hải quan biển chất có ý đồ tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng buôn bán và vận chuyển trái phép chất ma túy qua sân bay quốc tế Sydney. Trên cơ sở của báo cáo nghiên cứu này, năm 2013 Nghị viện Australia đã thông qua luật mới tăng cường liêm chính của lực lượng hải quan và bảo vệ biên giới nước này, trong đó bao gồm các quy định về kiểm tra, xác minh mức độ liêm chính của cán bộ hải quan bằng các biện pháp giám

sát và kỹ thuật. Để thực thi quy định mới, Hải quan Australia đã thành lập Phòng Đảm bảo an ninh và liêm chính, chịu trách nhiệm quản lý, thực thi các vấn đề về liêm chính, kỷ luật, chống tham nhũng v.v. đối với tất cả cán bộ hải quan của ACBPS.

b4) Kinh nghiệm của Anh

Về cơ bản, luật pháp của Anh quy định rất chặt chẽ, rõ ràng về vấn đề chống tham nhũng. Để triển khai các quy định đã nêu trong luật, Hải quan Anh thực hiện chiến lược 06 bước giúp chống tham nhũng gồm: (1) Phòng ngừa; (2) Ngăn chặn; (3) Phát hiện; (4) Điều tra; (5) Xử lý; (6) Điều chỉnh. Tất cả các bước này có liên hệ chặt chẽ, tương hỗ lẫn nhau trong suốt quá trình thực hiện. Chiến lược được thực hiện trên cơ sở được tuyên truyền sâu rộng tới từng bộ phận, công chức trong ngành cũng như trên truyền thông nhằm đảm bảo được tiếp thu ngay từ trong nhận thức của công chức. Ngoài ra, việc sử dụng và kiểm tra thông tin, dữ liệu nhằm phát hiện sai phạm trong quá trình thực thi công vụ cũng là một trong những nền tảng chính của chiến lược, giúp xây dựng cơ chế điều chỉnh, bổ sung các quy định kém hiệu quả hoặc lỗi thời, liệt kê danh sách những hành vi, cá nhân đáng ngờ để chuyển tiếp sang giai đoạn điều tra.

b5) Kinh nghiệm của Mỹ

Áp dụng chiến lược tổng thể về ngăn chặn, phát hiện, điều chỉnh đối với hành vi tham nhũng, đồng thời nâng cao mức độ liêm chính của cán bộ hải quan. Chiến lược này gồm 4 nội dung:

- Ngăn chặn: Hải quan Mỹ sử dụng nhiều công cụ để ngăn chặn hành vi tham nhũng và đảm bảo liêm chính đối với công chức, bao gồm kiểm tra, kiểm soát mức độ tuân thủ và thực thi luật pháp; mức độ am hiểu luật, lý lịch tư pháp, điều tra tổng thể về lý lịch cá nhân v.v. từ trước khi công chức được tuyển dụng. Thời hạn điều tra thường trong vòng 10 năm trước khi ứng viên nộp hồ sơ ứng tuyển.

- Đào tạo: Cán bộ Hải quan Mỹ phải trải qua các khóa đào tạo về liêm chính. Nội dung tập trung vào vấn đề tuân thủ các quy định, luật pháp cũng như nâng cao ý thức thường xuyên tuân thủ. Các khóa đào tạo này được tiến hành theo định kỳ, sau 1, 2, 3 hoặc 10 năm làm việc của công chức.

- Phát hiện: Hải quan Mỹ căn cứ vào các biện pháp nghiên cứu phân tích để phát hiện các dấu hiệu vi phạm và tham nhũng của công chức và dấu hiệu. Quá trình này được thực hiện nhờ vào quá trình phân tích dữ liệu thông tin, các kỹ thuật phân tích hành vi cá nhân và dữ liệu có được từ quá trình điều tra tổng thể.

- Tóm lại, dựa vào nền tảng công nghệ, cơ sở hạ tầng hiện đại, việc quản lý thông tin cá nhân một cách đồng bộ trên cơ sở hệ thống thông tin công nghệ hiện đại và quá trình cập nhật thông tin liên tục là tiền đề, cơ sở vững chắc để hải quan Mỹ quản lý, giám sát công chức, qua đó nâng cao mức độ tuân thủ luật pháp và đảm bảo tính minh bạch trong hoạt động công vụ của công chức.

b6) Kinh nghiệm của Brunei

Hải quan Brunei nhận thức rất rõ tầm quan trọng của liêm chính trong công tác hải quan. Qua đó, Hải quan Brunei xây dựng một tầm nhìn và chương trình hành động cụ thể để đảm bảo liêm chính trong ngành. Cụ thể:

- Xây dựng văn hóa đạo đức ngành trên cơ sở áp dụng các nguyên tắc đạo đức cơ bản như đề cao sự minh bạch, tính trung thực, sự miễn cưỡng. Thường xuyên phổ biến, mở các khóa đào tạo cho cán bộ công chức về tính liêm chính, kêu gọi sự tham gia của các khu vực tư nhân, doanh nghiệp trong việc phát hiện, tố cáo hành vi tham nhũng.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan khác của chính phủ, đặc biệt là Cơ quan chống tham nhũng để tuân thủ liêm chính. Trên cơ sở đó, Hải quan Hoàng gia Brunei đã ký Biên bản ghi nhớ về hợp tác với Cục chống tham nhũng nhằm xây dựng chương trình phối hợp chống tham nhũng và thúc đẩy văn hóa chống tham nhũng qua các kênh tuyên truyền, phổ biến, khóa đào tạo, chia sẻ, trao đổi thông tin, nghiên cứu và các hoạt động thúc đẩy về nhận thức.

b7) Kinh nghiệm của Canada

Trong số các thành viên của WCO, Canada được biết đến là một trong những thành viên có mức độ tuân thủ liêm chính cao nhất. Kết quả này có được nhờ vào việc Hải quan Canada luôn tuân thủ ở mức độ chuẩn mực cao về liêm chính thông qua một chiến lược tổng thể với các tiêu chuẩn khắt khe. Cụ thể, tuân thủ liêm chính được coi là một tầm nhìn và một tiến trình áp dụng chặt chẽ từ thời điểm tuyển dụng cho tới các quá trình thực thi công vụ của công chức. Để giám sát quá trình, Hải quan Canada thực hiện các biện pháp mang tính cập nhật, liên tục như kiểm tra, rà soát nhân thân, lý lịch, hồ sơ vi phạm, cập nhật dữ liệu thông tin cá nhân, chứng nhận tư pháp, giám sát vân tay, đối chiếu, thực hiện bảng câu hỏi về liêm chính, kiểm tra đạo đức, đối chiếu với hồ sơ của cảnh sát, kiểm tra bằng lái xe, đối chiếu các cáo buộc phạm pháp, điều tra hiện trường vụ án...

- Hải quan Canada cũng áp dụng thường xuyên, liên tục các sáng kiến nâng cao liêm chính, chống tham nhũng như tiêu chuẩn hóa đối với tất cả các khâu công tác nhạy cảm, chuẩn hóa kiểm tra an ninh cá nhân, phổ biến để nâng cao nhận thức về liêm chính, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu về công tác rà soát, giám sát đối với cấp dưới, giám sát việc liên lạc của công chức, luân phiên giám sát viên, đột suất thay đổi vị trí công tác và phân công nhiệm vụ, tăng số lượng điều tra viên, quản lý tự động về hồ sơ dữ liệu thông tin cá nhân, sửa đổi điều chỉnh luật kịp thời theo hướng tăng thẩm quyền cho cơ quan điều tra, tố tụng hình sự.

Bảng so sánh những điểm chính của Luật phòng chống tham nhũng của Việt Nam và tuyên bố Arusha

Luật PCTN – Phòng ngừa TN	Tuyên bố ARUSHA	Ghi chú
1/ Công khai, minh bạch trong hoạt	1/ Thái độ và cam kết của nhà	

<p>động ủa cơ quan, đơn vị;</p> <p>2/ XD và thực hiện chế độ, định mức, tiêu chuẩn;</p> <p>3/ Qui tắc ứng xử, qui tắc đạo đức nghề nghiệp, việc chuyển đổi vị trí công tác của CBCC,VC;</p> <p>4/ Minh bạch tài sản, thu nhập;</p> <p>5/ Chế độ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng;</p> <p>6/ Cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán./.</p> <p><i>* Khoản 2, Điều 1 “Tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi”;</i></p> <p><i>* Khoản 5, Điều 2: “vụ lợi là lợi ích vật chất, tinh thần mà người có chức vụ, quyền hạn đạt được hoặc có thể đạt được thông qua hành vi tham nhũng”</i></p>	<p>lãnh đạo;</p> <p>2/ Khuân khổ qui chế;</p> <p>3/ Tính minh bạch;</p> <p>4/ Tự động hóa;</p> <p>5/ Cải cách và hiện đại hóa;</p> <p>6/ Kiểm tra và điều tra;</p> <p>7/ Luật ứng xử;</p> <p>8/ Quản lý nguồn nhân lực;</p> <p>9/ Ý thức: đạo đức, tự hào về uy tín nghề nghiệp,..;</p> <p>10/ Quan hệ với khu vực tư nhân, tổ chức nghề nghiệp./.</p> <p><i>“Liêm chính là đạo đức của người có quyền lực luôn thể hiện sự minh bạch, xử lý đúng pháp luật những mối quan hệ trong xã hội” – Từ điển Tiếng Việt 2002.</i></p>	
---	--	--

Chương II

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN LIÊM CHÍNH HẢI QUAN Ở VIỆT NAM

I. LÃNH ĐẠO- CAM KẾT- CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Những kết quả hoạt động đạt được thời gian qua

a) *Quan điểm của Chính phủ, Bộ Tài chính về liêm chính hải quan:*

Quan điểm của Đảng, nhà nước về công tác PCTN; Những văn bản chỉ đạo về phòng chống tham nhũng của Đảng, Nhà nước, Chính phủ:

Đảng và Nhà nước đã tăng cường công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng và lãng phí (viết tắt là PCTN, LP) đã đạt được một số kết quả nhất định, góp phần phát triển kinh tế, xã hội, giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Nhiều cán bộ, đảng viên giữ vững phẩm chất, đạo đức cách mạng, đi đầu trong cuộc đấu tranh này. Nhiều vụ án tham nhũng, trong đó có những vụ án lớn, phức tạp, gây hậu quả nghiêm trọng đã được phát hiện xử lý.

Tuy nhiên, cuộc đấu tranh PCTN, LP còn nhiều hạn chế, khuyết điểm, hiệu quả thấp. tham nhũng, lãng phí vẫn diễn ra nghiêm trọng ở nhiều ngành, nhiều cấp, nhiều lĩnh vực với phạm vi rộng, tính chất phức tạp, gây hậu quả xấu về nhiều mặt, làm giảm sút lòng tin của nhân dân, là một trong những nguy cơ đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ ta.

Phòng chống tham nhũng, lãng phí là nhiệm vụ cực kỳ quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của Đảng, Nhà nước và nhân dân. Chính vì thế Đảng đã có nhiều văn bản, Nhà nước ban hành, sửa đổi kịp thời Luật PCTN, LP để nhằm phòng ngừa, ngăn chặn và đẩy lùi tham nhũng. Như Nghị quyết số 04-NQ/TW khóa X ngày 21/8/2006 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCTN, LP; Nghị quyết số 12 - NQ/TW khóa XI ngày 16/01/2012 về một số vấn đề cấp bách về xây dựng đảng hiện nay; Kết luận số 21- KL/TW khóa XI ngày 25/5/2012 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCTN, LP. Kết luận đã nhận thấy vai trò tầm quan trọng của ban chỉ đạo PCTN TW nên đã kết luận : *“Thành lập Ban chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng trực thuộc Bộ Chính trị, do đồng chí Tổng Bí thư làm Trưởng ban, lập lại Ban Nội chính Trung ương,...”*

Liên chính được hiểu *“là đạo đức của con người có quyền lực luôn thể hiện sự minh bạch, xử lý đúng pháp luật những mối quan hệ trong xã hội”* - Từ điển Tiếng Việt năm 2002.

Theo Tổ chức Hải quan Thế giới: Liên chính là nền tảng quan trọng của một cơ quan hải quan hiện đại, một chương trình quốc gia hiệu quả về liên chính hải quan phải tính đến những yếu tố dưới đây (10 yếu tố): Thái độ và cam kết của các nhà lãnh đạo; Khuôn khổ qui chế; tính minh bạch; tự động hóa; cải cách và hiện đại hóa; kiểm tra và điều tra; luật ứng xử; quản lý nguồn nhân lực; và quan hệ với khu vực tư nhân (Tuyên bố ARUSHA 2003).

Hiểu theo nghĩa khác, liên chính là đạo đức công vụ của cán bộ công chức nhà nước.

Quan điểm của Hồ Chủ Tịch: Liên chính đi đôi với cần kiệm. Có kiệm mới liên được, vì xa xỉ (không tiết kiệm) mà tham lam: tham tiền, tham địa vị, danh vọng, sống bất liên. Cần kiệm, liên chính đi đôi, tương hỗ nhau.

Liên là trong sạch, không tham tiền của, địa vị, danh tiếng. Nghĩa rộng ra là: Trung thành với Tổ quốc, Hiếu với nhân dân, với mọi người, với cha mẹ,...

Kiệm là tiết kiệm từ cái to đến cái nhỏ, từ công quỹ đến vật dụng hàng ngày. Không làm thất thoát tài sản nhà nước, tài sản tập thể. Tiết kiệm thời gian, tài sản, công sức, tiền của,...” Cần, kiệm, liên, chính, chí công vô tư”, phẩm chất này gắn bó chặt chẽ với phẩm chất “trung với nước, hiếu với dân”; Cần, kiệm, liên chính, chí công vô tư là những khái niệm đạo đức phương Đông, đạo đức truyền thống Việt Nam được Hồ Chí Minh tiếp thu có chọn lọc, đưa vào những yêu cầu và nội dung mới. Người khẳng định : “ Bọn phong kiến ngày xưa nêu ra cần, kiệm, liên, chính nhưng không bao giờ làm mà lại bắt nhân dân phải tuân thủ để phụng sự quyền lợi của chúng. Ngày nay ta đề ra cần, kiệm, liên, chính



cho cán bộ thực hiện làm gương cho nhân dân theo đề lợi cho nước, cho dân” - Hồ Chí Minh toàn tập, trang 220; Tháng 6 năm 1949, với bút danh Lê Quyết Thắng, Hồ Chí Minh viết tác phẩm *Cần, kiệm, liêm, chính* và sau đó, Người thường xuyên đề cập tới các phạm trù đạo đức này. Không chỉ giải thích nghĩa của khái niệm này mà Người còn nêu mối quan hệ giữa bốn phẩm chất đó “CẦN, KIỆM, LIÊM, là gốc rễ của CHÍNH. Nhưng một cây cần có gốc rễ, lại cần có ngành, lá, hoa, quả mới là hoàn toàn. Một người phải Cần, Kiệm, Liêm, nhưng cần phải CHÍNH mới là người hoàn toàn” – Hồ Chí Minh toàn tập, trang 129. So sánh với bốn mùa của trời, bốn phương của đất, Người cho rằng “thiếu một mùa, thì không thành trời. Thiếu một phương, thì không thành đất. Thiếu một đức, thì không thành người”. Người viết: “những người trong các công sở đều có nhiều hoặc ít quyền hành. Nếu không giữ đúng Cần, Kiệm, Liêm, Chính thì dễ trở nên hủ bại, biến thành sâu mọt của dân”.

Dưới góc độ của chúng ta hiện nay: liêm chính là vấn đề cốt tử của một chính thể, một chính khách. Nạn tham nhũng có thể phá hủy tính thống nhất của mọi tổ chức nhà nước, tổ chức hải quan và hạn chế đáng kể khả năng hoàn thành nhiệm vụ của các tổ chức đó. Đối với Ngành Hải quan, liêm chính là đạo đức công vụ của hải quan Việt Nam.

Cần, Kiệm, Liêm, Chính vì vậy là “nền tảng của đời sống mới, của thi đua ái quốc; là cái cần để làm việc, làm người, làm cán bộ, phụng sự đoàn thể, giai cấp và nhân dân, Tổ quốc và nhân loại”.

Đảng, Nhà nước, Chính phủ và Bộ Tài chính luôn quan tâm đến công tác hải quan nói chung, nhất là công tác xây dựng đội ngũ CBCCC hải quan ngày một trong sạch, liêm chính, minh bạch. Với sự tin tưởng, Chính phủ đã giao Hải quan là đầu mối một cửa Quốc gia, khu vực Asean về lĩnh vực hải quan; đặt Ban chỉ đạo Phòng chống buôn lậu, hàng giả và sở hữu trí tuệ tại cơ quan Tổng cục Hải quan. Vào những dịp tổng kết công tác năm, kỷ niệm lớn,... Tổng cục Hải quan đều vinh dự được đón các đồng chí lãnh đạo Đảng, Quốc hội, Chính phủ đến thăm, chỉ đạo ngành.... Thông báo 289/TB – VPCP ngày 25/7/2014 của Văn phòng Chính phủ Thông báo Kết luận của Thủ tướng Chính phủ về quản lý và cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan; Chỉ thị số 24/CT – TTg ngày 05/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý và cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuế, hải quan.

Với đặc thù của ngành, địa bàn chủ yếu là cửa khẩu quốc gia, quốc tế, các cảng biển, sân bay; Ga đường sắt liên vận Quốc tế, cán bộ hải quan luôn tiếp xúc với nhiều thành phần kinh tế, tiếp xúc trực tiếp với tiền hàng và những mặt trái của cơ chế thị trường, không ít đối tượng luôn tìm cách lợi dụng mua chuộc cán bộ, công chức hải quan để gian lận thương mại, buôn lậu, trốn thuế, ... thực tế đó đặt ra yêu cầu rất cao trong xây dựng, quản lý đội ngũ cán bộ, nhân viên trong ngành và thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng.

b). Những nội dung cam kết về chống tham nhũng trong hệ thống Hải quan

b1. Việc phổ biến, quán triệt và xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Luật PCTN, Chiến lược quốc gia PCTN đến năm 2020, chương trình hành động của Chính phủ về PCTN, Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng

Thời gian qua Tổng cục Hải quan đã xác định PCTN, tiêu cực là một nhiệm vụ chính trị quan trọng, gắn liền với công tác đảng và công tác chuyên môn, thực hiện quyết liệt giữa “xây và chống”. Chú trọng cải cách và hiện đại hóa nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động XNC, XNK hàng hóa, đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về hải quan, đồng thời là một trong các giải pháp hạn chế tiếp xúc trực tiếp giữa công chức hải quan với người dân, doanh nghiệp. Như thực hiện thông quan tự động (VNACCS/VCIS); đưa vào hoạt động phòng giám sát hải quan trực tuyến; Đưa hoạt động đường dây nóng từ 15/11/2016, số duy nhất 19009299; Từ cuối 2017, đã đẩy mạnh triển khai Hệ thống quản lý tự động tại cảng biển, cảng hàng không; Ứng dụng CNTT trong thực hiện thu thuế điện tử, đã kết nối với 37 ngân hàng thương mại thu thuế điện tử 24/7; đẩy mạnh cơ chế một cửa quốc gia, một cửa ASEAN; Ban hành Quy chế hoạt động công vụ của hải quan quan Việt Nam, số 188/QĐ-TCHQ ngày 02/02/2017; Quy chế kiểm tra công vụ và xử lý, kỷ luật đối với công chức, viên chức và người lao động trong Ngành Hải quan, số 2799/QĐ-TCHQ ngày 26/9/2018.

Công tác cán bộ cũng phải được quan tâm thường xuyên, trong đó công tác luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác thực hiện ở tất cả các cấp, nhất là cấp Chi cục Hải quan. Ngoài ra nếu phát hiện có dấu hiệu, hoặc phản ánh liên quan đến tiêu cực, những nhiễu, đều được xác minh, xử lý kịp thời, nghiêm khắc;

Công tác đấu tranh phòng chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới được thực hiện quyết liệt nhằm phòng ngừa, phát hiện sai phạm của CBCC Hải quan;

Công tác kiểm tra nội bộ, kiểm tra phòng chống tham nhũng để phòng ngừa, phát hiện, chấn chỉnh sai sót cũng được duy trì thường xuyên; chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị thực hiện nghiêm chỉnh các kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm tra và kiểm toán cấp trên nhằm khắc phục sơ hở, tồn tại, xử lý sai phạm;

Đi đôi với cải cách hiện đại hóa qui trình, thủ tục, đề ra các qui định cụ thể, Tổng cục Hải quan quan tâm đúng mức đến công tác giáo dục chính trị, tư tưởng nhằm nâng cao nhận thức, phát huy truyền thống của ngành góp phần đẩy lùi tiêu cực, phiền hà, nâng cao trình độ nghiệp vụ cho CBCC.

- Tổng cục Hải quan luôn coi trọng công tác PCTN, chống lãng phí, tiêu cực là trách nhiệm chính trị và là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, cấp bách, lâu dài, xuyên suốt quá trình phát triển và xây dựng cơ quan đơn vị, Lãnh đạo các cấp Ngành Hải quan luôn quan tâm chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt công tác PCTN.

- Tại cơ quan Tổng cục đã thành lập và kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện Luật PCTN, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Duy trì chế độ họp giao



ban thường xuyên định kỳ; tăng cường chỉ đạo công tác kiểm tra và tự kiểm tra; trong lãnh đạo quán triệt làm đúng 04 biện pháp: không chỉ đạo, định hướng sai; chủ động tiến hành kiểm tra, thanh tra; Lãnh đạo TCHQ không tiêu cực; xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm. BCĐ thực hiện Luật PCTN và Luật thực hành tiết kiệm, CLP của TCHQ được thành lập và kiện toàn cụ thể như sau:

+ Tổng cục trưởng (Bí thư Đảng ủy cơ quan TCHQ) trực tiếp làm Trưởng ban chỉ đạo PCTN Ngành Hải quan.

+ Phân công 01 đồng chí Phó Tổng cục trưởng làm Phó trưởng ban, đồng chí Vụ trưởng Vụ Thanh tra- Kiểm tra làm uỷ viên Thường trực và các đồng chí lãnh đạo Vụ, Cục liên quan trực tiếp đến công tác PCTN làm uỷ viên.

+ Hoạt động của Ban chỉ đạo theo quy chế làm việc, chương trình hành động cụ thể; định kỳ họp hàng Quý (1lần/Quý) để đánh giá tình hình, kết quả thực hiện, đề ra phương hướng, chương trình công tác Quý tới.

+ Thành lập Bộ phận thường trực giúp việc cho Ban chỉ đạo do Thanh tra Tổng cục là đơn vị phụ trách và các thành viên là các đơn vị Vụ, Cục có hoạt động nghiệp vụ liên quan.

+ Hàng năm, Ban chỉ đạo đều xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra công tác PCTN và thực hành tiết kiệm, CLP đối với Cục Hải quan tỉnh, thành phố; chỉ đạo thực hiện giám sát, kiểm tra đột xuất khi có thông tin phản ánh liên quan đến tiêu cực, vì vậy đã kịp thời ngăn chặn, phòng ngừa tiêu cực, tham nhũng.

+ Tại 34 Cục Hải quan tỉnh, thành phố đã kiện toàn lại Ban thực hiện 2 Luật, các thành viên trong Ban là Lãnh đạo Cục, Trưởng phòng, Chi cục trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Cục, do Cục trưởng làm trưởng Ban.

Từ khi được thành lập, Ban Chỉ đạo PCTN đã phát huy được một số hiệu quả, có đóng góp tích cực đối với công tác PCTN. Tuy nhiên, hoạt động của Ban Chỉ đạo thường phải lồng ghép trong các cuộc họp giao ban, ít có điều kiện được tiến hành độc lập. Công tác PCTN có nhiều trùng lặp trong hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo và vai trò của bộ phận tham mưu giúp việc Ban chỉ đạo, đơn vị đầu mối tham mưu giúp việc dẫn đến nhiều nội dung hoạt động bị triển khai thành nhiều lần ở cùng một cấp làm tăng khối lượng công việc, chương trình công tác của lãnh đạo cũng như toàn bộ hệ thống các cơ quan, đơn vị ảnh hưởng đến hiệu quả của công tác. Vì vậy, ngày 06/7/2018, Ban Cán sự đảng Bộ Tài chính đã ban hành Nghị quyết số 05/NQ-BCSD về đơn vị đầu mối tham mưu, giúp việc Ban Cán sự Đảng Bộ Tài chính về công tác phòng, chống tham nhũng và kết thúc hoạt động của Ban chỉ đạo phòng chống tham nhũng Bộ Tài chính, các Ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng tại các đơn vị trực thuộc Bộ Tài chính.

Ngày 06/7/2018, Bộ Tài chính có Quyết định số 1100/QĐ-BTC kết thúc hoạt động của Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng.

Theo đó, ngày 03/8/2018, Tổng cục trưởng TCHQ có Quyết định số 2202/QĐ-TCHQ kết thúc hoạt động của Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng.



Những năm qua, Hải quan Việt Nam đã tích cực chủ động trong công tác hợp tác quốc tế về phòng chống tham nhũng, đặc biệt là thực hiện các cam kết trong khuôn khổ các thể chế đa phương mà Việt Nam tham gia như WCO, ASEAN.

Trong khuôn khổ WCO, Hải quan Việt Nam đã cam kết tự nguyện triển khai thực hiện các nội dung tuyên bố của Hội đồng Hợp tác Hải quan về quản trị tốt và liêm chính hải quan (tuyên bố Arusa). Về cơ bản, Hải quan Việt Nam đã thực hiện tốt các nội dung của tuyên bố nhằm ngăn chặn và đẩy lùi tham nhũng và đảm bảo liêm chính, cụ thể gồm (i) hoàn thiện hệ thống khuôn khổ pháp luật hải quan đơn giản hài hòa với các chuẩn mực quốc tế, các quy trình thủ tục hải quan được chuẩn hóa và rõ ràng phù hợp với công ước Kyoto sửa đổi mà Việt Nam là thành viên; (ii) Minh bạch hóa các quy trình thủ tục theo hướng bền vững và có tính dự đoán và thống nhất gắn với việc ban hành tuyên ngôn phục vụ khách hàng; (iii) thực hiện hiện đại hóa hải quan với trọng tâm là áp dụng thông quan tự động và xử lý tập trung, giảm thiểu việc tiếp xúc trực tiếp giữa doanh nghiệp với công chức hải quan; (iv) tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ; (v) ban hành quy chế ứng xử đối với cán bộ công chức; (vi) thúc đẩy đối thoại giữa hải quan và doanh nghiệp,...

Theo đánh giá của WCO, những biện pháp mà Hải quan Việt Nam thực hiện trong việc thúc đẩy liêm chính đã và đang theo đúng các hướng dẫn và nguyên tắc của WCO và được đánh giá cao.

Trong khuôn khổ ASEAN, Hải quan Việt Nam tích cực tham gia triển khai các hoạt động phòng chống tham nhũng gắn với các kế hoạch hành động nâng cao tính chuyên nghiệp của đội ngũ cán bộ công chức và thúc đẩy liêm chính. Hải quan Việt Nam cũng đã chủ động xây dựng các kế hoạch hợp tác cho ASEAN cũng như ASEAN với các đối tác về xây dựng và phát triển nguồn nhân lực liêm chính và chuyên nghiệp đáp ứng với yêu cầu của cộng đồng kinh tế ASEAN và hướng đến xây dựng bộ quy tắc ứng xử chuẩn cho ASEAN.

Về hợp tác song phương, Hải quan Việt Nam cũng đã tham mưu cho Chính phủ và Bộ Tài chính ký kết các thỏa thuận quốc tế và điều ước quốc tế về hải quan về hợp tác và trợ giúp lẫn nhau trong lĩnh vực hải quan trong đó có nội dung về hỗ trợ về thúc đẩy liêm chính và phát triển nguồn nhân lực. Hải quan nhiều nước cũng đã tạo điều kiện cho Hải quan Việt Nam nghiên cứu, khảo sát và học tập các mô hình hải quan hiện đại, kinh nghiệm xử lý hải quan, các xử lý liên quan đến vi phạm, phòng chống tham nhũng tiêu cực và thúc đẩy liêm chính. Bên cạnh đó, việc thiết lập các kênh thông tin trao đổi giữa Hải quan Việt Nam với hải quan các nước cũng gián tiếp góp phần hạn chế những tiêu cực trong xử lý thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu.

b2. Tổng cục Hải quan đã kịp thời ban hành nhiều văn bản để chỉ đạo và tổ chức thực hiện Luật phòng, chống tham nhũng; chương trình hành động của Chính phủ về PCTN, Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Đảng ủy cơ quan Tổng cục Hải quan cũng đã ban hành nhiều Nghị quyết, Kế hoạch, chương trình hành động về tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Tổng cục Hải quan đã ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện và đôn đốc các đơn vị trong toàn ngành thực hiện kiến nghị của UBKT Trung ương; Các văn bản hướng dẫn thực hiện về minh bạch tài sản, thu nhập hàng năm theo quy định tại Nghị định số 37/2007/NĐ-CP; Thông tư số 01/2010/TT-TTCT ngày 22/01/2010; Nghị định số 78/2013/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 08/2013/TT-TTCT của Thanh tra Chính phủ; các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Bộ Tài chính và nhiều văn bản khác.

Thực hiện công văn số 275/CV-BCSĐ ngày 23/11/2018 của Ban Cán sự Đảng Bộ Tài chính về việc quán triệt và thực hiện chỉ đạo của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Trưởng Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng về đẩy mạnh tiến độ công tác giám định, định giá tài sản, cung cấp tài liệu phục vụ yêu cầu điều tra các vụ án tham nhũng, kinh tế. Tổng cục Hải quan đã ban hành văn bản số 483/TCHQ-TTr ngày 14/12/2018 về việc quán triệt, thực hiện chỉ đạo của Ban Cán sự Đảng Bộ Tài chính.

Các văn bản chỉ đạo và tổ chức thực hiện Luật phòng, chống tham nhũng; chương trình hành động của Chính phủ về PCTN, Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Tài chính theo phụ lục I đính kèm.

b3. Những nội dung triển khai của Hải quan về liêm chính:

Tổng cục Hải quan luôn chú trọng công tác cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hóa hải quan, tăng cường trang thiết bị, CNTT phục vụ nghiệp vụ và xây dựng hải quan Việt Nam chuyên nghiệp, minh bạch, liêm chính. Ban hành các văn bản cho mục đích trên.

- Triển khai VNACCS/VCISC; bên cạnh đã ban hành hàng loạt văn bản về kỷ cương, kỷ luật hành chính, về CCTHHC...:

- Hàng năm đều ban hành Kế hoạch cải cách thủ tục hành chính.

- Tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện công văn số 475-CV/BCSĐ ngày 29/7/2015 của Ban Cán sự Đảng Bộ Tài chính về tăng cường công tác phòng chống tham nhũng và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo công tác phòng chống tham nhũng theo quy định.

- Tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện Chỉ thị số 01-CT/ĐU ngày 17/9/2015 của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Tài chính về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng tại Bộ Tài chính”, trên cơ sở đó Đảng ủy đã xây dựng ban hành Kế hoạch số 1134-KH/ĐU ngày 12/11/2015 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng chống tham nhũng trong Đảng bộ cơ quan Tổng cục Hải quan, trong đó có 100% cán bộ, đảng viên cam kết nói không với các hiện tượng tiêu cực, tham nhũng, vi phạm kỷ luật.



- Tổ chức học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW và Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, hàng năm xây dựng các chuyên đề học tập theo chỉ đạo của Ban Tuyên giáo Trung ương. Đảng ủy đã tổ chức Hội thảo “Tư tưởng của Bác đến chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong Ngành Hải quan”; Tổ chức cuộc thi thuyết trình “Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức công vụ trong Ngành Hải quan”, có hơn 30 thí sinh tham gia cuộc thi đã mang lại nhiều ý nghĩa sâu sắc trong việc giáo dục cho mỗi cán bộ đảng viên.

Thực hiện quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp và việc chấp hành kỷ cương, kỷ luật trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

Trong những năm qua, Tổng cục Hải quan đã ban hành các văn bản về quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, đạo đức công vụ của công chức hải quan:

- Thực hiện Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 05/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý và cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuế, hải quan, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan đã ban hành Quyết định số 2544/QĐ-TCHQ, ngày 27/8/2014 về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về quản lý và cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan đồng thời ban hành công văn số 11433/TCHQ-TTr ngày 19/9/2014 về việc thực hiện Quyết định số 2544/QĐ-TCHQ nêu trên với nguyên tắc 3 không: ‘KHÔNG MUỐN- KHÔNG THỂ- KHÔNG DÁM’.

+ Chuẩn hóa các quy định, thông lệ quốc tế bằng việc ban hành Quyết định số 225/QĐ- TCHQ ngày 09/2/2011 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc Ban hành Tuyên ngôn phục vụ khách hàng (được sửa đổi theo Quyết định số 952/QĐ-TCHQ ngày 03/4/2015), công văn 3625/TCHQ-TCCB ngày 22/4/2015 của Tổng cục Hải quan về triển khai thực hiện tuyên ngôn phục vụ khách hàng; Chỉ thị số 815/CT-TCHQ ngày 25/2/2011 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc triển khai thực hiện Tuyên ngôn phục vụ khách hàng; Quyết định số 557/QĐ-TCHQ ngày 18/02/2013 của Tổng cục Hải quan ban hành Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động Ngành Hải quan. Qua đó nâng cao kỷ cương, kỷ luật hành chính trong Ngành Hải quan, tạo chuyển biến đáng kể, góp phần ngăn ngừa những sai phạm và nâng cao hiệu quả công việc.

Việc xác định trọng tâm, trọng điểm kiểm tra, giám sát để PCTN, uốn nắn những thiếu sót, khuyết điểm và chỉ đạo xử lý những hành vi tham nhũng:

Thực hiện Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 12/5/2009 của Chính phủ về việc ban hành Chiến lược quốc gia PCTN đến năm 2020 và thực thi công ước Liên hiệp quốc về chống tham nhũng, Quyết định số 1923/QĐ-BTC ngày 11/8/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia PCTN đến năm 2020 trong các đơn vị thuộc Bộ Tài chính. Tổng cục Hải quan đã ban hành Kế hoạch số 2872/QĐ-TCHQ ngày 31/12/2009 về thực hiện Chiến lược quốc gia PCTN đến năm 2020. Ngày 06/01/2014, Bộ



Tài chính ban hành Quyết định số 45/QĐ-BTC về Quy chế phòng, chống tham nhũng trong cơ quan, tổ chức thuộc Bộ Tài chính. Thực hiện Nghị quyết của Chính phủ và Quyết định của Bộ Tài chính nêu trên, trong những năm gần đây, Tổng cục trưởng đã ban hành các kế hoạch kiểm tra công tác PCTN, để triển khai thực hiện.

Qua việc kiểm tra công tác PCTN, thấy rằng có tác dụng tích cực, vừa tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn cho Cục Hải quan các tỉnh, thành phố thực hiện đúng các quy định của pháp luật về PCTN, như công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt; công khai minh bạch trong cơ quan, đơn vị; việc thực hiện kê khai minh bạch tài sản thu nhập; công tác điều động, chuyển đổi vị trí công tác; công tác quản lý, sử dụng tài sản, trang thiết bị gắn với quy trình nghiệp vụ hải quan... đã được Cục Hải quan tỉnh, thành phố tiếp thu, chấn chỉnh và tổ chức thực hiện tốt hơn công tác PCTN sau khi được kiểm tra.

b4. Đào tạo về liêm chính:

Nhiệm vụ đào tạo để nâng cao ý thức kỷ luật, kỷ cương, ứng xử, đạo đức công vụ, liêm chính hải quan cho công chức hải quan luôn được Tổng cục Hải quan, trường Hải quan Việt Nam quan tâm thường xuyên. Đa số các chương trình đào tạo, bồi dưỡng của trường đều giành thời lượng thích hợp, hoặc lồng ghép chuyên đề nâng cao nhận thức, quán triệt tư tưởng, rèn luyện tác phong của người công chức hải quan. Qua đó góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm của CBCC Hải quan.

Việc đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức hải quan do Trường Hải quan Việt Nam thực hiện trên cơ sở Kế hoạch do TCHQ phê duyệt hoặc Kế hoạch được Bộ Tài chính phê duyệt; Ngoài ra TCHQ mời Học viên Ngoại giao bồi dưỡng kiến thức về kỹ năng giao tiếp, văn hóa giao tiếp quốc tế cho CBCC;

Tổng cục Hải quan trình Bộ Tài chính hoặc ban hành theo thẩm quyền các chương trình đào tạo, bồi dưỡng thông qua Kế hoạch hàng năm, kế hoạch dài hạn; Việc phê duyệt chương trình đào tạo, nội dung được hội đồng thông qua thể hiện bằng quyết định phê duyệt:

Quyết định số 1058/QĐ – TCHQ ngày 29/3/2017 về phê duyệt chương trình đào tạo công chức mới tuyển dụng- trong đó có thời lượng đào tạo về kỷ cương, đạo đức công vụ.

Quyết định 1580, 1581 BTC ngày 03/7/ 2013 BTC về chương trình đào tạo Kiểm tra viên Hải quan;

Kết quả đào tạo và chương trình đào tạo về đạo đức công vụ, liêm chính hải quan tại từ 2006 đến nay là 5.303 CBCC.

Năm 2011- 2015: Trường Hải quan đào tạo, bồi dưỡng công chức viên chức Hải quan triển khai thực hiện trên cơ sở chương trình, kế hoạch do Vụ TCCB đề xuất, xây dựng trình Lãnh đạo Tổng cục Hải quan phê duyệt, trong đó có nội dung bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp, tác phong thực hiện nhiệm vụ của

cán bộ công chức, viên chức Hải quan, thời lượng 10 tiết; Công tác phòng chống tham nhũng: thời lượng 10 tiết (Quyết định 3135/QĐ-TCHQ ngày 30/11/2011);

Chương trình bồi dưỡng ngạch Kiểm tra viên Hải quan có nội dung đạo đức công vụ: thời lượng 12 tiết- quyết định số 1580/QĐ-TCHQ ngày 03/7/2013.

Số lượng công chức, viên chức được bồi dưỡng theo chương trình hàng năm (2011- 2015) như sau:

Đào tạo, lợi hình đào tạo, bồi dưỡng trong nước	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Công chức viên chức mới tuyển dụng	401	624	664	274	167
Ngạch KTV HQ			405	306	186
Tổng số	401	624	1069	580	353

Tổng cục Hải quan gửi đi bồi dưỡng ngoài ngành (2011- 2015):

- Học viện Ngoại giao bồi dưỡng kiến thức về kỹ năng giao tiếp, văn hóa giao tiếp quốc tế, Thời lượng 3 ngày, số lượng 211 CCVC.

- Trường bồi dưỡng cán bộ Tài chính, bồi dưỡng kiến thức chuyên ngành Thanh tra, thời lượng 10 ngày, số lượng 94 CCVC.

- Học viện tư pháp, bồi dưỡng chuyên sâu kỹ năng xử lý vi phạm hành chính nhằm phòng ngừa khiếu kiện và giải quyết khiếu nại, thời lượng 05 ngày, số lượng 450 học viên.

2. Một số hạn chế về lãnh đạo và cam kết:

a). Về nguồn lực: con người, tài chính, trang thiết bị:

Các hoạt động quản lý nguồn nhân lực được thực hiện chủ yếu dựa trên quản lý chức danh, ngạch bậc; chưa đề cập đến từng vị trí việc làm, chưa xác định rõ năng lực chuyên môn (các kiến thức và kỹ năng) cần có của mỗi vị trí. Chưa có một hệ thống danh mục sản phẩm và bảng định mức sản phẩm của từng vị trí việc làm trong ngành. Chưa có hệ thống theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện công việc theo sản phẩm do đó căn cứ đánh giá đang còn chung chung, chưa có tiêu chí cụ thể. Việc quản lý thông tin nhân sự và phần lớn các khâu công tác quản lý nguồn nhân lực của cơ quan hải quan hiện đang thực hiện theo phương thức truyền thống, chưa xây dựng được hệ thống thông tin quản lý nhân sự theo năng lực, áp dụng phương thức điện tử một cách hiệu quả.

- Chế độ đãi ngộ với cán bộ công chức vẫn chưa thực sự đảm bảo cho nhu cầu thiết yếu của cán bộ, công chức dẫn đến nhiều công chức vẫn chưa thực sự tâm huyết trong công việc.

b). Về chiến lược: quản lý, HĐHHQ, công tác cán bộ, công tác phòng ngừa, xử lý vi phạm, đào tạo bồi dưỡng về liêm chính.

Nội dung đào tạo, bồi dưỡng về kỷ cương, kỷ luật, đạo đức công vụ, liêm chính hải quan chủ yếu mang tính lý thuyết; Hệ thống văn bản qui phạm về nội dung này còn rườm rà, trùng lặp, hoặc không rõ ràng; thiếu thông tin về kết quả thực hiện các qui định về kỷ cương, kỷ luật, liêm chính hàng năm.

3. Nguyên nhân của hạn chế

a) Vai trò lãnh đạo:

Liêm chính là thuật ngữ thường được nhắc đến khi vạch kế hoạch xây dựng lực lượng, tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính. Tuy nhiên để làm rõ nội hàm của liêm chính nói chung và liêm chính hải quan nói riêng thì chưa có khai niệm cụ thể, tổng quát. Từ đó việc vạch ra kế hoạch, chiến lược chưa được đề cập cụ thể, chưa rõ ràng phải làm những gì, làm như thế nào. Do vậy sự thống nhất trong nhận thức, hành động chưa có căn cứ cụ thể nào.

Lãnh đạo Đảng, nhà nước hoặc ngành luôn quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ công chức hướng tới phục vụ cộng đồng. Mỗi ngành có đặc điểm riêng, tính chất công việc khác nhau, đồng nghĩa phải có kế hoạch, giải pháp khác nhau.

Tổng cục Hải quan đã đưa ra nhiều qui định, qui trình, qui chế bắt buộc cho từng vị trí khác nhau nhằm đạt mục tiêu hoàn thành nhiệm vụ đi đôi với xây dựng hình ảnh người CBCC Hải quan trong sạch, minh bạch, trung thực.

Tuy nhiên việc quán triệt, nhận thức chưa đồng đều, thậm chí còn một bộ phận công chức thiếu tu dưỡng, rèn luyện, vi phạm kỷ cương, kỷ luật, tiêu cực, tham nhũng.

Công tác chỉ đạo, kiểm tra chưa thường xuyên, có lúc còn xem nhẹ.

b) Nguồn lực - con người, tài chính:

Công chức được tuyển dụng từ nhiều nguồn, việc đào tạo nghề, rèn luyện kỹ năng nghề và rèn đức chưa hiệu quả, chưa đồng bộ nên hành động của một số cán bộ công chức chưa tốt.

c) Chiến lược liêm chính - trung hạn, dài hạn:

Xây dựng đề án, kế hoạch bài bản, dễ hiểu, dễ thực hiện và có chế tài xử lý nghiêm minh, chặt chẽ, kịp thời.

II. TÍNH MINH BẠCH

Tính minh bạch là vấn đề chủ yếu đối với tất cả các cá nhân, đơn vị trong toàn Ngành Hải quan phải thực hiện. Việc nâng cao khả năng giải trình và duy trì mối quan hệ cởi mở, trung thực với doanh nghiệp và đối tác là điều cực kỳ quan trọng để có được sự tin tưởng và tín nhiệm của công chúng, cộng đồng doanh nghiệp đối với việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Hải quan Việt Nam.

1. Kết quả đạt được:

- Các khách hàng, đối tác quan hệ với Hải quan có thể có được các thông tin liên quan giúp họ thực hiện đúng trách nhiệm của mình khi giao dịch với cơ quan Hải quan thông qua các kênh thông tin tuyên truyền của Ngành Hải quan. Các thông tin này về cơ bản dễ tiếp cận, chính xác, nhất quán và cũng được theo dõi, cập nhật đầy đủ trên trang Website, báo hải quan...

- Ở cơ quan Tổng cục và Cục Hải quan các tỉnh, thành phố đã duy trì chế độ trực ban hàng ngày; thiết lập đường dây nóng trung tâm (tổng đài) tại Tổng cục và các đường dây nóng nhánh tại các Cục Hải quan tỉnh, thành phố, Chi cục Hải quan đảm bảo hoạt động thông suốt, liên tục 24/24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần để tiếp nhận tin báo, xử lý thông tin qua đường dây nóng theo Quyết định số 3899/QĐ- TCHQ ngày 10/11/2016 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan; nhất là các Cục Hải quan tỉnh, thành phố có lưu lượng hàng hóa XNK lớn đã có bố trí các bàn tư vấn để hỗ trợ khách hàng. Tại các Chi cục Hải quan đều thành lập Tổ tư vấn, hướng dẫn và giải quyết vướng mắc cho doanh nghiệp; tiếp nhận, khai thác thông tin phản ánh từ người dân và doanh nghiệp; ở cơ quan Tổng cục, Cục Hải quan các địa phương có trang thông tin điện tử Website hải quan để thông tin những văn bản, chế độ chính sách mới, cũng như tiếp nhận và trả lời các ý kiến của các đối tượng liên quan hỏi về những vấn đề liên quan chế độ chính sách xuất nhập khẩu, thủ tục hải quan, ưu đãi hải quan hay những vướng mắc khác của doanh nghiệp.

- Tổng cục Hải quan cũng như Cục Hải quan các địa phương đã duy trì cơ chế gặp mặt, quan hệ phối hợp với đại diện các cơ quan báo chí, theo định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm hoặc mỗi khi có vấn đề mới hay vấn đề “nóng” phát sinh cần có thông tin kịp thời, chính xác từ những người có trách nhiệm trong ngành để giúp cho các cơ quan báo chí thông tin tới mọi người một cách đúng đắn và nhất quán. Đại diện của Tổng cục Hải quan cũng tham dự các cuộc họp giao ban an ninh tư tưởng, giao ban các cơ quan báo chí để quán triệt các ý kiến chỉ đạo và tổ chức triển khai đảm bảo đúng định hướng, trọng tâm tuyên truyền đề ra.

- Tổng cục Hải quan, các Vụ, Cục nghiệp vụ thuộc cơ quan Tổng cục, các Cục Hải quan địa phương luôn xác định và cố gắng đảm bảo các ý kiến chỉ đạo được triển khai một cách thống nhất, nhất quán giữa các đơn vị trong ngành, việc giải quyết các vấn đề mang tính tổng thể, toàn diện, tránh sa đà vào giải quyết vụ việc riêng lẻ.

- Cơ sở và tiêu chí mà dựa vào đó công chức hải quan có quyền thực thi nhiệm vụ theo ý mình đã được xác định trong văn bản pháp quy và công khai để mọi người biết và thực hiện. Chẳng hạn như quy định về việc phân lương hàng hóa, về kiểm tra và xác định xuất xứ, trị giá hải quan... Cơ sở để công chức ra quyết định được lưu lại trong hồ sơ và lưu trữ để xem xét sau này khi cần thiết.

2. Hạn chế:

- Chưa có cơ chế để thông báo cho khách hàng biết trực tiếp về các chương trình, quyết định mới hay những thay đổi về các yêu cầu của pháp luật và quy trình thủ tục có thể có tác động tới các khách hàng, mà chủ yếu họ có

được thông tin, văn bản thông qua phương tiện truyền thông, bộ chủ quản, hiệp hội ngành hàng, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố... Cơ quan Hải quan chỉ thực hiện niêm yết văn bản thông báo tại nơi giải quyết thủ tục hải quan để khách hàng nghiên cứu, mà chưa thông báo trực tiếp đến từng khách hàng.

- Ngành Hải quan chưa thực sự chú ý đến việc thông báo cho các khách hàng có liên quan biết những quyền hạn của họ khi giao dịch với hải quan, vì cho rằng những nội dung đó đã được đề cập trong các văn bản pháp quy và doanh nghiệp khi tìm hiểu văn bản đã nắm được.

- Đã áp dụng một số biện pháp để minh bạch hóa thông tin và những vấn đề cần thiết cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, hiện nay Ngành Hải quan cũng chưa thiết lập một Ủy ban tư vấn cho doanh nghiệp nhằm giúp cho việc trao đổi, chia sẻ, cập nhật thông tin nhanh chóng, kịp thời, cũng như cho ý kiến về những vấn đề phức tạp trong quá trình giải quyết thủ tục hải quan, tiến trình giải quyết để các bên liên quan nắm được.

- Trang Website của Ngành Hải quan hoạt động đang ngày càng hoàn thiện và phát huy nhiều tác dụng. Tuy nhiên, hiện nay vẫn chưa sử dụng phương tiện điện tử qua mạng để phổ biến thông tin tới khách hàng, chưa có cơ chế để khách hàng tiếp nhận thông tin theo định kỳ hoặc mỗi khi có thông tin mới trên cơ sở đăng ký nhu cầu và địa chỉ email của khách hàng. Ngoài ra, khách hàng cũng chưa được tư vấn để quyết định những thông tin và phương thức tiếp nhận thông tin cần thiết cho họ.

- Trong thực tiễn, có một số trường hợp doanh nghiệp không tuân thủ theo đúng quy định của Nhà nước, của Ngành Hải quan. Có thể có nhiều lý do dẫn đến việc không tuân thủ. Tuy nhiên, cho đến nay cũng chưa có một nghiên cứu, phân tích nào được tiến hành để xác định xem trong số đó có bao nhiêu trường hợp không tuân thủ do không có được thông tin, hoặc không có đầy đủ thông tin cập nhật từ phía cơ quan hải quan.

- Ngành Hải quan có nhiều cố gắng đảm bảo tính thống nhất, nhất quán trong chỉ đạo nghiệp vụ. Tuy nhiên, trong thực tiễn có lúc, có nơi tình trạng các quyết định, thủ tục, thông tin phản hồi của hải quan vẫn còn khác nhau giữa các Cục Hải quan, ví dụ như vấn đề áp mã số, áp thuế suất, giá tính thuế đối với cùng một mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu. Cần có hệ thống theo dõi, giám sát đảm bảo sự nhất quán giữa các đơn vị hải quan.

- Cơ sở để công chức Hải quan ra quyết định được lưu giữ tại cơ quan hải quan và chỉ những người có liên quan của hải quan biết. Còn những đối tượng chịu ảnh hưởng của các quyết định đó không phải lúc nào cũng được biết về lý do ra các quyết định đó, trừ những trường hợp doanh nghiệp có ý kiến, yêu cầu làm rõ khi họ thấy quyết định của hải quan không phù hợp, hoặc có khiếu nại với quyết định của hải quan.

- Từ đầu năm 2011 Ngành Hải quan đã xây dựng và ban hành Tuyên ngôn phục vụ khách hàng, được sửa đổi một số nội dung tháng 4/2015, Tuyên ngôn phục vụ khách hàng thể hiện sự cam kết của Ngành Hải quan trước cộng đồng

xã hội về việc đảm bảo tạo thuận lợi, đáp ứng yêu cầu quản lý Nhà nước về Hải quan đối với các hoạt động thương mại, đầu tư và du lịch quốc tế. Do vậy những chuẩn mực phục vụ của cơ quan hải quan được đề ra và công bố cho mọi người biết để làm cơ sở đối chiếu, đánh giá chất lượng, kết quả hoạt động của hải quan, tuy nhiên vẫn còn chưa đáp ứng kỳ vọng của Chính phủ, của doanh nghiệp và các đối tác có liên quan vì những phiền hà, thiếu nghiêm túc của một số ít công chức hải quan thực thi nhiệm vụ trực tiếp tiếp xúc với khách hàng.

3. Nguyên nhân của các hạn chế:

- Khối lượng công việc ngày càng tăng trong khi nhân lực có hạn, tăng rất ít hoặc không tăng nên chưa bố trí được bộ phận cung cấp thông tin văn bản định kỳ kịp thời cho doanh nghiệp.

- Năng lực của một số cán bộ, công chức hải quan không đáp ứng yêu cầu dẫn đến các kết quả phân loại, áp mã, áp thuế suất không nhất quán, tạo nên sự thiếu thống nhất trong ngành.

- Ngành Hải quan vẫn chưa thấy rõ sự cần thiết cũng như chưa quan tâm thực sự đến việc phải ban hành Tiêu chuẩn dịch vụ khách hàng mà cho rằng đã được quy định trong các văn bản pháp quy.

III. CÔNG TÁC THANH TRA- KIỂM TRA

1. Căn cứ pháp lý:

Luật Thanh tra số 56/2010/QH12 ngày 15/11/2010, Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thanh tra, Nghị định số 82/NĐ-CP ngày 09/10/2012 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Tài chính, Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09/2/2012 của Chính phủ quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành; Nghị định số 33/2015/NĐ-CP ngày 27/3/2015 của Chính phủ quy định việc thực hiện kết luận thanh tra, Thông tư số 05/2014/TT-TTCP ngày 16/10/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động, quan hệ công tác của Đoàn Thanh tra và trình tự, thủ tục tiến hành một cuộc thanh tra; Thông tư số 08/2014/TT-TTCP ngày 24/11/2014 quy định về thẩm quyền, nội dung thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra; Thông tư số 01/TT-TTCP ngày 12 tháng 03 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ: Quy định về hoạt động theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra;

2. Đánh giá chung về hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra góp phần trong thực hiện liên chính.

- Lãnh đạo Ngành Hải quan đã quan tâm, chỉ đạo sâu sát công tác thanh tra, tập trung triển khai thực hiện mạnh mẽ, đồng bộ Luật Thanh tra năm 2010 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành thông qua nhiều hình thức: tuyên truyền, hướng dẫn, tập huấn; ban hành các văn bản để chỉ đạo thống nhất trong toàn Ngành; tổ chức đào tạo, phối hợp đào tạo cấp chứng chỉ; sắp xếp, củng cố tổ chức... Với việc triển khai đồng bộ, tích cực các giải pháp trên, công

tác thanh tra, kiểm tra được đẩy mạnh, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những hạn chế, thiếu sót của CBCC và các đơn vị trong Ngành; phát hiện sai phạm của doanh nghiệp qua đó góp phần tăng thu, tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước về hải quan.

- Lãnh đạo các đơn vị thuộc và trực thuộc quan tâm, triển khai thực hiện nghiêm túc Kế hoạch thanh tra hàng năm được phê duyệt; thường xuyên thực hiện việc phổ biến, tuyên truyền, tạo điều kiện để CBCC trong đơn vị nghiên cứu, học tập, nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật về thanh tra, kiểm tra; công khai, tuyên truyền sâu rộng đến doanh nghiệp, nhân dân về các quy định trong công tác thanh tra, kiểm tra.

- Các cán bộ công chức làm công tác thanh tra chuyên ngành được lựa chọn, phân bổ dựa trên năng lực, phẩm chất đạo đức, trình độ đào tạo để thực hiện công tác chuyên môn. Các đơn vị đã phân công lãnh đạo phụ trách, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng cán bộ, công chức theo từng lĩnh vực. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ chuyên trách làm công tác thanh tra, kiểm tra, có thể thanh tra chuyên ngành để đáp ứng nhu cầu thực hiện nhiệm vụ.

- Qua thanh tra, kiểm tra đánh giá đúng thực trạng việc thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; làm rõ những nguyên nhân và có những kiến nghị, sửa chữa, khắc phục những khuyết điểm, thiếu sót mà thanh tra, kiểm tra đã phát hiện, giúp cho cơ quan lãnh đạo của Đảng, Nhà nước không những nắm được tình hình thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật, chỉ thị, mệnh lệnh... mà còn có cơ sở thực tiễn để nghiên cứu, bổ sung, sửa đổi hoàn thiện chủ trương, chính sách, pháp luật, cơ chế quản lý... đã ban hành hoặc ban hành mới phù hợp hơn.

- Thanh tra, kiểm tra giúp công tác lãnh đạo, công tác quản lý, chỉ đạo không bị sai lệch. Đó là một biện pháp rất quan trọng, có hiệu quả góp phần tăng cường năng lực của bộ máy nhà nước và tính tích cực của đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước trong việc chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Kiểm tra, thanh tra là một biện pháp quan trọng góp phần tích cực phòng, chống bệnh quan liêu, nạn tham ô, lãng phí và các hành vi vi phạm pháp luật khác.

Như vậy, Thanh tra, kiểm tra không chỉ phát hiện ra những vi phạm để xử lý mà còn phát hiện ra những sơ hở của bản thân cơ chế, chính sách, chỉ ra những khuyết tật của bộ máy và quá trình vận hành bộ máy để sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện hơn cơ chế, chính sách, thanh tra còn biểu dương những cái tốt, cái tích cực, những yếu tố mới, những nhân tố điển hình cần nhân rộng phát huy.

3. Kết quả đạt được

(1) Công tác triển khai:



- Để triển khai Luật Thanh tra và các văn bản hướng dẫn, thi hành một cách thống nhất trong Ngành Hải quan, Tổng cục Hải quan đã ban hành các quyết định:

+ Quyết định số 694/QĐ-TCHQ ngày 14/3/2013 về Quy trình thanh tra thuế trong lĩnh vực hải quan;

+ Quyết định số 4129/QĐ-TCHQ ngày 11/12/2017 quy định về tổ chức, hoạt động, quan hệ công tác của Đoàn thanh tra, trình tự thủ tục tiến hành một cuộc thanh tra chuyên ngành về Hải quan (thay thế Quyết định số 265/QĐ-TCHQ ngày 14/2/2014 về Quy trình thanh tra chuyên Ngành Hải quan);

+ Quyết định số 595/QĐ- TCHQ ngày 01/3/2017 ban hành Quy chế hướng dẫn việc cấp, quản lý và sử dụng Thẻ công chức thanh tra chuyên Ngành Hải quan;

+ Quyết định số 1086/QĐ-TCHQ ngày 4/4/2014 về việc ban hành quy trình kiểm tra nội bộ trong Ngành Hải quan.

+ Quyết định số 4273/QĐ-TCHQ ngày 26/12/2017 ban hành Quy chế kiểm tra theo dấu hiệu vi phạm nghiệp vụ trong ngành Hải quan;

+ Quyết định số 235/QĐ-TCHQ ngày 29/01/2018 quy định về xử lý sau thanh tra, kiểm tra trong ngành Hải quan;

- Hằng năm Tổng cục Hải quan xây dựng Kế hoạch thanh tra chuyên ngành của Tổng cục Hải quan trình Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt đồng thời thực hiện việc phê duyệt kế hoạch thanh tra chuyên ngành, kiểm tra nội bộ của các Cục Hải quan tỉnh, thành phố và tổ chức kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch, kết luận thanh tra, kiểm tra đã được ban hành đối với các đơn vị trong ngành.

- Tổng cục Hải quan, trực tiếp là Vụ Thanh tra- Kiểm tra tham mưu cho Lãnh đạo Tổng cục ban hành công văn hướng dẫn, giải đáp kịp thời các vướng mắc trong quá trình triển khai, thực hiện Luật Thanh tra, ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về công tác thanh tra chuyên ngành.

(2) Kết quả cụ thể:

Năm 2011:

Tổng số thuế kiến nghị truy thu qua công tác kiểm tra thanh tra: 221.776.521.780đ (Địa phương: 826.575.238 đ; Thanh tra Tổng cục đã kiến nghị truy thu: 220.949.946.542đ); Toàn ngành đã truy thu được: 90.144.868.100 và có 13 trường hợp bị xử lý kỷ luật, trong đó có 01 trường hợp bị tòa xử 9 năm tù; 03 cán bộ đang bị khởi tố

Năm 2012:

Là năm đầu tiên thực hiện thanh tra chuyên ngành theo Luật Thanh tra, Tổng cục thực hiện 07 cuộc, kiến nghị truy thu với tổng số tiền: 486.021.304.028đ và 142.373.7USD; Kết quả thanh tra chuyên đề: Các cục Hải quan địa phương thực hiện 09 cuộc và kiến nghị truy thu: 27.756.836đ; Công tác kiểm tra nội bộ: Toàn

ngành đã tiến hành kiểm tra 294 cuộc tại 402 lượt đơn vị. Kiến nghị truy thu thuế với tổng số tiền hơn 12.497.746.694đ

Qua công tác thanh tra chuyên ngành đã phát hiện chuyên điều tra, truy tố, xét xử 03 vụ/04 đối tượng.

Năm 2013:

- Thanh tra chuyên ngành: tiến hành 44 cuộc; Tổng số tiền thuế kiến nghị truy thu, xử phạt VPHC và phạt chậm nộp qua các cuộc thanh tra chuyên ngành: 401.879.260.136 đồng. Tổng trị giá loại khởi danh mục: 473.552 USD, 12.035.052 đồng, và 10 tấn cáp điện (không khai trị giá).

Trong đó, tổng số tiền kiến nghị và xử phạt VPHC đã thu nộp vào NSNN: 10.509.557.865 đồng.

- Kiểm tra nội bộ: tiến hành kiểm tra: 339 cuộc; Tổng số tiền kiến nghị truy thu qua công tác kiểm tra nội bộ trong toàn ngành 15.850.660.223 đồng, truy hoàn: 503.016.770 đồng; Trong đó, tổng số tiền kiến nghị đã thu nộp vào NSNN: 10.528.082.153 đồng

- Xảy ra 08 vụ việc có 16 cán bộ, công chức bị khởi tố, bắt tạm giam

Năm 2014:

- Thanh tra chuyên ngành: tiến hành 74 cuộc; Tổng số tiền thuế kiến nghị truy thu, xử phạt VPHC: 32.393.138.636 đồng, truy hoàn: 146.600.000 đồng; Đã thu nộp vào NSNN: 17.335.054.246 đồng.

- Kiểm tra nội bộ: tiến hành kiểm tra: 268 cuộc; Tổng số tiền kiến nghị truy thu 7.661.525.632 đồng; Đã thu nộp vào NSNN: 8.076.619.080 đồng (lũy kế số kiến nghị năm trước).

Năm 2015:

- Công tác kiểm tra nội bộ: Số cuộc kiểm tra trong kỳ: 257 cuộc; Tổng số tiền kiến nghị truy thu 6.390.297.302 đồng, trong đó xử phạt VPHC 473.213.623 đồng và đã thu nộp NSNN: 65.650.380.634 đồng.

- Công tác thanh tra chuyên ngành: Tổng số cuộc thực hiện: 63 cuộc; Tổng kiến nghị: 41.479.815.758 đồng, trong đó xử phạt VPHC 718.375.185 đồng; đã thu nộp NSNN: 8.024.206.655 đồng.

Năm 2016:

- Công tác kiểm tra nội bộ: Số cuộc kiểm tra trong kỳ: 310 cuộc; Tổng kiến nghị truy thu: 21.945.000.000 đ

- Công tác thanh tra chuyên ngành: Đã tiến hành 73 cuộc thanh tra chuyên ngành; Tổng số tiền thuế kiến nghị truy thu, xử phạt VPHC qua các cuộc thanh tra chuyên ngành: 27.171.041.649 đồng (trong đó xử phạt VPHC 734.651.024 đồng) và truy hoàn: 887.682.045 đồng.

Năm 2017:



- Công tác kiểm tra nội bộ: Tổng số 313 cuộc, trong đó: Kiểm tra theo kế hoạch: 240 cuộc; Kiểm tra đột xuất: 73 cuộc.

Qua công tác kiểm tra đã yêu cầu truy thu thuế: 55.848.904.314 đồng.

- Công tác thanh tra chuyên ngành: Tổng số cuộc thực hiện: 141 cuộc, trong đó: Số cuộc thanh tra theo kế hoạch: 138 cuộc; Số cuộc thanh tra đột xuất: 03 cuộc.

Tổng kiến nghị truy thu **48.818.563.090 đồng**, gồm: số thuế truy thu: 40.827.641.330 đồng, xử phạt VPHC: 7.990.921.760 đồng.

*** Năm 2018**

Trong năm 2018, toàn Ngành đã thực hiện được 399 cuộc thanh tra, kiểm tra; trong đó thanh tra chuyên ngành 129 cuộc; kiểm tra nội bộ 270 cuộc. Cụ thể:

- Số cuộc thanh tra chuyên ngành đã thực hiện: 125 cuộc
- Số cuộc thanh tra chuyên ngành đột xuất: 04 cuộc
- Số cuộc kiểm tra nội bộ theo kế hoạch: 217 cuộc
- Số cuộc kiểm tra nội bộ đột xuất: 53 cuộc

Kết quả cụ thể như sau:

- *Xử lý về kinh tế*: Tổng số tiền kiến nghị về kinh tế: **250.978.337.313 đồng**, trong đó:

+ Thanh tra chuyên ngành kiến nghị truy thu: 242.150.398.107 đồng.

+ Kiểm tra nội bộ kiến nghị truy thu: 8.827.939.206 đồng.

+ Tính đến 31/12/2018, đã thu nộp NSNN số tiền: **221.294.073.283 đồng**.

- *Về xử lý hành chính CBCC vi phạm*: có 65 CBCC hải quan bị xem xét xử lý do có vi phạm, sai sót trong công tác nghiệp vụ được phát hiện qua thanh tra, kiểm tra.

4. Tồn tại, hạn chế.

- Một số Cục Hải quan tỉnh, thành phố không có Phòng Thanh tra- Kiểm tra độc lập. Công tác thanh tra, kiểm tra được giao cho các đơn vị chức năng, như Văn phòng; Tổ chức cán bộ; nghiệp vụ thực hiện nên tính chuyên sâu hạn chế, hiệu quả của hoạt động thanh tra, kiểm tra chưa cao.

- Biên chế CBCC bộ phận tham mưu làm công tác thanh tra chuyên ngành nhìn chung còn thiếu. Do Luật Thanh tra, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thanh tra và các văn bản khác có liên quan không xác định biên chế tối thiểu nên ở nơi nào Thủ trưởng cơ quan quản lý quan tâm đến công tác thanh tra thì số lượng biên chế được đảm bảo để thực hiện nhiệm vụ thanh tra.

- Một số kết luận thanh tra phát hiện sai phạm nhưng chưa đi sâu phân tích nguyên nhân sai phạm của cán bộ công chức Hải quan.

- Qua thanh tra, kiểm tra chưa phát hiện nhiều sơ hở của chính sách, cơ chế quản lý để đề xuất được các giải pháp nhằm chấn chỉnh công tác quản lý nhà nước, khắc phục sơ hở, phòng chống sai phạm một cách căn cơ hơn.

- Quyền truy cập các hệ thống quản lý nghiệp vụ đối với công chức thực hiện thanh tra, kiểm tra còn bị hạn chế, dẫn đến việc thu thập và xử lý thông tin phục vụ xây dựng kế hoạch thanh tra gặp nhiều khó khăn, chưa kịp thời, nên ảnh hưởng đến kết quả thanh tra, kiểm tra.

5. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế.

- Chưa xây dựng được quy chế thu thập xử lý thông tin phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra trong Ngành Hải quan.

- Chưa xây dựng được phần mềm công nghệ thông tin về quản lý hoạt động thanh tra- kiểm tra trong ngành Hải quan.

- Công tác thanh tra chuyên ngành là một nhiệm vụ mới, nên CBCC Hải quan chưa có nhiều kinh nghiệm, chưa được đào tạo chuyên sâu về nghiệp vụ thanh tra. Mặt khác, Ngành thực hiện chính sách luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác, nên tính chuyên sâu không cao.

- Cán bộ công chức làm công tác thanh tra, kiểm tra ở một số đơn vị chưa được quan tâm phân quyền truy cập tất cả các phần mềm quản lý của ngành nên hạn chế khả năng thu thập và xử lý thông tin.

- Số lượng biên chế của lực lượng thanh tra, kiểm tra tại một số đơn vị còn hạn chế, kiêm nhiệm nhiều, chưa chuyên sâu.

- Quy định về cấp thẻ thanh tra chuyên ngành còn chặt chẽ, chỉ có CBCC đủ điều kiện và đang công tác tại bộ phận tham mưu về công tác thanh tra chuyên ngành mới được cấp thẻ, trong khi đó nhiệm vụ thanh tra được giao cho nhiều đơn vị cùng thực hiện.

IV. CẢI CÁCH, HIỆN ĐẠI HÓA HẢI QUAN

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng mạnh mẽ, sâu rộng trên mọi phương diện thì tự do hóa thương mại là một yêu cầu tất yếu đối với Việt Nam. Các Hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương, đa phương được Việt Nam tham gia ký kết ngày càng nhiều, với mức độ tự do hóa ngày càng sâu rộng tạo ra sự dịch chuyển sản xuất giữa các quốc gia, đồng thời lưu thông hàng hóa giữa các quốc gia và vùng lãnh thổ sẽ gia tăng nhanh chóng. Như vậy, khối lượng công việc ngày càng lớn cùng với yêu cầu ngày càng cao về đảm bảo an ninh, chống gian lận thương mại, chống hàng giả, hàng nhái trong hoạt động xuất nhập khẩu, mặt khác phải đảm bảo các hoạt động tạo thuận lợi thương mại sẽ tác động ngày càng mạnh mẽ đến hoạt động của cơ quan hải quan, đòi hỏi cấp thiết Ngành Hải quan Việt Nam cần đổi mới quy trình thủ tục và phương thức làm việc. Các sáng kiến cải cách và hiện đại hóa một mặt tăng

cường tính hiệu lực, hiệu quả và khả năng đáp ứng nói chung của cơ quan Hải quan, một mặt sẽ làm giảm đến mức tối thiểu cơ hội phá vỡ các thủ tục đúng đắn, giảm thiểu cơ hội can thiệp vào quá trình thực hiện các thủ tục thông quan hàng hóa của công chức hải quan. Có thể thấy, cải cách hiện đại hóa hướng tới hoạt động hải quan công khai, minh bạch, hiệu quả hơn là phương pháp hữu hiệu nhất để phát triển liên chính Hải quan.

Có thể nói, hiện đại hóa quản lý hải quan là tất yếu khách quan của quá trình xây dựng, phát triển lực lượng hải quan. Theo thống kê của Ngành Hải quan, quá trình cải cách, hiện đại hóa hải quan được bắt đầu từ năm 1994. Từ đó đến nay, Ngành Hải quan đã trải qua 4 giai đoạn cải cách quan trọng. Giai đoạn từ năm 1994-2000: Thay đổi từ lưu trữ giấy sang lưu trữ điện tử; Giai đoạn từ 2000- 2005: Tin học hóa các quy trình làm thủ công là chính nhưng vẫn kèm hồ sơ giấy; Giai đoạn từ 2006 – 2010: Tăng cường tự động hóa các nghiệp vụ; Giai đoạn từ 2010 – 2015: Tăng cường tối đa mức độ tự động hóa, trong đó việc triển khai hệ thống thông quan tự động VNACCS - VCIS vào tháng 4/2014 đã đánh dấu sự thành công vượt bậc của Ngành Hải quan.

Ngày 25/3/2011, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt chiến lược phát triển Ngành Hải quan đến năm 2020 (Quyết định số 448/QĐ-TTg), để hiện đại hóa thành công, phải đầu tư xây dựng cả con người, tổ chức, cơ sở vật chất kỹ thuật, nhất là công nghệ thông tin và các phương tiện kỹ thuật tiên tiến, có các quy định quản lý về hải quan đồng bộ, với phương án tối ưu theo hướng thống nhất, đơn giản, tiện lợi nhất.

Thời gian qua, với việc triển khai đồng bộ công tác cải cách, hiện đại hóa trên phương diện xây dựng cơ sở pháp lý, cải cách về quy trình, thủ tục, mở rộng ứng dụng phương pháp quản lý hiện đại, sử dụng trang thiết bị hiện đại nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát, Ngành Hải quan đã nâng cao mức độ chuyên nghiệp, chuyên sâu trong thực hiện các hoạt động nghiệp vụ hải quan trên nền tảng ứng dụng công nghệ thông tin.

Các mục tiêu về thể chế, thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan, quản lý thuế, kiểm soát hải quan, kiểm tra sau thông quan, hệ thống chỉ số đo hiệu quả hoạt động, tổ chức bộ máy, công nghệ thông tin, cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật được đảm bảo triển khai theo định hướng đề ra. Về cơ bản các mục tiêu này đã được thực hiện xuyên suốt trong quá trình triển khai kế hoạch cải cách, hiện đại hóa hải quan, góp phần từng bước cải tiến, nâng cao, khắc phục những khiếm khuyết phát sinh trong quá trình triển khai, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động tại các mảng nghiệp vụ.

1. Kết quả cải cách, hiện đại hóa Ngành Hải quan giai đoạn 2011-đến nay

1.1 Về thể chế:

Giai đoạn 2011 đến nay, đã hình thành hệ thống văn bản pháp luật cơ bản đầy đủ điều chỉnh các lĩnh vực hoạt động hải quan, đảm bảo hoàn thành mục tiêu, đồng thời đáp ứng các yêu cầu mới phát sinh, cụ thể:

Một là: Đã xây dựng, ban hành Luật Hải quan số 54/2014/QH2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành, tạo tiền đề triển khai đổi mới toàn diện hoạt động hải quan trên cơ sở nội luật hóa các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, tạo cơ sở pháp lý để thực hiện phương pháp quản lý hải quan hiện đại theo nguyên tắc áp dụng quản lý rủi ro trong toàn bộ hoạt động kiểm tra, giám sát hải quan; chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm, mở rộng ứng dụng công nghệ thông tin, trang thiết bị hiện đại trong hoạt động nghiệp vụ, triển khai Cơ chế một cửa quốc gia và Cơ chế một cửa ASEAN.

Bên cạnh đó, Luật Hải quan ra đời còn tạo động lực cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan, tạo cơ sở để giảm thời gian và chi phí thủ tục, tăng sức cạnh tranh cho doanh nghiệp đồng thời góp phần thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam; minh bạch hóa quyền và nghĩa vụ của người khai hải quan, của tổ chức và cá nhân có liên quan, phân định rõ trách nhiệm giữa người khai hải quan và công chức hải quan, của cơ quan hải quan và các cơ quan có liên quan, nâng cao tính tự chịu trách nhiệm và tạo cơ chế khuyến khích tuân thủ pháp luật của người khai hải quan.

Hai là: Đã ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý Thuế số 21/2012/QH13, trong đó có quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, đáp ứng các yêu cầu: Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính thuế theo hướng đơn giản, rõ ràng, minh bạch; tạo thuận lợi, giảm chi phí, thời gian của người nộp thuế; Thúc đẩy công tác hiện đại hóa hệ thống thuế, hải quan theo hướng thực hiện cơ chế quản lý rủi ro, đẩy mạnh quản lý thuế điện tử, tăng cường vai trò của tổ chức, cá nhân có liên quan; Tăng cường các biện pháp quản lý kiểm tra, giám sát, hậu kiểm để nâng cao tính hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý hành chính thuế nhằm chống thất thu ngân sách, giảm nợ thuế.

Ba là: Đã xây dựng Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu sửa đổi (qua quá trình xây dựng đã được Quốc hội ký thông qua Luật số 107/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016 và có hiệu lực ngày 01/9/2016) đáp ứng yêu cầu: Đảm bảo thực thi các cam kết quốc tế và điều ước quốc tế về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; tạo tiền đề pháp lý để hội nhập quốc tế sâu rộng hơn; khuyến khích và bảo hộ hợp lý sản xuất kinh doanh trong nước phù hợp với định hướng phát triển của Đảng, Nhà nước và các cam kết quốc tế đã ký kết; đơn giản, thuận lợi cho người nộp thuế.

Năm 2018, Tổng cục Hải quan đã trình các cấp có thẩm quyền ban hành 13 văn bản quy phạm pháp luật, trong đó có một số văn bản cốt lõi trong lĩnh vực Hải quan như:

Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.

Nghị định quy định thực hiện thủ tục hành chính thông qua cơ chế một cửa quốc gia, một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất



khẩu, nhập khẩu; Nghị định quy định thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa quá cảnh thông qua hệ thống quá cảnh ASEAN-ACTS thực hiện Nghị định thư số 7;

Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh cửa hàng miễn thuế, kho bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan;

Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ Tài chính về thủ tục Hải quan; Kiểm tra, giám sát hải quan; Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu...

1.2 Về thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan

- Đã chuẩn hóa các chế độ quản lý hải quan phù hợp với các quy định tại Công ước Kyoto sửa đổi. Thủ tục hải quan chủ yếu được thực hiện bằng phương thức điện tử tại 100 % Cục Hải quan, 100% Chi cục Hải quan, với sự tham gia của trên 99,56% tổng số doanh nghiệp thực hiện thủ tục hải quan, đạt 99,32% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu và hơn 99,63% tổng số tờ khai hải quan trên cả nước (số liệu tính từ 01/01/2015 đến 31/12/2015); cơ sở dữ liệu được xử lý tập trung tại cấp Tổng cục Hải quan; Thời gian trung bình từ khi doanh nghiệp đăng ký tờ khai đến khi quyết định thông quan/giải phóng hàng (thời gian thông quan) đối với hàng nhập khẩu chỉ còn dưới 02 ngày; Thời gian thông quan trung bình đối với hàng hóa xuất khẩu còn dưới 06 giờ; Đối với lô hàng phân luồng xanh, không phải nộp thuế thì thời gian này chỉ có 04 giây; Thời gian trung bình kiểm tra hồ sơ dưới 30 phút; Thời gian trung bình kiểm tra thực tế hàng hóa dưới 01 giờ (Theo kết quả đo thời gian giải phóng hàng năm 2015 tại 11 Chi cục Hải quan Cảng/Cửa khẩu thuộc 07 Cục Hải quan tỉnh, thành phố).

- Chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp theo các chuẩn mực của WCO được triển khai thí điểm và chính thức áp dụng, đến nay đã có 43 doanh nghiệp được công nhận là doanh nghiệp ưu tiên (chiếm khoảng 25,46% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu, trong đó, có 16 doanh nghiệp Việt Nam và 27 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài FDI).

- Công tác thu nộp thuế, lệ phí được thực hiện bằng phương thức điện tử trên tổng số thuế đã thu vào ngân sách nhà nước tính đến thời điểm 31/6/2016 là 88%.

- Cơ chế một cửa quốc gia và Cơ chế một cửa ASEAN: Tổng cục Hải quan với vai trò là cơ quan đầu mối đã phối hợp với các Bộ, ngành đẩy mạnh triển khai Cơ chế một cửa quốc gia. Đến tháng 9/2015 đã có 9 Bộ tham gia là Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên môi trường, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Thông tin và truyền thông, Bộ Công thương, Bộ Y tế, Bộ Khoa học và công nghệ. Đồng thời Việt Nam cũng đã thực hiện kết nối kỹ thuật với 4 nước ASEAN là Thái Lan, Singapore, Malaysia và Indonesia; Việt Nam cũng đã sẵn sàng kết nối chính thức với các nước này.

- Ngành Hải quan đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên ngành có liên quan thành lập địa điểm kiểm tra chuyên ngành tập trung để thực hiện hoạt động kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện phải kiểm tra chuyên ngành tại cửa khẩu, đến nay đã thành lập được 08 địa điểm tại 07 Cục Hải quan tỉnh, thành phố. Việc phối hợp kiểm tra chuyên ngành trực tiếp tại cửa khẩu bước đầu đã tạo ra chuyển biến tích cực trong công tác kiểm tra chuyên ngành, giảm bớt thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian làm thủ tục kiểm tra chuyên ngành (tại cảng Hải Phòng đã rút ngắn 30% thời gian làm thủ tục kiểm tra chuyên ngành, giảm từ 10-15 ngày xuống còn 7-10 ngày), đồng thời bảo đảm quản lý hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành chặt chẽ hơn.

- Đẩy mạnh ứng dụng trang thiết bị kỹ thuật trong kiểm tra hải quan như soi chiếu hàng hóa, hành lý trước, sau thông quan; sử dụng máy soi container để kiểm tra hàng hóa trong quá trình làm thủ tục hải quan. Việc kiểm tra qua máy soi container trung bình từ 1-3 phút, kiểm tra kết hợp máy soi và thủ công trung bình khoảng hơn 30 phút. Tuy nhiên, để bố trí, chuẩn bị được hàng hóa trong việc nâng hạ, đưa vào khu vực kiểm tra, soi chiếu (do trách nhiệm của chủ hàng và đơn vị kinh doanh cảng) lại mất nhiều thời gian.

- Công tác giám sát hải quan đã thay đổi cơ bản về mục tiêu, yêu cầu, phương thức giám sát hải quan, đặc biệt là ở các địa bàn trọng điểm như cảng biển, cảng hàng không. Hệ thống camera giám sát được triển khai lắp đặt tại các cảng biển, cảng hàng không trọng điểm và kết nối trực tuyến với Tổng cục Hải quan để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành. Thực hiện thí điểm hệ thống ứng dụng công nghệ định vị GPS trong giám sát hải quan đối với hàng hóa tạm nhập tái xuất, chuyên cửa khẩu và quá cảnh vận chuyển bằng container, cho phép cảnh báo khi niêm phong hải quan bị phá hủy, container bị mở và theo dõi toàn bộ lộ trình của container để có thông tin cảnh báo khi đi sai lộ trình, dừng đỗ quá thời gian. Hệ thống mã vạch trong giám sát hải quan được áp dụng, tạo tiền đề kết nối với hệ thống của các cơ quan, doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, cảng; qua đó giảm thời gian xác nhận hàng hóa qua khu vực giám sát, giúp rút ngắn thời gian thanh khoản một bộ hồ sơ giám sát trung bình còn khoảng 30 giây (trước đây là 5-10 phút).

- Đã thí điểm thực hiện quy định giám sát hàng hóa ra vào cảng theo quy định tại Điều 41 Luật Hải quan tại cảng Nam Hải - Đình Vũ và cảng Xanh VIP Hải Phòng, thời gian làm thủ tục tại khu vực giám sát đối với một tờ khai giám từ 3-5 phút, giảm chi phí đi lại của người khai hải quan.

- Đã xây dựng được 08 địa điểm kiểm tra hàng hóa tập trung với đầy đủ trang thiết bị phục vụ kiểm tra giám sát hàng hóa. Việc áp dụng các trang thiết bị kỹ thuật hiện đại trong kiểm tra, giám sát hải quan được thực hiện tại một số địa bàn trọng điểm trong cả nước với việc trang bị hệ thống máy soi container, hệ thống camera giám sát, các trang thiết bị phát hiện phóng xạ,...

- Đã và đang phối hợp có hiệu quả với các cơ quan, chủ doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, qua đó đã kiến nghị các giải pháp, chính sách quản lý đối

với các mặt hàng nhạy cảm gửi kho ngoại quan để tái xuất qua các tỉnh biên giới phía Bắc, chấm dứt hoạt động và chấn chỉnh các trường hợp đưa hàng hóa vào gửi kho không đúng quy định, kho không đủ diện tích, kịp thời có giải pháp giải tỏa, chống ách tắc, ùn ứ hàng hóa nông sản, lâm sản xuất nhập khẩu tập kết tại các cửa khẩu, địa điểm kiểm tra tập trung.

- Đã xây dựng, trình Chính phủ ban hành đề án “Giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu” theo Quyết định số 2026/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ, để giảm thời gian thông quan hàng hóa, tạo điều kiện thuận lợi khuyến khích xuất khẩu hàng hóa, bảo đảm hàng rào kỹ thuật bảo vệ môi trường, sức khỏe cộng đồng.

- Đã xây dựng và thực hiện hiệu quả cơ chế hợp tác giữa cơ quan hải quan với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các hiệp hội ngành nghề và với các doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất nhập khẩu. Việc phát triển, xã hội hóa đại lý làm thủ tục hải quan đã được chú trọng thời gian vừa qua và sẽ tiếp tục được đẩy mạnh trong thời gian tới. Hiện nay có 520 đại lý hải quan đã được cấp phép hoạt động, 650 cá nhân đủ điều kiện cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

- Trong năm 2018, Tổng cục Hải quan tập trung thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp về cải cách thủ tục hành chính (TTHC) nhằm mục tiêu chính là rút ngắn thời gian thông quan hàng hóa qua biên giới. Theo đó, Tổng cục Hải quan thực hiện đánh giá tác động của TTHC đối với 06 dự thảo văn bản QPPL, tiến hành rà soát, đánh giá tổng số 17 TTHC, trên cơ sở đó, trình Bộ phê duyệt bãi bỏ 05 TTHC, đơn giản hóa 09 TTHC, giữ nguyên 03 TTHC. Rà soát, đề xuất cắt giảm 16/31 điều kiện kinh doanh lĩnh vực hải quan (đạt 51,6% so với chỉ tiêu được Chính phủ giao tại Nghị quyết số 19/2018/NĐ-CP). Giải đáp kịp thời các phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp về quy định và việc thực hiện TTHC.

Có thể nói, công tác cải cách TTHC của ngành Hải quan đã góp phần quan trọng tạo thuận lợi, và giảm chi phí tuân thủ TTHC cho doanh nghiệp. Đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, điều kiện kinh doanh lĩnh vực hải quan dự kiến tiết kiệm cho cộng đồng doanh nghiệp khoảng 15 tỷ đồng/năm. Các yêu cầu quản lý nhà nước về hải quan được đảm bảo. Bộ Tài chính xếp hạng Tổng cục Hải quan ở vị trí 1/5 đơn vị khối Tổng cục và tương đương thuộc Bộ về chỉ số cải cách hành chính năm 2017. Hàng năm, thông qua hoạt động giám sát, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đánh giá cao nỗ lực cải cách thủ tục hành chính của ngành Hải quan.

1.3 Về quản lý thuế

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được sửa đổi, bổ sung, thay thế đáp ứng yêu cầu hội nhập, khuyến khích phát triển sản xuất kinh doanh, xuất khẩu, cải thiện môi trường kinh doanh, tăng năng lực cạnh tranh quốc gia, thực hiện các cam kết quốc tế về cắt giảm thuế quan, sử dụng hàng rào

kỹ thuật., đồng thời tạo cơ sở pháp lý cho cơ quan hải quan phối hợp với các ngân hàng thương mại để thực hiện thu nộp thuế thông qua Cổng thông tin điện tử Hải quan, đã giảm đối chiếu thủ công, giảm thiểu thời gian xác định hoàn thành nghĩa vụ thuế, tiết kiệm chi phí cho cả người nộp thuế và cơ quan hải quan, góp phần giảm thời gian thông quan hàng hóa.

- Các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin (Hệ thống thông tin dữ liệu quản lý trị giá tính thuế GTT02, Hệ thống MHS, Hệ thống KTT559) được hoàn thiện; Các chính sách ưu đãi thuế, danh mục biểu thuế, trị giá tính thuế, tỷ giá tính thuế được chuẩn hóa; thiết lập cơ sở dữ liệu về thuế, trị giá, tỷ giá để vận hành các chức năng tự động liên quan đến kiểm tra, xác định thuế của hệ thống thông quan điện tử tự động VNACCS/VCIS.

Năm 2018, Tổng cục Hải quan đã trình cấp có thẩm quyền ban hành Thông tư số 112/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 174/2015/TT-BTC ngày 10/11/2015 hướng dẫn kế toán nghiệp vụ thuế và thu khác đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

- Ban hành Quy chế xây dựng, quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu trị giá hải quan. Ban hành các quy trình: Miễn giảm hoàn thuế, không thu thuế và xử lý tiền thuế nộp thừa; Kiểm tra, tham vấn và xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong quá trình làm thủ tục hải quan. Ban hành các sổ tay nghiệp vụ: quản lý thuế tại cấp Chi cục Hải quan; thực hiện thủ tục thông quan hàng hóa (trị giá hải quan và phân loại hàng hóa). Ban hành các Quyết định kèm theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rủi ro về trị giá và mức giá tham chiếu.

- Tiếp tục hoàn thiện các thỏa thuận phối hợp thu giữa Tổng cục Hải quan với các ngân hàng thương mại về kế hoạch triển khai Đề án nộp- tiền trực tiếp tại cổng thanh toán điện tử Tổng cục Hải quan (24/7). Tổng cục Hải quan đã ký thỏa thuận hợp tác phối hợp thu NSNN với 39 ngân hàng thương mại, trong đó có 25 ngân hàng thương mại đã triển khai nộp thuế điện tử và thông quan 24/7. Lập yêu cầu nghiệp vụ để xây dựng Hệ thống miễn, giảm, hoàn thuế điện tử.

- Tham gia phối hợp với Vụ Chính sách Thuế (Bộ Tài chính) xây dựng Luật sửa các Luật về thuế và các luật thuế liên quan khác; Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 134/2016/NĐ-CP; Luật sửa các Luật thuế (trong đó có Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Nghị định 108/2015/NĐ-CP); Tham gia phối hợp với Tổng cục Thuế sửa Luật Quản lý thuế góp phần hoàn thiện cơ chế chính sách và đẩy mạnh công tác quản lý thuế XNK.

Đã tập trung chỉ đạo quyết liệt đối với công tác thu thuế, xóa nợ thuế, quản lý nợ thuế...

Năm 2011, 2014 và 2015, Ngành Hải quan đã hoàn thành vượt mức kế hoạch thu thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu được giao, đặc biệt năm 2015, mặc dù số thu Ngành Hải quan chịu tác động trực tiếp từ việc giảm mạnh kim ngạch của các mặt hàng chiếm tỷ trọng số thu lớn như dầu thô xuất khẩu, xăng dầu nhập khẩu, tác động từ giảm thuế suất thuế nhập khẩu (hàng hóa được hưởng ưu đãi) tuy nhiên, Ngành Hải quan hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ với



tổng số thu là 261.824 tỷ đồng, đạt 100,7% dự toán (260.000 tỷ đồng). Các năm 2012, 2013, dưới tác động sâu, rộng, trực tiếp của suy thoái kinh tế thế giới, làm giảm mạnh kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu, do vậy, không đạt được dự toán được giao.

Tính đến ngày 31/12/2018, tổng số thu thuế của toàn ngành Hải quan đạt 314.907 tỷ đồng, bằng 111,27% dự toán, bằng 107,5 % chỉ tiêu phần đầu, tăng 6,0 % so với cùng kỳ 2017.

- Về tình hình xóa nợ thuế: Tổng số tiền xóa nợ theo quy định từ năm 2011 đến năm 2015 là 519.672 triệu đồng (Năm trăm mười chín tỷ sáu trăm bảy mươi hai triệu đồng), cụ thể:

- + Năm 2011: Số tiền thuế đã thực hiện xóa nợ là 1.066 triệu đồng;
- + Năm 2012: Số tiền thuế đã thực hiện xóa nợ là 2.622 triệu đồng;
- + Năm 2013: Số tiền thuế đã thực hiện xóa nợ là 1.374 triệu đồng;
- + Năm 2014: Số tiền thuế đã thực hiện xóa nợ là 465.780 triệu đồng;
- + Năm 2015: Số tiền thuế đã thực hiện xóa nợ là 48.830 triệu đồng.

- Về quản lý nợ thuế:

+ Số lượng doanh nghiệp nợ thuế chuyên thu quá hạn tăng dần qua các năm từ 2010 đến 2012. Tuy nhiên, con số này đã giảm đáng kể ở giai đoạn tiếp theo. Cụ thể: năm 2013 giảm được 2.275 doanh nghiệp, tương ứng với 17,53% tổng số doanh nghiệp nợ thuế chuyên thu quá hạn của năm 2012. Năm 2014 cũng giảm được 1.345 doanh nghiệp tương ứng 12,57% tổng số doanh nghiệp nợ thuế chuyên thu quá hạn năm 2013. Tính đến tháng 9/2015, con số này đã giảm thêm được 648 doanh nghiệp so với năm 2014.

+ Số nợ thuế đã thu hồi được lũy kế từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013 là 1.807 tỷ đồng chiếm 28,18% trong tổng số nợ chuyên thu năm 2013 (khoảng 6.412,9 tỷ đồng). Tương tự, tổng số thu hồi và xử lý nợ lũy kế từ ngày 01/01/2014 đến 31/12/2014 là khoảng 2.060 tỷ đồng chiếm 41,63% trong tổng số nợ chuyên thu năm 2014 (khoảng 4.947,4 tỷ đồng), và đến tháng 12/2015 là 56% (740 tỷ đồng) so với chỉ tiêu thu hồi tại Quyết định số 260/QĐ-TCHQ ngày 30/01/2015. Kết quả thu hồi và xử lý nợ thuế năm 2018 là 1.521 tỷ đồng, trong đó thu hồi và xử lý nợ phát sinh trước 01/01/2018 là 511,4 tỷ đồng, thu hồi và xử lý nợ phát sinh trong năm 2018 là 1.009,6 tỷ đồng.

+ Tính đến ngày 31/12/2015, tổng số nợ thuế chuyên thu quá hạn của các lô hàng đã thông quan, giải phóng hàng là: 4.312,5 tỷ đồng, giảm 634,9 tỷ đồng so với năm 2014, trong đó: Nợ khó thu là: 3.704,1 tỷ đồng; Nợ chờ xóa, xét miễn, giảm là: 164 tỷ đồng; Nợ có khả năng thu là: 444,2 tỷ đồng.

+ Tổng số nợ khó đòi qua các năm từ 2010 đến 2013 đều tăng, năm sau cao hơn năm trước, nguyên nhân là do đa số nợ còn tồn đọng đến nay phát sinh từ trước khi Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 và Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 có hiệu lực thi hành. Chỉ đến 2014, số nợ khó



đòi mới giảm so với 2013 (số giảm được là 425,7 tỷ đồng, tương ứng giảm 11,13%).

Tính đến ngày 31/12/2018, Tổng nợ chuyên thu quá hạn là 5.289,44 tỷ đồng, giảm 77 tỷ đồng (tương đương giảm 1,45%) so với thời điểm 31/12/2017, chiếm 1,68% tổng thu NSNN (5.289/314.000 tỷ đồng). Trong đó:

+ Nhóm nợ khó thu là 3.815 tỷ đồng, giảm 56,44 tỷ đồng, tương đương giảm 1,46%;

+ Nhóm nợ chờ xóa, xét miễn, giảm, gia hạn là 100,35 tỷ đồng, giảm 11,12 tỷ đồng, tương đương giảm 9,98 %;

+ Nhóm nợ có khả năng thu là 1,374,09 tỷ đồng, tăng 54,28 tỷ đồng, tương đương tăng 4,11% so với cùng kỳ năm 2017.

1.4 Công tác kiểm soát hải quan

Công tác kiểm soát hải quan giai đoạn 2011 đến nay được đẩy mạnh: Hoàn thiện cơ sở pháp lý đầy đủ, thống nhất từ Luật tới các văn bản hướng dẫn thi hành; Kiện toàn tổ chức bộ máy, nhân sự và hoạt động của lực lượng kiểm soát hải quan theo ngành dọc từ Trung ương đến cơ sở; xây dựng và triển khai hiệu quả nhiều đề án lớn nhằm tăng cường năng lực cho lực lượng kiểm soát hải quan theo hướng chuyên sâu- chuyên nghiệp - hiệu quả gồm: Đề án nâng cao năng lực cho lực lượng hải quan chuyên trách chống buôn lậu đến năm 2020, Đề án tăng cường năng lực phòng, chống ma túy của Ngành Hải quan, Đề án đầu tư trang bị và quản lý tàu thuyền của Ngành Hải quan giai đoạn 2011-2020...; Công nghệ thông tin, các kỹ thuật quản lý hiện đại, trang thiết bị kỹ thuật hiện đại được ứng dụng, phục vụ hiệu quả hoạt động nghiệp vụ; Khai thác, sử dụng có hiệu quả hệ thống thu thập thông tin tình báo và các hệ thống kiểm soát, cảnh báo trực tuyến; Sử dụng đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ, xây dựng kế hoạch, xác lập chuyên đề, chuyên án đấu tranh hiệu quả với các lĩnh vực dễ bị lợi dụng để vi phạm; các mặt hàng cấm, hàng nhập khẩu có điều kiện, hàng có thuế suất cao, hàng bách hóa, hàng kém chất lượng, vi phạm vệ sinh an toàn thực phẩm, vi phạm về môi trường, ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, sức khỏe cộng đồng; Công tác phối hợp giữa hải quan với các lực lượng chức năng được tăng cường thông qua việc ký kết các quy chế phối hợp lực lượng với Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển...

Nổi bật, Tổng cục Hải quan đã chủ động, tích cực tham mưu cho Bộ Tài chính, Chính phủ thành lập và triển khai nhanh chóng, chất lượng mô hình tổ chức, hoạt động của Ban chỉ đạo quốc gia chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả (gọi tắt là Ban chỉ đạo 389 quốc gia) và Văn phòng thường trực của Ban chỉ đạo; Giúp lãnh đạo Bộ Tài chính, lãnh đạo Tổng cục Hải quan thực hiện tốt vai trò thường trực giúp việc cho Ban chỉ đạo 389 quốc gia nhằm tăng cường hiệu quả công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng, các địa phương về đấu tranh phòng, chống buôn lậu. Từ 16/12/2017 đến 15/12/2018, lực lượng kiểm soát Hải quan toàn Ngành đã chủ trì, phối hợp phát hiện, bắt giữ, xử lý 16.633 vụ vi phạm pháp luật Hải quan (tăng 9,54% so với cùng kỳ năm 2017); trị giá

hàng hóa vi phạm ước tính 1.702 tỷ 417 triệu đồng (tăng 115,61% so với cùng kỳ năm 2017). Số tiền thu nộp ngân sách nhà nước là 350 tỷ 966 triệu đồng (tăng 4,83% so với cùng kỳ năm 2017). Cơ quan Hải quan đã khởi tố 62 vụ (tăng 21,57% so với cùng kỳ năm 2017). Chuyển cơ quan khác khởi tố 133 vụ (tăng 95,59 % so với cùng kỳ năm 2017).

Việc triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới của Ngành Hải quan trong thời gian qua đã góp phần nâng cao tinh thần trách nhiệm, thống nhất trong nhận thức và hành động của cán bộ, công chức; từng bước ngăn chặn, đẩy lùi hoạt động buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, gian lận thương mại, hàng giả, góp phần bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ môi trường, sức khỏe cộng đồng, chống thất thu ngân sách nhà nước.

1.5 Công tác quản lý rủi ro

Trong giai đoạn 2011 đến nay, công tác quản lý rủi ro của Ngành Hải quan đã được quan tâm, hoàn thiện và nâng cao một bước, trở thành nghiệp vụ cơ bản và trọng tâm trong quản lý hải quan hiện đại với bước đầu được triển khai trong hoạt động thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu và định hướng sẽ triển khai trong tất cả các hoạt động nghiệp vụ hải quan.

Kết quả cụ thể đã đạt được:

- Các nội dung quản lý rủi ro được luật hóa tại Luật Hải quan 2014 và các văn bản hướng dẫn Luật, trên cơ sở phù hợp với tiêu chuẩn, thông lệ quốc tế và điều kiện thực tiễn hoạt động Hải quan.

- Công tác quản lý rủi ro bước đầu đã đáp ứng yêu cầu thực tiễn quản lý của hải quan Việt Nam, là nền tảng cho hệ thống thông quan tự động, tập trung VNACCS/VCIS góp phần to lớn cho việc tạo thuận lợi thương mại, nâng cao hiệu quả công tác quản lý hải quan, đảm bảo minh bạch, hiệu quả.

- Triển khai thành công chương trình quản lý rủi ro phục vụ kiểm tra bằng biện pháp soi chiếu qua máy soi đối với hàng hóa đang trong quá trình xếp, dỡ, vận chuyển, lưu giữ tại kho, bãi, cảng, khu vực cửa khẩu tại sân bay và cảng biển tại 03 Cục Hải quan tỉnh, thành phố là Hà Nội, Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh.

- Công tác quản lý, đánh giá tuân thủ doanh nghiệp được triển khai trên 05 mảng nghiệp vụ: quản lý hồ sơ doanh nghiệp; đánh giá tuân thủ pháp luật; xếp hạng doanh nghiệp; quan hệ đối tác doanh nghiệp và áp dụng chính sách quản lý tuân thủ đối với doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu. Tính đến ngày 31/12/2015, trên Hệ thống thông tin quản lý rủi ro có 132.707 hồ sơ doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất nhập khẩu từ năm 2001, trong đó đã phối hợp các Cục Hải quan tỉnh, thành phố và các đơn vị liên quan tổ chức thu thập thông tin, kiểm tra đánh giá tuân thủ và xếp hạng rủi ro đối với 86.908 doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu trong vòng 02 năm trở lại đây; đánh giá, phân loại

và chuyển giao danh sách 3.520 doanh nghiệp FDI để kiểm tra sau thông quan, thẩm định, đánh giá tuân thủ giai đoạn 2015-2016; thường xuyên tổng hợp danh sách doanh nghiệp tuân thủ, không tuân thủ, nợ thuế, cưỡng chế thuế, giải thể, phá sản, ngừng hoạt động để áp dụng phù hợp các biện pháp kiểm soát rủi ro;

- Triển khai có hiệu quả chương trình quản lý rủi ro phục vụ giám sát, kiểm tra trọng điểm đối với người xuất nhập cảnh, hành lý của người xuất nhập cảnh, với một số kết quả cụ thể: Áp dụng quy trình quản lý rủi ro và triển khai cài đặt, ứng dụng hệ thống thông tin hành khách xuất nhập cảnh (mô hình của Cục Hải quan thành phố Hồ Chí Minh) tại 09 Chi cục có sân bay quốc tế trực thuộc 09 Cục Hải quan tỉnh, thành phố có sân bay quốc tế trên cả nước; xây dựng cơ chế áp dụng quản lý rủi ro đối với hành lý của hành khách xuất nhập cảnh; xây dựng, ban hành danh mục dấu hiệu rủi ro danh sách hành khách xuất nhập cảnh rủi ro cao để cung cấp, cảnh báo phục vụ xác định trọng điểm kiểm tra, giám sát hải quan; thu thập thông tin, phân tích và cảnh báo rủi ro đối với 39 đối tượng trọng điểm là hành khách xuất nhập cảnh; xác lập các chuyên đề theo tuyến và chuyến bay trọng điểm về buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.

- Kết quả phân luồng kiểm tra đối với hàng hóa xuất nhập khẩu:

Phân luồng	Năm				
	2011	2012	2013	2014	2015
	Số lượng Tờ khai	Số lượng Tờ khai	Số lượng Tờ khai	Số lượng Tờ khai	Số lượng Tờ khai
Xanh	2.732.740	3.156.302	3.416.023	3.656.934	4.592.990
Vàng	1.281.470	1.262.238	1.673.141	2.195.212	3.155.044
Đỏ	582.446	571.578	580.178	621.383	632.415
Tổng	4.596.626	4.990.307	5.669.371	6.473.538	8.380.449

Phân luồng	Năm		
	2016	2017	13/11/2018
	Số lượng Tờ khai	Số lượng Tờ khai	Số lượng Tờ khai
Xanh	5.673.068	6.295.894	6.135.262
Vàng	3.304.850	4.057.761	3.693.366
Đỏ	508.248	565.012	528.176
Tổng	9.486.166	10.918.667	10.356.804

Có thể thấy chỉ tính từ năm 2011 đến năm 2015, số lượng tờ khai đã tăng gấp 1.82 lần, tuy nhiên, tỷ lệ luồng đỏ giảm từ 12.54% xuống còn 7.55%. Theo báo cáo của Cục Quản lý rủi ro tại buổi họp báo chuyên đề ngày 25/8/2017 về “Triển khai Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 28/4/2016 về phân luồng tờ khai hàng hóa xuất nhập khẩu” thì năm 2016, cơ quan hải quan đã tiếp nhận và xử lý gần 9,5 triệu tờ khai; trong đó phân luồng xanh hơn 5,67 triệu tờ khai (chiếm 59,80%); luồng vàng hơn 3,3 triệu tờ khai (chiếm 34,84%); và luồng đỏ là 508.248 tờ khai (chiếm 5,36%). Tính đến hết ngày 31/7/2017, luồng xanh có 3.491.560 tờ khai (chiếm tỷ lệ 57,53%); luồng vàng có 2.273.515 tờ khai (chiếm tỷ lệ 37,46%); luồng đỏ giảm chỉ còn 304.337 (chiếm tỷ lệ 5,01%.

Từ 16/12/2017 đến 15/12/2018, lực lượng kiểm soát Hải quan toàn Ngành đã chủ trì, phối hợp phát hiện, bắt giữ, xử lý 16.633 vụ vi phạm pháp luật Hải quan (tăng 9,54% so với cùng kỳ năm 2017); trị giá hàng hóa vi phạm ước tính 1.702 tỷ 417 triệu đồng (tăng 115,61% so với cùng kỳ năm 2017). Số tiền thu nộp ngân sách nhà nước là 350 tỷ 966 triệu đồng (tăng 4,83% so với cùng kỳ năm 2017). Cơ quan Hải quan đã khởi tố 62 vụ (tăng 21,57% so với cùng kỳ năm 2017). Chuyển cơ quan khác khởi tố 133 vụ (tăng 95,59 % so với cùng kỳ năm 2017).

Như vậy, Ngành Hải quan đã đồng thời vượt mức mục tiêu về tỷ lệ lần thời gian giảm luồng đỏ mà Chính phủ đề ra là đến năm 2020, luồng đỏ đạt dưới 7%. Đây là sự nỗ lực lớn của Ngành Hải quan khi giảm được 9% luồng đỏ chỉ trong 6 năm”.

1.6 Về kiểm tra sau thông quan

Về cơ bản công tác kiểm tra sau thông quan đã đi vào hoạt động một cách chuyên nghiệp, đạt được kết quả nhất định góp phần quản lý hải quan hiệu quả: đã xây dựng được cơ sở pháp lý cho hoạt động kiểm tra sau thông quan; hoạt động kiểm tra sau thông quan cơ bản được triển khai theo thông lệ phổ biến của Hải quan các nước là Kiểm toán sau thông quan (PCA), tuy nhiên mới chỉ chủ yếu tập trung cho việc đảm bảo nguồn thu ngân sách nhà nước; quy trình nghiệp vụ đang được chuẩn hóa trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin; hình thành được cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp để phân loại đánh giá doanh nghiệp phục vụ kiểm tra sau thông quan cũng như phản hồi kết quả cho các khâu nghiệp vụ. Bộ máy tổ chức kiểm tra sau thông quan thống nhất từ Tổng cục Hải quan đến các Cục Hải quan; lực lượng kiểm tra sau thông quan đã cơ bản đạt trình độ đáp ứng công việc, hoạt động có hiệu quả, biên chế chiếm 7,5 % tổng biên chế của ngành.

Giai đoạn 2011-2015, tổng số cuộc kiểm tra sau thông quan: 18.322 cuộc (tăng gấp 4,5 lần so với giai đoạn trước năm 2011), tổng số tiền ấn định 6.848 tỷ đồng (tăng gấp 5,2 lần so với giai đoạn trước năm 2011), thực thu vào ngân sách nhà nước là 6.009 tỷ đồng (tăng gấp 5,8 lần so với giai đoạn trước năm 2011).

Năm 2016: Tổng số cuộc kiểm tra sau thông quan: **9.295** cuộc. Quyết định truy thu **3.303** tỷ đồng (bằng 169% cùng kỳ năm 2015); Đã thực thu vào NSNN (bao gồm cả thu nợ từ những năm trước) **2.223** tỷ đồng (bằng 118% so với cùng kỳ năm 2015).

Năm 2017: Tổng số cuộc đã kết thúc KTSTQ: **8.252** cuộc. Tổng số tiền ấn định thuế và xử phạt vi phạm hành chính là: 2.184.811.163.828 đồng (bằng 64,46% so với cùng kỳ năm 2016); Đã thực thu vào NSNN số tiền: 1.982.658.894.101 đồng (đạt 99,13% chỉ tiêu năm 2017, bằng 95,11% so với cùng kỳ năm 2016).

Từ ngày 01/1/2018 đến ngày 31/12/2018: Tổng số cuộc KTSTQ đã thực hiện: 6.320 cuộc, trong đó có 1.313 cuộc tại trụ sở người khai hải quan (đạt 103% chỉ tiêu năm 2018), 5.007 cuộc tại trụ sở cơ quan hải quan. Tổng số tiền ấn định thuế và xử phạt vi phạm hành chính là: 2.262 tỷ đồng, đã thực thu vào NSNN số tiền (bao gồm thu cả các cuộc năm 2017) là 2.080 tỷ đồng, đạt 93% chỉ tiêu năm 2018 (2.235 tỷ đồng), đạt 107% chỉ tiêu điều chỉnh (1.949 tỷ đồng).

1.7 Về xây dựng hệ thống chỉ số đo lường hoạt động của ngành

- Hình thành được phương pháp luận cho các công việc: Xây dựng và sử dụng chỉ số đánh giá hoạt động hải quan; Tiến hành cuộc đo thời gian giải phóng hàng; Khảo sát sự hài lòng của khách hàng đối với hoạt động hải quan (các năm 2012, 2013, 2014). Đã xây dựng và ban hành danh mục chỉ số hoạt động hải quan sử dụng thống nhất trong ngành từ năm 2011 và tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện trong năm 2012-2013.

- Thực hiện cuộc đo thời gian giải phóng hàng cấp quốc gia trong năm 2013, ban hành công văn 9533/TCHQ-CCHĐH ngày 30/7/2014 về việc ghi nhận kết quả chỉ số năm 2013. Đến nay, một số Cục Hải quan đã chủ động tổ chức thực hiện đo thời gian giải phóng hàng và khảo sát nhận thức khách hàng như: Cục Hải quan Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Quảng Ninh; Tổng cục Hải quan đã công bố kết quả đo thời gian giải phóng hàng của Hải quan Việt Nam năm 2013 vào ngày 19/9/2014 với sự tham gia của đại diện 05 Bộ, ngành, 07 Cục Hải quan tỉnh, thành phố, các Hiệp hội doanh nghiệp Việt Nam, Phòng thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các tổ chức quốc tế (ADB, USAID) và các cơ quan báo đài, theo đó thời gian trung bình từ khi đăng ký tờ khai đến khi Hải quan thông quan/giải phóng đối với hàng nhập khẩu là 32:37:55 (giờ: phút: giây), thời gian trung bình từ khi tiếp nhận tờ khai hải quan đến khi thông quan/giải phóng đối với hàng xuất khẩu là 1h 06 phút.

- Tháng 6/2015, Tổng cục Hải quan đã phối hợp với VCCI, các Bộ, ngành đề tổ chức cuộc đo thời gian trung bình giải phóng hàng tại 07 Cục Hải quan tỉnh, thành phố và 11 Chi cục.

1.8 Một số nội dung cải cách hiện đại hóa cơ bản khác

a. Các chương trình phát triển quan hệ đối tác

Tổ chức các phiên làm việc với chuyên gia quốc tế của dự án StarPlus, WCO để trao đổi kinh nghiệm và phương pháp thúc đẩy quan hệ đối tác; tổ chức các hội thảo khu vực và hội thảo quốc gia về quan hệ đối tác; thực hiện tham vấn các hiệp hội doanh nghiệp: VCCI, VBF để tìm kiếm cơ hội và khả năng hợp tác; tiến hành khảo sát thực tế tại một số địa bàn trọng điểm; xây dựng Báo cáo Phân tích khoảng cách. Xây dựng, ban hành "Kế hoạch phát triển quan hệ đối tác Hải quan - Doanh nghiệp giai đoạn 2013 - 2015" làm căn cứ cho việc tổ chức các hoạt động thúc đẩy mối quan hệ đối tác giữa Hải quan - Doanh nghiệp. Tổ chức Lễ ra mắt Nhóm công tác Hải quan - Doanh nghiệp và ký kết thỏa thuận hợp tác giữa Tổng cục Hải quan với VCCI và Liên minh VBF về Cơ chế thông tin, hỗ trợ và tăng cường quan hệ hợp tác Hải quan - Doanh nghiệp giai đoạn 2014 - 2020 tại trụ sở Tổng cục Hải quan; tổ chức Hội nghị tập huấn về công tác phát triển quan hệ đối tác Hải quan - Doanh nghiệp với sự tham gia chuyên gia dự án USAID GIG và 18 hiệp hội doanh nghiệp, doanh nghiệp; tập huấn giới thiệu kỹ năng tham vấn hải quan tại 03 khu vực Bắc, Trung, Nam; tập huấn kỹ năng giải quyết xung đột và kỹ năng đàm phán cho một số Cục Hải quan tỉnh, thành phố lớn và một số đơn vị thuộc Tổng cục Hải quan; hướng dẫn và lập kế hoạch tổ chức các cuộc tham vấn tại 07 Cục Hải quan tỉnh, thành phố lớn: TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, TP. Đà Nẵng, TP. Hải Phòng, Lạng Sơn, Bình Dương, Đồng Nai.

b. Hợp tác quốc tế lĩnh vực hải quan

Hải quan Việt Nam tiếp tục được duy trì thúc đẩy và mở rộng từ các nước bạn bè truyền thống sang hợp tác với hải quan các nước có quan hệ kinh tế thương mại lớn với Việt Nam, gắn chặt chẽ với nhiệm vụ trọng tâm của ngành là quản lý tốt hơn hoạt động xuất nhập khẩu thông quan việc trao đổi thông tin nghiệp vụ, học tập kinh nghiệm nghiệp vụ. Nhiều hiệp định, thỏa thuận hợp tác hải quan đã được ký kết, nhằm nâng cao hiệu quả tạo thuận lợi cho hàng hóa xuất nhập khẩu, phương tiện xuất nhập cảnh qua biên giới, đồng thời tăng cường đấu tranh phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển các chất ma túy hàng cấm qua biên giới, nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật đảm bảo an ninh, chủ quyền lợi ích kinh tế quốc gia.

Hợp tác hải quan đa phương giai đoạn 2011 đến nay đã mang lại cho Hải quan Việt Nam nhiều kết quả hết sức quan trọng thúc đẩy quá trình cải cách hiện đại hóa bằng việc triển khai các cam kết đa phương nhờ đó tiếp cận và khẳng định được trình độ quản lý hải quan hiện đại và đã nâng trình độ chuyên môn về quản lý và thực thi các hiệp thương mại đã cam kết trong khuôn khổ các hiệp định thương mại tự do,...

Vị thế của Hải quan Việt Nam trong ASEAN tiếp tục được khẳng định trong việc thực hiện các chương trình sáng kiến hợp tác hải quan khu vực. Tháng 6/2014, Hải quan Việt Nam đăng cai tổ chức Hội nghị Tổng cục trưởng Hải quan ASEAN lần thứ 23. Trong giai đoạn 2011-2015, Tổng cục Hải quan đã làm tốt vai trò chủ trì điều phối của chính phủ trong đàm phán hiệp định tạo thuận lợi thương mại WTO trong bối cảnh nội dung đàm phán rộng, có liên quan

đến nhiều bộ ngành và đan xen lợi ích. Với các thể chế đa phương khác như WCO, APEC, ASEM các cam kết liên quan đến Hải quan được thực hiện đúng tiến độ đáp ứng yêu cầu hội nhập. Giai đoạn này, lần đầu tiên đã cử đại diện Hải quan tại Brussels, Bỉ vừa để tham gia các hoạt động của WCO vừa theo dõi cập nhật thông tin từ các nước Châu Âu phục vụ cho công tác hội nhập và quản lý hải quan.

Trong thời gian qua, sự hỗ trợ của các đối tác phát triển đã đóng góp tích cực, thúc đẩy cải cách thể chế, phát triển nguồn lực con người và đầu tư cơ sở hạ tầng hiện đại hóa. Các hoạt động hỗ trợ dưới hình thức viện trợ không hoàn lại các thiết bị kiểm tra, kiểm soát hiện đại (máy soi container, máy phát hiện hiện phóng xạ, thiết bị phục vụ công tác kiểm hóa trị giá hàng trăm triệu USD...), đào tạo các mảng nghiệp vụ, xây dựng năng lực nghiệp vụ... bắt nguồn từ các chương trình hợp tác với các nước đối tác như WCO, Hoa Kỳ, Pháp, Nhật Bản, Hàn Quốc...

Trong khuôn khổ hợp tác tiêu vùng sông Mê Kông mở rộng, Tổng cục Hải quan đã thực hiện tốt giai đoạn 1 thí điểm một cửa một lần dừng tại cặp cửa khẩu Lao Bảo - Đen Sa Ván, hoàn tất đàm phán thỏa thuận với phía Lào để triển khai bước 4 (giai đoạn 2) của việc thực hiện kiểm tra một cửa một lần dừng tại cặp cửa khẩu này từ ngày 1/4/2015.

2. Một số tồn tại, hạn chế trong quá trình cải cách, hiện đại hóa Ngành Hải quan giai đoạn 2011 đến nay

2.1. Về Thể chế

- Các văn bản hướng dẫn Luật Hải quan cần tiếp tục hoàn thiện, bổ sung làm cơ sở cho việc triển khai hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do (FTA), Hiệp định tạo thuận lợi thương mại (TF) đã ký kết.

- Các văn bản triển khai thi hành Luật Hải quan chưa được ban hành cùng thời gian với Luật Hải quan dẫn đến vướng mắc trong công tác thực hiện. Bên cạnh đó, vẫn có tình trạng văn bản quá dài, nhiều nội dung dễ dẫn đến cách hiểu, cách áp dụng không thống nhất.

- Các văn bản hướng dẫn Luật Hải quan chưa hoàn toàn đáp ứng yêu cầu của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, thủ tục hải quan đối với các loại hình hàng hóa có loại được quy định chi tiết ở Nghị định, có loại lại được chi tiết ở Thông tư dẫn đến khó khăn trong việc áp dụng văn bản. Một số nội dung về thủ tục hải quan đối với một số trường hợp chưa được quy định chi tiết dẫn đến phải hướng dẫn bằng công văn.

- Một số quy trình nghiệp vụ còn chậm ban hành. Theo kế hoạch cần ban hành 21 quy trình nghiệp vụ để triển khai thi hành Luật Hải quan. Tuy nhiên, đến nay mới ban hành được 16 quy trình (chủ yếu liên quan đến lĩnh vực quản lý rủi ro).

- Văn bản pháp luật về kiểm tra chuyên ngành của các Bộ, ngành liên quan quá nhiều, còn chồng chéo, chưa đồng bộ, gây khó khăn cho cơ quan hải

quan và cộng đồng doanh nghiệp trong việc thực thi. Mặt khác, chưa có sự tương thích giữa một số văn bản quy phạm pháp luật hoặc thực tế công tác kiểm tra chuyên ngành với Luật Hải quan 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành nên một số quy định chưa phát huy hết vai trò tích cực trong công tác cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian thông quan.

2.2. Về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan

- Hệ thống công nghệ thông tin thực hiện thủ tục hải quan điện tử chưa được xây dựng đồng bộ với các mảng nghiệp vụ khác như kiểm tra sau thông quan, hệ thống thông tin hỗ trợ công tác kiểm soát, chống buôn lậu, khai báo thông tin manifest hàng không.. và các công cụ khai thác hỗ trợ quản lý hải quan;

- Việc kiểm tra hàng hóa tại kho, bãi, cảng, khu vực cửa khẩu qua hệ thống máy soi còn chưa hiệu quả do chưa có tiêu chí lựa chọn lô hàng kiểm tra, số lượng máy soi, vị trí bố trí máy soi còn chưa hợp lý khó khăn cho công tác soi chiếu. Tỷ lệ kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế hàng hóa giảm so với năm trước nhưng chưa đáp ứng mục tiêu yêu cầu tạo thuận lợi. Kết quả kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế hàng hóa chưa hiệu quả, tỷ lệ phát hiện vi phạm trong kiểm tra hải quan chưa phản ánh đúng thực trạng vi phạm đang diễn ra (mới đạt trên 1,43%).

- Số lượng hồ sơ thực hiện qua Cơ chế một cửa quốc gia giai đoạn đầu kết nối chính thức còn chưa nhiều. Các Bộ, ngành vẫn đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Hệ thống Công nghệ thông tin để kết nối và thực hiện các thủ tục hành chính trên công thông tin một cửa.

- Công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu vẫn còn nhiều bất cập dẫn đến thời gian thực hiện kéo dài ảnh hưởng đến quá trình và thời gian làm thủ tục thông quan hàng hóa của cơ quan hải quan (danh mục hàng hóa phải kiểm tra quá rộng; phương tiện kỹ thuật, nguồn nhân lực phục vụ kiểm tra chuyên ngành tại khu vực cửa khẩu còn thiếu và yếu; phối hợp và trao đổi thông tin giữa các đơn vị còn hạn chế...).

- Công tác giám sát chưa chuyển biến mạnh mẽ theo quy định của Luật Hải quan và các văn bản quy định chi tiết thi hành. Việc giám sát chủ yếu vẫn thực hiện thủ công nên mất nhiều thời gian và nguồn lực, hiệu quả không cao. Việc ứng dụng trang thiết bị kỹ thuật hiện đại trong giám sát còn hạn chế, nhiều phương pháp giám sát mới đang áp dụng thí điểm (GPS, giám sát qua doanh nghiệp kinh doanh kho bãi cảng). Quy trình quy định về áp dụng quản lý rủi ro trong giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu chưa được ban hành, chưa có tiêu chí quản lý rủi ro để áp dụng biện pháp giám sát phù hợp;

- Cơ sở vật chất kỹ thuật của một số doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, cảng còn chưa đáp ứng, một số doanh nghiệp chưa sẵn sàng, do đó hiện nay việc thực hiện quy định giám sát hàng hóa ra vào cảng theo quy định tại Điều 41 Luật Hải quan mới đang được thực hiện thí điểm tại Cục Hải quan Hải Phòng.

- Đại lý hải quan chưa phát huy được vai trò, số lượng đại lý hải quan hoạt động đúng nghĩa còn nhỏ so với tổng số lượng đại lý, theo Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh, đã có 80% doanh nghiệp sử dụng dịch vụ của đại lý hải quan nhưng chỉ có 10% đại lý hải quan đứng tên tờ khai. Hoạt động đại lý gặp sự cạnh tranh không lành mạnh của các cá nhân, doanh nghiệp không phải đại lý nhưng thực hiện dịch vụ làm thủ tục thay cho chủ hàng, dẫn đến nhiều rủi ro cho chủ hàng khi không chịu trách nhiệm pháp lý và không chịu sự quản lý của cơ quan hải quan.

2.3. Về quản lý thuế

- Mức thuế xuất nhập khẩu ưu đãi là 43 mức (theo Thông tư số 164/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013 của Bộ Tài chính), chưa đạt được kế hoạch đề ra (năm 2015 còn 5 mức), do các nguyên nhân: Thực hiện các mức cam kết về thuế suất với WCO; thực hiện yêu cầu bảo hộ sản xuất trong nước (sử dụng hàng rào thuế quan); phải đảm bảo nguồn thu cho Ngân sách Nhà nước.

- Công tác phối hợp thu thuế triển khai giữa cơ quan hải quan với 27 ngân hàng thương mại, một số trường hợp doanh nghiệp đã nộp thuế (qua các ngân hàng chưa ký thỏa thuận phối hợp thu với cơ quan hải quan) nhưng chưa được cập nhật vào hệ thống của cơ quan hải quan theo quy định. Chưa có sự phối hợp đồng bộ về thời gian làm việc giữa ngân hàng và cơ quan hải quan dẫn đến tình trạng hàng hóa đã làm thủ tục hải quan nhưng không thể nộp thuế để thông quan do ngân hàng hết giờ làm việc hoặc nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ tết.

- Theo kiến nghị của VCCI, những quy định cần được sửa đổi trước hết là các quy định liên quan đến thuế và quản lý thuế như cách xác định trị giá, các thủ tục không thu thuế, hoàn thuế, quyết toán thuế, kiểm tra sau thông quan.

2.4. Về công tác kiểm soát hải quan

- Thẩm quyền của lực lượng Kiểm soát hải quan chưa tương xứng với nhiệm vụ được giao. Dưới áp lực về khối lượng và thời gian lưu thông hàng hóa ngày càng tăng, phương thức thông quan ngày càng hiện đại; địa bàn quản lý của một số hải quan biên giới trải dài, phức tạp, nhiều đường mòn, lối mở; các đối tượng hoạt động với thủ đoạn ngày càng tinh vi, liều lĩnh nên việc kiểm soát, ngăn chặn, bắt giữ gặp nhiều khó khăn do lực lượng kiểm soát còn mỏng, các trang thiết bị hiện đại phục vụ kiểm soát như thiết bị soi chiếu hàng hóa còn thiếu, kinh phí phục vụ công tác đấu tranh với tội phạm, chống buôn lậu còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ.

- Việc áp dụng việc giám sát trực tuyến mới được thực hiện ở bước đầu và tại một số điểm nên khả năng hỗ trợ kiểm soát vẫn còn hạn chế; Công tác phối hợp, cung cấp thông tin giữa các đơn vị chưa đạt được hiệu quả cao. Nguồn nhân lực dành cho công tác phân tích đánh giá số liệu còn mỏng, hạn chế gây khó khăn cho công tác kiểm soát hải quan; Hệ thống báo cáo của các chương trình nghiệp vụ chưa cung cấp được nhiều thông tin cho lực lượng kiểm soát trong các công tác nghiệp vụ có liên quan.

2.5. Về công tác quản lý rủi ro

- Mặc dù việc tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp, kỹ thuật quản lý rủi ro có vai trò hết sức quan trọng, đảm bảo chất lượng và hiệu quả công tác quản lý rủi ro; tuy vậy thời gian qua, việc triển khai công tác này còn chưa đồng đều, một số biện pháp còn chưa chuyên nghiệp, trong khi có những biện pháp, kỹ thuật đang trong quá trình triển khai thí điểm, ví dụ như công tác đo lường tuân thủ trong hoạt động nghiệp vụ hải quan.

- Việc triển khai áp dụng quản lý rủi ro trong một số lĩnh vực nghiệp vụ hải quan chưa phát huy được hiệu quả; một số lĩnh vực nghiệp vụ chưa được triển khai áp dụng quản lý rủi ro theo quy định của pháp luật.

- Tỷ lệ kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế hàng hóa đối với hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành còn cao. Tỷ lệ phát hiện vi phạm trong kiểm tra thực tế hàng hóa còn thấp, khoảng 1%.

- Hoạt động thu thập, xử lý thông tin trong ngành còn tình trạng riêng rẽ, cát cứ, thiếu tập trung thống nhất; thông tin trên các hệ thống còn chưa đầy đủ, tản mát, chưa được chuẩn hóa, chưa được cập nhật đầy đủ, kịp thời để đáp ứng cho việc xử lý, đánh giá rủi ro.

- Cán bộ, công chức làm công tác quản lý rủi ro nói riêng và đội ngũ công chức ở các khâu nghiệp vụ tại Hải quan các cấp còn hạn chế về nhận thức, năng lực và kiến thức nghiệp vụ.

2.6. Về công tác kiểm tra sau thông quan

- Áp dụng quản lý rủi ro đối với kiểm tra sau thông quan chưa được áp dụng đầy đủ, chưa chú trọng vào việc phân tích, lựa chọn đối tượng kiểm tra. Phương thức kiểm toán hải quan chưa được triển khai thực hiện đầy đủ trong các hoạt động kiểm tra sau thông quan. Đánh giá tuân thủ mới chỉ dừng ở đánh giá trên cơ sở thông tin thu được qua công tác kiểm tra sau thông quan. Trong khi đó mục tiêu đánh giá tuân thủ theo yêu cầu của quản lý hải quan hiện đại là đánh giá tổng thể quá trình chấp hành pháp luật hải quan và pháp luật có liên quan của doanh nghiệp để xác định mức độ tin cậy đối với cơ quan hải quan, qua đó xác định thủ tục tương ứng trong quá trình tiến hành thủ tục hải quan.

- Mô hình tổ chức bộ máy kiểm tra sau thông quan tại Tổng cục (Cục Kiểm tra sau thông quan) chưa phù hợp dẫn đến hạn chế trong việc triển khai hoạt động kiểm tra sau thông quan tại các địa bàn, các khu vực trong toàn quốc; Mô hình các phòng thuộc Cục Kiểm tra sau thông quan (kiểm tra sau thông quan theo lĩnh vực) thiếu thẩm quyền trong việc kiểm tra xử lý; hạn chế trong việc kiểm tra tính tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp.

- Cán bộ làm công tác kiểm tra sau thông quan còn thiếu, chưa đáp ứng yêu cầu khối lượng công việc ngày càng tăng; thiếu cán bộ có kinh nghiệm, kỹ năng chuyên nghiệp, trình độ chuyên sâu.

- Ứng dụng công nghệ thông tin và thu thập thông tin phục vụ hoạt động kiểm tra sau thông quan còn hạn chế. Chưa xây dựng và áp dụng hệ thống chỉ số đo lường trong hoạt động kiểm tra sau thông quan.

2.7. Về xây dựng hệ thống chỉ số đo lường hoạt động của ngành Hải quan.

Sự quan tâm và đầu tư nguồn lực đối với công tác chỉ số đánh giá hoạt động tại nhiều đơn vị còn chưa tương xứng; chưa sử dụng thông tin về kết quả của chỉ số để phục vụ cho hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực hải quan; việc báo cáo kết quả chỉ số tại một số đơn vị vẫn còn mang tính chất hình thức mà không xây dựng nguồn số liệu ngay từ đầu, không có sự rà soát, kiểm soát số liệu, kết quả chỉ số; còn nhiều đơn vị chưa quan tâm đến nội dung phân tích, đánh giá các yếu tố tác động đến chỉ số, xác định những yếu tố tác động gây ra những thay đổi số liệu, qua số liệu chỉ số chưa nêu được điểm mạnh, điểm yếu của hoạt động được đánh giá, chưa xác định được nguyên nhân của tồn tại để có giải pháp khắc phục, việc ứng dụng hệ thống chỉ số trong công tác điều hành chưa được quan tâm đúng mức nhằm mục đích nâng cao hiệu quả lĩnh vực hoạt động.

2.8. Về tổ chức bộ máy, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

a. Về tổ chức bộ máy

- Chức năng, nhiệm vụ của một số Vụ, Cục thuộc Tổng cục vẫn còn chưa rõ ràng, chồng chéo. Cơ cấu tổ chức của các phòng tham mưu thuộc Cục Hải quan chưa tinh gọn, hiệu quả cần được sắp xếp lại theo hướng giảm bớt cấp trung gian để phù hợp với yêu cầu quản lý hải quan tập trung khi triển khai hệ thống thông quan điện tử VNACCS/VCIS. Số lượng các Đội (Tổ) nghiệp vụ tại một số Chi cục chưa đáp ứng được khối lượng công việc tăng cao và địa bàn quản lý mới phát sinh.

- Việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan; các đơn vị Vụ, Cục thuộc Tổng cục và tương đương; các Phòng, Chi cục Hải quan, Đội Kiểm soát Hải quan và đơn vị tương đương chậm triển khai ảnh hưởng tới tiến độ sắp xếp lại tổ chức, bộ máy.

b. Về quản lý nguồn nhân lực

- Các hoạt động quản lý nguồn nhân lực được thực hiện chủ yếu dựa trên quản lý chức danh, ngạch bậc; chưa đề cập đến từng vị trí việc làm, chưa xác định rõ năng lực chuyên môn (các kiến thức và kỹ năng) cần có của mỗi vị trí. Chưa có một hệ thống danh mục sản phẩm và bảng định mức sản phẩm của từng vị trí việc làm trong ngành. Chưa có hệ thống theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện công việc theo sản phẩm do đó căn cứ đánh giá đang còn chung chung, chưa có tiêu chí cụ thể. Việc quản lý thông tin nhân sự và phần lớn các khâu công tác quản lý nguồn nhân lực của cơ quan hải quan hiện đang thực hiện theo phương thức truyền thống, chưa xây dựng được hệ thống thông tin quản lý nhân sự theo năng lực, áp dụng phương thức điện tử một cách hiệu quả.

- Chế độ đãi ngộ với cán bộ công chức vẫn chưa thực sự đảm bảo cho nhu cầu thiết yếu của cán bộ, công chức dẫn đến nhiều công chức vẫn chưa thực sự tâm huyết trong công việc.

c. Về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

- Cơ chế tài chính áp dụng trong hoạt động đào tạo gặp nhiều vướng mắc dẫn đến việc tổ chức đào tạo còn gặp nhiều khó khăn. Chính sách đào tạo, bồi dưỡng công chức có điểm còn chưa theo kịp sự phát triển hiện đại hóa của Ngành Hải quan, dẫn tới công tác bồi dưỡng còn bị động, thiếu tổng thể gây khó khăn cho triển khai thực hiện và công tác quy hoạch các cấp lãnh đạo.

- Đội ngũ chuyên gia các lĩnh vực nghiệp vụ cơ bản của ngành đã bước đầu hình thành nhưng chưa xây dựng được khung năng lực phù hợp, chưa có cơ chế sử dụng hiệu quả, chưa đảm bảo về số lượng và chất lượng theo yêu cầu.

- Hình thức đào tạo trực tuyến chưa được tổ chức nghiên cứu một cách khoa học để đưa vào thực tiễn hoạt động. Việc triển khai phân tích nhu cầu đào tạo và đào tạo theo khung năng lực của vị trí việc làm chưa triển khai được do chưa kịp xây dựng đủ khung năng lực cho các lĩnh vực nghiệp vụ cơ bản.

- Hệ thống tài liệu thay đổi chậm dẫn đến nhiều bất cập trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức Hải quan.

- Một số nội dung chương trình và tài liệu đào tạo, bồi dưỡng còn chưa bám sát nhu cầu của người học cũng như yêu cầu của các đơn vị dẫn đến việc đào tạo còn trùng lặp, chồng chéo và chưa hiệu quả.

- Công tác đánh giá hiệu quả, chất lượng sử dụng cán bộ công chức sau đào tạo chưa tốt do chưa có hệ thống tiêu chí đánh giá, sử dụng hoặc việc sử dụng sau đào tạo không đúng, không phù hợp với nội dung cán bộ công chức được đào tạo.

2.9. Một số nội dung cải cách hiện đại hóa cơ bản khác

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong lĩnh vực hợp tác quốc tế Hải quan Việt Nam chưa xây dựng được định hướng dài hạn. Việc triển khai các hoạt động hợp tác và hội nhập quốc tế trên thực tế đều xuất phát từ sức ép hội nhập chung của đất nước và các yếu tố xuất phát từ bên ngoài, do đó dẫn đến những bị động trong triển khai thực hiện. Việc chỉ đạo thực hiện và mối quan hệ phối hợp còn chưa thực sự thống nhất. Việc theo dõi, đánh giá kết quả triển khai các cam kết quốc tế chưa thường xuyên và chặt chẽ; hiệu quả của việc tiếp thu kiến thức của các đoàn học tập kinh nghiệm quốc tế còn hạn chế.

3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế trong hoạt động cải cách, hiện đại hóa Hải quan

- Do tính chất và yêu cầu của các công việc về cải cách, hiện đại hóa là phải tiến hành nghiên cứu, đề xuất, xây dựng và triển khai thực hiện những công việc mới, phức tạp, chưa được áp dụng trong Ngành Hải quan; kết quả của việc

cải cách, hiện đại hóa hải quan đòi hỏi phải đảm bảo chất lượng, hiệu quả, góp phần quan trọng để thực hiện quản lý Nhà nước về hải quan có hiệu lực.

- Yêu cầu đặt ra đối với Ngành Hải quan là khi tiến hành nghiên cứu, đề xuất những vấn đề mới về cải cách, hiện đại hóa sẽ đòi hỏi phải có nguồn nhân lực có kiến thức, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm; đồng thời, phải có sự sáng tạo, linh hoạt và tâm huyết với công việc.

- Nhiều việc phải tiến hành trong thời gian dài, đòi hỏi phải có sự đầu tư rất lớn về công sức và nhân lực (thường là huy động trong toàn ngành); công chức thực hiện phải tiến hành nghiên cứu, học tập kinh nghiệm trong nước và quốc tế về những vấn đề liên quan.

- Việc triển khai, thực hiện đòi hỏi phải có sự phối kết hợp chặt chẽ với nhiều đơn vị trong và ngoài Ngành Hải quan.

- Làm cái mới, thay đổi cái cũ, đụng chạm đến tư duy, thói quen, lợi ích. Do vậy, khi bắt đầu triển khai, thực hiện thường chưa nhận được sự đồng tình, ủng hộ của một bộ phận công chức trong Ngành và cộng đồng doanh nghiệp. Do đó, phải tổ chức tuyên truyền, quán triệt để nâng cao nhận thức của mọi cá nhân, tổ chức trong và ngoài Ngành Hải quan.

V. CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

1. Kết quả triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực hải quan giai đoạn 2011 đến nay

Đặc điểm hoạt động của Ngành Hải quan là chuyên tiếp xúc với khối lượng hàng hóa, tiền tệ lớn thông qua hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa. Do vậy, đây là khu vực nhiều nguy cơ xảy ra tham nhũng. Thủ tục hải quan lạc hậu, thủ công, nhiều giấy tờ phiền phức chính là một trong những nguyên nhân khiến cho doanh nghiệp, khách hàng muốn làm thủ tục nhanh, không mất thời gian, công sức chờ đợi thường hay chi một khoản tiền để hối lộ, lót tay cho cán bộ, công chức hải quan. Thủ tục hải quan lạc hậu cũng chính là cái cớ để công chức hải quan vin vào gây khó dễ, chậm trễ cho doanh nghiệp. Mặt khác, các đối tượng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (đặc biệt là các đối tượng có hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, buôn bán hàng giả) sẽ vì lợi ích của mình, tìm mọi cách hối lộ công chức hải quan với giá trị lớn, thậm chí là rất lớn, gây thất thoát nguồn thu vào ngân sách nhà nước và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp chân chính.

Để giảm bớt cơ hội tiếp xúc giữa cán bộ, công chức hải quan và các doanh nghiệp, giảm thiểu các cơ hội dẫn đến tiêu cực, tham nhũng, nâng cao liêm chính hải quan, một trong những giải pháp hữu hiệu là tự động hóa các khâu nghiệp vụ chủ yếu trong quy trình thủ tục hải quan và tin học hóa các chức năng của hải quan. Việc tin học hóa và tự động hóa sẽ góp phần giảm cơ hội tiếp xúc trực tiếp giữa cán bộ hải quan và doanh nghiệp, giảm thiểu cơ hội can thiệp quá trình thông quan hàng hóa của cán bộ hải quan, tăng tính khách quan trong giải quyết công việc của cán bộ, công chức hải quan, tăng mức độ giải trình trách

nhiệm của cán bộ công chức hải quan khi ra các quyết định hành chính và thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát trên cơ sở các quyết định đó,

Giai đoạn 2011-2016, tin học hóa, tự động hóa đã được ứng dụng mạnh mẽ trong công tác quản lý nhà nước về hải quan và trở thành một trong những động lực quan trọng nhất để hiện đại hóa Ngành Hải quan. Công nghệ thông tin đã làm thay đổi căn bản, toàn diện phương thức hoạt động của Ngành Hải quan, hình thành nên một hệ thống Hải quan Việt Nam hiện đại, minh bạch, hiệu quả; góp phần quan trọng vào cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, đồng thời nâng cao năng lực quản lý nhà nước về hải quan và là cơ sở quan trọng để thực hiện mục tiêu liên chính hải quan. Kết quả ứng dụng tin học hóa, tự động hóa cụ thể như sau:

a) Thực hiện thủ tục hải quan điện tử:

Từ năm 2005, Tổng cục Hải quan đã thực hiện thí điểm thủ tục hải quan điện tử (TTHQĐT) tại Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh và Cục Hải quan TP. Hải Phòng theo Quyết định số 149/2005/QĐ-TTg ngày 20/6/2005 của Thủ tướng Chính phủ. Trong năm 2011, TTHQĐT được thực hiện mở rộng theo Quyết định 103/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Đến năm 2012, tiếp nối triển khai thí điểm thủ tục hải quan điện tử từ năm 2009 đồng thời thực hiện Nghị định số 87/2012/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại Tổng cục Hải quan triển khai mở rộng việc thí điểm thủ tục hải quan điện tử tại 21/34 Cục Hải quan tỉnh, thành phố, chiếm 61,8% tổng số Cục Hải quan toàn ngành với 102 Chi cục được triển khai thí điểm. Từ đầu năm 2013, đã triển khai thành công thủ tục hải quan điện tử, chuyển từ triển khai thí điểm đến triển khai chính thức trong phạm vi toàn quốc với cơ sở dữ liệu chuyển từ xử lý phân tán tại các Chi cục sang xử lý tập trung tại Tổng cục.

Nhằm tiếp tục hoàn thiện TTHQĐT, đáp ứng yêu cầu của tình hình phát triển mới của đất nước, đảm bảo tạo thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp, đồng thời tăng cường sự quản lý nhà nước về hải quan, từ ngày 01/4/2014, TCHQ đã chính thức triển khai thực hiện Hệ thống thông quan tự động (VNACCS/VCIS), tạo ra bước đột phá trong công tác cải cách hiện đại hóa của ngành, với thủ tục hải quan chủ yếu được thực hiện bằng phương thức điện tử tại tất cả các Cục Hải quan, Chi cục Hải quan trên cả nước, nổi bật là hệ thống xử lý dữ liệu tập trung ở cấp Tổng cục, với mức độ tự động hóa cao. Theo đó, tất cả các quy trình thủ tục hải quan cơ bản đã được tự động hóa ở mức độ rất cao trừ những thủ tục hải quan đối với hàng hóa tiểu ngạch biên giới.

Đến nay, Hệ thống VNACCS/VCIS luôn được vận hành ổn định, an ninh, an toàn với sự tham gia của hơn 99,65% doanh nghiệp tại 100% các đơn vị hải quan trên phạm vi toàn quốc. Thông qua việc triển khai Hệ thống VNACCS/VCIS đã rút ngắn thời gian làm thủ tục hải quan cho doanh nghiệp, giảm thiểu giấy tờ và đơn giản hóa hồ sơ hải quan. Hiện nay, thời gian tiếp nhận và thông quan đối với hàng luồng xanh chỉ từ 1-3 giây, đối với hàng luồng vàng, thời gian xử lý và kiểm tra hồ sơ không quá 02 giờ làm việc.

Kết quả triển khai Hệ thống VNACCS/VCIS:

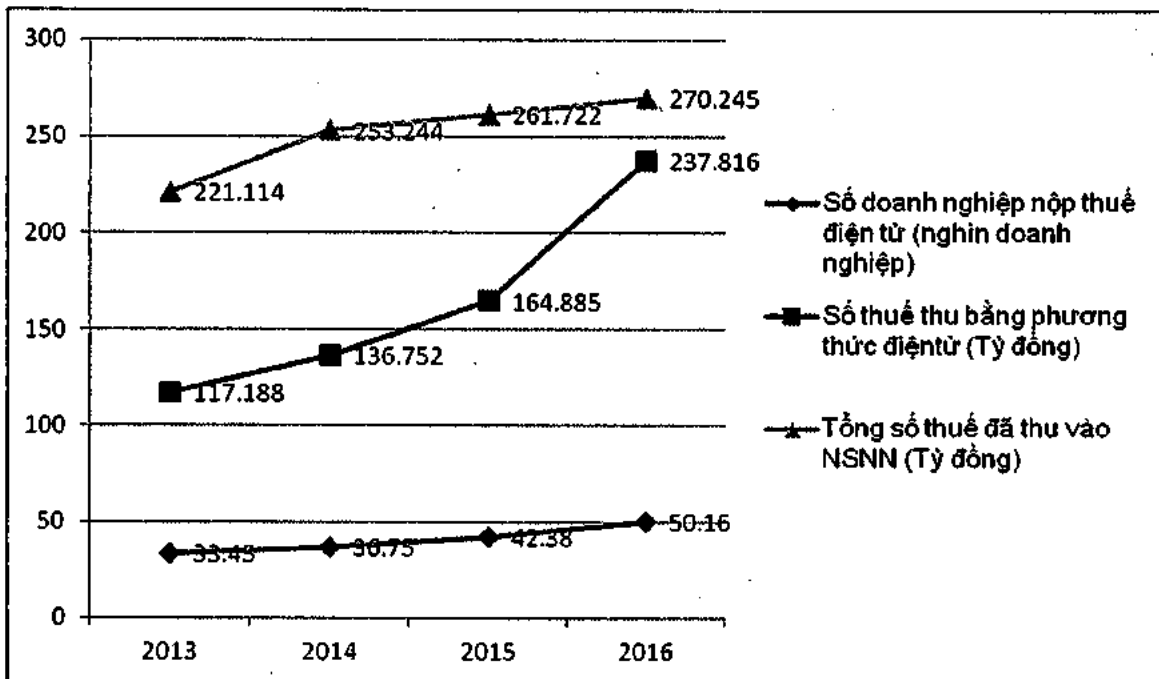
STT	Chỉ tiêu	01/4/2014 đến 31/12/2014	01/01/2015 đến 31/12/2015	01/01/2016 đến 31/12/2016
1	Kim ngạch xuất nhập khẩu (Tỷ USD)	197,02	323,41	350,23
	- Xuất khẩu	98,45	160,09	176,24
	- Nhập khẩu	98,57	163,32	173,99
2	Tờ khai xuất nhập khẩu (Triệu tờ khai)	4,93	8,41	9,74
	- Xuất khẩu	2,45	4,13	4,69
	- Nhập khẩu	2,49	4,28	5,04
3	Doanh nghiệp xuất nhập khẩu (Nghìn Doanh nghiệp)	50,38	63,07	72,89

b) Triển khai thành công thanh toán điện tử (E-Payment):

Nhằm hướng tới mục tiêu cải cách thủ tục hành chính, giảm thời gian nộp thuế, hỗ trợ doanh nghiệp trong việc thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước, từ năm 2012 đến nay, Ngành Hải quan đã ứng dụng CNTT trong việc thu nộp thuế xuất nhập khẩu thông qua triển khai rộng rãi thanh toán điện tử (E-payment) trên cơ sở kết nối hệ thống CNTT Hải quan với các hệ thống CNTT của Kho bạc nhà nước và các Ngân hàng thương mại. Hệ thống cho phép cơ quan hải quan tiếp nhận thông tin nộp thuế, lệ phí online từ ngân hàng thương mại, thực hiện hạch toán, trừ nợ ngay sau khi nộp thuế.

Tính đến hết năm 2016, Ngành Hải quan đã ký thỏa thuận hợp tác thu thuế XNK bằng phương thức điện tử với 33 ngân hàng thương mại với số thu ngân sách chiếm 88% số thu ngân sách của Ngành. Việc thực hiện thanh toán điện tử đã giúp doanh nghiệp thanh toán tiền thuế mọi lúc, mọi nơi, thời gian nộp thuế giảm (trước đây mất thời gian từ 1 - 2 ngày, cá biệt có thể mất 5 ngày, nay chỉ còn 3 phút); hạn chế tình trạng cứng chế, xét ân hạn nhằm, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của doanh nghiệp. Đến nay, đã triển khai thanh toán thuế điện tử tại 100% Chi cục Hải quan trên cả nước, với sự tham gia hợp tác của 27 ngân hàng thương mại phối hợp thu, với số thu chiếm khoảng 63,48% tổng số thu của Tổng cục Hải quan. Đây là tiền đề cho việc mở rộng thanh toán điện tử đối với các loại phí và lệ phí khi thực hiện các thủ tục hành chính của các Bộ, Ngành tham gia vào Cơ chế một cửa quốc gia.

Kết quả triển khai hệ thống thanh toán điện tử E-Payment được thể hiện qua sơ đồ sau:



Biểu đồ: Kết quả triển khai hệ thống thanh toán điện tử E-Payment giai đoạn 2013-2016

c) Triển khai việc tiếp nhận thông tin liên quan đến tàu biển XNC (E-Manifest):

Năm 2012, Ngành Hải quan đã khai trương và triển khai thí điểm hệ thống tiếp nhận bản khai hàng hóa, các chứng từ có liên quan và thông quan điện tử đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh (E-manifest). Từ năm 2013, triển khai hệ thống tiếp nhận 100% hồ sơ điện tử tàu biển (E-Manifest) và thông quan điện tử đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh tại 9 Cục Hải quan tỉnh, thành phố có các cảng biển quốc tế lớn trên cả nước thông qua hệ thống Cổng thông tin một cửa quốc gia như: Hải Phòng, Quảng Ninh, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Khánh Hòa, Bình Định, TP. Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu và Cần Thơ. Trên 90% các hãng tàu, đại lý hãng tàu, công ty giao nhận đã tham gia thực hiện e-Manifest.

d) Triển khai cơ chế hải quan một cửa quốc gia và cơ chế một cửa ASEAN

Việc ứng dụng CNTT mạnh mẽ trong công tác cải cách hành chính, hiện đại hóa hải quan còn được thể hiện trong việc triển khai Cơ chế Hải quan một cửa quốc gia. Theo đó, Giấy phép điện tử (E-Permit) và C/O điện tử (E-C/O) được thực hiện từ tháng 12/2014 trong khuôn khổ Cơ chế Hải quan một cửa quốc gia với 3 Bộ, ngành.

d1. Triển khai Cơ chế một cửa quốc gia:

Tổng cục Hải quan đã hoàn thành 3 giai đoạn triển khai Cơ chế một cửa quốc gia với sự tham gia của 09 Bộ liên quan (Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch). Tính đến hết tháng 12 năm 2016, Cơ chế một cửa quốc gia đã kết nối chính thức với 10 Bộ, ngành (Bộ Tài chính, Bộ

Giao thông vận tải, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch); với 36 thủ tục hành chính được thực hiện thông qua Cơ chế một cửa quốc gia; xử lý trên 236 nghìn bộ hồ sơ hành chính và có tham gia của gần 8,7 nghìn doanh nghiệp.

Tính đến ngày 15/7/2017, Cơ chế một cửa quốc gia đã kết nối chính thức với 11 Bộ, ngành bao gồm: Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan), Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam. Ngoài thủ tục thông quan hàng hóa (Bộ Tài chính), 39 thủ tục hành chính của 10 Bộ, ngành còn lại đã thực hiện thông qua Cơ chế một cửa quốc gia với tổng số hồ sơ hành chính được xử lý: hơn 422,3 nghìn bộ và khoảng trên 12,8 nghìn doanh nghiệp tham gia.

Tính đến ngày 31/12/2018, 12 Bộ, ngành đã triển khai 148 thủ tục hành chính trên Cơ chế một cửa quốc gia (trong đó, từ sau khi tổ chức Hội nghị thúc đẩy phát triển Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN và tạo thuận lợi thương mại ngày 24/7/2018 đến 31/12/2018 đã triển khai mới được thêm 95 TTHC), với tổng số hồ sơ hành chính đã được xử lý trên cổng thông tin một cửa quốc gia trên 1,8 triệu bộ hồ sơ và xấp xỉ 26 nghìn doanh nghiệp tham gia.

Triển khai mở rộng Cơ chế một cửa quốc gia tại cảng biển theo Nghị định 58/2017/NĐ-CP: từ tháng 7/2018, Tổng cục Hải quan đã phối hợp với các Bộ, ngành và các đơn vị có liên quan triển khai mở rộng Cơ chế một cửa quốc gia tại cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi thuộc 24 tỉnh, thành phố với 11 thủ tục hành chính liên quan đến tàu, thuyền. Và triển khai 4/4 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực cảng thủy nội địa, cụ thể: từ tháng 10/2018, bắt đầu triển khai tại 8 cảng thủy nội địa thuộc tỉnh Long An với 02 TTHC liên, quan đến tàu xuất, nhập cảnh tại cảng thủy nội địa và từ tháng 11/2018, triển khai mở rộng tại các cảng thủy nội địa thuộc tỉnh Long An, An Giang, TP. Hồ Chí Minh với 02 thủ tục liên quan đến phương tiện thủy nội địa Việt Nam - Campuchia nhập, xuất cảnh công, thủy nội địa.

Triển khai mở rộng Cơ chế một cửa quốc gia đường hàng không theo Quyết định số 43/2017/QĐ-TTg ngày 26/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ: từ ngày 15/11/2017, Cơ chế một cửa quốc gia đã được triển khai tại các cổng hàng không quốc tế trên cả nước (cho 03 thủ tục đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh) nhằm đảm bảo tính sẵn sàng của cổng thông tin một cửa quốc gia phục vụ triển khai chính thức Cơ chế một cửa quốc gia đường hàng không, Đồng thời, phối hợp với các Bộ (Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công an, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ y tế) tổ chức triển khai chính thức Cơ chế một cửa quốc gia đường hàng không: (i) Cơ quan Hải quan và các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng hàng không đã được cấp tài khoản và sử dụng Cổng thông tin một cửa quốc gia để tiếp nhận thông tin liên quan đến tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh. (ii) Từ ngày 01/11/2018, triển khai chính thức kết nối hệ thống của Bộ Giao thông vận tải với Cổng thông tin một cửa quốc gia để nhận dữ liệu hành

khách trước chuyến bay.

d2. Triển khai Cơ chế một cửa ASEAN:

Từ tháng 9/2015, Cơ chế một cửa quốc gia của Việt Nam đã kết nối kỹ thuật thành công với 04 nước ASEAN (Indonesia, Malaysia, Thái Lan, Singapore) để trao đổi Giấy chứng nhận xuất xứ mẫu D cho hàng hóa xuất khẩu có xuất xứ ASEAN (ATIGA C/O mẫu D). Hiện tại, Cơ chế một cửa quốc gia đang tiếp tục trao đổi thông tin về ATIGA C/O mẫu D với 04 nước thành viên trên (thông qua môi trường thử nghiệm) để đảm bảo chính thức vận hành khi Nghị định thư về khung pháp lý để thực hiện Cơ chế một cửa ASEAN được đủ 10 nước thành viên phê chuẩn. Đến hết năm 2016, 06/10 nước đã phê duyệt Nghị định thư. Tính đến hết ngày 31/7/2017, đã có 10/10 nước thành viên phê duyệt Nghị định thư.

• **Cơ chế một cửa quốc gia và Cơ chế một cửa ASEAN (e-Permit, e-C/O):** Tổng cục Hải quan đã hoàn thành 3 giai đoạn triển khai Cơ chế một cửa quốc gia với sự tham gia của 09 Bộ liên quan (Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch). Tính đến ngày 31/12/2015, ngoài thủ tục thông quan hàng hóa (Bộ Tài chính), 28 thủ tục hành chính của 8 Bộ còn lại (Bộ Công Thương, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Quốc phòng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế, Bộ Tài nguyên và môi trường, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Thông tin và truyền thông) đã được thực hiện thông qua Cơ chế một cửa quốc gia. Tổng số doanh nghiệp thực hiện thủ tục xuất nhập cảnh phương tiện là 2.149 với tổng số hồ sơ thực hiện là 28.585; Tổng số doanh nghiệp thực hiện thủ tục cấp phép là 873 với tổng số hồ sơ là 7.548. Với vai trò là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo quốc gia về Cơ chế hải quan một cửa quốc gia và Cơ chế một cửa ASEAN, Tổng cục Hải quan đã nỗ lực với các Bộ, ngành triển khai Cơ chế một cửa ASEAN, hoàn thành tốt nhiệm vụ của một nước thành viên, trở thành một trong những nước tiên phong trong việc thúc đẩy việc triển khai Cơ chế một cửa ASEAN trong khu vực.

- Trong giai đoạn 2011 đến nay đã xây dựng, triển khai: Cơ sở dữ liệu thông tin tình báo và quản lý tuân thủ (quản lý rủi ro và kiểm tra sau thông quan), Cơ sở dữ liệu quản lý rủi ro phục vụ phân luồng hàng hóa, Cơ sở dữ liệu trị giá hải quan, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu phục vụ thống kê nhà nước về hải quan và Cơ sở dữ liệu Danh mục, Biểu thuế và Phân loại, mức thuế. Hoàn thiện và đưa vào vận hành các hệ thống ứng dụng trong các lĩnh vực nghiệp vụ hải quan như: Hệ thống thông tin quản lý rủi ro, Hệ thống kế toán thuế xuất nhập khẩu, Hệ thống thông tin quản lý dữ liệu giá tính thuế, Hệ thống xác thực chữ ký số, Hệ thống thông tin tình báo hải quan, Hệ thống thông tin phục vụ kiểm tra sau thông quan, Hệ thống thống kê hàng hóa xuất nhập khẩu. Các hệ thống trên đều đã được triển khai thống nhất và rộng rãi

trong toàn ngành, từng bước tạo môi trường nghiệp vụ được thực hiện trên hệ thống công nghệ thông tin.

- Hiện nay ngành Hải quan đã cung cấp trên 182 dịch vụ công trực tuyến trong đó có 168 dịch vụ liên quan đến thủ tục hành chính, (Cụ thể: mức độ 1, 2 có 94 dịch vụ; mức độ 4 có 74 dịch vụ), cho phép doanh nghiệp thực hiện thông qua mạng Internet các thủ tục hành chính liên quan đến thông quan hàng hóa; nộp thuế, phí, lệ phí; thủ tục đối với phương tiện vận tải đường biển. Công thông tin điện tử Hải quan đã cung cấp các dịch vụ công trực tuyến hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan. Các trang thông tin điện tử của các Cục Hải quan tỉnh, thành phố cũng được kết nối với các Công thông tin điện tử của chính quyền địa phương, góp phần tích cực vào công tác cải cách thủ tục hành chính của các tỉnh, thành phố.

- Giai đoạn 2011 đến nay, ngành Hải quan cũng đẩy mạnh ứng dụng Công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý điều hành, giảm giấy tờ hành chính. Đã triển khai trong toàn ngành các hệ thống quản lý cán bộ, quản lý tài sản. Áp dụng Hệ thống Netoffice trong toàn ngành để theo dõi, điều hành xử lý công việc thông qua mạng nội bộ. Hệ thống thông tin báo cáo đã được đơn giản hóa, giảm bớt giấy tờ, giảm số lượng báo cáo. Việc ứng dụng công nghệ thông tin còn được sử dụng trong việc quản trị công việc như giao việc, đôn đốc thực hiện, tổ chức Hội nghị trực tuyến trong toàn ngành. Việc ứng dụng Công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành đã góp phần nâng cao một bước hiệu quả công tác quản lý nhà nước về hải quan trong bối cảnh khối lượng công việc tăng nhanh hơn rất nhiều so với nguồn nhân lực.

- Giai đoạn 2011 đến nay, Tổng cục Hải quan là cơ quan thống kê Bộ, ngành tiên phong trong việc ứng dụng phương pháp thống kê hiện đại, phù hợp với chuẩn mực quốc tế và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong công tác thống kê; Đáp ứng tốt các yêu cầu cung cấp thông tin xuất nhập khẩu hàng hóa cho quản lý điều hành kinh tế vĩ mô, giữ vững an ninh kinh tế trong bối cảnh kinh tế thế giới sau khủng hoảng và suy thoái cũng như đáp ứng nhu cầu sử dụng thông tin của toàn xã hội.

Từ ngày 01/01/2018, Tổng cục Hải quan đã phối hợp với các Bộ, ngành liên quan kết nối chính thức Cơ chế một cửa ASEAN: trao đổi chứng nhận xuất xứ mẫu D (C/O form D) bản điện tử với 04 nước ASEAN (Singapore, Malaysia, Indonesia và Thái Lan).

Tính đến ngày 31/12/2018, tổng số C/O Việt Nam nhận từ 04 nước ASEAN là: 59.053 (trong đó: Indonesia: 44.972, Malaysia: 13.757, Singapore: 324, Thái Lan: 0). Tổng số C/O Việt Nam gửi sang các nước là: 98.820 (trong đó; Indonesia: 24.062, Malaysia; 25.140, Singapore; 8.508, Thái Lan: 41.110). Trong thời gian tới, theo kế hoạch sẽ triển khai kết nối kỹ thuật thử nghiệm trao đổi thông tin tờ khai hải quan ASEAN, chứng nhận kiểm dịch thực vật (ePhyto), chứng nhận kiểm dịch động vật (e-AH).

đ) Hệ thống dịch vụ công trực tuyến:

Trong những năm qua, ngành Hải quan đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin nhằm không ngừng nâng cao chất lượng và số lượng dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp thông qua việc vận hành Công thông tin điện tử hải quan như: (i) Tuyên truyền, phổ biến các cơ chế, chính sách, các quy trình, hướng dẫn; (ii) Tiếp nhận các ý kiến phản ánh của người dân và doanh nghiệp để tổng hợp, xử lý; (iii) Cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trong các lĩnh vực: thông quan hàng hóa và phương tiện; nộp thuế điện tử; tra cứu và xác định mã số hàng hóa, thuế suất; đăng ký sử dụng chữ ký số, tài khoản tham gia thủ tục hải quan điện tử; tra cứu quá trình thực hiện thủ tục hải quan; cung cấp thông tin xuất nhập khẩu cho các Bộ, ngành và cơ quan liên quan; phổ biến số liệu thống kê hàng hóa xuất nhập khẩu,...

Nhằm đáp ứng yêu cầu triển khai các Nghị quyết của Chính phủ về cải cách thủ tục hành chính, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, đặc biệt là Nghị quyết số 36a/NQ-CP về Chính phủ điện tử, trong năm 2016, TCHQ đã hoàn thành việc xây dựng và cung cấp dịch vụ công trực tuyến tối thiểu mức độ 3 cho 46 thủ tục hành chính; nâng tổng số thủ tục hành chính được cung cấp trực tuyến tối thiểu ở mức độ 3 là: 119/168 thủ tục hành chính (chiếm 71%), trong đó 114/168 thủ tục hành chính được cung cấp trực tuyến mức độ 4 (chiếm 68%). Từ ngày 01/01/2017 đến hết ngày 28/2/2017, Tổng cục Hải quan đã vận hành thử nghiệm Hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến tối thiểu mức độ 3 cho 46 thủ tục hành chính. Bắt đầu từ ngày 01/3/2017, đưa Hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến của TCHQ vào vận hành chính thức.

Từ ngày 01/02/2018, phiên bản mới của Hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) đã được triển khai và cung cấp DVCTT cho 42 thủ tục hành chính (TTHC). Góp phần đưa số DVCTT mức độ 3 và 4 của Tổng cục Hải quan lên tổng số 171/181 TTHC. Đến tháng 7/2018, Hệ thống tiếp tục cung cấp 18 DVCTT cho các thủ tục không phải là TTHC nhưng thường xuyên phát sinh. Tính từ ngày 01/3/2017 đến hết ngày 31/12/2018, Hệ thống DVCTT HQ 36a đã tiếp nhận và xử lý gần 191 nghìn bộ với sự tham gia của gần 22 nghìn doanh nghiệp và cá nhân.

2. Ứng dụng CNTT trong hoạt động nghiệp vụ hải quan:

Cục CNTT & TKHQ phối hợp cùng các đơn vị nghiệp vụ đã từng bước ứng dụng CNTT một cách toàn diện vào tất cả các mặt công tác nghiệp vụ của Ngành nhằm đáp ứng triển khai Luật Hải quan, Luật quản lý Thuế và các yêu cầu nghiệp vụ:

Cụ thể, trong lĩnh vực giám sát quản lý nhà nước về hải quan: Đã xây dựng, nâng cấp và triển khai các hệ thống CNTT phục vụ cho công tác quản lý theo từng chế độ, loại hình nghiệp vụ như: Hệ thống quản lý hàng gia công, sản xuất xuất khẩu theo phương thức quản lý mới; Hệ thống quản lý, giám sát hải quan tại cảng biển, sân bay; theo dõi và quản lý cửa hàng miễn thuế, kho ngoại quan, chế độ riêng,...

Các hệ thống này đã tạo ra một môi trường điện tử cho phép doanh nghiệp khai báo các thông tin về đối tượng hàng hóa chịu sự quản lý, giúp cơ quan hải quan tiếp nhận, xử lý, theo dõi tình hình thực hiện thủ tục hải quan của doanh nghiệp, quản lý các số liệu một cách đầy đủ, kịp thời. Từ năm 2014, Ngành Hải quan đã triển khai áp dụng hệ thống mã vạch trong công tác giám sát hải quan tại các Chi cục Hải quan lớn, nhờ đó giảm thời gian xử lý hải quan tại khu vực giám sát từ 30 phút/lô hàng xuống còn dưới 3 phút/lô hàng.

Trong công tác quản lý thu thuế XNK, Ngành Hải quan đã triển khai trên phạm vi toàn quốc hệ thống Kế toán thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và Hệ thống Quản lý thông tin giá tính thuế, qua đó nâng cao hiệu quả công tác kế toán và xác định trị giá hàng hóa.

Từ tháng 12/2005, Ngành Hải quan đã triển khai trên phạm vi toàn quốc Hệ thống quản lý rủi ro (QLRR). Với tốc độ tăng không tương xứng giữa khối lượng công việc với công chức Hải quan thì việc ứng dụng CNTT trong công tác QLRR có ý nghĩa rất lớn. Hệ thống này cung cấp thông tin phục vụ quá trình thông quan tự động cũng như giúp Ngành Hải quan tập trung nguồn lực để xử lý hồ sơ nghi vấn.

Bên cạnh đó, nhằm tiếp tục nâng cao mức độ tự động hóa trong các khâu nghiệp vụ hải quan, Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan tiếp tục thực hiện nâng cấp các hệ thống CNTT khác: Hệ thống thông kê hàng hóa xuất nhập khẩu; Xây dựng phân hệ tiếp nhận và xử lý thông tin trước về hành khách trên các chuyên bay thương mại phục vụ thông quan điện tử và quản lý rủi ro (API); Xây dựng hệ thống thông tin hỗ trợ ra quyết định nghiệp vụ giai đoạn 1...

Trong năm 2018, tiếp tục sử dụng, khai thác có hiệu quả Hệ thống thông tin hỗ trợ ra quyết định nghiệp vụ giai đoạn I; Tiếp tục triển khai Đề án nộp thuế điện tử và thông quan 24/7 mở rộng cho các ngân hàng thương mại và các hệ thống CNTT khác.

2.1. Ứng dụng CNTT phục vụ công tác quản lý, điều hành :

Trong giai đoạn 2011-2016, Ngành Hải quan luôn đẩy mạnh ứng dụng CNTT phục vụ công tác quản lý điều hành, giảm giấy tờ hành chính. Đã triển khai trong toàn Ngành các hệ thống quản lý cán bộ, quản lý tài sản. Hiện đang xây dựng Hệ thống thông tin hỗ trợ ra quyết định nghiệp vụ giai đoạn I. Áp dụng Hệ thống Net.Office trong toàn Ngành để theo dõi, điều hành xử lý công việc thông qua mạng nội bộ. Hệ thống thông tin báo cáo đã được đơn giản hóa, giảm bớt giấy tờ, giảm số lượng báo cáo. Việc ứng dụng CNTT còn được sử dụng trong việc quản trị công việc như giao việc, đôn đốc thực hiện, tổ chức Hội nghị trực tuyến trong toàn Ngành. 100% cán bộ, công chức hải quan được cấp hòm thư điện tử và thường xuyên sử dụng thư điện tử trong công việc.

Triển khai thí điểm Hệ thống quản lý văn bản điều hành tập trung (EdocCustoms): Hệ thống đã triển khai tại Tổng cục Hải quan và 17 Vụ/Cục, 22 Cục Hải quan tỉnh thành phố tới mức 2 (tức là toàn bộ cán bộ nhân viên đều tham gia sử dụng chương trình); còn lại 13 Cục Hải quan tỉnh thành phố được

triển khai hệ thống ở mức 1 (tức là mức đầu mỗi Văn thư Cục). Góp phần nâng cao hiệu quả công tác văn phòng, kịp thời hỗ trợ, giải đáp các khó khăn vướng mắc cho cá nhân, đơn vị trong quá trình triển khai hệ thống.

Trong năm 2018 Tổng cục Hải quan tập trung quản lý, giám sát và đảm bảo vận hành Hệ thống thông quan tự động VNACCS/VCIS và các hệ thống công nghệ thông tin tập trung của ngành Hải quan ổn định 24/7, đảm bảo an ninh, an toàn, đường truyền thông suốt phục vụ đặc lực cho việc thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu; đồng thời hướng dẫn, hỗ trợ, giải đáp vướng mắc kịp thời cho các đối tượng sử dụng hoặc có kết nối với các hệ thống CHTT của Ngành. Việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động nghiệp vụ hải quan góp phần tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại, tăng tính minh bạch, giảm thời gian, tiết kiệm chi phí, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam, Đồng thời, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về Hải quan, hiện thực hóa các mục tiêu trong Chiến lược phát triển Hải quan Việt Nam đến năm 2020. Đây là động lực để đẩy mạnh cải cách hành chính năm trong chủ trương chung của Chính phủ.

2.2. Ứng dụng CNTT trong công tác thống kê:

Nhờ đẩy mạnh ứng dụng CNTT, chất lượng số liệu thống kê hàng hoá XNK, đánh giá tình hình XNK... của cơ quan hải quan ngày càng chính xác và đáng tin cậy. Đặc biệt, sau khi Ngành Hải quan triển khai Hệ thống thông quan tự động VNACCS/VCIS, mô hình xử lý thông tin của cơ quan hải quan đã có thay đổi đáng kể. Đó là việc chuyển đổi từ mô hình xử lý thông tin phân tán tại cấp Cục và cấp Chi cục sang mô hình xử lý thông tin tập trung cấp Tổng cục. Điều này dẫn đến những thay đổi trong lĩnh vực công nghệ thông tin nói chung và thống kê nói riêng.

Để đáp ứng được sự thay đổi về mô hình xử lý thông tin tập trung, Tổng cục Hải quan đã xây dựng dự án Nâng cấp Hệ thống thống kê hàng hóa xuất nhập khẩu. Hệ thống thống kê mới này dựa trên nền tảng công nghệ thông tin tập trung sẽ cung cấp một công cụ mới để khai thác thông tin từ Hệ thống tập trung. Cụ thể, hệ thống thống kê mới với việc thực hiện kết nối thông tin với Hệ thống VNACCS/VCIS và các hệ thống công nghệ thông tin khác sẽ hỗ trợ tốt công tác kiểm tra số liệu, phát hiện lỗi nhờ đó nâng cao chất lượng số liệu. Đồng thời, Hệ thống bổ sung nhiều biểu mẫu báo cáo, bổ sung các chức năng về phân tích, dự báo thông tin, nhờ đó sẽ đáp ứng tốt hơn các yêu cầu thông tin phục vụ việc xây dựng chính sách, quản lý, điều hành của Lãnh đạo các cấp và phục vụ tốt công tác quản lý nghiệp vụ của cơ quan Hải quan. Triển khai Hệ thống Thống kê mới vận hành vào đầu năm 2018.

2.3. Đảm bảo điều kiện hạ tầng kỹ thuật, đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT ổn định, đảm bảo an toàn, an ninh mạng

Hiện nay, hệ thống thông quan tự động VNACCS/VCIS và hệ thống CNTT cốt lõi của Ngành Hải quan là hệ thống xử lý dữ liệu tập trung tại Tổng cục và hoạt động liên tục 24/7. Do đó, việc đảm bảo các Hệ thống CNTT cốt lõi của Ngành Hải quan hoạt động ổn định, an ninh, an toàn, không làm gián đoạn các

hoạt động nghiệp vụ có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Trong năm 2016, vai trò và trách nhiệm trong việc bảo đảm điều kiện hạ tầng kỹ thuật và an ninh, an toàn cho việc vận hành các hệ thống công nghệ thông tin trong năm qua đã được nâng cao rõ rệt với kết quả cụ thể như sau:

Về đảm bảo hạ tầng kỹ thuật:

- Sau nhiều năm nỗ lực, năm 2016, Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan đã thực hiện chuyển đổi thành công mô hình mạng diện rộng (mạng WAN), phù hợp với Hệ thống VNACCS/VCIS và Hệ thống Một cửa quốc gia. Theo đó, bên cạnh mạng diện rộng chạy chung với Bộ Tài chính, hiện nay, Tổng cục Hải quan đã có mạng WAN riêng, nối trực tiếp từ Chi cục – Cục Hải quan - Khu vực – Tổng cục. Đây là điều kiện để đường truyền mạng vận hành một cách ổn định, an ninh, an toàn, không làm gián đoạn hoạt động nghiệp vụ hải quan.

Để đảm bảo hoạt động nghiệp vụ hải quan, trong năm 2016, Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan cũng đã trang bị đầy đủ máy móc, trang thiết bị, máy tính cho cán bộ, công chức trong toàn Ngành; bước đầu triển khai danh mục dự án về hạ tầng kỹ thuật năm 2016 làm tiền đề để triển khai các năm tiếp theo như: Áo hóa máy trạm, nâng cấp cải tạo mạng LAN;...

Bên cạnh đó, trong năm 2016, lực lượng cán bộ làm công tác công nghệ thông tin đã được nâng cao rõ rệt về năng lực nghiệp vụ thông qua các khóa đào tạo và triển khai thực tế. Đến nay, Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan đã có một lực lượng cán bộ, chuyên gia về công nghệ thông tin đủ năng lực và chủ động xử lý sự cố và hỗ trợ cho các đơn vị trong toàn Ngành trong quá trình triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin.

Về đảm bảo an ninh, an toàn thông tin:

Trong bối cảnh hệ thống CNTT xử lý dữ liệu tập trung tại Tổng cục và hoạt động 24/7, công tác đảm bảo an ninh, an toàn cho các hệ thống công nghệ thông tin có một ý nghĩa rất quan trọng. Trong năm 2016, tội phạm an ninh, an toàn thông tin đặc biệt nghiêm trọng và phức tạp, các vụ tấn công mạng, tấn công vào hệ thống máy tính của các cơ quan quản lý nhà nước tăng lên một cách nhanh chóng với quy mô và hậu quả rất lớn, điển hình là vụ tấn công, làm tê liệt hệ thống công nghệ thông tin của Hãng hàng không Việt Nam Airline trong nhiều giờ.

Trong bối cảnh đó, Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan đã nỗ lực triển khai nhiều giải pháp đảm bảo an ninh, an toàn hệ thống CNTT như: Chuẩn hóa quy trình quản lý vận hành các hệ thống công nghệ thông tin, thực hiện quy trình quản lý mật khẩu một cách chặt chẽ, khoa học; Thực hiện dịch vụ dò quét, khắc phục lỗ hổng bảo mật Hệ thống CNTT cốt lõi hải quan tại Trung tâm quản lý vận hành CNTT Hải quan; Dò quét mã độc toàn bộ máy chủ, dữ liệu, phần mềm tại Trung tâm quản lý vận hành hệ thống CNTT Hải quan; Kiểm tra đánh giá cơ sở dữ liệu Oracle của Hải quan.

Bên cạnh đó, một trong những kết quả nổi bật của công tác bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống công nghệ thông tin trong năm 2016 là Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan đã xây dựng Bộ tiêu chuẩn đánh giá an ninh, an toàn về Hệ thống CNTT hải quan. Đây là cơ sở để đánh giá, xây dựng và triển khai các hệ thống CNTT trong thời gian tới một cách an ninh, an toàn.

Với những nỗ lực như vậy, trong năm 2016, Hệ thống CNTT của Ngành Hải quan hoạt động ổn định, không xảy ra sự cố lớn nào về an ninh, an toàn thông tin. Kết quả dò quét khắc phục lỗ hổng bảo mật cho thấy hiện nay hệ thống CNTT Ngành Hải quan chưa nguy cơ an ninh làm ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống.

3. Đánh giá về kết quả triển khai công tác ứng dụng CNTT:

a) Những mặt tích cực:

Trong giai đoạn 2011 đến nay, Tổng cục Hải quan luôn nỗ lực đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong tất cả các khâu nghiệp vụ quản lý nhà nước về hải quan đáp ứng triển khai Luật Hải quan, Luật quản lý thuế và các yêu cầu nghiệp vụ của ngành, đồng thời góp phần quan trọng trong việc hoàn thành các mục tiêu cải cách thủ tục hành chính của Ngành nhằm triển khai có hiệu quả các Nghị quyết của Chính phủ như Nghị quyết 36a/NQ-CP của Chính phủ về Chính phủ điện tử; Nghị quyết 19/NQ-CP năm 2015, năm 2016 về các giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh Quốc gia...

Đồng thời, việc ứng dụng CNTT vào hoạt động nghiệp vụ hải quan đã góp phần giảm thiểu giấy tờ, giảm thời gian làm thủ tục và thông quan hàng hóa XNK, tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp trong quá trình làm thủ tục hải quan, tăng tính minh bạch trong quá trình làm thủ tục hải quan, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam; theo Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ đánh giá: *“Việc thực hiện thủ tục hải quan điện tử theo Hệ thống thông quan tự động VNACCS/VCIS và Cơ chế một cửa quốc gia tại cảng biển quốc tế đã giảm thời gian thông quan hàng hóa bình quân từ 21 ngày xuống còn 14 ngày đối với xuất khẩu, 13 ngày đối với nhập khẩu, giảm được 10 – 20% chi phí và 30% thời gian thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu cho doanh nghiệp”*.

Bên cạnh đó, việc ứng dụng CNTT trong lĩnh vực hải quan còn giúp nâng cao năng lực quản lý nhà nước về hải quan, hiện thực hóa mục tiêu nêu trong Chiến lược phát triển Hải quan Việt Nam đến năm 2020. Đây là động lực để đẩy mạnh cải cách hành chính nằm trong chủ trương chung của Chính phủ.

b) Một số tồn tại và nguyên nhân:

b1. Khó khăn, vướng mắc:

Mặc dù đã đạt được nhiều thành công, tuy nhiên so với yêu cầu cần phải đáp ứng trong giai đoạn mới, hệ thống CNTT hải quan đã bộc lộ những tồn tại cần xử lý như sau:

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin vẫn chưa phủ tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước về Hải quan. Mức độ tích hợp giữa các hệ thống CNTT còn hạn chế do đó gây khó khăn cho công tác điều hành chung đặc biệt công tác quản lý và xây dựng chính sách. Khả năng thay đổi, đáp ứng các yêu cầu thay đổi của quy định pháp luật của hệ thống CNTT còn chậm và thiếu các hệ thống CNTT dự phòng; hoạt động của các hệ thống CNTT đôi khi còn chưa ổn định. Bên cạnh đó, hệ thống CNTT được phát triển qua nhiều giai đoạn khác nhau và sự phát triển nhanh chóng của công nghệ đặc biệt trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đã khiến cho một số công nghệ đặc biệt hệ thống CNTT tụt hậu một cách tự nhiên.

- Một số công tác quản lý chưa được tin học hóa hoặc có mức độ tự động hóa chưa cao; như quản lý hàng hóa kiểm tra chuyên ngành, quản lý hàng hóa TNTX, quản lý phương tiện XNC; Các phần mềm nghiệp vụ được xây dựng tách biệt, độc lập với nhau, do đó khả năng liên thông giữa các hệ thống bị hạn chế, làm giảm hiệu quả hỗ trợ quản lý, công chức Hải quan phải cùng một lúc sử dụng nhiều hệ thống làm mất thời gian và gây áp lực công việc lớn.

- Hệ thống CNTT hải quan chưa có hệ thống dự phòng đúng nghĩa, mới chỉ backup lưu trữ dữ liệu; Nếu xảy ra sự cố thì việc khôi phục mất rất nhiều thời gian, gây gián đoạn, đình trệ mọi hoạt động nghiệp vụ; Hệ thống bảo mật tại trung tâm dữ liệu của Tổng cục đã được đầu tư, nhưng chưa đáp ứng được tình hình phức tạp về an ninh thông tin tại Việt Nam và trên thế giới.

Một số tồn tại trong triển khai Cơ chế một cửa quốc gia:

- Số TTHC được thực hiện trên cơ chế MCQG (36 thủ tục) là còn thấp so với số thủ tục cấp phép đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện vận tải xuất nhập cảnh, quá cảnh (khoảng 13% trong số 280 thủ tục); Tổng số giấy phép điện tử trên cổng thông tin MCQG/tổng số lô hàng XNK có thể thuộc diện phải cấp phép theo các thủ tục đã triển khai qua cơ chế MCQG cho thấy, hầu hết các thủ tục này vẫn chưa được triển khai trên diện rộng.

- Chưa có Nghị định hướng dẫn đầy đủ về cơ chế MCQG; Việc thực hiện thủ tục hành chính qua cơ chế MCQG chưa đơn giản, đồng bộ do mỗi đơn vị ban hành quy định riêng về biểu mẫu hồ sơ, chứng từ mặc dù có rất nhiều chỉ tiêu tương tự nhau; Việc triển khai thủ tục đầu tư tại các Bộ, ngành để xây dựng hệ thống xử lý chuyên ngành không theo kịp với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ.

b2. Nguyên nhân:

- Quá trình hiện đại hóa công tác hải quan kéo dài trong khoảng 20 năm (1996-2016), được hiện đại hóa từng phần, từng khâu quy trình nghiệp vụ, mỗi giai đoạn, việc ứng dụng CNTT cụ thể vào một nhóm các công việc, dẫn đến phát sinh các phần mềm quản lý nghiệp vụ khác nhau; Việc hạn chế về công nghệ giai đoạn trước năm 2010 đã không cho phép triển khai các hệ thống lớn, với quy mô toàn ngành và số lượng giao dịch như hiện nay; Các đơn vị nghiệp vụ chưa rà soát, đánh giá tổng thể về quy trình quản lý và yêu cầu xây dựng hệ thống, dẫn đến các chương trình quản lý phân tán, thiếu đồng bộ.

- Nguyên nhân những tồn tại trong công tác triển khai Cơ chế một cửa quốc gia: Hạ tầng công nghệ thông tin của các Bộ ngành chưa hoàn thiện đồng đều; Các Bộ, ngành vẫn chưa thực sự quyết liệt chỉ đạo thực hiện, do đây là phương thức thực hiện mới, thủ tục đầu tư phức tạp nên vẫn có sự e ngại về tính khả thi, trách nhiệm xử lý hồ sơ và tính ổn định của hệ thống; Việc triển khai vẫn còn mang tính thăm dò, chưa đi vào thực chất. Hệ thống văn bản QPPL về TTHC liên quan đến XNK và vận tải quốc tế chưa được rà soát triệt để nhằm đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất khi thực hiện; Tư duy triển khai vẫn theo hướng tin học hoá và tổng hợp cơ học, chưa thực sự theo hướng đơn giản hoá, hài hoà hoá các thủ tục dựa trên các chuẩn mực quốc tế;

VI- MÔI QUAN HỆ HẢI QUAN- DOANH NGHIỆP- ĐỐI TÁC

1. Kết quả triển khai quan hệ đối tác Hải quan - Doanh nghiệp

Cải cách hành chính, tạo thuận lợi cho các hoạt động kinh doanh mạnh mẽ hơn nữa là yêu cầu quan trọng được đặt ra đối với Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương. Nhưng để đánh giá được nhu cầu cải cách hành chính, khó có thể dựa vào nhu cầu quản lý của Nhà nước hay các đánh giá nội tại của các cơ quan hành chính nhà nước. Rất cần có những thông tin từ cộng đồng kinh doanh bên ngoài, từ các doanh nghiệp và đặc biệt cần những thông tin để có thể so sánh được thực trạng hiện tại.

Ở cấp độ quốc gia, Việt Nam đã chấp nhận và sử dụng tương đối hiệu quả các thông tin đánh giá từ các tổ chức quốc tế có uy tín như Diễn đàn Kinh tế Thế giới và Ngân hàng thế giới về năng lực cạnh tranh của Việt Nam để thúc đẩy cải thiện môi trường kinh doanh. Liên tiếp trong hai năm 2014 và 2015, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 19/NQ-CP về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Nghị quyết này đã đề ra nhiệm vụ cho Ngành Hải quan: “Đơn giản hóa quy trình, hồ sơ và thủ tục xuất nhập khẩu, thủ tục hải quan và giảm thời gian thông quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cho doanh nghiệp, phấn đấu thời gian thông quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bằng mức trung bình của các nước ASEAN 6”.

Đặc biệt, cũng tại Nghị quyết 19, Chính phủ đã khuyến khích VCCI và các hiệp hội doanh nghiệp “tiến hành những khảo sát, nghiên cứu độc lập đánh giá định kỳ về chất lượng thủ tục hành chính và đưa ra các khuyến nghị với Chính phủ”, “nghiên cứu xếp hạng tín nhiệm của cộng đồng doanh nghiệp đối với các bộ, ngành và các địa phương”. Như vậy, đã có một sự thay đổi, chuyển đổi rất lớn từ tư duy nhà nước quản lý và quản lý đặc quyền, ban ơn, ban phát... sang tư duy nhà nước cung cấp dịch vụ công, tư duy nhà nước phục vụ, đồng hành với sự phát triển. Trong đó, muốn cải thiện dịch vụ công, đánh giá chất lượng phục vụ thì điều rất quan trọng là phải biết người đang sử dụng dịch vụ công, thụ hưởng chất lượng phục vụ đánh giá như thế nào, cảm nhận và kỳ vọng ra sao.

Trong lĩnh vực Hải quan, phát triển quan hệ đối tác Hải quan - Doanh nghiệp cũng là một nội dung hoạt động quan trọng của các nền hải quan hiện đại theo khuyến nghị của Tổ chức Hải quan thế giới (WCO). Hòa cùng xu thế phát triển của thế giới, đặc biệt trong bối cảnh hiện nay Chính phủ rất quan tâm



đến việc cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của DN, từ năm 2014, Tổng cục Hải quan đã chú trọng phát triển quan hệ đối tác hải quan – DN như là một hình thức triển khai tuyên truyền, hỗ trợ thực thi pháp luật hải quan; tham vấn về các nội dung thời sự gắn với hoạt động của DN một cách hiệu quả. Quá trình triển khai *phát triển quan hệ đối tác Hải quan - Doanh nghiệp với xuất phát điểm từ năm 2015 đến năm 2017 và nửa đầu năm 2018 của Tổng cục Hải quan đã đạt được những kết quả như sau:*

1.1 Về nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện chính sách pháp luật hải quan

- Năm 2015, Tổng cục Hải quan đã ban hành Quy chế tham vấn giữa cơ quan hải quan, doanh nghiệp và các bên liên quan (theo quyết định số 1200/QĐ-TCHQ ngày 25/4/2015). Việc đưa cơ chế tham vấn vào hoạt động sẽ góp phần giải quyết các xung đột, vướng mắc giữa các bên, nâng cao tính phản biện và trách nhiệm giải trình của các bên, tìm kiếm giải pháp, tiếng nói chung giữa các bên, qua đó xây dựng sự hiểu biết đồng thuận và đồng hành giữa các bên tham gia tham vấn. Hiện nay, các hoạt động tham vấn đang được tích cực triển khai ở 3 cấp Tổng cục - Cục - Chi cục.

Bên cạnh đó, Tổng cục Hải quan cũng ban hành Quy chế phối hợp thực hiện nhiệm vụ phát triển quan hệ đối tác Hải quan - Doanh nghiệp trong Ngành Hải quan (theo Quyết định số 1761/QĐ-TCHQ ngày 23/6/2015) và phê duyệt định hướng phát triển quan hệ đối tác HQ-DN đến 2020 làm cơ sở để xây dựng Kế hoạch phát triển cải cách hiện đại hóa giai đoạn 2016-2020; và làm căn cứ xây dựng Kế hoạch chi tiết triển khai công tác phát triển quan hệ đối tác hải quan doanh nghiệp giai đoạn 2016-2020. Việc ban hành Quy chế quy định cụ thể trách nhiệm của cơ quan hải quan các cấp trong thực hiện nhiệm vụ phát triển quan hệ đối tác; Hình thành cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin từ trung ương đến địa phương đảm bảo yêu cầu cung cấp thông tin đối tác kịp thời, đáp ứng tiến độ triển khai các chương trình đối tác của từng đơn vị; Thiết lập cơ chế giải quyết các vấn đề phát sinh trong quan hệ đối tác giữa cơ quan hải quan, doanh nghiệp và các bên liên quan.

- Sang năm 2016, thực hiện quy chế Quy chế tham vấn giữa cơ quan hải quan, doanh nghiệp và các bên liên quan, các đơn vị nghiệp vụ chức năng đã tổ chức lấy ý kiến cộng đồng doanh nghiệp đối với các văn bản pháp luật xây dựng trong năm 2016. Bên cạnh đó, qua kênh hợp tác song phương, Ban CCHĐH đã chủ động lấy ý kiến Nhóm chuyên gia Thuế - Hải quan thuộc Liên minh Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam (VBF) ngay sau khi các đơn vị soạn thảo có công văn xin ý kiến dự thảo văn bản pháp luật (Công văn số 09/CCHĐH-TH ngày 29/01/2016; số 32/CCHĐH-TH ngày 10/5/2016, số 34/CCHĐH-TH ngày 20/5/2016, số 42/CCHĐH-TH ngày 15/6/2016);

Ở các Cục Hải quan tỉnh, thành phố, hoạt động hội thảo, hội nghị, tham vấn trong xây dựng, hoàn thiện chính sách pháp luật cũng được tích cực triển khai. Đến hết tháng 11/2016, các Cục hải quan tỉnh, thành phố đã tổ chức 107 hoạt động lấy ý kiến cộng đồng doanh nghiệp về chính sách pháp luật, tiếp nhận

1688 ý kiến đóng góp với đối tượng tham gia chủ yếu là doanh nghiệp xuất nhập khẩu và các cơ quan quản lý có liên quan trên địa bàn.

- Trong năm 2017, hoạt động tham vấn cộng đồng doanh nghiệp được tổ chức rộng khắp ở cả cấp trung ương và địa phương. Cụ thể:

Tại cơ quan Tổng cục hải quan, các dự thảo văn bản pháp luật sửa đổi, bổ sung đã được tổ chức tham vấn, lấy ý kiến cộng đồng doanh nghiệp qua nhiều lượt, dưới nhiều hình thức khác nhau, như: lấy ý kiến rộng rãi trên cổng thông tin điện tử hải quan, qua VCCI, qua các hiệp hội doanh nghiệp, qua các nhóm doanh nghiệp chịu tác động lớn từ sự thay đổi chính sách. Các cuộc tham vấn cũng được quan tâm tổ chức tập trung theo nhóm vấn đề. Những vấn đề tiếp thu đều được ghi nhận và phản ánh trực tiếp tại các dự thảo để các bên liên quan có thể theo dõi và phản biện.

Tại địa phương, nhiều đơn vị đã tích cực triển khai hoạt động tham vấn với doanh nghiệp trên địa bàn, như: Quảng Ninh với 17 buổi tham vấn, ghi nhận nhiều ý kiến đóng góp và giải pháp phù hợp thực tiễn cho sửa đổi Thông tư 38/2015/TT-BTC; Bà Rịa - Vũng Tàu tổ chức 07 hội nghị tham vấn với chủ đề vướng mắc doanh nghiệp kinh doanh cảng, doanh nghiệp nhập khẩu hàng xá (khô dầu, bắp hạt, lúa mỳ); kinh doanh kho ngoại quan và doanh nghiệp chế xuất; Hải Phòng tổ chức 125 lượt tham vấn lấy ý kiến cộng đồng doanh nghiệp và các bên liên quan; Hồ Chí Minh thực hiện trên 500 lượt tham vấn thường xuyên với doanh nghiệp.

Có thể thấy thời gian qua, cộng đồng doanh nghiệp và các bên liên quan đã tích cực tham gia ý kiến trong quá trình xây dựng pháp luật hải quan góp phần nâng cao hiệu quả quản lý hải quan đối với hàng hóa XNK, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi, kịp thời tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Các cuộc tham vấn giữa cơ quan hải quan với Hiệp hội doanh nghiệp nói riêng và cộng đồng doanh nghiệp nói chung ngày càng chuyên nghiệp và có chất lượng. Cụ thể, hoạt động tham vấn đã chú trọng đến các nhóm vấn đề chịu tác động của việc điều chỉnh chính sách, pháp luật. Các nội dung kiến nghị, đề xuất của Hiệp hội doanh nghiệp đã được cơ quan hải quan nghiêm túc ghi nhận, xem xét, nghiên cứu và phản ánh trên các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật để các bên liên quan có thể dễ dàng theo dõi, phản biện. Ý kiến đóng góp của cộng đồng doanh nghiệp đã góp phần tích cực đơn giản hóa thủ tục hành chính, tháo gỡ vướng mắc trong hoạt động XNK, đồng thời làm rõ trách nhiệm và nghĩa vụ các bên, cũng như quy định chặt chẽ các điều kiện thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa XNK đáp ứng yêu cầu quản lý của cơ quan hải quan.

1.2 Về nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện quy định pháp luật mới trong lĩnh vực hải quan

Trong năm 2016, toàn ngành đã thực hiện 359 hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp trong thực thi pháp luật hải quan thông qua các hình thức tập huấn, tuyên truyền, đối thoại, gỡ gỡ doanh nghiệp ...

Một số đơn vị có nhiều cách thức tuyên truyền, hỗ trợ thực thi pháp luật hiệu quả như:

- Triển khai thí điểm chương trình đối tác chuyên đề giữa cơ quan hải quan và các doanh nghiệp. Đây là một trong những biện pháp triển khai quan hệ đối tác điển hình và được đánh giá là có hiệu quả nhất. Trong năm 2016, các chuyên đề nổi bật được triển khai là:

+ Chuyên đề “Báo cáo quyết toán đối với loại hình gia công, sản xuất xuất khẩu” (Cục Hải quan Bình Dương, Hà Tĩnh, Tây Ninh, Đồng Tháp, Khánh Hòa, Đà Nẵng, Long An, Đắk Lắk đã hợp tác với các doanh nghiệp gia công, sản xuất xuất khẩu và các bên liên quan như các chuyên gia từ Học viện tài chính để thí điểm thực hiện báo cáo quyết toán hoặc thảo luận các vấn đề gặp phải khi thực hiện quy định này).

Qua các chương trình hợp tác, cơ quan hải quan và doanh nghiệp đã đạt được những kết quả nhất định trong việc triển khai quy định về báo cáo quyết toán:

Về phía doanh nghiệp đã phát hiện và xây dựng giải pháp cho các vấn đề như: cách thức lưu trữ dữ liệu, lập báo cáo (bóc tách số liệu giữa bộ phận xuất nhập khẩu, kế toán nhằm làm rõ nguồn gốc nguyên vật liệu trong nước hay nhập khẩu); cải thiện hệ thống quản trị nội bộ nhằm tăng cường hiệu quả của việc tập hợp, trao đổi số liệu giữa các bộ phận kế toán, kho, quản lý sản xuất, xuất nhập khẩu trong doanh nghiệp;

Về phía cơ quan hải quan đã phát hiện, đề xuất giải pháp cho một số vấn đề như: xây dựng tiêu chí quản lý rủi ro nhằm xác định đối tượng phải kiểm tra; xây dựng hệ thống phần mềm hỗ trợ quản lý hoạt động gia công, sản xuất xuất khẩu, chế xuất phù hợp với quy định cho cả phía cơ quan hải quan và doanh nghiệp; hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin doanh nghiệp cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu, chế xuất; bồi dưỡng kiến thức, cung cấp thông tin về kế toán, kiểm toán; cách thức xác định mức cho công chức hải quan; đề xuất về thời hạn kiểm tra và tỷ lệ kiểm tra; cách thức lập kế hoạch kiểm tra; thủ tục, nội dung kiểm tra báo cáo quyết toán...

+ Chuyên đề “trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi” nhằm triển khai Điều 41 của Luật Hải quan về trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi trong việc giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đưa vào lưu giữ, đưa ra khu vực giám sát. Nội dung này được thí điểm tại cảng Nam Hải Đình Vũ thuộc Cục Hải quan thành phố Hải Phòng theo Quyết định số 2495/QĐ-TCHQ ngày 24/8/2015 của Tổng cục Hải quan và tiếp tục mở rộng triển khai ở Cục Hải quan thành phố Hồ Chí Minh theo kế hoạch 358.

Qua quá trình triển khai, cơ quan hải quan và doanh nghiệp tham gia chương trình (Tổng công ty Tân cảng Sài Gòn) đã phát hiện một số vấn đề vướng mắc trong quy trình thực hiện cũng như hệ thống kết nối, điển hình như: cách thức xử lý với các trường hợp tờ khai hủy, sai số container, đóng ghép hàng chung container, khai bổ sung; cách thức truyền dữ liệu giữa hệ thống của doanh

nghiệp và hệ thống hải quan: phương thức nhập số liệu, chuẩn dữ liệu trao đổi, quy trình quản lý trên hệ thống...

Các vấn đề vướng mắc trên đã được Tổng cục Hải quan kịp thời hướng dẫn Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh (công văn số 11194/TCHQ-GSQL về việc vướng mắc khi triển khai Điều 41 Luật Hải quan), đồng thời giao các đơn vị liên quan hỗ trợ Cục hải quan Hồ Chí Minh và các doanh nghiệp kinh doanh cảng trong quá trình chạy thử, triển khai chính thức.

Trên cơ sở đó, ngày 26/12/2016, tại cảng Cát Lái (TP.HCM), Tổng công ty Tân cảng Sài Gòn và Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Sài Gòn khu vực 1 đã đưa vào sử dụng hệ thống kết nối công nghệ thông tin để thực hiện giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu đưa vào, lưu giữ, đưa ra khu vực giám sát hải quan tại cảng biển, giúp doanh nghiệp không phải thực hiện khâu xác nhận hàng đã qua khu vực giám sát, vì tất cả thông tin này được cơ quan Hải quan và doanh nghiệp kinh doanh cảng thực hiện xác nhận trên hệ thống điện tử. Đại diện Tổng công ty Tân cảng Sài Gòn đã đánh giá: việc triển khai thành công hệ thống kết nối công nghệ thông tin để thực hiện Điều 41 Luật Hải quan tại cảng Cát Lái góp phần tiếp tục nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin đối với hoạt động giao nhận hàng hóa, tạo thuận lợi cho cộng đồng doanh nghiệp, nâng cao chất lượng dịch vụ cảng, nâng cao năng lực cạnh tranh, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của cơ quan Hải quan.

Cho đến nay, các Cục hải quan tỉnh, thành phố khác cũng tích cực hợp tác với doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, cảng thực hiện nội dung này, điển hình như: GiaLai-KonTum; Đà Nẵng. Sự hợp tác trên đã góp phần hỗ trợ, thúc đẩy quá trình thực thi quy định pháp luật mới về giám sát hải quan; hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh cảng có sự chuẩn bị phù hợp trong quá trình chuyển tiếp cũng như xác định rõ vai trò, trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh cảng và cơ quan hải quan trong công tác giám sát hàng hóa, nhận diện các vấn đề tồn tại của mỗi bên để tìm giải pháp khắc phục nhằm đảm bảo yêu cầu giám sát đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, quá cảnh.

+ Bên cạnh các chương trình theo Kế hoạch năm 2016 của Tổng cục, 12 Cục hải quan tỉnh, thành phố cũng tích cực thực hiện 20 chương trình đối tác chuyên đề tại theo nội dung cụ thể tại địa bàn điển hình như triển khai cơ chế một cửa quốc gia tại cảng biển (Hải Phòng, Đồng Nai), triển khai dịch vụ công trực tuyến (Hà Giang), hỗ trợ các doanh nghiệp khai thuê (Đồng Nai), khai báo trị giá xăng dầu theo quy định mới (Long An), hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh (Thừa Thiên Huế),...

- Thường xuyên gặp gỡ, hợp tác với các Hiệp hội, Hội, Chi hội doanh nghiệp, doanh nghiệp lớn trên địa bàn và các địa bàn lân cận nhằm nắm bắt khó khăn, vướng mắc, đề xuất giải pháp tháo gỡ các vấn đề bất cập, giải quyết vướng mắc trong quá trình thực hiện thủ tục, kêu gọi doanh nghiệp đến làm thủ tục tại đơn vị như tại Nghệ An, Hải Phòng, Bình Dương, Đồng Nai, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Quảng Bình;



- Xây dựng hệ thống trao đổi thông tin Hải quan – Doanh nghiệp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 tại Đồng Nai;

- In ấn sổ tay nghiệp vụ cho các doanh nghiệp mới thực hiện thủ tục hải quan tại Gia Lai – KonTum (400 cuốn);

- Phát tờ rơi cho hành khách xuất nhập cảnh, cư dân biên giới về Danh mục hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới ở Lào Cai (3000 tờ), tờ rơi hướng dẫn thủ tục cho các tàu thuyền khi cập cảng, giới thiệu về đơn vị và các chính sách lớn về thuế, hải quan bằng nhiều thứ tiếng (Đồng Nai);

- Phối hợp với các phương tiện thông tin đại chúng, đài phát thanh, truyền hình xây dựng các chuyên mục tuyên truyền, phổ biến pháp luật thường kỳ cho doanh nghiệp và người dân điển hình như: Chương trình “Dân hỏi, Thủ trưởng cơ quan hành chính trả lời” trên Đài phát thanh và truyền hình Đắk Lắk, Hội thảo “Bình Dương – tiềm năng, lợi thế phát triển logistics và vai trò của hải quan” do Cục Hải quan Bình Dương phối hợp với tạp chí Việt Nam Logistics Review tổ chức, chuyên mục “Hải quan Đồng Nai đồng hành cùng doanh nghiệp” trên Báo Đồng Nai, Báo Bình Thuận (43 kỳ), chuyên mục cung cấp thông tin chính sách trên sóng FM đài phát thanh truyền hình Đồng Nai (129 kỳ), ...

1.3 Về hỗ trợ thực thi pháp luật

a) Tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật:

Trong năm 2017, Ngành Hải quan đã chủ động hoặc phối hợp thực hiện 16.353 tin, bài; phối hợp thực hiện 574 phóng sự truyền hình; biên tập, in ấn, phát hành 14.617 tờ rơi, tờ gấp về pháp luật hải quan. Thống kê cho thấy phần lớn tin, bài viết về Ngành Hải quan được các loại hình báo chí đăng tải, phản ánh, trong đó cơ quan Hải quan đã phối hợp, chủ động cung cấp thông tin. Các đơn vị đi đầu trong thực hiện các công việc trên như: Báo Hải quan, Văn phòng Tổng cục, Cục CNTT&TKHQ; các Cục Hải quan: TP Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Đà Nẵng, Quảng Trị, TP Hà Nội, Hải Phòng...

Tính đến ngày 31/12/2018 đã có gần 6.000 tin, bài viết, phóng sự về ngành Hải quan được đăng trên khoảng 90 đầu báo giấy, báo điện tử, tạp chí, các Đài Truyền hình. Trong đó, có nhiều bài viết tuyên truyền về kết quả các lĩnh vực công tác nổi bật của ngành Hải quan, đặc biệt là về công tác cải cách hành chính.

Trong đó, Báo Hải quan đã thực hiện hàng nghìn tin, bài (đăng trên báo in và báo điện tử, báo điện tử tiếng Anh) tuyên truyền về pháp luật hải quan, thường xuyên đăng tải các loạt bài chuyên sâu về công tác thu hồi nợ thuế; Cơ chế một cửa quốc gia; Cơ chế một cửa ASEAN; Đề án nâng cao chất lượng kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu... Cục Hải quan Đồng Nai chủ động tuyên truyền về phát triển quan hệ đối tác qua website của Cục, báo đài, duy trì thường xuyên Bản tin công tác tháng (mỗi tháng 01 bản tin gửi 09 cơ quan trong tỉnh); Cục Hải quan Hà Nội đăng 345 tin, bài viết và 32 phóng



sự trên website của Cục nhằm thông tin, tuyên truyền cập nhật các văn bản mới, hoạt động hợp tác giữa Cục và cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn. Cục Hải quan Hải Phòng với tổng số tin bài thực hiện và phối hợp với cơ quan truyền thông thực hiện để tuyên truyền về hoạt động phát triển quan hệ đối tác Hải quan – doanh nghiệp từ đầu năm đến nay là 34 tin bài trên website của Cục và một số tin bài trên Báo Hải quan.

Một số đơn vị có nhiều cách thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật hiệu quả như:

- Phát tờ rơi cho hành khách xuất nhập cảnh, cư dân biên giới về Danh mục hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới ở Lào Cai (phát 2.800 tờ rơi hướng dẫn tờ khai hải quan), tờ rơi hướng dẫn thủ tục cho các tàu thuyền khi cập cảng, giới thiệu về đơn vị và các chính sách lớn về thuế, hải quan bằng nhiều thứ tiếng (Đồng Nai);

- Phối hợp với các phương tiện thông tin đại chúng, đài phát thanh, truyền hình xây dựng các chuyên mục tuyên truyền, phổ biến pháp luật thường kỳ cho doanh nghiệp và người dân điển hình như: Chương trình “Dân hỏi, Thủ trưởng cơ quan hành chính trả lời” trên Đài phát thanh và truyền hình Đắk Lắk; Hội thảo “Bình Dương - tiềm năng, lợi thế phát triển logistics và vai trò của hải quan” do Cục Hải quan Bình Dương phối hợp với tạp chí Việt Nam Logistics Review tổ chức; chuyên mục “Hải quan Đồng Nai đồng hành cùng doanh nghiệp” trên Báo Đồng Nai, Báo Bình Thuận (43 kỳ), chuyên mục cung cấp thông tin chính sách trên sóng FM đài phát thanh truyền hình Đồng Nai (129 kỳ), ...

Có thể nói, về cơ bản công tác thông tin tuyên truyền được thực hiện nghiêm túc, đạt kết quả tích cực. Nội dung và hình thức tuyên truyền không ngừng đổi mới, phù hợp với từng giai đoạn cụ thể. Kế hoạch tuyên truyền xây dựng phù hợp với thực tế từng đơn vị, công tác phối hợp với các cơ quan truyền thông kịp thời chặt chẽ theo đúng kế hoạch, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền về chính sách pháp luật hải quan. Qua đó, giúp cộng đồng doanh nghiệp hiểu và phối hợp tích cực giúp Ngành Hải quan hoàn thành tốt nhiệm vụ đồng thời góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ công chức hải quan thi đua, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ.

b) Tổ chức đối thoại:

Các đơn nghị Vụ, Cục thường xuyên quan tâm đến hoạt động đối thoại doanh nghiệp nhằm trả lời các vướng mắc của cộng đồng doanh nghiệp. Căn cứ phiếu đăng ký đối thoại của người khai hải quan, người nộp thuế, cơ quan Hải quan tổ chức đối thoại thường xuyên. Bên cạnh đó, cơ quan Hải quan các cấp đã chú trọng công tác đối thoại định kỳ với người khai hải quan, người nộp thuế trên cơ sở tổng hợp tình hình chung. Trong năm 2017, toàn Ngành đã tổ chức 89 cuộc đối thoại định kỳ với người khai hải quan, người nộp thuế. Một số hội nghị đối thoại điển hình như: trong tháng 9/2017, cơ quan TCHQ phối hợp với Tổng cục Thuế tham mưu, giúp cho Bộ Tài chính tổ chức được 02 Hội nghị đối thoại

với doanh nghiệp Hàn Quốc (miền Nam, miền Bắc); cuối tháng 11/2017 tổ chức 02 hội nghị đối thoại cấp toàn quốc với doanh nghiệp trong nước (miền Nam và phía Bắc); Cục Hải quan TP. Hà Nội tổ chức được 26 hội nghị đối thoại với sự tham gia của gần 600 doanh nghiệp, Cục Hải quan Bình Dương tổ chức được 13 hội nghị đối thoại, Cục Hải quan Đồng Nai thường xuyên cử Lãnh đạo đơn vị tham gia đối thoại, tháo gỡ các vướng mắc phát sinh cho doanh nghiệp và đã tổ chức 03 Hội nghị doanh nghiệp định kỳ với Hiệp hội doanh nghiệp Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc.

Công tác đối thoại Hải quan - doanh nghiệp tại các Cục Hải quan tỉnh, thành phố trong năm 2017 không ngừng được cải tiến và nâng cao hiệu quả. Cụ thể ở Cục Hải quan Bình Dương, ngoài các hoạt động đối thoại thường xuyên theo từng Hiệp hội doanh nghiệp, năm nay đã đổi mới sang loại hình kết hợp giữa đối thoại và tập huấn thủ tục hải quan cho lãnh đạo các doanh nghiệp FDI (bước đầu đã thực hiện với Hiệp hội doanh nghiệp Nhật Bản). Cục Hải quan Quảng Ninh đổi mới hình thức đối thoại theo nhóm, theo loại hình kinh doanh.

- Năm 2018, Tổng cục Hải quan ban hành Quyết định về kế hoạch triển khai công tác phát triển quan hệ đối tác Hải quan – Doanh nghiệp và các bên liên quan. Trong năm 2018, chủ trì tổ chức các Hội nghị: đối thoại với doanh nghiệp Hà Lan; tổ chức thành công tọa đàm “Hải quan – Doanh nghiệp kết nối, chia sẻ, đồng hành” tại TP. Hà Nội và phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức các Hội nghị đối thoại: Doanh nghiệp Hàn Quốc, Hiệp hội doanh nghiệp Nhật Bản và hội nghị đối thoại doanh nghiệp toàn quốc năm 2018 tại TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh. Hỗ trợ và tăng cường quan hệ đối tác qua Liên minh Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (VBF), Diễn đàn kinh tế tư nhân (VPSF), Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam (VCCI). Qua các hoạt động này, mối quan hệ phối hợp giữa Doanh nghiệp và cơ quan Hải quan tiếp tục được cải thiện, củng cố; nhiều cơ chế, chính sách mới đã được phổ biến, hướng dẫn, nhiều vướng mắc, kiến nghị của Doanh nghiệp đã được giải đáp ngay tại các Hội nghị, thể hiện sự thẳng thắn, cầu thị của cơ quan Hải quan.

c) Tiếp nhận và giải quyết vướng mắc:

Tính đến hết ngày 15/11/2017, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ngành Hải quan đã tiếp nhận và chuyển giao đến các đơn vị nghiệp vụ thuộc Tổng cục Hải quan 4.486 hồ sơ để giải quyết theo cơ chế một cửa, trong đó 2.002 hồ sơ nhận trực tiếp tại bộ phận một cửa, 2.484 hồ sơ nhận qua dịch vụ bưu chính. Hệ thống thông quan tự động VNACCS/VCIS và các hệ thống công nghệ thông tin vệ tinh ổn định 24/7, đã tiếp nhận và xử lý hơn 59.700 bộ hồ sơ thủ tục hành chính với sự tham gia của hơn 10.000 cá nhân, doanh nghiệp. Số lần hỗ trợ, tư vấn qua điện thoại tại Tổng cục Hải quan (Helpdesk): Số cuộc trả lời điện thoại là 56.100 cuộc, Số thư điện tử trả lời doanh nghiệp là 31.810.

d) Đào tạo, tập huấn cho doanh nghiệp:

Toàn Ngành Hải quan đã tổ chức 53 hội nghị, hội thảo tập huấn cho người khai hải quan, người nộp thuế, doanh nghiệp. Qua đó đã phổ biến các văn bản



pháp luật mới trong lĩnh vực hải quan, đồng thời tiếp nhận, hướng dẫn, giải đáp kịp thời nhiều ý kiến của doanh nghiệp. Các đơn vị thực hiện tốt như Cục Hải quan Quảng Ninh 10 hội nghị, Cục Hải quan Đồng Tháp 3 hội nghị. Riêng Ban CCHĐH đề xuất Tổng cục Hải quan đã tổ chức 09 hội nghị tập huấn cho các Hiệp hội doanh nghiệp tại 2 miền Nam, Bắc cụ thể như sau: Hội nghị tập huấn về phân loại hàng hóa mặt hàng thép chương 72 và xử lý vi phạm hành chính cho Hiệp hội Thép Việt Nam (vào tháng 4, tháng 5/2017); Hội nghị tập huấn về cơ chế một cửa quốc gia, đề án kiểm tra chuyên ngành và tạo thuận lợi thương mại cho Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam, Diễn đàn kinh tế tư nhân, Hiệp hội doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam, Hiệp hội Logistics, Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (vào tháng 7, tháng 9/2017).

e) Hỗ trợ tại doanh nghiệp:

- Thường xuyên gặp gỡ, hợp tác với các doanh nghiệp, Hiệp hội, Hội, Chi hội doanh nghiệp, doanh nghiệp lớn trên địa bàn và các địa bàn lân cận nhằm nắm bắt khó khăn, vướng mắc, đề xuất giải pháp tháo gỡ các vấn đề bất cập, giải quyết vướng mắc trong quá trình thực hiện thủ tục, kêu gọi doanh nghiệp đến làm thủ tục tại đơn vị như tại Nghệ An, Hải Phòng, Bình Dương, Đồng Nai, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Quảng Bình. Trong năm 2017, Cục HQ TP. Hồ Chí Minh đã đến thăm và làm việc tại trụ sở 30 doanh nghiệp để giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong quá trình làm thủ tục hải quan, phổ biến các văn bản pháp luật, các quy định mới; tổ chức Hội nghị “Cộng đồng doanh nghiệp - Cơ quan hải quan: đôi tác tin cậy, đồng hành cùng phát triển” đến cộng đồng doanh nghiệp với tổng hợp 86 câu hỏi trên các tất cả các lĩnh vực nghiệp vụ.

f) Hỗ trợ doanh nghiệp ưu tiên:

Hiện nay việc quản lý doanh nghiệp ưu tiên được thực hiện bằng chế độ chuyên quản, mỗi doanh nghiệp sau khi được công nhận sẽ được Cục KTSTQ chỉ định 01 cán bộ để quản lý, thường xuyên hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình thực hiện văn bản pháp luật (dưới các hình thức điện thoại, thư điện tử, trao đổi trực tiếp, văn bản). Tính đến nay đã có 64 doanh nghiệp được công nhận doanh nghiệp ưu tiên. Tình hình chấp hành pháp luật của doanh nghiệp ưu tiên là tốt. Năm 2017 có 01 doanh nghiệp bị đình chỉ chế độ ưu tiên là Tập đoàn cao su Việt Nam (với lý do là không còn đáp ứng được điều kiện về kim ngạch).

g) Triển khai dịch vụ thủ tục hành chính công trực tuyến:

Thực hiện Nghị quyết 19/NQ-CP về cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính hải quan, Ngành Hải quan luôn nỗ lực để giảm bớt thủ tục hành chính hải quan. Với 224 thủ tục hành chính hải quan năm 2014 thì đến năm 2017 chỉ còn 178 thủ tục. Bên cạnh đó từng thủ tục hải quan cũng thường xuyên được rà soát, đơn giản hóa để doanh nghiệp dễ dàng triển khai thực hiện. Đồng thời triển khai áp dụng dịch vụ công trực tuyến ở cấp độ 3-4 là 126 thủ tục (chiếm 71% trong tổng số thủ tục hành chính hải quan). Riêng Cục Hải quan Đồng Nai xây dựng hệ thống trao đổi thông tin Hải quan - Doanh nghiệp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; từ khi triển khai chính thức 01/3/2017 đến nay, đơn vị đã

triển khai thực hiện 100% các thủ tục cung cấp trên hệ thống, xử lý hơn 3.000 hồ sơ, xếp thứ 5 trong toàn Ngành về số hồ sơ xử lý qua hệ thống.

1.4 Giám sát thực thi quy định pháp luật hải quan

- Trong năm 2016, ở cấp Tổng cục, Ban CCHĐH đã chủ trì tổ chức cuộc khảo sát sự hài lòng của doanh nghiệp về hoạt động hải quan. Cuộc khảo sát được thực hiện đối với 500 doanh nghiệp chấp hành tốt pháp luật, có số thu và kim ngạch lớn thuộc danh sách chiếm 80% số thu, theo các ngành hàng trọng điểm. Tỷ lệ phản hồi là 284/500, đạt 57%. Kết quả khảo sát đã cho thấy rằng cộng đồng doanh nghiệp đánh giá khá cao các nỗ lực cải cách hiện đại hóa của Ngành Hải quan đã đem lại hiệu quả trong thực tế, mức độ đánh giá tốt đều trên 85%.

- Tại các Cục Hải quan tỉnh, thành phố, các cuộc khảo sát, đánh giá nhu cầu cũng như lấy ý kiến cộng đồng doanh nghiệp về hoạt động hải quan cũng được tích cực triển khai, điển hình như tại Quảng Bình (phát 230 phiếu khảo sát), Gia Lai – Kon Tum (Phát 107 phiếu khảo sát). Qua khảo sát, phần lớn doanh nghiệp đánh giá tốt và rất tốt về thái độ và tinh thần phục vụ của công chức hải quan (70%), về thời gian tiếp nhận và giải quyết vướng mắc (80%);

- Tại các Cục Hải quan tỉnh thành phố, công tác giám sát thực thi quy định pháp luật hải quan vẫn được duy trì qua các đường dây nóng, hòm thư góp ý. Đến tháng 11/2016, các Cục Hải quan tỉnh, thành phố đã tiếp nhận 1820 phản ánh, giải quyết 1113 vụ việc, thực hiện 47 cuộc kiểm tra hoặc phối hợp với các Bộ, ban ngành thực hiện kiểm tra hướng tới nội dung chống buôn lậu, gian lận thương mại của doanh nghiệp.

- Trong năm 2017, các cục Hải quan tỉnh, thành phố chủ động tiếp tục đẩy mạnh việc tiếp nhận, trả lời, giải đáp các vướng mắc của doanh nghiệp bằng văn bản, qua điện thoại, qua website của Cục một cách nhanh chóng kịp thời. Cập nhật thường xuyên kết quả giải quyết trên cổng thông tin điện tử của đơn vị để cộng đồng doanh nghiệp biết, theo dõi thực hiện. Điển hình như Cục Hải quan Đà Nẵng thiết kế, in và công khai tại đơn vị Poster nội dung tuyên truyền về số điện thoại đường dây nóng, số điện thoại website và email hỗ trợ thủ tục hải quan với hình thức bắt mắt, dễ nhìn rõ ràng. Gia Lai – Kon Tum đã công khai địa chỉ, số điện thoại tiếp nhận xử lý kiến nghị, phản ánh của cá nhân, tổ chức. Quảng Ninh thành lập 2 tổ: Tổ hỗ trợ về cơ chế, chính sách, thủ tục hải quan, đồng hành cùng doanh nghiệp và Tổ hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp tự nguyện tuân thủ pháp luật.

Công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo được trú trọng, thực hiện nghiêm túc theo chỉ đạo của Ban Bí thư, Đảng bộ các cấp. Đầu mỗi xử lý công tác này là đơn vị thanh tra – kiểm tra chuyên trách. Tổng cục Hải quan duy trì hòm thư góp ý, điện thoại đường dây nóng để tiếp thu ý kiến, tiếp nhận thông tin và giải đáp vướng mắc của doanh nghiệp nhanh chóng, hiệu quả. Thông tin của doanh nghiệp gửi đến cơ quan hải quan chủ yếu là doanh nghiệp đề nghị tư vấn về thủ tục hải quan điện tử (VNACCS), ưu đãi về miễn thuế nhập

khẩu hàng hóa tạo tài sản cố định, các chính sách thuế, chính sách mặt hàng xuất nhập khẩu thông qua điện thoại đường dây nóng.

Khiếu nại của doanh nghiệp phần lớn tập trung vào lĩnh vực hành chính với các nội dung: khiếu nại việc phân loại hàng hóa, quyết định ấn định thuế và quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan. Trong năm 2017, toàn Ngành Hải quan không có vụ việc khiếu nại đông người. Các quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật đều được thi hành nghiêm chỉnh. Tổng cục hải quan tiếp và làm việc với khoảng gần 250 lượt người dân, doanh nghiệp, như vậy tính trên ngày làm việc hành chính thì mỗi ngày gần như tiếp và làm việc một lần. Qua đó kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của người dân và doanh nghiệp để tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho doanh nghiệp, đồng thời cũng có thông tin và phương án tham mưu cho lãnh đạo cấp trên trong quản lý điều hành. Giải quyết, trả lời đơn thư khiếu nại gần đây có xu hướng giảm, với 354 lượt năm 2014 thì đến năm 2016 chỉ còn 295, giảm 12% và chín tháng đầu năm 2017 chỉ còn 153 vụ, ước giảm gần 40 % so với cùng kỳ.

1.5 Trang bị kiến thức, kỹ năng phát triển quan hệ đối tác

- Trong năm 2016, Trường Hải quan Việt Nam đã phối hợp với Ban CCHĐH tổ chức 04 lớp đào tạo về kiến thức, kỹ năng phát triển quan hệ đối tác cho lãnh đạo, công chức thuộc Tổ tư vấn hải quan – doanh nghiệp của các Cục hải quan tỉnh, thành phố; các công chức làm nhiệm vụ phát triển quan hệ đối tác tại Tổng cục và các doanh nghiệp đối tác của các Cục hải quan tỉnh, thành phố, bao gồm: 02 lớp đào tạo tổng quan về phát triển quan hệ đối tác cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo; 02 lớp đào tạo chuyên sâu về kỹ năng phát triển quan hệ đối tác cho cán bộ thực thi.

- Ban hành “Tuyển tập các tình huống tham vấn Hải quan – Doanh nghiệp và các bên liên quan” (tại Quyết định số 3199/QĐ-TCHQ ngày 26/9/2016) làm tài liệu cho các đơn vị trong ngành tham khảo, hỗ trợ thực hiện công tác tham vấn tại đơn vị;

- Ngay sau khi Bộ Tài chính ký Quyết định 1614/QĐ-BTC ngày 19/7/2016 ban hành “Kế hoạch cải cách, phát triển và hiện đại hóa Ngành Hải quan giai đoạn 2016-2020”, Tổng cục Hải quan đã tổ chức 02 Hội nghị triển khai kế hoạch cải cách hiện đại hóa giai đoạn 2016-2020 đến các bên đối tác tại Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh. Thông qua Hội nghị, Tổng cục hải quan đã giới thiệu những nội dung, định hướng phát triển của Ngành Hải quan đến cộng đồng doanh nghiệp và các Bộ, ngành có liên quan để các bên có thể nắm bắt, chủ động phối hợp hợp tác, đồng hành với cơ quan hải quan trong tiến trình cải cách, hiện đại hóa.

- Phối hợp với Viện nghiên cứu Hải quan, Cục CNTT & TK Hải quan, Báo Hải quan đăng tải các bài báo, bài viết tuyên truyền về công tác phát triển quan hệ đối tác trên Báo Hải quan, bản tin nghiên cứu hải quan, Cổng thông tin điện tử hải quan, Báo hải quan điện tử.

- Trong năm 2017, Trường Hải quan Việt Nam đã phối hợp với các đơn vị trong ngành tổ chức 04 khóa đào tạo tổng quan, chuyên sâu về phát triển quan hệ đối tác cho cán bộ, công chức hải quan, lãnh đạo các đơn vị và doanh nghiệp đối tác thường xuyên. Hoạt động đào tạo, tập huấn đã góp phần trang bị kiến thức, kỹ năng về phát triển quan hệ đối tác cho cơ quan hải quan và doanh nghiệp, đồng thời nâng cao năng lực hợp tác giữa các bên. Nhờ đó, công tác phát triển quan hệ đối tác trong năm 2017 ghi nhận sự chuyển biến tích cực về nội dung, chất lượng hoạt động đối tác ở cơ quan hải quan các cấp, ghi nhận sự tiến bộ về nhận thức cũng như ý thức trách nhiệm tham gia hoạt động hợp tác, đối tác với cơ quan hải quan từ cộng đồng doanh nghiệp.

1.6. Các hoạt động hợp tác khác với doanh nghiệp

a. Hợp tác với Hiệp hội doanh nghiệp, Phòng thương mại

- Ban CCHĐH đã đề xuất Lãnh đạo Tổng cục ký kết văn bản thỏa thuận hợp tác với Hiệp hội Thép ngày 17/6/2016. Thông qua cơ chế phối hợp song phương, Tổng cục Hải quan và Hiệp hội Thép đã đẩy mạnh trao đổi thông tin qua các báo cáo hàng tháng do Hiệp hội Thép cung cấp. Hiện nay, Ban CCHĐH đang xúc tiến việc thiết lập hoạt động hợp tác với Hiệp hội doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam nhằm đẩy mạnh các hoạt động giám sát thực thi pháp luật hải quan;

- Tiếp tục duy trì mối quan hệ hợp tác với Liên minh diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam (VBF) qua các hoạt động tham vấn, lấy ý kiến trong xây dựng chính sách pháp luật;

- Phối hợp và trao đổi với các Hiệp hội doanh nghiệp thúc đẩy hoạt động tham vấn thường xuyên giữa Tổng cục hải quan với các Hiệp hội doanh nghiệp;

- Thực hiện các hoạt động hợp tác với Phòng công nghiệp và thương mại Việt Nam (VCCI) trong xây dựng chính sách pháp luật, tuyên truyền, tập huấn văn bản chính sách, phối hợp tổ chức 02 Hội nghị đối thoại về chính sách và thủ tục hành chính thuế và hải quan năm 2016;

- Trong năm 2016, các Cục hải quan tỉnh, thành phố đã thiết lập quan hệ đối tác với 19 Hiệp hội, Chi hội trên địa bàn với nội dung hợp tác hướng tới xây dựng cách thức, quy chế xử lý vướng mắc cho doanh nghiệp thành viên, trao đổi thông tin về ngành hàng.

b. Hợp tác với doanh nghiệp

- Tăng cường trao đổi thông tin với các doanh nghiệp ưu tiên, doanh nghiệp có số thu thuế/kim ngạch xuất nhập khẩu lớn trên địa bàn nhằm nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phát hiện sai sót để hướng dẫn doanh nghiệp, nâng cao năng lực tuân thủ tục doanh nghiệp đồng thời cải thiện khả năng dự báo số thu của đơn vị như tại Bình Dương, Đồng Nai;

- Trong năm 2016, các Cục Hải quan tỉnh, thành phố đã ký kết 40 văn bản thỏa thuận hợp tác với doanh nghiệp về các nội dung về thực hiện chương trình đối tác chuyên đề báo cáo quyết toán loại hình gia công, sản xuất xuất khẩu;



phối hợp trong thực hiện việc giám sát hàng hóa tại cảng biển; tăng cường hiệu quả cải cách hành chính, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp; xây dựng đối tác thường xuyên.

- Năm 2017, Tổng cục Hải quan ký 02 văn bản thỏa thuận hợp tác với Hiệp hội doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam và Hiệp hội Logistics Việt Nam. Các cục Hải quan tỉnh, thành phố ký được 145 văn bản thỏa thuận, quy chế phối hợp với các doanh nghiệp, Hiệp hội trên địa bàn. Trong đó, Bình Dương đã ký được 07 quy chế phối hợp với 07 Chi, Hiệp hội, ngành hàng trong tỉnh (Hiệp hội thương gia Đài Loan, Hiệp hội doanh nghiệp Hàn Quốc, Hiệp hội doanh nghiệp Nhật Bản, Châu Âu, Trung Quốc, Hiệp hội XNK Gỗ); ký 03 quy chế phối hợp trao đổi thông tin và hỗ trợ doanh nghiệp. Đồng Nai ký 02 bản ghi nhớ và 09 quy chế, thỏa thuận hợp tác với các doanh nghiệp kinh doanh cảng, ICD trên địa bàn về quy chế phối hợp giám sát, kiểm soát hàng hóa tại kho bãi, quy chế giám sát và quản lý hàng hóa qua hệ thống camera giám sát tại khu vực cảng, ICD.

Các hoạt động hợp tác thường xuyên do cơ quan hải quan các cấp chủ động xây dựng, tổ chức và mời Hiệp hội doanh nghiệp tham gia, tập trung vào các nội dung: tham vấn xây dựng chính sách pháp luật; tiếp nhận giải quyết vướng mắc, phản ánh kiến nghị từ doanh nghiệp, Hiệp hội; đề nghị tham gia vào các cuộc khảo sát đánh giá của cơ quan hải quan (như khảo sát sự hài lòng khách hàng, khảo sát tình hình thực hiện cam kết phục vụ khách hàng, khảo sát xây dựng nội dung giao diện chuyên mục đối tác hải quan doanh nghiệp...). Thông qua các hoạt động hợp tác thường xuyên này đã góp phần đưa cơ quan hải quan đến gần hơn với cộng đồng doanh nghiệp, từ đó xây dựng được sự hiểu biết, đồng thuận, đồng hành giữa các bên.

2. Đánh giá

2.1 Đánh giá của cơ quan Hải quan

Có thể nói, phát triển quan hệ đối tác hải quan - DN là chủ trương phù hợp với xu thế phát triển của thế giới; đặc biệt trong bối cảnh hiện nay Chính phủ rất quan tâm đến việc cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của DN. Sự hợp tác tích cực của DN trong xây dựng chính sách, giám sát hoạt động xuất nhập khẩu (XNK) là rất cần thiết giúp cơ quan hải quan “tăng tốc” cải cách hành chính, rút ngắn thời gian thông quan hàng hóa, thực hiện mục tiêu của Nghị quyết 19 và Nghị quyết 35/NQ-CP.

Bên cạnh đó, việc cơ quan hải quan chủ động phát triển quan hệ đối tác hải quan - DN đã và đang góp phần tích cực hỗ trợ, tạo thuận lợi cho phát triển DN, kiến tạo môi trường kinh doanh minh bạch, bình đẳng, thực hiện các Nghị quyết 19 và Nghị quyết 35/NQ-CP. Cơ quan Hải quan cũng tăng cường tương tác giữa hải quan với cộng đồng doanh nghiệp bằng hoạt động đối thoại, hội nghị, hội thảo chuyên đề; chủ động xây dựng quan hệ đối tác với các hiệp hội doanh nghiệp, các doanh nghiệp lớn. Các hoạt động phát triển quan hệ đối tác triển khai trong năm 2016 đã góp phần nâng cao hình ảnh của cơ quan hải quan

đối với cộng đồng doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả quản lý hải quan, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, cụ thể:

a. Về phía cơ quan hải quan:

- Hỗ trợ công tác xây dựng chính sách: Thông qua các hoạt động tham vấn, tiếp thu ý kiến, giải quyết vướng mắc, cơ quan hải quan có thể tổng hợp, tham mưu, kiến nghị kịp thời cho Ngành Hải quan và các ngành có liên quan trong xây dựng chính sách phù hợp với thực tiễn thương mại, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của quy định pháp luật, tạo sự đồng thuận trong cộng đồng doanh nghiệp;

- Dự báo nguồn thu: Thông qua hoạt động trao đổi thông tin với các Hiệp hội doanh nghiệp, doanh nghiệp xuất nhập khẩu về tình hình thương mại, sản xuất kinh doanh, cơ quan hải quan có thể đưa ra các dự báo về tình hình thu thuế xuất nhập khẩu trong năm;

- Đánh giá tuân thủ: Thông qua các hoạt động hợp tác với Hiệp hội doanh nghiệp, doanh nghiệp xuất nhập khẩu, doanh nghiệp dịch vụ xuất nhập khẩu, cơ quan hải quan có thể nắm bắt được thông tin về hàng hóa xuất nhập khẩu, giá cả hàng hóa, chi phí liên quan cũng như tình hình chấp hành pháp luật của doanh nghiệp;

- Nâng cao tính tuân thủ của doanh nghiệp thông qua các hoạt động:

+ Tháo gỡ vướng mắc cho doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp hạn chế sai sót;

+ Hỗ trợ doanh nghiệp cải thiện năng lực thực thi pháp luật thông qua các hoạt động tập huấn, hướng dẫn;

+ Phát hiện và chỉ ra những vấn đề có tính hệ thống của doanh nghiệp, từ đó giúp doanh nghiệp cải thiện khả năng kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp.

- Thu hút doanh nghiệp đến thực hiện thủ tục: Nhờ thực hiện hiệu quả các hoạt động hỗ trợ, giải quyết vướng mắc, tạo thuận lợi cũng như tăng cường gỡ gỡ, trao đổi với cộng đồng doanh nghiệp, các đơn vị đã thu hút doanh nghiệp đến thực hiện thủ tục hải quan tại địa phương, góp phần tăng kim ngạch xuất nhập khẩu và số thu nộp ngân sách của đơn vị.

b. Về phía doanh nghiệp:

Các hoạt động phát triển quan hệ đối tác của cơ quan hải quan góp phần giúp doanh nghiệp:

- Hiểu, thực hiện thuận lợi thủ tục hải quan cũng như các quy định mới được ban hành trong lĩnh vực hải quan;

- Hiểu rõ hơn trách nhiệm, nghĩa vụ của doanh nghiệp trong thực hiện pháp luật hải quan, chủ động trao đổi thông tin, hợp tác với cơ quan hải quan trong quá trình thực hiện thủ tục;

- Nhận diện được những vấn đề tồn tại, yếu kém từ phía bản thân doanh nghiệp như việc tìm hiểu pháp luật, bố trí nhân sự, quản trị nội bộ, trao đổi thông tin với cơ quan hải quan.

- Hiểu, đồng thuận, đồng hành với cơ quan hải quan: Qua cuộc khảo sát sự hài lòng của doanh nghiệp về hoạt động hải quan năm 2016, bên cạnh các cải cách về thể chế, doanh nghiệp đánh giá cao các hoạt động hỗ trợ, hợp tác của cơ quan hải quan. 92% doanh nghiệp hoàn toàn hài lòng và hài lòng với hoạt động của Tổ tư vấn Hải quan – Doanh nghiệp tại Cục và Chi cục. 95% doanh nghiệp hài lòng và hoàn toàn hài lòng với các hội nghị đối thoại do cơ quan hải quan các cấp tổ chức. Tinh thần hợp tác với cơ quan hải quan của doanh nghiệp cũng ngày càng tăng, theo kết quả khảo sát, 88% doanh nghiệp sẵn sàng chia sẻ thông tin với cơ quan hải quan; 71% sẵn sàng tham gia các chương trình đối tác chuyên đề do cơ quan hải quan tổ chức.

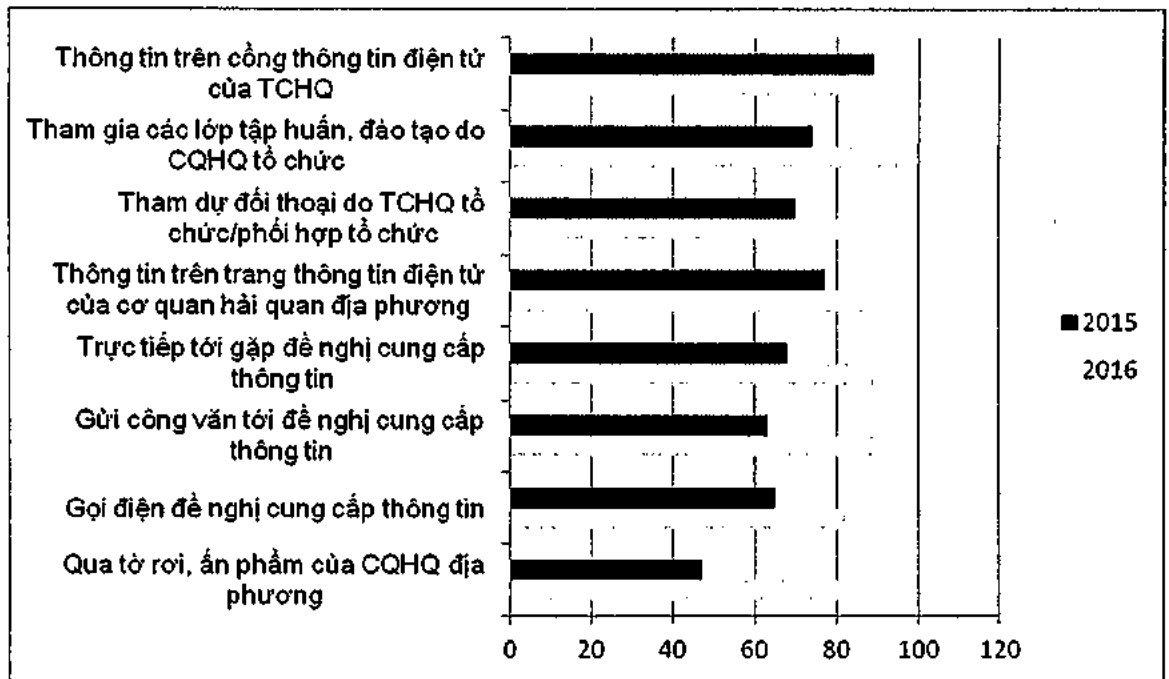
2.2 Đánh giá của cộng đồng doanh nghiệp về mối quan hệ hợp tác, hỗ trợ doanh nghiệp của cơ quan Hải quan đối với doanh nghiệp

Đánh giá về mối quan hệ Hải quan – doanh nghiệp sẽ thiếu sót nếu như không có những đánh giá của chính cộng đồng doanh nghiệp về cơ quan Hải quan. Hiện nay, chưa có một nghiên cứu và báo cáo riêng về đánh giá của cộng đồng doanh nghiệp liên quan đến mối quan hệ hợp tác, hỗ trợ doanh nghiệp của cơ quan Hải quan đối với doanh nghiệp. Tuy nhiên, thông qua một số chỉ tiêu trong kết quả khảo sát của VCCI về Mức độ hài lòng của Doanh nghiệp đối với Thủ tục Hành chính trong lĩnh vực Hải quan, chúng ta cũng có thể nhận diện một số đánh giá của cộng đồng doanh nghiệp về cơ quan Hải quan trong mối quan hệ hợp tác hai bên:

2.2.1 Đánh giá các phương thức tiếp cận thông tin và chất lượng thông tin về TTHC hải quan

Qua số liệu khảo sát của VCCI, có thể thấy đa số các doanh nghiệp tham gia khảo sát tương đối hài lòng với các phương thức tiếp cận thông tin về hải quan hiện nay. Theo đó, có trên 90 doanh nghiệp hài lòng/hoàn toàn hài lòng về việc tiếp cận thông tin TTHC hải quan qua trang web của Ngành Hải quan, cũng như qua các lớp tập huấn hoặc đối thoại hải quan. Những phương thức tiếp cận thông tin khác như trực tiếp tới gặp, gọi điện, gửi công văn hoặc qua tờ rơi, ấn phẩm cũng có trên 80% doanh nghiệp hài lòng/hoàn toàn hài lòng.

Tỷ lệ doanh nghiệp hài lòng/hoàn toàn hài lòng đối với các phương thức tìm hiểu thông tin về TTHC hải quan năm 2016 đã có sự cải thiện đáng kể so với năm 2015. Theo đó, cả 8 phương thức tiếp cận thông tin về TTHC của năm 2016 đều có tỷ lệ doanh nghiệp hài lòng/hoàn toàn hài lòng cao hơn so với năm 2015. Đến năm 2018, các chỉ số có giảm nhưng vẫn ở mức cao. Chi tiết thể hiện ở biểu đồ dưới đây:



Biểu đồ: Tỷ lệ doanh nghiệp hài lòng/hoàn toàn hài lòng đối với các phương thức tìm hiểu thông tin về TTHC Hải quan năm 2015-2016

(Nguồn: Báo cáo kết quả khảo sát năm 2015, 2016 của VCCI về Mức độ hài lòng của doanh nghiệp đối với thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan)

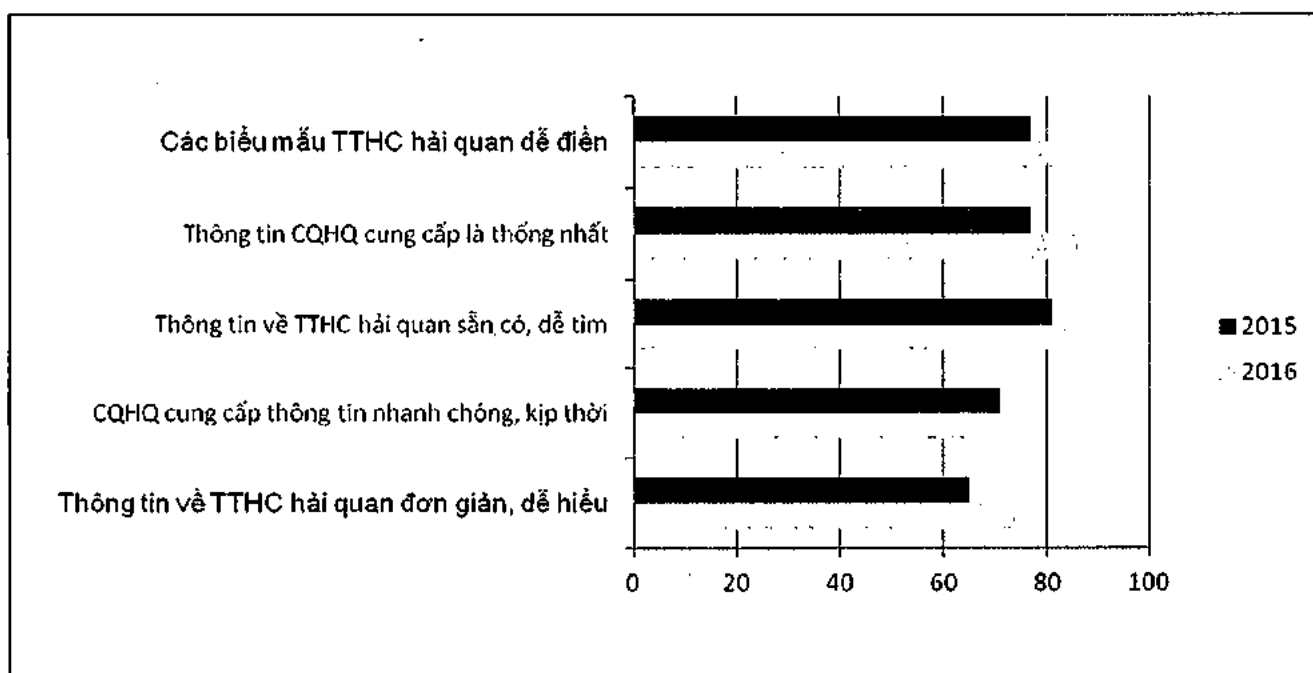
Mức độ hài lòng đối với các phương thức tìm hiểu thông tin về TTHC năm 2018 giảm một phần do phạm vi đối tượng khảo sát năm 2018 lớn hơn so với năm 2015 (năm 2018 có 44.603 doanh nghiệp nằm trong diện chọn mẫu, trong khi đó năm 2015 là 32.060 doanh nghiệp), mặt khác, do tiêu chí đánh giá của năm 2015 chỉ có 4 mức đánh giá (Hoàn toàn hài lòng, hài lòng, không hài lòng) và có khoảng trống cho phép doanh nghiệp không có ý kiến về nội dung này, còn năm 2018 nêu rõ 5 mức đánh giá (Rất hài lòng, tương đối hài lòng, bình thường, không hài lòng, rất không hài lòng). Tuy nhiên, điều này cũng cho thấy vẫn còn khá nhiều doanh nghiệp chưa hài lòng với các phương thức tiếp cận thông tin TTHC hải quan. Phản ánh từ các doanh nghiệp cho thấy không ít doanh nghiệp vẫn chưa kịp thời nắm được những thay đổi trong pháp luật hải quan. Do vậy, khi tiến hành các thủ tục, họ còn gặp nhiều khó khăn. Đa phần các ý kiến đóng góp của doanh nghiệp đều cho rằng: thông tin, chính sách, pháp luật Hải quan có nhiều thay đổi nhưng chưa phổ biến rộng rãi, doanh nghiệp nhiều lúc chưa tiếp cận được, doanh nghiệp thường bị động về thông tin chính sách mới, đề nghị CQHQ thông báo kịp thời cho doanh nghiệp ngay khi có các thông tin thay đổi về thủ tục, chính sách. Ngoài ra, Doanh nghiệp còn gặp khó khăn trong tìm thông tin về các buổi trao đổi, tập huấn của cơ quan liên quan đến chính sách, thủ tục xuất nhập khẩu hàng hóa. Đề nghị CQHQ thông báo về các buổi tập huấn, phổ biến kiến thức lên các trang web của ngành.

Ngoài những phương thức tiếp cận thông tin cơ bản được liệt kê ở trên, các doanh nghiệp còn tiếp cận thông tin TTHC bằng một số phương thức khác.

Đó là thông qua việc hỏi các doanh nghiệp từng có vướng mắc tương tự, các đại lý hải quan, các tổ chức cung ứng dịch vụ kho vận (logistics), trung gian vận chuyển (forwarders), hoặc qua chính các đơn vị cung cấp dịch vụ phần mềm, chữ ký số... Đáng lưu ý, các doanh nghiệp cũng tìm hiểu/nắm bắt thông tin qua các diễn đàn về thủ tục xuất nhập khẩu trên Internet, mạng xã hội (facebook), nơi họ có thể tham khảo và tương tác nhanh chóng với nhiều doanh nghiệp khác có chung mối quan tâm về một TTHC cụ thể.

Bên cạnh đó, đánh giá về chất lượng thông tin TTHC hải quan mà doanh nghiệp đã tiếp cận cũng cho kết quả tương tự và được cải thiện qua từng năm. Trong khảo sát năm 2016, đa số doanh nghiệp đánh giá cao về chất lượng các thông tin TTHC hải quan mà doanh nghiệp đã tiếp cận. Cụ thể, nếu năm 2016, 86% doanh nghiệp cho biết cơ quan hải quan (CQHQ) cung cấp thông tin thống nhất, 84% đánh giá thông tin là sẵn có, dễ tìm và 87% cho biết các biểu mẫu TTHC hải quan dễ điền; 77% cho biết CQHQ cung cấp thông tin cho doanh nghiệp nhanh chóng, kịp thời và 74% cho biết thông tin đơn giản, dễ hiểu thì đến năm 2018, các tỷ lệ trên lần lượt là 91%, 90%, 89%, 84%, 76%.

Ngoài nội dung đánh giá về phương thức tiếp cận thông tin hải quan, khảo sát còn đề cập tiêu chí chất lượng thông tin. Đánh giá của doanh nghiệp về chất lượng thông tin thủ tục hải quan năm 2018 đã tiếp cận khá tích cực và cải thiện đáng kể so với cuộc khảo sát năm 2015. Nếu so sánh năm 2018 và 2015 thì hai khía cạnh được cải thiện đáng kể là tiêu chí đánh giá biểu mẫu TTHC hải quan dễ điền (+12%) và thông tin CQHQ cung cấp là thống nhất (+14%). Các doanh nghiệp cũng đánh giá cao hơn về sự sẵn có, dễ tìm của thông tin TTHC hải quan, việc cung cấp thông tin nhanh chóng, kịp thời của CQHQ, cũng như mức độ đơn giản, dễ hiểu của thông tin TTHC hải quan mà doanh nghiệp đã tiếp cận.



Biểu đồ: Đánh giá việc tiếp cận thông tin TTHC hải quan doanh nghiệp năm 2015, 2016

(Nguồn VCCI: Báo cáo đánh giá cải cách thủ tục hành chính Hải quan năm 2016)

Dù vậy, cũng có một số doanh nghiệp chưa hài lòng với các phương thức tiếp cận thông tin TTHC hải quan. Phản ánh từ các doanh nghiệp cho thấy không ít doanh nghiệp vẫn chưa kịp thời nắm được những thay đổi trong pháp luật hải quan. Do vậy, khi tiến hành các thủ tục, họ còn gặp nhiều khó khăn. Một số ý kiến đóng góp được đưa ra là:

- Thông tin, chính sách, pháp luật Hải quan có nhiều thay đổi và doanh nghiệp thường bị động về thông tin chính sách mới. Đề nghị CQHQ gửi thông báo cho doanh nghiệp thường xuyên hơn...

- Chính sách hải quan có nhiều thay đổi nhưng chưa phổ biến rộng rãi, doanh nghiệp nhiều lúc chưa tiếp cận được. Đề nghị CQHQ phổ biến rộng rãi minh bạch trên cổng thông tin.

- Doanh nghiệp gặp khó khăn trong tìm thông tin về các buổi trao đổi, tập huấn của cơ quan liên quan đến chính sách, thủ tục xuất nhập khẩu hàng hóa. Đề nghị CQHQ thông báo về các buổi tập huấn, phổ biến kiến thức lên các trang web của ngành.

- Các quy định pháp luật liên quan đến TTHQ thường xuyên thay đổi, có rất nhiều quy định về chính sách TTHQ, doanh nghiệp không thể cập nhật kịp thời, sự kết nối giữa doanh nghiệp và CQHQ nhiều lúc còn hạn chế.

- Doanh nghiệp đôi khi bị chậm tiến độ ra tờ khai do chưa cập nhật kịp sự thay đổi về thủ tục, chính sách mới. Do vậy, đề nghị CQHQ thông báo kịp thời cho doanh nghiệp ngay khi có các thông tin thay đổi về thủ tục, chính sách.

2.2.2 Đánh giá công tác giải đáp vướng mắc về thông tin TTHC hải quan

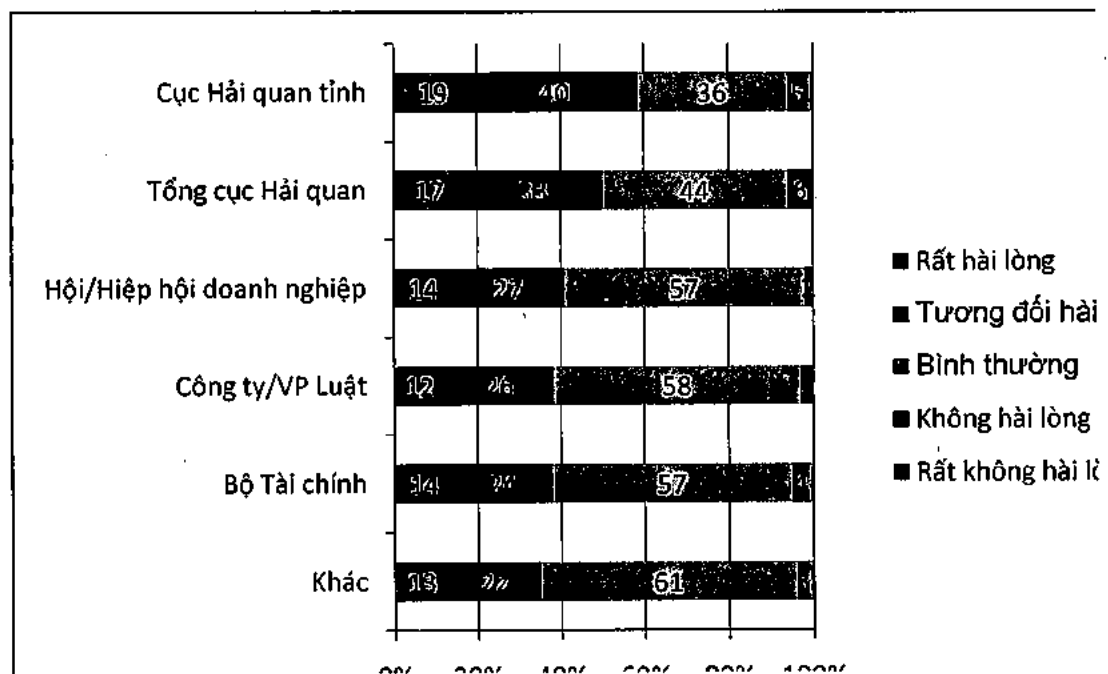
Mặc dù việc tiếp cận thông tin về TTHC là tương đối thuận lợi, nhưng vẫn có một số lượng không nhỏ doanh nghiệp cho biết có gặp khó khăn, vướng mắc trong quá trình tìm hiểu thông tin TTHC hải quan. Cụ thể, có 1677 doanh nghiệp (56%) cho biết họ đã từng gặp vướng mắc khi tìm hiểu thông tin về TTHQ (năm 2015 là 54%). Tỷ lệ gặp khó khăn trong nhóm doanh nghiệp nhà nước là 63% (năm 2015 là 57%), trong nhóm doanh nghiệp tư nhân là 55% (năm 2015 là 50%). Nhóm doanh nghiệp FDI có 57% doanh nghiệp cho biết từng gặp vướng mắc trong quá trình tìm hiểu thông tin về thủ tục hải quan (năm 2015 là 60%)

Những cơ quan, tổ chức mà doanh nghiệp thường xuyên tìm sự trợ giúp hoặc gửi câu hỏi khi gặp vướng mắc với thông tin TTHQ là khá đa dạng. Trong số 1699 doanh nghiệp có cung cấp thông tin về việc thường xuyên tìm sự hỗ trợ hoặc gửi câu hỏi tới cơ quan, tổ chức nào, thì cơ quan Cục Hải quan tỉnh/thành phố có tỷ lệ doanh nghiệp lựa chọn cao nhất (94%). Kế đến là Tổng cục hải



quan (65%), Bộ Tài chính (51%), các Hội/hiệp hội doanh nghiệp hoặc Công ty/Văn phòng luật (51%). Có 26% doanh nghiệp khi gặp khó khăn thường tìm tới sự trợ giúp của các cá nhân/tổ chức khác, như các doanh nghiệp cùng ngành, đại lý hải quan, doanh nghiệp dịch vụ logistics, các diễn đàn thảo luận trên mạng Internet, hoặc một số cơ quan nhà nước khác.

Mức độ hài lòng của doanh nghiệp với kết quả giải quyết vướng mắc phần lớn rơi vào mức bình thường, với tất cả các cơ quan, tổ chức được đánh giá. Theo đó, các doanh nghiệp đánh giá tích cực nhất về sự phản hồi của các Cục Hải quan địa phương, với 59% phản hồi rất hài lòng/tương đối hài lòng. Kế đến là Tổng cục hải quan, với tỷ lệ 50% các doanh nghiệp rất hài lòng/tương đối hài lòng. Mức độ hài lòng của các doanh nghiệp đối với phản hồi của Bộ Tài chính là 38%, tương tự tỷ lệ đối với các công ty/văn phòng luật. Kết quả chi tiết thể hiện ở hình dưới đây:



Biểu đồ: Mức độ hài lòng đối với kết quả phản hồi của CQHQ về vướng mắc

Tuy nhiên, việc giải đáp vướng mắc của doanh nghiệp cũng cần tiếp tục được cải thiện. Khảo sát cho thấy, bên cạnh những đánh giá tích cực nói trên, vẫn khá nhiều doanh nghiệp cho rằng công văn trả lời cho các vấn đề vướng mắc của doanh nghiệp còn chung chung, chủ yếu đưa ra các thông tư, nghị định, CQHQ cần trả lời, hướng dẫn cụ thể, rõ ràng hơn để doanh nghiệp hiểu và thực hiện.

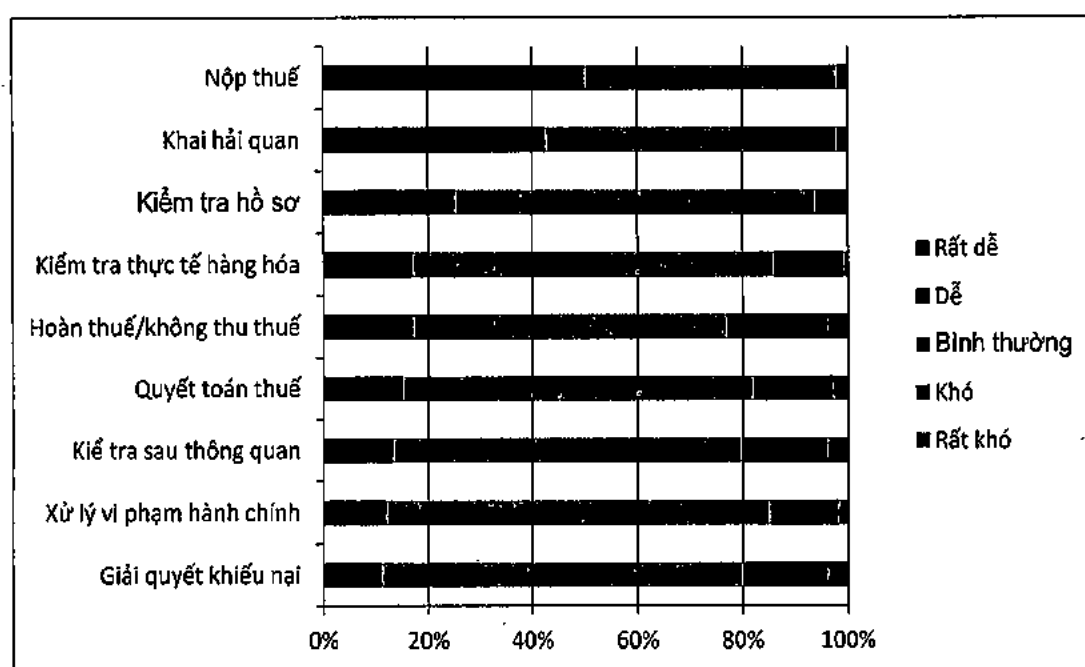
2.2.3 Đánh giá về thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) hải quan

Kết quả khảo sát 2018 cho thấy có bước tiến đáng kể trong đánh giá của doanh nghiệp về mức độ thuận lợi khi thực hiện các TTHC hải quan. Các lĩnh vực TTHC hải quan đề nghị doanh nghiệp đánh giá bao gồm Thủ tục thông quan, thủ tục quản lý thuế, kiểm tra sau thông quan, xử lý vi phạm hành chính

và giải quyết khiếu nại. Nhóm khảo sát có phân ra các thủ tục chi tiết cho một lĩnh vực thủ tục.

Tất cả các thủ tục được đưa vào đánh giá trong năm 2018 có phần lớn doanh nghiệp cho biết mức độ thuận lợi là bình thường, song điểm tích cực là tỷ lệ doanh nghiệp lựa chọn là dễ/rất dễ đều cao hơn so với khảo sát năm 2015. Ví dụ, trong khảo sát năm 2018, thủ tục có tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá cao nhất về mức độ thuận lợi khi thực hiện là thủ tục nộp thuế (50%) thì năm 2015, tỷ lệ này chỉ là 26%. Với khâu kiểm tra hồ sơ trong thủ tục thông quan, điều tra năm 2018 cho thấy có 25% doanh nghiệp đánh giá là dễ/rất dễ, trong khi năm 2015 chỉ là 10%. Hoặc với giải quyết khiếu nại, thủ tục vốn khó có thể đạt được mức độ đồng thuận của doanh nghiệp, thì năm 2018 cũng có 10% doanh nghiệp đánh giá là dễ/rất dễ, trong khi năm 2015 chỉ là 5%.

Biểu đồ: Mức độ thuận lợi khi thực hiện TTTC Hải Quan



Dù có những bước tiến như trên, song nhìn từ một khía cạnh khác là tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá khó/rất khó khi thực hiện, thì cơ quan hải quan vẫn cần nỗ lực hơn nữa để cải thiện. Đó là một số thủ tục có tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá khó/rất khó vẫn cao hơn so với tỷ lệ đánh giá dễ/rất dễ là: hoàn thuế/không thu thuế (23% số phản hồi đánh giá khó khăn, so với 17% đánh giá là dễ dàng); thủ tục KTSTQ (tỷ lệ đánh giá khó/rất khó là 20%, so với 13% chọn dễ/rất dễ); giải quyết khiếu nại (20% số phản hồi đánh giá khó khăn, so với chỉ 11% đánh giá là dễ dàng); và xử lý vi phạm hành chính (15% số phản hồi đánh giá khó khăn, so với chỉ 12% đánh giá là dễ dàng). Điều này cho thấy một số doanh nghiệp vẫn bày tỏ nhiều kỳ vọng hơn vào CQHQ. Vẫn còn một số trường hợp CQHQ xử lý kiến nghị, vướng mắc vẫn còn chậm, gây tổn kém thời gian và phát sinh thêm chi phí, ảnh hưởng lớn tới hoạt động của doanh nghiệp.

Nhìn chung, khảo sát 2018 của VCCI về mức độ hài lòng của doanh nghiệp về việc thực hiện thủ tục hành chính xuất nhập khẩu năm 2018 cũng cho

đặc biệt là thù lao tương xứng sẽ góp phần tích cực trong việc duy trì chuẩn mực tiêu liêm chính cao.

- Hệ thống thang bậc và ngạch lương cán bộ, công chức, viên chức Hải quan thực hiện theo quy định chung của Nhà nước. Tuy nhiên, trong vài năm qua, thu nhập thực tế của cán bộ, công chức, viên chức Hải quan được hưởng theo cơ chế thí điểm khoán biên chế và kinh phí hoạt động, do vậy có phần nào cao hơn so với mặt bằng chung của công chức các ngành khác chưa thực hiện cơ chế khoán. Ngoài ra, với đặc thù tính chất hoạt động Hải quan, hầu hết cán bộ công chức Ngành Hải quan đã được hưởng phụ cấp ưu đãi nghề với các mức 10%, 15% và 20% tương ứng với các ngạch kiểm tra viên cao cấp, kiểm tra viên chính và kiểm tra viên Hải quan.

- Đã có hệ thống khen thưởng áp dụng trong ngành, cả thường định kỳ và khen thưởng đột xuất, tuy nhiên chưa được thiết thực lắm, chưa thực sự khuyến khích những người tích cực, chưa tạo động lực rõ rệt để mọi người phấn đấu.

b. Về tuyển dụng, lựa chọn và thăng tiến :

Các thủ tục tuyển dụng và lựa chọn nhân viên cần phải dựa vào việc lựa chọn được những người không tham nhũng, cũng như có năng lực nghiệp vụ, kỹ thuật và kiến thức chuyên môn. Tuyển dụng và lựa chọn phải tính đến các đặc tính như trung thực, tin cậy được và chuẩn mực ứng xử của cá nhân cao.

Lựa chọn và bổ nhiệm cán bộ phải dựa trên công trạng. Quá trình này cần phải khách quan và không có sự can thiệp vào. Mỗi ủy ban tuyển dụng và bổ nhiệm phải gồm các thành viên độc lập được lựa chọn từ những lĩnh vực công việc khác nhau trong tổ chức. Điều này sẽ có thể giảm đến mức tối thiểu tác động ảnh hưởng của sự thân quen.

Việc kiểm tra hồ sơ công việc trước đây và sự đảm bảo về tính trung thực cần được lưu ý đến khi xem xét nhân viên có khả năng. Có thể cũng cần sử dụng chuyên gia bên ngoài để kiểm tra và gợi ý những điểm hoàn thiện cho quá trình và thủ tục lựa chọn. Chính sách này đặc biệt quan trọng đối với những vị trí mà ở đó không tránh khỏi việc tự ý ra quyết định và việc giám sát là khó khăn.

Một số kết quả chính đạt được :

- Các tiêu chí lựa chọn, tuyển dụng cán bộ công chức mới đã được công khai trên báo, phương tiện thông tin đại chúng và được mọi người tuân thủ.

- Trong các tiêu chí tuyển chọn công chức mới vào ngành, đã chú ý cả tiêu chí về kiến thức chuyên ngành, năng lực kỹ thuật và phẩm chất đạo đức cao.

- Hội đồng Tuyển dụng công chức đã được thành lập do một Lãnh đạo Tổng cục làm Chủ tịch, với các thành viên được lựa chọn từ các đơn vị của Tổng cục như Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Hợp tác quốc tế, Cục Tin học và Thống kê Hải quan và một số vụ cục nghiệp vụ như Vụ giám sát quản lý, Kiểm tra thu thuế... để đảm bảo tính khách quan của Hội đồng tuyển dụng.



- Đã tiến hành một số kiểm tra bên ngoài đối với cán bộ mới tuyển dụng, như xác minh lý lịch tại nơi cư trú, lấy ý kiến của cơ quan làm việc trước.

- Các cán bộ đề cử bổ nhiệm về cơ bản đã được đánh giá trên cơ sở công trạng đóng góp, đặc biệt trong lĩnh vực công việc sẽ được xem xét bổ nhiệm.

c. Về bố trí, luân chuyển, sắp xếp lại :

Loại bỏ cơ hội để nhân viên giữ vị trí nhay cảm trong một thời gian dài là một trong những biện pháp liên chính có hiệu quả. Để đảm bảo nhân viên không có các mối quan hệ gần gũi và không thích hợp với các khách hàng, cần triển khai cơ chế thay đổi và luân chuyển cán bộ theo từng thời gian định kỳ nhất định.

Các quyết định bố trí nhân viên cần dựa trên các tiêu chí khách quan và cơ sở này cần được ghi chép lại. Những nhân viên đang ở một vị trí lâu hoặc đang ở các vị trí nhay cảm đối với tham nhũng cần phải được luân chuyển.

Việc chia tách công việc cần giới hạn ở mức một số người có thể hoàn thành các chức năng công việc tương tự để các khách hàng không phải chỉ giao dịch với một người mà người này do quyền tự quyết định của mình có thể thu phí bất hợp pháp cho công việc thuộc chức năng nhiệm vụ của mình.

Việc phân định công việc cũng cần hết sức lưu ý để đảm bảo rằng cá nhân công chức Hải quan không thể tự ý quyết định được nếu không tham khảo nhân viên hải quan khác.

Một số kết quả chính đạt được :

- Đã ban hành văn bản quy định về việc luân chuyển cán bộ, công chức trong ngành, và cán bộ công chức Hải quan biết rõ định kỳ thời gian luân chuyển công việc. Thực tế thời gian qua các đơn vị đã rà soát và hạn chế công chức Hải quan giữ những vị trí nhay cảm trong một thời gian dài, thực hiện luân chuyển công chức hải quan theo định kỳ thời gian, đặc biệt là tại các Chi cục Hải quan thuộc Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi công chức thường xuyên tiếp xúc với doanh nghiệp, khách hàng.

- Ngành Hải quan đã có quy định và triển khai thực hiện việc luân chuyển dựa trên nhu cầu công việc, tránh tình trạng thành kiến hay thiên vị đối với những trường hợp luân chuyển.

d. Về đào tạo và phát triển nghề nghiệp :

Giáo dục và đào tạo, cả chính thức và không chính thức đều đóng vai trò chính trong cuộc chiến chống tham nhũng. Trước hết, là phát triển nghề nghiệp phù hợp cho nhân viên, từ đó tăng cường năng lực kỹ thuật cho họ và giảm việc phải trông đợi vào đào tạo tại nơi làm việc. Thứ hai là, tạo cơ hội cho tổ chức củng cố liên chính và chống tham nhũng. Điều này đặc biệt phù hợp khi cơ quan có Bản Quy tắc ứng xử chính thức. Việc đào tạo cần tập trung vào các chuẩn mực ứng xử được mong đợi ở tất cả các nhân viên và cơ chế báo cáo các

vi phạm Quy tắc. Cần tăng cường nhận thức và chia sẻ trách nhiệm của các nhóm làm việc mỗi khi có thể.

Một điều quan trọng để đảm bảo sự tín nhiệm của đào tạo chính thức và không chính thức là nội dung đào tạo cần phải phản ánh chính xác những gì diễn ra ở nơi làm việc.

Một số kết quả chính đạt được :

- Ngành Hải quan đã cung cấp nhiều chương trình, khóa đào tạo hướng nghiệp khác nhau cho cán bộ, công chức, cả về kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ tổng hợp và chuyên ngành, tin học và ngoại ngữ, chủ yếu là tiếng Anh với các mức trình độ khác nhau.

- Trong chương trình đào tạo có nội dung giảng dạy về liêm chính hải quan, trong đó có đề cập đến các quy định của Tuyên bố Arusha của WCO, các văn bản quy định và việc tổ chức thực hiện của Hải quan Việt Nam.

- Thường xuyên tiến hành đánh giá kết quả các khóa đào tạo, chủ yếu qua hình thức thi viết và vấn đáp học viên, cách thức đánh giá chủ yếu qua điểm số do giảng viên chấm bài làm của học viên, do vậy khó đánh giá hiệu quả của việc đào tạo

- Các công chức Hải quan đã được quán triệt, đào tạo về trách nhiệm, khả năng phát hiện, ngăn chặn tham nhũng. Các hoạt động này được nhất quán từ cấp Tổng cục tới các Cục Hải quan tỉnh, thành phố, mặc dù trong thực tiễn diễn ra với các mức độ khác nhau.

e. Về quản lý, đánh giá việc thực hiện của cán bộ nhân viên :

Hệ thống quản lý và đánh giá bao gồm việc quản lý hàng ngày con người và việc thực thi của những người đó. Đánh giá việc thực hiện là quá trình mà ở đó những người quản lý có thể đánh giá việc thực hiện của nhân viên, xác định các cơ hội phát triển, nhận rõ và trao thưởng cho những người làm việc tốt và có đóng góp với cơ quan, tổ chức trong việc đạt tới những mục tiêu đề ra.

Tiến hành đánh giá thường xuyên sẽ khuyến khích được nhân viên nêu cao trách nhiệm duy trì mức độ liêm chính cao. Quá trình đánh giá thực hiện cần gắn với quá trình khen thưởng gồm tăng lương, cũng như các phần thưởng ngoài lương khác như thuyên chuyển, đào tạo, du lịch, tuyên dương, công khai để tiếp tục khuyến khích hành vi tích cực. Việc khen thưởng có thể thực hiện ngay đối với việc làm tốt, tuy nhiên hệ thống đánh giá cần phải đảm bảo đánh giá khách quan việc thực hiện của nhân viên trong một thời gian dài.

Một số kết quả chính đạt được :

- Ngành Hải quan tiến hành đánh giá kết quả công việc theo định kỳ thời gian. Cụ thể, từng tháng căn cứ vào tiến độ, chất lượng công việc để đánh giá phân loại làm căn cứ để chi tiền lương tăng thêm theo các mức A,B,C. Cuối năm có đánh giá phân loại để làm cơ sở bình xét các danh hiệu thi đua như lao động

tiên tiến, chiến sỹ thi đua cơ sở, chiến sỹ thi đua ngành và xem xét những hình thức khen thưởng cao hơn.

- Việc xét khen thưởng theo định kỳ thời gian và khen thưởng đột xuất luôn gắn với việc đánh giá kết quả thực hiện của nhân viên, đảm bảo đúng người, đúng việc. Danh hiệu khen được gắn với mức thưởng vật chất, tuy nhiên mức độ còn rất khiêm tốn.

- Việc thực hiện các nội dung của Quy tắc ứng xử cũng được xem xét trong khi đánh giá, phân loại cán bộ công chức Hải quan, đưa vào mẫu biểu phân loại hàng tháng.

2.3 Một số hạn chế trong các nội dung thuộc quản lý nguồn nhân lực

**** Về các khoản thù lao và điều kiện :***

- Mặc dù đã có quy định về đánh giá, phân loại cán bộ công chức, song việc tiến hành đánh giá vẫn mang tính hình thức do chưa có mô tả, định danh công việc một cách rõ ràng, phù hợp với thực tiễn của mỗi lĩnh vực công tác. Các tiêu chí đánh giá còn chung chung, chưa có cơ chế xem xét đánh giá kết quả gắn với từng vị trí, chức danh, ngạch bậc cụ thể.

- Khoảng cách giữa các hình thức phân loại thấp, nên chưa thực sự kích thích, động viên khuyến khích được cán bộ, công chức Hải quan phấn đấu làm tốt để được xếp loại vào mức cao hơn.

- Chưa tiến hành kiểm tra, đánh giá việc thực Quy tắc ứng xử trong hoạt động thực tiễn của các đơn vị, mà mới chủ yếu nắm kết quả thực hiện qua hệ thống báo cáo ngành dọc.

**** Về tuyển dụng, lựa chọn và thăng tiến :***

- Mới chỉ công khai tiêu chí tuyển chọn đối với các vị trí mới vào ngành, còn các vị trí trống khác chưa được công khai với tất cả mọi người.

- Thí sinh muốn được tuyển dụng vào ngành mới chỉ phải qua kỳ thi về kiến thức chuyên môn, tin học và ngoại ngữ, mà chưa có hình thức kiểm tra chuẩn mực đạo đức, chủ yếu qua xác minh lý lịch của thí sinh khi thí sinh đó đạt yêu cầu của kỳ thi tuyển và được Tổng cục có quyết định tuyển dụng vào ngành. Chưa áp dụng hình thức phỏng vấn để nắm thêm nguyện vọng, khả năng ứng xử và cách thức xử lý tình huống theo yêu cầu của từng nhóm công việc chuyên môn.

- Trong thực tế chưa có quy định và cũng chưa tiến hành lấy ý kiến nhận xét của công an, chưa lấy ý kiến giới thiệu của những người có ảnh hưởng đối với những người mới tuyển dụng để tham khảo giúp cho quá trình tuyển dụng được hiệu quả hơn.

- Hiện nay, không phải lúc nào bằng cấp và chứng chỉ chuyên môn của thí sinh cũng được kiểm bởi cơ quan Hải quan, cơ quan Hải quan chỉ kiểm tra khi có dấu hiệu nghi vấn cần xác minh làm rõ.



- Cán bộ đề cử bổ nhiệm mới chủ yếu dựa trên công trạng, mà chưa dựa trên khả năng, mong muốn của họ trong việc chấp nhận một mức độ trách nhiệm phù hợp chống tham nhũng và thúc đẩy liêm chính.

- Quy tắc ứng xử chưa được Ngành Hải quan coi là điều kiện tiên quyết khi tuyển dụng. Những người tham gia thi tuyển không được yêu cầu cần chấp nhận Quy tắc ứng xử.

*** Về bố trí, luân chuyển, sắp xếp lại :**

- Chưa thống kê hết các vị trí nhạy cảm dễ xảy ra tham nhũng tiêu cực trong Ngành Hải quan. Việc luân chuyển còn gặp nhiều khó khăn về chuyên ngành đặc thù, về phạm vi địa bàn luân chuyển, về các điều kiện đảm bảo cho việc luân chuyển như đi lại, ăn ở, phương tiện làm việc... đặc biệt đối với những công việc đòi hỏi yêu cầu kỹ thuật cao.

- Chính sách luân chuyển chưa thực sự phát huy tính hiệu lực và hiệu quả, chưa có cơ chế, tiêu chí để xem xét, đánh giá một cách độc lập và khách quan.

- Môi trường làm việc hiện nay còn có nhiều khó khăn, chưa thực sự ngăn chặn hữu hiệu việc thiết lập mối quan hệ không phù hợp giữa nhân viên Hải quan và khách hàng.

*** Về đào tạo và phát triển nghề nghiệp :**

- Chủ yếu mới là các khóa đào tạo trên lớp, việc đào tạo tại nơi làm việc chưa được tiến hành thường xuyên, mới chủ yếu kèm cặp, hướng dẫn cho những người mới tuyển trong thời gian thử việc 1 năm theo quy định của Nhà nước.

- Tuy đã được đào tạo về liêm chính Hải quan, nhưng công chức Hải quan, nhất là những người mới được tuyển dụng chưa được truyền đạt kỹ, trọng tâm về các chuẩn mực mà mỗi người mong đợi cần có ở mỗi công chức Hải quan, cũng như là cách thức giải quyết, xử lý các tình huống nảy sinh trong thực tiễn có liên quan đến thực thi liêm chính Hải quan.

- Chưa có tiêu chí, cách thức đánh giá hiệu quả các chương trình đào tạo. Việc đánh giá kết quả qua điểm chấm bài thi của học việc mới chỉ đánh giá xem họ nắm kiến thức, vấn đề đến đâu, còn hiệu quả phải được thể hiện qua công việc, xem từ những kiến thức mà họ thu được qua các khóa đào tạo sẽ được vận dụng, chuyển hóa vào công việc ra sao, cách thức giải quyết công việc, kỹ năng làm việc được nâng lên như thế nào... Việc đánh giá hiệu quả công việc cần phải dựa vào lãnh đạo quản lý trực tiếp của công chức đó.

- Từ việc được đào tạo, đến việc phát huy khả năng và trách nhiệm trong việc phát hiện và ngăn chặn tham nhũng, sửa đổi bất kỳ hành vi nào vi phạm chuẩn mực liêm chính Hải quan vẫn còn khoảng cách khá xa, vì vấn đề liên quan đến yếu tố con người, đến văn hóa ứng xử, văn hóa nghề nghiệp nên đòi hỏi có sự nhận thức và chuyển biến từ tư duy đến hành động, không thể áp đặt một cách máy móc được và cũng không thể ngày một ngày hai được mà đòi hỏi phải có quá trình liên tục.



*** Về quản lý, đánh giá việc thực hiện của cán bộ nhân viên :**

- Mặc dù đã có quy định về đánh giá, phân loại cán bộ công chức, song việc tiến hành đánh giá vẫn mang tính hình thức do chưa có mô tả, định danh công việc một cách rõ ràng, phù hợp với thực tiễn của mỗi lĩnh vực công tác. Các tiêu chí đánh giá còn chung chung, chưa có cơ chế xem xét đánh giá kết quả gắn với từng vị trí, chức danh, ngạch bậc cụ thể.

- Khoảng cách giữa các hình thức phân loại thấp, nên chưa thực sự kích thích, động viên khuyến khích được cán bộ, công chức Hải quan phấn đấu làm tốt để được xếp loại vào mức cao hơn.

- Chưa tiến hành kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Quy tắc ứng xử trong hoạt động thực tiễn của các đơn vị mà mới chủ yếu nắm kết quả thực hiện qua hệ thống báo cáo ngành dọc.

*** Nguyên nhân của các hạn chế :**

- Thiếu cơ chế động viên, khuyến khích thực sự đối với những cán bộ công chức có năng lực, hiệu quả công tác cao.

- Chưa có nghiên cứu, khảo sát đánh giá về việc thực hiện luân chuyển, điều động cán bộ công chức trong ngành để tham mưu đề xuất những chính sách chế độ có liên quan đối với cán bộ, công chức Hải quan.

- Chưa gắn đào tạo với sử dụng, đề bạt, luân chuyển cán bộ công chức nên năng lực của cán bộ, công chức Hải quan có nơi, có lúc không đáp ứng yêu cầu, không phù hợp với lĩnh vực chuyên môn được giao.

- Chưa thiết kế được chương trình đào tạo gắn giữa nhiệm vụ chuyên môn thường xuyên với nhiệm vụ trong tương lai để chủ động về nhân lực.

3. Về văn hóa tổ chức và tinh thần :

3.1 Đánh giá chung

Trước khi thay đổi của tổ chức diễn ra, điều cần thiết đầu tiên là hiểu rõ văn hóa và thực tiễn đang hiện diện trong tổ chức và quyết định phương pháp thích hợp nhất để có được sự cải thiện thực sự và liên tục. Mức độ cần thiết thay đổi phải dựa vào thực trạng cơ quan và khả năng hỗ trợ phù hợp và áp lực cần thay đổi văn hóa.

Nhân viên và các tổ chức đoàn thể cần tích cực tham gia vào quá trình này. Cần xác định những lĩnh vực có độ rủi ro cao và đề xuất những sự thay đổi đối với hệ thống và thực tiễn công việc hiện tại. Sự thay đổi về thái độ và văn hóa của tổ chức là cực kỳ khó thực hiện, đặc biệt khi tham nhũng lan rộng hoặc thành bệnh. Tuy nhiên, không có sự thay đổi, thậm chí nếu những người phạm tội tham nhũng bị thay thế, tham nhũng có thể lại xảy ra ở những chỗ đã thay thế đó. Cải thiện văn hóa của tổ chức để nhân viên có niềm tự hào và trung thành trong công việc là điều quan trọng sống còn để bẻ gãy vòng xoáy đó.

3.2 Một số kết quả đạt được về văn hóa tổ chức và tinh thần :



- Đại đa số cán bộ quản lý các cấp làm gương cho nhân viên dưới quyền và tỏ rõ cam kết của họ đối với liêm chính và ngay thẳng thể hiện qua các hành vi cư xử của mình.

- Cán bộ công chức Hải quan được khuyến khích xác định các cách thức mà tham nhũng có thể xảy ra và đề xuất cơ chế để tăng cường kiểm soát tham nhũng.

- Đã có nhiều văn hóa được ban hành nhằm chấn chỉnh, xây dựng môi trường làm việc lành mạnh, liêm chính, trong đó xác định rõ trách nhiệm của cán bộ thừa hành, lãnh đạo cấp Chi cục, lãnh đạo cấp Cục, về quan hệ phối hợp giữa các đơn vị trong ngành trong việc duy trì liêm chính, cũng như kêu gọi sự hỗ trợ, cộng tác từ phía doanh nghiệp.

- Những gương cán bộ nhân viên có thành tích xuất sắc trong công việc như chống buôn lậu, chống thất thu thuế... được khen thưởng tại các hội nghị của ngành, đơn vị hay đưa tin trên báo, đài, phương tiện thông tin nhằm nhân rộng các gương điển hình.

- Mỗi khi có người nào đó bị phát hiện vi phạm chuẩn mực đạo đức, tiêu cực hay tham nhũng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị có tiến hành các biện pháp như yêu cầu giải trình, làm rõ hành vi vi phạm, các vấn đề có liên quan, tiến hành họp các thành phần có liên quan và ra các quyết định hành chính tùy thuộc vào mức độ vi phạm.

3.3 Một số hạn chế về văn hóa tổ chức và tinh thần:

- Việc ra quyết định của cán bộ quản lý cao cấp có lúc chưa được cởi mở và minh bạch vì quy trình ra quyết định chưa được công khai với mọi người, chỉ những người có liên quan mới biết được.

- Các biện pháp khuyến khích nhân viên phát hiện tham nhũng chưa phù hợp, chưa phát huy tác dụng, trong thực tế chưa có vụ việc tham nhũng nào do cán bộ trong ngành phát hiện, mà chủ yếu do cơ quan chức năng như công an, quản lý thị trường hoặc doanh nghiệp phản ánh. Cơ chế ghi nhận và tặng thưởng cho việc phát hiện và đề xuất các biện pháp kiểm tra không sát thực và không khích lệ được mọi người.

- Chưa xây dựng chiến lược liêm chính trong hoạt động Hải quan, do vậy cần thiết xây dựng và triển khai chiến lược với sự tham gia của mọi cán bộ công chức Hải quan.

- Chưa tiến hành các biện pháp đo lường mức độ ý chí tinh thần của mọi người, ví dụ tiến hành các cuộc khảo sát để thu thập ý kiến phản hồi cũng như những đề xuất của nhân viên.

- Về mặt văn hóa, lý thuyết thì nhân viên có thể nêu ra, thảo luận và giải quyết các vấn đề có tính văn hóa hay tinh thần mà các vấn đề này có ảnh hưởng đến những nỗ lực chống tham nhũng của cơ quan. Tuy nhiên, trong thực tế không phải như vậy, do chưa có cơ chế phù hợp nên nhân viên còn ngại ngùng,



e đề khi nêu các vấn đề ra, coi đó là việc của lãnh đạo, của đơn vị hoặc nghĩ rằng nếu có nêu thì cũng không giải quyết được vấn đề gì.

- Chưa có các hội nghị, cuộc gặp mặt để tuyên truyền các chuẩn mực hành vi ứng xử được mong đợi ở cán bộ công chức Hải quan, cũng như thông tin về các vụ việc, cá nhân bị phát hiện có liên quan đến tham nhũng, tiêu cực, những vấn đề cần lưu ý, rút kinh nghiệm để mọi người thấy rõ tác hại và có biện pháp phòng tránh không để xảy ra các trường hợp tương tự đối với đơn vị và cá nhân

- Chưa sử dụng các phương tiện truyền thông nội bộ để thảo luận về liêm chính và các vấn đề văn hóa. Các vụ tham nhũng chưa được thảo luận một cách công khai, cởi mở trong cán bộ công chức của cơ quan.

- Chưa có văn bản pháp lý quy định việc bảo vệ những nhân viên báo cáo hành vi vi phạm liêm chính nên ảnh hưởng đến kết quả phát hiện tham nhũng từ trong nội bộ nhân viên Hải quan. Đây cũng là lý do mà các cá nhân còn e ngại trong việc báo cáo mỗi khi phát hiện hành vi liên quan đến tiêu cực, tham nhũng vì thấy rằng mình chưa được cơ quan bảo vệ, việc báo cáo có thể sẽ gây nguy hại cho bản thân, kể cả vị trí làm việc cũng như sự an toàn của bản thân và những người trong gia đình mình.

- Các hình phạt đối với hành vi tham nhũng chưa đủ sức răn đe những hành vi không phù hợp với chuẩn mực đạo đức. Chưa công khai cho mọi người biết về kết quả các cuộc điều tra có liên quan đến tham nhũng.

3.4 Nguyên nhân của các hạn chế :

Ngành Hải quan phải kiến nghị với Bộ Tài chính làm việc cùng với các ngành chức năng khác để ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản, chế độ chính sách có liên quan đến thực thi liêm chính có hiệu quả đi vào cuộc sống, trở thành hiện thực. Đó là tạo điều kiện cho công chức Hải quan có thu nhập đủ sống để ngăn ngừa tham nhũng, để công chức dù có muốn cũng không thể tham nhũng vì pháp luật có những quy định chặt chẽ, không bị mập mờ, không tạo ra những khoảng trống tiếp tay cho công chức lộng quyền, để công chức không dám liều tức là các chế tài xử phạt tội tham nhũng phải đủ sức răn đe, khiến công chức Hải quan và các đối tượng liên quan sợ mà không dám tham nhũng. Cụ thể là, cùng Bộ Nội vụ, Bộ Lao động-Thương binh và xã hội xây dựng chính sách tiền lương và chế độ đãi ngộ cho công chức Hải quan, có tham khảo chế độ lương của Hải quan một số nước khác, cũng như khu vực tư nhân để làm sao công chức Hải quan có mức lương và thu nhập đảm bảo mức sống hợp lý cho bản thân họ và gia đình. Bên cạnh đó, thường xuyên rà soát văn bản quy phạm pháp luật, nâng cao trình độ cán bộ làm công tác pháp chế để vừa tiếp cận với các chuẩn mực thế giới, vừa xây dựng văn bản pháp quy đảm bảo nội dung rõ ràng, chuẩn xác, tránh mập mờ, tạo kẽ hở cho các đối tượng lợi dụng.

- Phương hướng chung là xây dựng phương pháp trước, sau đó triển khai thí điểm rồi mới nhân ra diện rộng. Đến nay, Tổng cục đã xây dựng được nền tảng và các phương pháp cơ bản của mô hình QLNNL theo năng lực dựa trên vị

trí việc làm (VTVL), cụ thể: Xây dựng đề án VTVL của Tổng cục Hải quan; Xây dựng Khung năng lực chuyên môn nghiệp vụ lĩnh vực GSQL & Thuế XNK nhằm xác định được kiến thức và kỹ năng chuyên môn cần thiết của VTVL tại từng lĩnh vực; Xây dựng & triển khai quy trình xác định biên chế theo VTVL nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng biên chế tại các đơn vị trong Ngành Hải quan; Xây dựng phương pháp & triển khai thí điểm tại lĩnh vực Thuế XNK của Cục HQ tỉnh Đồng Nai và bước đầu triển khai ứng dụng kết quả vào công tác cán bộ.

- Đến nay, Tổng cục Hải quan đã thực hiện được 3/8 hoạt động của mô hình QLNNL theo năng lực gồm: (1) Hệ thống VTVL, (2) Sổ tay nghiệp vụ, (3) Hệ thống ĐGNL; đang thực hiện được 2/8 hoạt động gồm (4) Hồ sơ năng lực, (5) Hệ thống quản lý kết quả công việc, (6) Các hoạt động TCCB (bố trí, sắp xếp, điều động, luân chuyển) dựa trên kết quả ĐGNL và chưa triển khai 2/8 hoạt động là (7) Hệ thống Đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ của công chức, (8) Điện tử hóa các hoạt động QLNNL theo năng lực.

3.5 Hạn chế, tồn tại chung.

- Mới dừng ở việc xây dựng phương pháp & thí điểm diện hẹp, chưa triển khai ứng dụng vào các hoạt động TCCB (tổ chức đánh giá nhân lực công chức, đào tạo, bố trí, sắp xếp, điều động, luân chuyển);

- Hệ thống cơ sở dữ liệu về VTVL chưa được rà soát, bổ sung, chuẩn hóa kịp thời. Việc triển khai nhân rộng trong năm 2017 và những năm trước đây đều chậm tiến độ.

- Nguyên nhân dẫn đến tình trạng nêu trên là do nhận thức về việc tiến hành đổi mới QLNNL theo VTVL chưa được quan tâm, chú trọng đúng mức. Thời gian qua, Tổng cục đã tập trung đẩy mạnh cải cách thể chế, quy trình thủ tục nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động hải quan. Tuy nhiên, việc đẩy mạnh các hoạt động đổi mới QLNNL còn chưa được chú trọng và chưa theo kịp với yêu cầu cải cách nghiệp vụ của Ngành. Các đơn vị nghiệp vụ chưa xác định đổi mới QLNNL thuộc nhóm công việc trọng tâm thường xuyên phải tiến hành hàng năm. Nhiều đơn vị do bận công việc chuyên môn, nên chưa chủ động và bố trí nhân lực để triển khai các hoạt động đổi mới QLNNL

*** Những vấn đề tồn tại trong công tác tổ chức cán bộ của Tổng cục Hải quan hiện nay**

- Không đánh giá được năng lực công chức nên chưa đảm bảo bố trí đúng người, đúng việc. Chưa có đầy đủ các công cụ hỗ trợ nâng cao năng lực công chức (đào tạo, STNV). Một bộ phận công chức tại cơ quan Tổng cục, Cục Hải quan tỉnh, thành phố chưa đủ trình độ kiến thức chuyên môn và kỹ năng trong tham mưu, thực thi công vụ. Chưa thực hiện được việc bố trí công chức phù hợp năng lực chuyên môn nghiệp vụ. Từ đó dẫn đến tình trạng có nhiều sai sót, vi phạm trong quá trình xử lý công việc; gây ảnh hưởng đến uy tín của Ngành

- Chưa kiểm soát được quá trình thực thi công vụ của công chức, cấp trên chưa kiểm soát được khối lượng, chất lượng công việc của cấp dưới. Chưa làm rõ trách nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn của từng công chức trong quá trình thực hiện công việc. Do vậy Tổng cục chưa có các biện pháp điều chỉnh kịp thời, nhằm giảm thiểu các vi phạm, đảm bảo quản lý có hiệu lực và hiệu quả.

- Nhiều hoạt động TCCB còn rời rạc, chưa có sự kết nối với nhau dẫn đến hiệu quả việc QLNNL chưa cao (đào tạo chưa gắn với yêu cầu công việc; bố trí, sắp xếp công việc chưa gắn với trình độ, năng lực chuyên môn công chức)

- Chưa đáp ứng được đầy đủ các yêu cầu của Chính phủ, cộng đồng doanh nghiệp, người dân về việc cải cách hành chính, nâng cao chất lượng công chức.

*** Những tồn tại nêu trên dẫn đến các hiện tượng, hậu quả:**

Thiếu cán bộ có năng lực; cào bằng quyền lợi giữa người làm được việc và không làm được việc; giữa người làm việc và người làm ít việc; thậm chí không làm....cụ thể:

(1). Ở cơ quan Tổng cục (các Vụ, Cục chuyên môn): Năng lực tham mưu về xây dựng văn bản pháp luật, quy trình nghiệp vụ, văn bản hướng dẫn còn yếu, chưa sâu, thiếu khả thi; tiến độ thực hiện xây dựng nhiều văn bản còn chưa đảm bảo kế hoạch đề ra; chất lượng xây dựng một số văn bản chưa cao. Chất lượng tham mưu về công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc, xử lý các vướng mắc thuộc về cơ chế, chính sách trong thực hiện nhiệm vụ còn chậm, bị động, thiếu nhạy bén chưa hiệu quả và chưa thật sự thường xuyên.

(2). Đối với các Cục Hải quan tỉnh, thành phố: Năng lực tham mưu thực thi còn yếu; nhiều vụ việc thuộc trách nhiệm của mình, nhưng do hạn chế về năng lực nên có xu hướng đẩy trách nhiệm xử lý lên Tổng cục. Chưa nắm bắt, phát hiện và xử lý kịp thời, hiệu quả các tồn tại, vướng mắc về nghiệp vụ hải quan trên địa bàn thuộc trách nhiệm của đơn vị.

(3). Ở các Chi cục Hải quan: Một bộ phận công chức còn yếu về trình độ năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng thực thi công việc; nhất là khi luân chuyển đến VTVL mới. Một bộ phận công chức ý thức tổ chức kỷ luật còn kém, thiếu tu dưỡng, rèn luyện dẫn đến vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính, vi phạm pháp luật làm ảnh hưởng đến uy tín của đơn vị và của Ngành.

Phần III

MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP THỨC ĐẨY NÂNG CAO LIÊM CHÍNH HẢI QUAN Ở VIỆT NAM

Chương I

MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG

Đề nâng cao hiệu quả Liêm chính Hải quan một cách toàn diện, trong giai đoạn cải cách hiện đại hóa, ngành Hải quan cần tập trung triển khai các nội dung sau:

1) Đảm bảo tính minh bạch trong hoạt động Hải quan:

- Các văn bản luật, các nghị định, thông tư và các văn bản hướng dẫn thực hiện cần phải được công khai, dễ truy cập và được áp dụng một cách đồng bộ, nhất quán. Tổng cục Hải quan ngoài việc truyền tải các thông tin một cách có hệ thống, cập nhật mới lên trang web của Tổng cục Hải quan, trang web của Cục Hải quan các tỉnh thành phố, các ấn phẩm của ngành như Báo Hải quan, Bản tin nghiên cứu Hải quan còn cần phải bố trí bộ phận thường xuyên theo dõi, cập nhật văn bản mới, hướng dẫn những vấn đề cốt lõi nhất trong văn bản quy định mới để các đối tượng có liên quan dễ dàng tiếp cận, hiểu đúng tinh thần và nội dung văn bản, từ đó đảm bảo việc thực hiện được thống nhất. Điều này đòi hỏi được thực hiện không chỉ riêng đối với các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, những người khai hải quan, mà ngay cả cán bộ công chức hải quan, cán bộ công chức của các bộ phận có liên quan thuộc các Bộ ngành khác cũng cần hiểu và nắm rõ, có như vậy mới thực thi đúng chức trách nhiệm vụ và hướng dẫn được cho khách hàng.

- Trong các văn bản pháp quy cần quy định rõ ràng quyền hạn, nghĩa vụ của các bên liên quan như công chức hải quan, doanh nghiệp để có cơ chế giám sát lẫn nhau...

- Tính minh bạch và công khai trong các hoạt động của hải quan cần được thể hiện rõ trong các văn bản pháp lý và cán bộ công chức hải quan, cơ quan hải quan có trách nhiệm cung cấp thông tin đầy đủ cho các đối tác và các bên có liên quan...

- Một vấn đề cũng cần được lưu ý để đảm bảo tính minh bạch là các đối tác liên quan như doanh nghiệp, người khai thuê hải quan, các hiệp hội ngành hàng cần được tham gia vào việc xây dựng các văn bản pháp quy, đặc biệt là những văn bản có liên quan đến chế độ, chính sách, đến hoạt động xuất nhập khẩu, bởi hơn ai hết chính họ sẽ mang tính thực tiễn cao và giúp cho các nhà xây dựng chính sách có thêm thông tin để hoàn thiện văn bản mang tính khả thi cao hơn. Tuy nhiên, không phải bất cứ ý kiến nào của các đối tượng liên quan cũng được xem xét, mà cơ quan hải quan sẽ chỉ xem xét những ý kiến tích cực, hợp lý, xác đáng, góp phần hoàn thiện các văn bản pháp quy.

- Ngược lại, các doanh nghiệp, những người khai thuê hải quan cũng phải có trách nhiệm thường xuyên theo dõi, cập nhật các văn bản pháp quy, các chế độ chính sách mới bởi họ chính là người khai vào tờ khai hải quan các thông tin liên quan đến lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu và chịu trách nhiệm về những thông tin đã khai báo đó. Điều này rất cần thiết trong xu thế cải cách, hiện đại hóa hải quan hiện nay đó là doanh nghiệp tự khai, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật, cơ quan hải quan chỉ giám sát, kiểm tra. Thực hiện điều này cũng sẽ khắc phục được tình trạng trước đây có những doanh nghiệp trông chờ công chức hải quan

hướng dẫn chi tiết, trả lời từng việc cụ thể hay khai thay và khi thông tin không đúng, không chính xác thì họ cho rằng đã có ý kiến của hải quan và họ cũng không phải chịu trách nhiệm gì. Vì vậy, vấn đề đặt ra là công chức hải quan không hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện các thủ tục kê khai hải quan, mà hỗ trợ họ có được các văn bản pháp quy, các chế độ chính sách mới, hỗ trợ trong việc tập huấn để họ hiểu và nắm chắc các quy định có liên quan, từ đó họ vận dụng và thực hiện khai báo đối với lô hàng xuất nhập khẩu của mình.

2) Tự động hóa các khâu nghiệp vụ chủ yếu:

- Để giảm bớt cơ hội tiếp xúc giữa cán bộ, công chức hải quan và các doanh nghiệp, giảm thiểu các cơ hội dẫn đến tiêu cực, tham nhũng, nâng cao liêm chính hải quan, một trong những giải pháp hữu hiệu là tự động hóa các nghiệp vụ hải quan. Việc tin học hóa và tự động hóa sẽ góp phần tăng tính khách quan trong giải quyết công việc của cán bộ, công chức hải quan, tăng mức độ giải trình trách nhiệm của cán bộ công chức hải quan khi ra các quyết định hành chính và thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát trên cơ sở các quyết định đó.

- Cần xây dựng hệ thống khai báo hải quan tích hợp, trong đó ứng dụng tối đa công nghệ thông tin vào quy trình thủ tục, vào các khâu khai báo và truyền nhận dữ liệu từ tờ khai hải quan, phân tích, xử lý thông tin quản lý rủi ro, ra quyết định hình thức, mức độ kiểm tra, phân công kiểm hóa viên, kiểm tra mã HS, kiểm tra trị giá tính thuế...

- Tin học hóa và tự động hóa thủ tục hải quan tốt sẽ góp phần đáng kể vào việc giảm thiểu tiêu cực và tham nhũng. Tuy nhiên, việc tin học hóa và tự động hóa đòi hỏi các quy trình thủ tục phải được đơn giản hóa và hợp lý hóa, phù hợp với chuẩn mực và thông lệ quốc tế..

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các qui định về kỷ cương, kỷ luật, liêm chính hải quan hệ thống, đồng bộ thống nhất, dễ hiểu, dễ tra cứu, dễ áp dụng; tăng thêm thời lượng đào tạo của trường hải quan Việt Nam về chủ đề trên; tăng cường các hoạt động truyền truyền, giáo dục về đạo đức công vụ, kỷ luật và liêm chính hải quan. Khuyến khích gương người tốt, việc tốt, đơn vị tốt; thường xuyên kiểm tra và xử lý nghiêm các vi phạm về đạo đức công vụ, kỷ luật hành chính, liêm chính hải quan;

3) Cải cách, phát triển và hiện đại hóa ngành Hải quan

Theo Chiến lược phát triển hải quan đến năm 2020, mục tiêu tổng quát đến năm 2020 là: Xây dựng Hải quan Việt Nam hiện đại, có cơ chế, chính sách đầy đủ, minh bạch, thủ tục hải quan đơn giản, hài hòa đạt chuẩn mực quốc tế, trên nền tảng ứng dụng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu tập trung và áp dụng rộng rãi phương thức quản lý rủi ro, đạt trình độ tương đương với các nước tiên tiến trong khu vực Đông Nam Á. Xây dựng lực lượng hải quan đạt trình độ chuyên nghiệp, chuyên sâu có trang thiết bị kỹ thuật hiện đại, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả góp phần tạo thuận lợi cho các hoạt động thương mại hợp pháp, phát triển du lịch, thu hút đầu tư nước ngoài, đảm bảo an ninh quốc gia, an toàn

xã hội, bảo vệ lợi ích của nhà nước, quyền và nghĩa vụ hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Cụ thể hóa mục tiêu chiến lược trên, mục tiêu của giai đoạn 2016-2020 là: Xây dựng Hải quan Việt Nam trở thành cơ quan hải quan điện tử hiện đại, triển khai hiệu quả, hiệu lực các cơ chế, chính sách quản lý nhà nước về hải quan, trở thành cơ quan quản lý nhà nước đi đầu trong cung cấp dịch vụ công, đẩy mạnh mối quan hệ đối tác trong và ngoài nước, tạo thuận lợi cho các đối tác trong thực hiện thủ tục hải quan. Xây dựng lực lượng hải quan chuyên nghiệp, chuyên sâu, liêm chính, được trang bị và làm chủ các trang thiết bị công nghệ hiện đại đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập của đất nước. Theo đó:

- Cơ chế, chính sách quản lý hải quan đầy đủ, phù hợp với chuẩn mực quốc tế, thực hiện hiệu quả các cam kết quốc tế. Thủ tục, quy trình nghiệp vụ hải quan được quy định đơn giản, rõ ràng, minh bạch, dễ hiểu, dễ thực hiện. Rút ngắn thời gian thông quan/giải phóng hàng và giảm chi phí làm thủ tục hải quan.

- Đẩy mạnh áp dụng cơ chế tuân thủ tự nguyện trên cơ sở quản lý rủi ro kết hợp với tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát phòng ngừa nguy cơ buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng cấm và các gian lận thương mại; tích cực triển khai các nội dung chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí. Phát huy hiệu quả công tác thiết lập và triển khai quan hệ đối tác giữa cơ quan hải quan với cộng đồng doanh nghiệp và các bên liên quan trong thực hiện quản lý nhà nước về hải quan.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện thủ tục hải quan, hướng đến môi trường hải quan điện tử phi giấy tờ, được thực hiện “mọi nơi - mọi lúc - mọi phương tiện”. Đẩy mạnh việc trang bị và nâng cao hiệu quả sử dụng các trang thiết bị công nghệ hiện đại trong công tác kiểm tra, giám sát tại các địa bàn trọng điểm.

- Tổ chức bộ máy hải quan được cơ cấu gọn nhẹ, giảm đầu mối trung gian, thiết kế phù hợp với yêu cầu hiện đại và nhu cầu quản lý của từng địa bàn.

- Phát triển đội ngũ công chức hải quan tinh nhuệ, có trình độ chuyên nghiệp, chuyên sâu, làm chủ được công nghệ, trang thiết bị kỹ thuật hiện đại, hoạt động liêm chính, được tổ chức, quản lý một cách khoa học, gắn nhu cầu thực tiễn của vị trí công tác với năng lực từng cá nhân.

- Việc quản lý, điều hành, quản trị các hoạt động nội bộ được thực hiện trên môi trường điện tử, ứng dụng công nghệ quản lý hiện đại, đảm bảo quản trị, giám sát, đánh giá được hiệu quả hoạt động của các lĩnh vực nghiệp vụ và công chức.

Chương II.

GIẢI PHÁP TOÀN DIỆN ĐỂ THỰC HIỆN LIÊM CHÍNH HẢI QUAN ĐẾN NĂM 2020 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO

I. VỀ THỂ CHẾ

1. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống thể chế, quy trình thủ tục hải quan theo hướng tuân thủ các Hiệp định thương mại tự do, Hiệp định tạo thuận lợi thương mại, Luật Hải quan, Luật Thuế Xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đáp ứng mô hình Hải quan điện tử. Cụ thể:

2. Xây dựng hệ thống văn bản quy định chi tiết Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

3. Sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy định chi tiết Luật Hải quan.

4. Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia; Cơ chế một cửa ASEAN.

5. Nội luật hóa và triển khai thực hiện các cam kết của các Hiệp định thương mại theo lộ trình Việt Nam đã ký kết.

6. Xây dựng, hoàn thiện cơ sở pháp lý để thực hiện kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế hàng hóa tại các địa điểm kiểm tra tập trung cho nhiều Chi Cục Hải quan.

7. Rà soát, kiến nghị điều chỉnh thủ tục hành chính trong các lĩnh vực có liên quan đến thủ tục Hải quan theo hướng đơn giản, đảm bảo yêu cầu quản lý nhà nước, tạo thuận lợi tốt nhất cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp khi tiếp cận, giải quyết các dịch vụ công.

II. VỀ THỦ TỤC HẢI QUAN, KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN

Với mục tiêu thủ tục hải quan được thực hiện “mọi nơi - mọi lúc - mọi phương tiện”, người khai hải quan thực hiện khai báo mọi nơi, với thời gian 24/7, trên các thiết bị cố định, di động, hỗ trợ. Đồng thời, thời gian thông quan hàng hóa qua biên giới dưới 36 giờ đối với hàng hóa xuất khẩu, 41 giờ đối với hàng hóa nhập khẩu; các giải pháp về thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan được đặt ra là:

1. Chuẩn hóa quy trình thủ tục hải quan, xác định các yêu cầu nghiệp vụ tạo nền tảng để tăng cường ứng dụng CNTT và ứng dụng trang thiết bị, công nghệ hiện đại trong kiểm tra, giám sát hải quan.

2. Triển khai đầy đủ, nâng cao hiệu quả hoạt động của Hệ thống thông quan điện tử thông qua việc duy trì, giám sát và vận hành hệ thống VNACCS/VCIS ổn định, an ninh, an toàn 24/7; rà soát, đánh giá nhu cầu việc sử dụng các trang thiết bị để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp nhu cầu sử dụng của từng đơn vị và nghiên cứu công nghệ, thiết bị mới để ứng dụng trong công tác kiểm tra, giám sát hải quan...

3. Nâng cao chất lượng kiểm tra, giám sát hải quan, giảm thời gian kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế hàng hóa, kiểm tra chuyên ngành

4. Xây dựng và hoàn thiện mô hình địa điểm kiểm tra thực tế hàng hóa tập trung cho nhiều chi cục Hải quan, mở rộng thực hiện soi chiếu trước đối với hàng hóa nhập khẩu và soi chiếu sau thông quan đối với hàng hóa xuất khẩu;

5. Chủ động phối hợp với các Bộ, ngành sửa đổi hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về kiểm tra chuyên ngành theo Quyết định 2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 17/11/2015 phê duyệt Đề án Giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; đổi mới phương pháp kiểm tra chuyên ngành theo hướng tạo thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, giảm chi phí, rút ngắn thời gian thông quan hàng hóa, xây dựng và định kỳ rà soát, sửa đổi, bổ sung Danh mục hàng hóa rùi ro về chính sách quản lý trong lĩnh vực xuất khẩu; xây dựng và ban hành đầy đủ Danh mục các mặt hàng thuộc diện kiểm tra chuyên ngành theo hướng thu hẹp diện kiểm tra chuyên ngành, chi tiết mã số HS;

6. Xã hội hóa hoạt động kiểm tra chuyên ngành để bổ sung cơ sở kiểm tra, đáp ứng yêu cầu phát triển mạnh mẽ của hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, tiết kiệm nguồn lực đầu tư của Nhà nước; mở rộng thực hiện kiểm tra chuyên ngành tại các địa điểm kiểm tra tập trung tại cửa khẩu, tăng cường hoạt động của các Chi cục Kiểm định trực thuộc Cục Kiểm định; mở rộng thực hiện kiểm tra chuyên ngành tại các địa điểm kiểm tra tập trung tại cửa khẩu; xây dựng mô hình, triển khai áp dụng phương pháp giám sát, công nghệ giám sát hiện đại...

III. VỀ QUẢN LÝ THUẾ

Với mục tiêu tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong thanh toán chi phí xuất nhập khẩu, đơn giản hóa một phần thủ tục, góp phần giảm thời gian thông quan, hướng tới thực hiện các thủ tục hải quan theo hướng dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3-4, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân, tăng tốc độ xử lý của cơ quan hải quan, các giải pháp đặt ra là:

1. Mở rộng việc triển khai thực hiện thanh toán thuế, lệ phí hải quan bằng phương thức điện tử (e-Payment) thông qua việc mở rộng các ngân hàng tham gia triển khai hệ thống e-Payment.

2. Mở rộng việc triển khai thực hiện thanh toán thuế, lệ phí hải quan bằng phương thức điện tử (e-Payment) thông qua việc mở rộng các ngân hàng tham gia triển khai hệ thống e-Payment và hoàn thiện hệ thống thanh toán điện tử thân thiện với người dùng đồng thời vẫn đảm bảo thuận tiện cho công tác thống kê, báo cáo”.

3. Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính công, cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp.

IV. VỀ CÔNG TÁC KIỂM SOÁT HẢI QUAN

Với mục tiêu nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát hải quan thông qua việc hoàn thiện hệ thống cơ sở pháp lý đầy đủ, thống nhất liên quan đến lĩnh vực kiểm soát hải quan; ứng dụng, khai thác triệt để công nghệ thông tin, các trang thiết bị hiện đại, kết hợp nhuần nhuyễn, đồng bộ, hiệu quả giữa phương thức kiểm soát hải quan hiện đại với phương thức kiểm soát hải quan truyền thống, các giải pháp đặt ra là:

1. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ sở pháp lý đầy đủ, thống nhất liên quan đến lĩnh vực kiểm soát hải quan.

2. Ứng dụng, khai thác triệt để công nghệ thông tin, các trang thiết bị, kỹ thuật hiện đại phục vụ hoạt động nghiệp vụ kiểm soát hải quan.

3. Tăng cường công tác tham mưu, chỉ đạo; tổ chức lực lượng đấu tranh quyết liệt, có hiệu quả với hoạt động buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.

4. Xây dựng các văn bản thực hiện cam kết quốc tế về các nội dung thuộc lĩnh vực kiểm soát hải quan.

5. Nâng cao năng lực của lực lượng kiểm soát toàn Ngành trong áp dụng các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan, chủ trì và phối hợp thực hiện hoạt động kiểm soát hải quan hiệu quả và hiệu lực.

6. Tăng cường quan hệ đối tác trong trao đổi thông tin, hỗ trợ kỹ thuật, phối hợp nghiệp vụ và tuyên truyền về phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.

V. VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ RỦI RO

Với mục tiêu đến năm 2020 và những năm tiếp theo, công tác quản lý rủi ro được tổ chức thực hiện và áp dụng xuyên suốt trong tất cả các hoạt động nghiệp vụ hải quan nhằm tạo ra sự minh bạch, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động quản lý hải quan; giảm tỷ lệ kiểm tra, giảm chi phí cho doanh nghiệp, giảm tỷ lệ kiểm tra luồng vàng, đỏ, đồng thời là giải pháp tối ưu đảm bảo sự cân bằng giữa kiểm soát và tạo thuận lợi, trong bối cảnh lưu lượng hàng hóa xuất nhập khẩu, hành khách, phương tiện xuất nhập cảnh đang ngày càng gia tăng nhanh chóng, các giải pháp đặt ra là:

1. Hoàn thiện cơ sở pháp lý, quy trình làm cơ sở cho việc triển khai thu thập, xử lý thông tin quản lý rủi ro. Xây dựng và thực hiện thu tin qua các kênh thông tin từ các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh.

2. Triển khai áp dụng quản lý rủi ro để quyết định lựa chọn kiểm tra, giám sát hải quan đối với hành lý của người xuất nhập cảnh, trong việc lựa chọn kiểm tra hàng hóa trong quá trình xếp, dỡ từ phương tiện vận tại nhập cảnh xuống kho, bãi, cảng, khu vực cửa khẩu nhập và hàng hóa xuất khẩu sau khi đã thông quan được tập kết tại khu vực cửa khẩu xuất: Hoàn thiện cơ sở pháp lý và quy trình, quy định, xây dựng hệ thống công nghệ thông tin và triển khai thực hiện việc thu thập, xử lý thông tin, áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động kiểm tra, giám sát hải quan; xây dựng hệ thống trao đổi dữ liệu điện tử giữa cơ quan hải quan và các doanh nghiệp vận tải, doanh nghiệp kinh doanh kho, cảng phục vụ áp dụng quản lý rủi ro trong việc soi chiếu trước và sau thông quan.

3. Theo dõi, kiểm tra việc áp dụng tiêu chí dựa trên kết quả phân tích, đánh giá rủi ro Cục Hải quan tỉnh, thành phố theo đúng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 50 Quyết định số 464/QĐ-BTC ngày 29/6/2015 của Bộ Tài chính

về quy định quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan và Điều 62 Quyết định số 282/QĐ-TCHQ ngày 10/5/2015 của Tổng cục Hải quan ban hành hướng dẫn thực hiện áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan.

4. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra để giảm tỷ lệ chuyên luồng kiểm tra của Chi cục Hải quan đồng thời xử lý nghiêm đối với các trường hợp chuyên luồng tùy tiện.

5. Thực hiện áp dụng Danh mục hàng hóa rủi ro đối với doanh nghiệp không tuân thủ và doanh nghiệp có rủi ro cao.

6. Công khai tiêu chí đánh giá, có hệ thống cảnh báo; công khai lý do doanh nghiệp bị phân luồng.

7. Nghiên cứu triển khai đồng bộ và hiệu quả công tác quản lý tuân thủ trong các hoạt động nghiệp vụ hải quan, tăng cường đẩy mạnh công tác hợp tác, trao đổi thông tin nhằm hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp tự nguyện tuân thủ và nâng cao năng lực tuân thủ pháp luật.

VI. VỀ CÔNG TÁC KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN

Với mục tiêu xây dựng hệ thống kiểm tra sau thông quan trong tổng thể Chiến lược phát triển hải quan đến năm 2020 và những năm tiếp theo hiện đại, chuyên nghiệp, chuyên sâu phù hợp với chuẩn mực quốc tế, hoạt động tập trung, thống nhất và hiệu quả trong toàn ngành trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại và phương pháp quản lý rủi ro, đáp ứng yêu cầu quản lý và yêu cầu cải cách phát triển, hiện đại hóa Ngành Hải quan; kiểm tra hải quan được chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm, đảm bảo sự đồng bộ trong kiểm soát các khâu trước, trong và sau thông quan nhằm tạo thuận lợi tối đa cho hoạt động xuất nhập khẩu hợp pháp của doanh nghiệp đồng thời vẫn đảm bảo yêu cầu quản lý nhà nước về hải quan, các giải pháp được đặt ra là:

1. Tăng cường công tác Kiểm tra sau thông quan đáp ứng cải cách hiện đại hóa hải quan và định hướng chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm, hướng dẫn tuân thủ pháp luật, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, giảm thiểu rủi ro các trường hợp cố tình gian lận gây thất thu cho ngân sách nhà nước, góp phần quan trọng vào việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị thu ngân sách của Ngành Hải quan thông qua việc hoàn thiện và triển khai thực hiện hệ thống pháp luật, quy trình thực hiện kiểm tra sau thông quan, triển khai đề án tăng cường năng lực kiểm tra sau thông quan đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025, đẩy mạnh thực hiện chương trình doanh nghiệp ưu tiên và công nhận lẫn nhau với Hải quan các nước.

2. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, áp dụng quản lý rủi ro trong việc thu thập thông tin và đánh giá doanh nghiệp phục vụ hoạt động kiểm tra sau thông quan, xây dựng các chương trình, phần mềm chuyên sâu hỗ trợ hiệu quả cho công tác thu thập thông tin phục vụ công tác kiểm tra sau thông quan xuyên suốt thông tin từ cấp Tổng cục đến các Cục Hải quan (phần mềm phân tích số

liệu xuất nhập khẩu); xây dựng quy chế phối hợp, trao đổi thông tin nhằm tăng cường phối kết hợp giữa lực lượng kiểm tra sau thông quan với các đơn vị trong Ngành Hải quan.

VII. VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY, ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Với mục tiêu nâng cao hiệu quả quản lý nguồn nhân lực, nâng cao năng lực công chức hải quan trên cơ sở các quy định về quản lý nghiệp vụ và quản lý nguồn nhân lực đã được chuẩn hóa, đạt trình độ chuyên nghiệp, chuyên sâu, liêm chính, tuân thủ các quy định liên quan công chức hải quan, có phương pháp làm việc hiện đại, hiệu suất xử lý công việc cao, sử dụng thành thạo các hệ thống phần mềm nghiệp vụ và trang thiết bị kỹ thuật, công nghệ mới hiện đại, có khả năng làm việc hiệu quả trong môi trường trong nước và quốc tế, các giải pháp đặt ra là:

1. Hệ thống tổ chức bộ máy hải quan các cấp được kiện toàn theo hướng gọn, nhẹ, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sử dụng biên chế hiệu quả và quản lý hải quan điện tử.

2. Từng bước áp dụng phương thức điện tử trong quản lý, điều hành, thực hiện các hoạt động hải quan nhằm từng bước nâng cao hiệu suất xử lý công việc, trên cơ sở các quy trình công việc được chuẩn hóa theo tiêu chuẩn ISO hướng tới một cơ quan hải quan điện tử trong xu hướng hình thành Chính phủ điện tử tại Việt Nam.

3. Từng bước đổi mới cơ bản phương thức Quản lý nguồn nhân lực theo năng lực dựa trên mô tả vị trí việc làm; trước hết là đổi mới các vị trí việc làm không giữ chức vụ lãnh đạo, nhằm đảm bảo bố trí đúng người, đúng việc; nâng cao hiệu suất làm việc; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; điện tử hóa một số hoạt động quản lý nguồn nhân lực; nâng cao tính khoa học, công bằng, minh bạch cho các hoạt động quản lý nguồn nhân lực, các nhiệm vụ cụ thể là:

a) Tiếp tục hoàn thiện danh mục vị trí việc làm và các bản mô tả công việc của từng vị trí việc làm trong ngành.

b) Nghiên cứu, xây dựng các phương pháp quản lý nguồn nhân lực trên cơ sở năng lực, ứng dụng kết quả xác định vị trí việc làm (xây dựng khung năng lực và danh mục, định mức sản phẩm của từng vị trí việc làm, xây dựng hệ thống đánh giá năng lực, hệ thống quản lý kết quả công việc điện tử).

c) Xây dựng và phát triển hệ thống quản lý nhân sự điện tử tập trung, chuẩn hóa các quy trình quản lý nguồn nhân lực theo hướng từng bước điện tử hóa các khâu quản lý nguồn nhân lực.

d) Xây dựng kế hoạch về tinh giản biên chế của Tổng cục Hải quan trên cơ sở đánh giá, sử dụng biên chế theo vị trí việc làm gắn với cơ cấu ngạch công chức, viên chức.

VIII. VỀ CÔNG TÁC THANH TRA- KIỂM TRA



1. Thường xuyên kiện toàn và bổ sung thêm lực lượng tham mưu công tác thanh tra, kiểm tra và trực tiếp thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra tại đơn vị. Nên có quy định biên chế tối thiểu để đảm bảo đủ biên chế thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra tại các Cục Hải quan tỉnh, thành phố.

2. Chủ động tổ chức các lớp tập huấn hoặc cử cán bộ công chức tham gia các lớp tập huấn, các khóa đào tạo nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành, kiểm tra nội bộ nhằm nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị được giao.

3. Đảm bảo các chế độ chính sách, chế độ đãi ngộ và các nguồn lực cần thiết khác cho đội ngũ cán bộ công chức thanh tra chuyên ngành của đơn vị khi tham gia hoạt động thanh tra chuyên ngành.

4. Mở rộng đối tượng thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành: ngoài công chức đang công tác tại bộ phận thanh tra còn các CBCC tại các bộ phận nghiệp vụ khác nhưng chưa đủ điều kiện được cấp thẻ thanh tra (do chờ học bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra), đồng thời, cho các đối tượng này được hưởng chế độ bồi dưỡng khi thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành.

5. Sửa đổi tiêu chuẩn, điều kiện được cấp Thẻ công chức thanh tra chuyên ngành theo quy định tại Thông tư 19 của Bộ Tài chính, theo đó, mở rộng đối tượng được cấp thẻ. Đối tượng được cấp thẻ không nhất thiết phải đang công tác tại bộ phận tham mưu làm công tác thanh tra chuyên ngành. Quy định về cấp Thẻ và quản lý Thẻ giao cho các Tổng cục, Cục thuộc Bộ chịu trách nhiệm hướng dẫn thực hiện.

6. Đề nghị Tổng cục xem xét, nghiên cứu, hướng dẫn để mỗi đơn vị có chức năng thanh tra chuyên ngành xây dựng đội ngũ làm công tác thanh tra chuyên ngành ổn định, sử dụng lâu dài.

7. Đào tạo cho đội ngũ CBCC làm công tác thanh tra chuyên ngành vững về nghiệp vụ thanh tra kiểm tra, quy trình thanh tra nói chung, giỏi về mã số, chính sách thuế, giá, quản lý hàng GC-SXXK, nghiệp vụ kế toán kiểm toán, xử lý VPHC...Đội ngũ này có thể công tác tại phòng TT-KT, có thể công tác/chuyên đổi đến các đơn vị khác như Chi cục Hải quan, Chi cục KTSTQ, phòng Thuế, Phòng GQSL, QLRR...khi cần thiết trung dụng tham gia thanh tra chuyên ngành.

8. Nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành về tuyên truyền pháp luật và đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền pháp luật nhằm nâng cao nhận thức về các quy định pháp luật cho cán bộ công chức cũng như doanh nghiệp và người dân.

9. Thường xuyên thành lập các Tổ/Đội thực hiện kiểm tra đột xuất nhằm xử lý kịp thời các thông tin, phản ánh của báo chí, người dân và doanh nghiệp liên quan đến việc thực thi nhiệm vụ, công vụ của công chức hải quan.

10. Thiết lập hệ thống trung tâm giám sát trực tuyến cấp Tổng cục và một số Cục Hải quan các tỉnh, thành phố, địa bàn trọng điểm để giám sát, theo dõi,



xử lý công việc của công chức hải quan thực thi công vụ; Tổ chức trực ban 24/7 từ Tổng cục đến Cục Hải quan các tỉnh thành phố để kịp thời giải quyết, xử lý công việc phát sinh theo yêu cầu.

11. Vận hành hệ thống đường dây nóng liên kết xuyên suốt từ cấp Tổng cục đến các Cục Hải quan, Chi cục Hải quan trong hệ thống Hải quan để kịp thời tiếp nhận, xử lý thông tin, phản ánh của người dân, doanh nghiệp liên quan đến thủ tục hải quan, những khó khăn, vướng mắc khi làm thủ tục hải quan; tiếp nhận thông tin tố giác buôn lậu, tiêu cực....

12. Thường xuyên chỉ đạo rà soát các thủ tục hành chính; cắt giảm và công khai hóa thủ tục hải quan, thủ tục hành chính trên trang Web của Tổng cục, của Cục Hải quan và tại nơi làm thủ tục hải quan.

13. Niêm yết công khai các văn bản hướng dẫn về mức thu, chế độ thu, nộp phí, lệ phí tại nơi giải quyết thủ tục hải quan để người dân và doanh nghiệp biết, giám sát và thực hiện.

14. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực thi công vụ.

15. Tổ chức thường xuyên các cuộc thanh tra, kiểm tra công vụ, kiểm tra phòng, chống tham nhũng nhằm phòng ngừa, phát hiện, xử lý vi phạm tiêu cực, tham nhũng; Kiên quyết, kịp thời xử lý nghiêm minh những trường hợp vi phạm kỷ cương, kỷ luật, tiêu cực tham nhũng làm trong sạch nội bộ.

IX. VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

1. Nâng cao khả năng kiểm soát của cơ quan hải quan nhưng vẫn duy trì được thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu thông qua việc xây dựng các cơ chế kiểm soát bằng phương thức điện tử.

2. Nâng cao mức độ tự động hóa của quy trình nghiệp vụ; Đồng thời thống nhất các quy trình nghiệp vụ hiện nay trong bài toán tổng thể.

3. Triển khai ứng dụng CNTT với các lĩnh vực hiện chưa thực hiện.

4. Tăng cường an ninh, an toàn cho các hệ thống công nghệ thông tin, trong đó đảm bảo an ninh, an toàn tuyệt đối cho hoạt động của hệ thống tại Trung tâm quản lý vận hành hệ thống công nghệ thông tin hải quan, thực hiện giám sát an ninh mạng một cách chuyên nghiệp, bài bản, liên tục; chủ động phát hiện các nguy cơ đối với hệ thống từ cả bên trong, tăng cường kiểm soát việc sử dụng các hệ thống công nghệ thông tin; đảm bảo việc khai thác thông tin theo đúng quy trình, giảm thiểu các rủi ro do tấn công mạng và truy cập trái phép các cơ sở dữ liệu nghiệp vụ trong phạm vi toàn ngành.

5. Xây dựng, bổ sung hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu áp dụng phương thức điện tử trong thực hiện một số thủ tục, hoạt động quản lý hải quan mà Hệ thống VNACCS/VCIS hiện chưa triển khai như: xây dựng phân hệ quản lý hàng hóa tại cảng biển, xây dựng phân hệ quản lý hàng hóa đặc thù, xây dựng phân hệ quản lý hàng hóa lưu giữ tại các kho và khu vực ưu tiên, xây dựng phân hệ quản lý miễn, giảm, hoàn thuế.

X. VỀ MỐI QUAN HỆ HẢI QUAN- DOANH NGHIỆP

1. Đối với cơ quan hải quan

1.1 Thông tin, tuyên truyền về hoạt động đối tác

- Đưa tin về các hoạt động hợp tác, đối tác hải quan doanh nghiệp một cách thường xuyên để cộng đồng doanh nghiệp biết, tham gia.

- Tuyên truyền về lợi ích kết quả từ hoạt động đối tác để xây dựng niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp.

- Chủ động tham gia vào xử lý khủng hoảng truyền thông.

- Thiết lập chuyên mục đối tác Hải quan doanh nghiệp trên trang thông tin điện tử của các Cục Hải quan tỉnh, thành phố.

1.2. Nâng cao chất lượng hỗ trợ doanh nghiệp

Cơ quan Hải quan các cấp cần chủ động nghiên cứu, đổi mới nâng cao chất lượng hỗ trợ doanh nghiệp với đa dạng các hình thức thông qua các nội dung:

- Hỗ trợ tạo thuận lợi thương mại cho doanh nghiệp thông qua tuyên truyền phổ biến chính sách pháp luật; Cung ứng dịch vụ công trực tuyến có chất lượng; Đổi mới hình thức hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hải quan.

- Hỗ trợ nâng cao ý thức, năng lực tuân thủ pháp luật.

1.3. Tăng cường hoạt động tham vấn cộng đồng doanh nghiệp và các bên liên quan:

- Tăng cường tham vấn ở cấp cơ sở, đặc biệt tham vấn trong quá trình ban hành văn bản hướng dẫn chính sách pháp luật hải quan.

- Tổ chức tham vấn theo hướng dẫn của Tổng cục đồng thời phản hồi tích cực việc xử lý kết quả tham vấn nhằm tạo lòng tin cho doanh nghiệp.

1.4. Nâng cao chất lượng giám sát thực thi pháp luật:

- Đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan hải quan các cấp.

- Thực hiện đánh giá về chi phí tuân thủ đối với thủ tục hành chính.

1.5. Mở rộng hoạt động hợp tác với cộng đồng doanh nghiệp:

- Mở rộng hợp tác với nhóm đối tác thường xuyên để trở thành lực lượng nòng cốt thúc đẩy hoạt động đối tác hải quan doanh nghiệp.

- Tăng cường các hoạt động đối với các nhóm đối tượng trọng điểm như: các doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi, đại lý hải quan, doanh nghiệp ưu tiên.

- Vận động các Hiệp hội, doanh nghiệp uy tín tổ chức các khóa đào tạo về hàng hóa thương phẩm cho cán bộ hải quan các cấp.

1.6. Đào tạo kiến thức, kỹ năng phát triển quan hệ đối tác

Đào tạo kiến thức, kỹ năng về phát triển quan hệ đối tác cho cán bộ, công chức hải quan và cộng đồng doanh nghiệp.”

2. Đối với cộng đồng doanh nghiệp

a) Hiệp hội doanh nghiệp

- Đẩy mạnh hoạt động tham vấn trong xây dựng chính sách pháp luật qua việc hình thành nhóm tham vấn thường xuyên giữa các Hiệp hội doanh nghiệp nòng cốt và Tổng cục Hải quan;

- Tăng cường hợp tác trong theo dõi, phản ánh tình hình thực thi pháp luật hải quan thông qua việc thiết lập kênh trao đổi trực tuyến giữa các Hiệp hội doanh nghiệp và Tổng cục Hải quan trên Cổng thông tin điện tử hải quan;

b) Doanh nghiệp xuất nhập khẩu

- Doanh nghiệp lớn:

+ Triển khai các hoạt động hợp tác theo nhóm doanh nghiệp;

+ Giao các Chi cục xây dựng quan hệ hợp tác thường xuyên với doanh nghiệp với các nội dung hợp tác cụ thể: (i) thiết lập kênh hỗ trợ trực tiếp với doanh nghiệp; (ii) thường xuyên cập nhật thông tin về quy định, chính sách pháp luật qua đầu mối liên lạc của doanh nghiệp; (iii) tiếp nhận thông tin và định kỳ làm việc với doanh nghiệp để nắm tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tình hình chấp hành pháp luật trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; (iv) thường xuyên tham vấn doanh nghiệp về các giải pháp tháo gỡ vướng mắc trong quá trình thực thi pháp luật; (v) hỗ trợ doanh nghiệp tự hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, tăng tính tuân thủ của doanh nghiệp;

- Doanh nghiệp vừa và nhỏ: Áp dụng các biện pháp hỗ trợ phổ cập như: tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; hướng dẫn thực thi pháp luật; hướng dẫn các vướng mắc thường gặp tại cấp cơ sở bằng các hình thức cụ thể như: (i) Phát tờ rơi (danh mục hàng hóa mậu dịch biên giới, hàng hóa cấm xuất nhập khẩu, các vấn đề cần lưu ý khi xuất nhập cảnh,...); (ii) xây dựng sổ tay hướng dẫn thủ tục hải quan đối với các thủ tục thường xuyên thực hiện trên địa bàn; (iii) Tổ chức các hoạt động hỗ trợ theo nhóm, hội doanh nghiệp; (iv) Ký cam kết chấp hành, tuân thủ quy định pháp luật; (v) Biên tập các vướng mắc thường gặp, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử hải quan, tại địa điểm làm thủ tục, cung cấp cho doanh nghiệp, Hiệp hội doanh nghiệp qua công văn, thư điện tử, báo cáo trao đổi thông tin thường kỳ, tờ rơi,...

- Doanh nghiệp kinh doanh hàng hóa đặc thù: Thực hiện các chương trình đối tác theo các chuyên đề nhằm đảm bảo hiệu quả quản lý đối với hàng hóa cho cơ quan hải quan và doanh nghiệp như:

+ Xây dựng phần mềm theo dõi, quản lý lượng xăng dầu vào kho, từ kho đưa vào kho nội địa, hoặc tái xuất, xuất khẩu và kết nối dữ liệu với cơ quan hải quan của doanh nghiệp xuất nhập khẩu xăng dầu theo khoản 20, Điều 4, Thông tư 69/2016/TT-BTC;



+ Xây dựng phần mềm quản lý hàng miễn thuế kết nối với cơ quan hải quan quản lý theo quy định tại khoản 2, Điều 4, Nghị định 68/2016/NĐ-CP;

+ Kết nối hệ thống quản lý mã vạch hàng hóa (nếu có) với bộ phận giám sát Hải quan để quản lý, giám sát đối với hàng hóa đưa ra, đưa vào khu vực giám sát của cơ quan Hải quan của doanh nghiệp chuyển phát nhanh theo khoản 9, Điều 5, Thông tư 191/2015/TT-BTC;

+ Hợp tác trao đổi thông tin về tình hình hoạt động, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp gia công, sản xuất xuất khẩu;

+ Kiểm tra xuất xứ hàng hóa trong trường hợp doanh nghiệp xuất nhập khẩu tự chứng nhận xuất xứ.

c) Doanh nghiệp dịch vụ xuất nhập khẩu:

- Xây dựng mối quan hệ đối tác thường xuyên, trong đó tập trung vào nội dung:

+ Tăng cường tính an ninh, an toàn của chuỗi cung ứng qua: (i) Trao đổi thông tin về hàng hóa, phương tiện vận tải để nắm bắt di biến động của hàng hóa, phương tiện vận tải phục vụ cho thông quan hàng hóa nhanh chóng, hiệu quả; (ii) Phối hợp trong công tác giám sát hàng hóa xuất nhập khẩu, phương tiện vận tải xuất nhập cảnh, quá cảnh;

+ Tăng tính cạnh tranh của dịch vụ xuất nhập khẩu qua: (i) hợp tác cải thiện quy trình hoạt động, hệ thống công nghệ thông tin quản lý của doanh nghiệp nhằm đáp ứng các yêu cầu của quy định pháp luật cũng như sự gia tăng của lưu lượng hàng hóa; (ii) trao đổi thông tin về giá cả, cước phí hàng hóa, vận tải.

3. Đối với hoạt động phát triển quan hệ đối tác hải quan - doanh nghiệp:

3.1. Thông tin, tuyên truyền về hoạt động đối tác

- Đưa tin về các hoạt động hợp tác, đối tác hải quan doanh nghiệp một cách thường xuyên để cộng đồng doanh nghiệp biết, tham gia.

- Tuyên truyền về lợi ích kết quả từ hoạt động đối tác để xây dựng niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp.

- Chủ động tham gia vào xử lý khủng hoảng truyền thông.

- Thiết lập chuyên mục đối tác Hải quan doanh nghiệp trên trang thông tin điện tử của các Cục Hải quan tỉnh, thành phố.

3.2. Nâng cao chất lượng hỗ trợ doanh nghiệp

Cơ quan Hải quan các cấp cần chủ động nghiên cứu, đổi mới nâng cao chất lượng hỗ trợ doanh nghiệp với đa dạng các hình thức thông qua các nội dung:

- Hỗ trợ tạo thuận lợi thương mại cho doanh nghiệp thông qua tuyên truyền phổ biến chính sách pháp luật; Cung ứng dịch vụ công trực tuyến có chất lượng; Đổi mới hình thức hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp trong thực hiện thủ



tục hải quan.

- Hỗ trợ nâng cao ý thức, năng lực tuân thủ pháp luật.

3.3. Tăng cường hoạt động tham vấn cộng đồng doanh nghiệp và các bên liên quan:

- Tăng cường tham vấn ở cấp cơ sở, đặc biệt tham vấn trong quá trình ban hành văn bản hướng dẫn chính sách pháp luật hải quan.

- Tổ chức tham vấn theo hướng dẫn của Tổng cục đồng thời phân hời tích cực việc xử lý kết quả tham vấn nhằm tạo lòng tin cho doanh nghiệp.

3.4. Nâng cao chất lượng giám sát thực thi pháp luật:

- Đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan hải quan các cấp.

- Thực hiện đánh giá về chi phí tuân thủ đối với thủ tục hành chính.

3.5. Mở rộng hoạt động hợp tác với cộng đồng doanh nghiệp:

- Mở rộng hợp tác với nhóm đối tác thường xuyên để trở thành lực lượng nòng cốt thúc đẩy hoạt động đối tác hải quan doanh nghiệp.

- Tăng cường các hoạt động đối với các nhóm đối tượng trọng điểm như: các doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi, đại lý hải quan, doanh nghiệp ưu tiên.

- Vận động các Hiệp hội, doanh nghiệp uy tín tổ chức các khóa đào tạo về hàng hóa thương phẩm cho cán bộ hải quan các cấp.

3.6. Đào tạo kiến thức, kỹ năng phát triển quan hệ đối tác

Đào tạo kiến thức, kỹ năng về phát triển quan hệ đối tác cho cán bộ, công chức hải quan và cộng đồng doanh nghiệp.

Chương III

CÁC GIẢI PHÁP CỤ THỂ VỀ LIÊM CHÍNH HẢI QUAN CÀN THỰC HIỆN TRONG GIAI ĐOẠN 2019-2020

I. ĐỐI VỚI THỦ TỤC KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN:

Đơn vị chủ trì thực hiện: Cục Giám sát quản lý, Cục Công nghệ thông tin

Xây dựng bổ sung hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu áp dụng phương thức điện tử trong thực hiện một số thủ tục, hoạt động quản lý hải quan mà Hệ thống VNACCS/VCIS chưa triển khai:

1. Xây dựng phân hệ thực hiện thủ tục quá cảnh.
2. Xây dựng phân hệ quản lý hàng hóa tại cảng biển.
3. Xây dựng phân hệ quản lý hàng hóa đặc thù.
4. Xây dựng phân hệ quản lý hàng hóa lưu giữ tại các kho và khu vực ưu tiên
5. Xây dựng phân hệ quản lý miễn, giảm, hoàn thuế.

6. Xây dựng phân hệ tiếp nhận và xử lý thông tin trước về hành khách và hàng hóa trên các chuyến bay thương mại phục vụ mở rộng thông quan điện tử và quản lý rủi ro.

II. ĐỐI VỚI QUẢN LÝ THUẾ

Đơn vị chủ trì thực hiện: Cục Thuế XNK và các đơn vị liên quan

Tiếp tục tham gia cùng Bộ Tài chính sửa đổi Luật quản lý Thuế 2012 cho đồng bộ.

Tiếp tục tham gia cùng Bộ Tài chính hoàn thiện Dự thảo Luật quản lý thuế số 21/2012/QH13.

Tiếp tục tham gia cùng Bộ tài chính (Vụ chính sách thuế) Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính Phủ.

Phối hợp với Kho bạc nhà nước, các ngân hàng thương mại đã ký kết thực hiện dự án phối hợp thu 24/7 tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình làm thủ tục hải quan và thông quan hàng hóa nhanh chóng,.

III. ĐỐI VỚI CÔNG TÁC QUẢN LÝ RỦI RO

Đơn vị thực hiện: Cục Quản lý rủi ro

1. Xây dựng Bộ tiêu chí, bộ chỉ số lựa chọn đối tượng kiểm tra sau thông quan phù hợp với yêu cầu quản lý.

2. Xây dựng đề án hệ thống Công nghệ thông tin nhằm nâng cấp phần quản lý hồ sơ doanh nghiệp, bổ sung thông tin quản lý đối với các doanh nghiệp đặc thù, nâng cấp cấu phần đánh giá tuân thủ doanh nghiệp, đánh giá xếp hạng doanh nghiệp; xây dựng cấu phần quản lý thông tin đối tác nước ngoài, tổ chức tín dụng, tổ chức doanh nghiệp nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam, cấu phần hỗ trợ ra quyết định kiểm tra hàng hóa xuất nhập khẩu tại các khâu trước, trong và sau thông quan, cấu phần quản lý tiêu chí kiểm tra điều kiện đăng ký tờ khai, cấu phần hỗ trợ ghi nhận và khai thác thông tin phản hồi kết quả kiểm tra, phần mềm hỗ trợ giả lập, khai thác, phân tích thông tin (data warehouse), thống kê, báo cáo...

IV. ĐỐI VỚI CÔNG TÁC KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN

Đơn vị thực hiện: Cục Kiểm tra sau thông quan

- Triển khai xây dựng đề án tăng cường năng lực kiểm tra sau thông quan, đẩy mạnh thực hiện chương trình doanh nghiệp ưu tiên và công nhận lẫn nhau với Hải quan các nước.

Tập trung tổng hợp các vướng mắc bất cập trong các quy định pháp luật và các văn bản hướng dẫn liên quan đến công tác KTSTQ để trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, đảm bảo cơ sở pháp lý cho triển khai hoạt động KTSTQ. Nâng cao chất lượng giải quyết khiếu nại trong công tác KTSTQ.

V. ĐỐI VỚI TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Đơn vị chủ trì thực hiện: Vụ Tổ chức cán bộ và các đơn vị có liên quan

1. Xây dựng Bộ quy tắc ứng xử của CBCC Hải quan.

Lý do như đã phân tích ở phần quy tắc ứng xử. Từ năm 2007 đến nay, Tổng cục Hải quan đã ban hành 04 Quyết định về Quy tắc ứng xử (Quyết định số 2489/QĐ-TCHQ ngày 24/12/2007; Quyết định số 557/QĐ-TCHQ ngày 18/02/2013; Quyết định số 188/QĐ-TCHQ ngày 02/02/2017; Quyết định số 2799/QĐ-TCHQ ngày 26/9/2018). Tuy nhiên, mỗi Quyết định đưa ra một yêu cầu cho một thời điểm chưa mang tính chất tổng hợp thành hệ thống, chưa kể Quyết định số 2799/QĐ-TCHQ còn bao gồm cả phần chế tài xử lý. Do vậy, ngành Hải quan cần xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử của CBCC Hải quan một cách thống nhất để triển khai thực hiện mà không cần phải nêu phần chế tài.

2. Xây dựng đề án phát triển nguồn nhân lực của ngành Hải quan nhằm thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị và Nghị quyết TW 7 khóa XII đã đề ra.

3. Tăng cường tuyên truyền về thực hiện Quyết định 2799/QĐ-TCHQ ngày 26/9/2018 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về Quy chế kiểm tra công vụ và xử lý, kỷ luật đối với công chức, viên chức, người lao động trong ngành Hải quan, nhất là tổ chức thực hiện ở các đơn vị hải quan địa phương. Kịp thời tuyên truyền về các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt với những nội dung triển khai cụ thể; phê bình những tổ chức, cá nhân triển khai chưa tốt.

4. Lãnh đạo Tổng cục Hải quan có văn bản chỉ đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc ít nhất trong 1 quý mỗi đơn vị phải lựa chọn 1 gương tập thể, cá nhân điển hình để tuyên truyền về gương người tốt, việc tốt trên Báo Hải quan và các cơ quan báo chí.

5. Tuyên truyền về các biện pháp phòng, chống tham nhũng; các giải pháp về cải cách, hiện đại hóa hải quan, tạo thuận lợi cho hoạt động XNK; tuyên truyền kịp thời các thành tích nổi bật về chống buôn lậu; thu ngân sách và các nội dung trọng tâm...

VI. ĐỐI VỚI CÔNG TÁC THANH TRA- KIỂM TRA

Đơn vị thực hiện: Vụ Thanh tra- Kiểm tra và các đơn vị có liên quan.

1. Xây dựng Đề án đổi mới công tác kiểm tra nội bộ trong ngành Hải quan đồng thời nghiên cứu sửa đổi bổ sung Quyết định số 1086/QĐ-TCHQ ngày 04/4/2014 về Quy trình kiểm tra nội bộ trong ngành Hải quan. (*Đơn vị thực hiện: Vụ Thanh tra- Kiểm tra*).

2. Xây dựng Đề án phần mềm công tác quản lý hệ thống thanh tra- kiểm tra trong ngành Hải quan (*Đơn vị thực hiện: Vụ Thanh tra- Kiểm tra- Cục Công nghệ thông tin- Cục Tài vụ quản trị*).

3. Xây dựng Quy chế thu thập xử lý thông tin phục vụ công tác thanh tra kiểm tra trong ngành Hải quan (*Đơn vị thực hiện: Vụ Thanh tra- Kiểm tra*).

4. Tham mưu đề xuất nội dung triển khai xây dựng Quy chế phối hợp đối với cấp ủy, chính quyền địa phương trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực của lực lượng hải quan tại địa bàn (*có phụ lục dự thảo kèm theo*).



Nội dung này liên quan tới chính quyền địa phương, nếu được Lãnh đạo Tổng cục đồng ý cho thực hiện thì cần xin chủ trương của Lãnh đạo Bộ tài chính.

VII. ĐỐI VỚI CÔNG TÁC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Đơn vị chủ trì thực hiện: Cục Công nghệ thông tin; Các đơn vị nghiệp vụ liên quan.

1. Tích hợp các hệ thống CNTT hiện tại vào một hệ thống thống nhất được xây dựng theo kiến trúc hướng dịch vụ; xử lý theo mô hình tập trung cấp Tổng cục; có chức năng quản lý, giám sát việc truy cập hệ thống đối với tất cả đối tượng tham gia; Cung cấp mọi loại giao diện (cho PC, cho thiết bị di động, cho kết nối hệ thống-hệ thống và các thiết bị khác).

2. Tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành đẩy mạnh triển khai Quyết định số 2185/QĐ-TTg ngày 14/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch tổng thể triển khai Cơ chế một cửa quốc gia và Cơ chế một cửa ASEAN giai đoạn 2016 - 2020.

3. Triển khai, áp dụng 16 phần mềm, chương trình tin học vào hoạt động nghiệp vụ hải quan có tác dụng phòng, chống tham nhũng (VNACCS/VCIS, E-Custom, dịch vụ công trực tuyến,...) để giảm thiểu sự tiếp xúc trực tiếp giữa Hải quan và Doanh nghiệp; Triển khai Dự án lắp đặt máy soi ngầm tại Nhà ga sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, Sân bay QT Nội Bài để quản lý hàng hóa, hành lý của khách XNC và hàng hóa gửi qua đường hàng không; xây dựng các địa điểm kiểm tra hàng hóa tập trung gắn với những thiết bị hiện đại như máy soi container tại các cảng biển. Việc kiểm tra bằng máy soi container đã giúp thông quan nhanh hàng hóa, giảm chi phí lưu kho bãi cho doanh nghiệp, đồng thời cũng hỗ trợ hiệu quả cho cơ quan Hải quan.

4. Hoàn thành xây dựng kiến trúc tổng thể hệ thống CNTT ngành hải quan, với hệ thống lõi xử lý dữ liệu tập trung, chuẩn hóa theo khuyến nghị của Tổ chức Hải quan Thế giới.

5. Tiến hành rà soát và đề xuất TCHQ trình Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Kế hoạch 5 năm về ứng dụng CNTT của TCHQ giai đoạn 2019-2020 theo hướng xây dựng hệ thống CNTT thông minh, tích hợp, tiếp tục tin học hóa, tự động hóa các lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan.

6. Hoàn thành việc triển khai mở rộng Hệ thống quản lý hải quan tự động tại cảng, kho, bãi trên phạm vi toàn quốc, đặc biệt với kho ngoại quan.

7. Triển khai đề án đầu tư hệ thống seal định vị điện tử phục vụ công tác giám sát đối với hàng hóa chịu sự giám sát hải quan vận chuyển bằng container của TCHQ.

8. Tiếp tục tăng cường cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp, trong đó tập trung triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 cho 08 thủ tục hành chính đã đăng ký với Bộ Tài chính và sẵn sàng cung

cấp dịch vụ công trực tuyến tối thiểu mức độ 3 trong trường hợp có các thủ tục hành chính được bổ sung hoặc sửa đổi.

9. Từng bước nghiên cứu và ứng dụng công nghệ của Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4 trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan như: kết nối Internet vạn vật (IoT), Phân tích thông minh (BI), Chuỗi khối (Blockchain), trí tuệ nhân tạo (AI), Dữ liệu lớn (Big Data), Điện toán đám mây (Cloud)...

10. Thực hiện tích hợp các hệ thống CNTT của ngành Hải quan thành một hệ thống CNTT thống nhất nhằm tạo thuận lợi tối đa cho cán bộ, công chức hải quan trong thực hiện nhiệm vụ, đồng thời nâng cao hiệu quả xử lý các khâu nghiệp vụ hải quan.

11. Tiếp tục thực hiện tốt vai trò đơn vị đầu mối của Cơ quan thường trực trong việc triển khai Cơ chế một cửa quốc gia và Cơ chế một cửa ASEAN và tạo thuận lợi thương mại, trong đó tập trung làm tốt công tác điều phối, theo dõi, đôn đốc cá Bộ, ngành trong việc triển khai cá thủ tục hành chính qua Cơ chế một cửa quốc gia, đồng thời thực hiện tốt các nhiệm vụ do Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) chủ trì và phát triển hệ thống CNTT, hạ tầng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu triển khai Cơ chế một cửa quốc gia và Cơ chế một cửa ASEAN.

VIII. ĐỐI VỚI QUAN HỆ HẢI QUAN- DOANH NGHIỆP

Đơn vị chủ trì thực hiện: ban Cải cách hiện đại hóa Hải quan; các đơn vị nghiệp vụ liên quan

1. Xây dựng đề án Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá hoạt động phát triển quan hệ đối tác, thiết lập cơ sở dữ liệu chung về hoạt động phát triển quan hệ đối tác trên Cổng thông tin điện tử Hải quan.

2. Xây dựng quy chế phối hợp trao đổi và xác minh thông tin, về hàng hóa, giá cả, doanh nghiệp trên cơ sở vận động các Hiệp hội doanh nghiệp sẵn sàng và có khả năng hợp tác với cơ quan hải quan ký kết văn bản thoán thuận/Quy chế phối hợp trao đổi và xác minh thông tin, vận hành cơ chế trao đổi thông tin định kỳ, đột xuất.

3. Phối hợp trao đổi, xác minh thông tin về hàng hóa, giá cả, doanh nghiệp trên cơ sở vận động các Hiệp hội doanh nghiệp sẵn sàng và có khả năng hợp tác với cơ quan hải quan ký kết văn bản thoán thuận/Quy chế phối hợp trao đổi và xác minh thông tin, vận hành cơ chế trao đổi thông tin định kỳ, đột xuất.

KẾT LUẬN

Liên chính hải quan là vấn đề quan trọng luôn được các cơ quan Hải quan của các nước trên thế giới dù ở trình độ phát triển nào đều đặc biệt quan tâm. Duy trì và nâng cao liên chính là một trong những yếu tố quyết định đến hiệu lực và hiệu quả hoạt động hải quan. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, lưu lượng hàng hóa, hành khách xuất nhập cảnh... ngày càng tăng lên, trang thiết bị làm việc, công nghệ áp dụng vào hoạt động hải quan ngày càng hiện đại, song cũng không thể thay thế hoàn toàn con người, mà chỉ hỗ trợ con người

trong công việc. Việc thực hiện liên chính hải quan, trên cơ sở phân tích thực trạng của Hải quan Việt Nam, tìm hiểu kinh nghiệm của tổ chức Hải quan thế giới và Hải quan một số nước khác trong việc thực thi liên chính hải quan, đề án đã đưa ra một số giải pháp và kiến nghị thực hiện, trong đó điều hết sức quan trọng là phải tiến hành đồng bộ các giải pháp, đặc biệt lưu ý các giải pháp có tác động tới nhận thức, hành vi ứng xử của cán bộ công chức hải quan. Bên cạnh đó, cần thấy rõ nâng cao liên chính hải quan là một quá trình liên tục, lâu dài để có kế hoạch tổ chức triển khai và bố trí nguồn lực thực hiện phù hợp trong ngành Hải quan, cũng như phối hợp đồng bộ, tích cực từ các bộ ngành, cơ quan có liên quan và cộng đồng doanh nghiệp./.